

Nguyễn Quang Sáng



MÙA GIÓ CHUÔNG

NHÀ XUẤT BẢN VĂN NGHỆ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

MÙA GIÓ CHUỖNG

Tác giả : Nguyễn Quang Sáng

Rút trong tập “NGUYỄN QUANG SÁNG - Tác phẩm văn học được giải thưởng Hồ Chí Minh”

Nhà xuất bản Văn học 2007

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

[CHƯƠNG 1](#)

[CHƯƠNG 2](#)

[CHƯƠNG 3](#)

[CHƯƠNG 4](#)

[CHƯƠNG 5](#)

[CHƯƠNG 6](#)

[CHƯƠNG 7](#)

[CHƯƠNG 8](#)

[CHƯƠNG 9](#)

[CHƯƠNG 10](#)

[CHƯƠNG 11](#)

[CHƯƠNG 12](#)

[CHƯƠNG 13](#)

[CHƯƠNG 14](#)

[CHƯƠNG 15](#)

[CHƯƠNG 16](#)

[CHƯƠNG 17](#)

[CHƯƠNG 18](#)

[CHƯƠNG 19](#)

[CHƯƠNG 20](#)

[CHƯƠNG 21](#)

[CHƯƠNG 22](#)

[CHƯƠNG 23](#)

[CHƯƠNG 24](#)

[CHƯƠNG 25](#)

[CHƯƠNG 26](#)

[CHƯƠNG 27](#)

[CHƯƠNG 28](#)

[CHƯƠNG 29](#)

[CHƯƠNG 30](#)

[CHƯƠNG 31](#)

[CHƯƠNG 32](#)

[NGUYỄN QUANG SÁNG - MẤY NÉT TIỂU SỬ VÀ TÁC PHẨM](#)

CHƯƠNG 1

Điểm hẹn của tôi với Năm Bò là nhà của một ông bác sĩ, ông Chín Nghè. Vết thương của anh được lành lặn là nhờ sự cứu chữa, chăm sóc của ông. Trước khi trở về chiến trường, anh muốn ghé thăm ông vì nhà của ông Chín cũng thuận đường ra trạm giao liên. Nhà ông Chín nằm trong khu bệnh viện. Nhìn qua ngôi nhà của ông, đủ biết ông là người có nhiều kinh nghiệm sống ở đất rừng. Nhà dựng lên gần mí trắng, gần nắng và nhiều gió. Ngôi trong nhà, ngược mắt nhìn ra, thấy được bầu trời cao và có thể thấy được máy bay - loại nào, từ đâu bay đến. Nhà dựng bên dưới lùm cây tai nghé, một loại cây nhỏ nhiều nhánh lá, lá như cái tai của con nghé, lá tươi xanh đủ bốn mùa, khỏi phải rụng trang vào mùa lá rụng. Nhà lợp bằng lá trung quân, một thứ lá rừng nhỏ bằng bàn tay, lá xếp lại làm đôi, chằm lại từng miếng, một thứ lá vừa đẹp, vừa bền. Nhìn mái nhà lợp bằng lá trung quân, ta thấy đó là một công trình nghệ thuật. Mái lá trung quân nhà ông đã ngả sang màu cánh gián.

Tôi đến nhà ông trước giờ hẹn, lúc trời vừa xế bóng. Rừng im gió. Tôi đến trước vì ông cũng vốn là bạn đường vượt Trường Sơn với tôi. Ông là bác sĩ học ở Pháp, trở về Tổ quốc vào những ngày đầu kháng chiến. Một con người cao lớn, khoẻ mạnh và vui tính. Đầu ông bạc trắng lại cắt ngắn, đẹp và tròn như cái bông gáo. Ông đọc nhiều, hiểu nhiều, là bác sĩ nhưng ham thích văn chương. Trên đường Trường Sơn, ông là “cây văn nghệ” của đường dài. Lúc mới gặp ông, tôi nghe anh em gọi ông là ông bác sĩ “Quì Bông Nông”. Họ là họ Quì, tên thì Nông, chữ lót thì lại lót là Bông. “Quì Bông Nông”. Tên với họ nghe thật lạ tai! Nhưng sau thì tôi được biết, trong câu chuyện của ông, ông thường hay đệm tiếng Pháp. Ông nói, lúc mới về nước, ông không đủ tiếng để nói, phải “ăn nhờ” vào tiếng Pháp. Ông bỏ dần, chỉ còn có ba

tiếng chưa bỏ được là Qui, Bon với Non[1]. “Qui Bông Nong” mãi rồi thành danh. Ông có biệt tài gây tiếng cười. Trên đường Trường Sơn, mỗi một trạm nghỉ chân là mỗi câu chuyện. Đặc biệt là chuyện tiểu lâm, chuyện tiểu lâm của toàn thế giới, tiểu lâm nước nào ông cũng biết. Ông nói, ông đã ghi lại hầu hết chuyện tiểu lâm thời kháng chiến chống Pháp, bây giờ ngoài chuyên môn của ông, ông còn có ý định sẽ ghi lại chuyện tiểu lâm thời đánh Mỹ của dân tộc Việt Nam. Với cái tài kể chuyện của ông, ông quen biết nhiều nhưng người mà ông nhớ thì chẳng được bao nhiêu. Tôi cũng là một thánh giả bình thường của ông như bao nhiêu người khác. Nhưng nhờ có một việc nhỏ mà ông hãy còn nhớ tôi. Hôm ấy, một buổi trưa qua rừng thông, nắng gắt, sau một câu chuyện tiểu lâm, ông nói:

- Tôi đã gần sáu mươi rồi. Nhưng nếu bây giờ có một thằng nhỏ, nhỏ xíu thôi, nó mà cho tôi một miếng đường, nó bắt tôi dạ thì tôi sẽ dạ ngay!

Mọi người lại cười rộ lên, và thương ông. Tôi biết dự trữ đường của anh em trong đoàn đã hết từ lâu rồi. Riêng tôi, tôi chỉ còn được một vài muống, tôi cũng thèm lắm, nhưng cố nhịn, dành để lúc ốm đau. Tôi mở ba lô lấy gói đường ra, định chia phần cho ông phân nửa, nhìn đi nhìn lại, tôi thấy ít quá, đối với ông chẳng thấm tháp gì. Nghĩ mãi, cuối cùng tôi mới nghĩ ra. Tôi chia ra phân nửa, độ hai muống cà phê, pha vào nước. Tôi cầm cái ca nước đường đến vống anh:

- Anh Chín, mời anh uống với tôi một ca nước.

Anh ngồi bật dậy:

- Gì đó ông? Trà?

- Dạ không. Anh uống thì biết.

Anh cầm ca nước, nhắm lấy một miếng, chớp hai con mắt, người như ngẩn ra. Tiếng anh vốn sang sảng, thế mà lúc ấy, giọng anh phào ra như hơi thở:

- Nước đường à?

- Dạ, nước đường, mời anh.
- Bon! - Anh uống thêm một hớp.

Tôi thấy anh uống từ từ, rất chậm, cho từng giọt thấm vào người.

Anh đưa ca lại cho tôi.

- Mời ông.
- Phần này của anh, anh uống đi. Tôi uống rồi.
- Bon.

Sau khi uống cạn ca nước đường ngọt lờ lợ, người ông như tỉnh ra.

- Ông tên gì? - ông Chín hỏi tôi.

Tôi xưng tên.

- Ông làm nghề gì?

Tôi xưng nghề nghiệp.

- Bon - ông chìa tay, bắt tay tôi và siết chặt.

Rồi trận đánh vào Sài Gòn và Tết Mậu Thân năm 1968, từ trong chiến trận trên đường phố Sài Gòn trở về, tôi lại có dịp tạt qua bệnh viện dã chiến của ông, biếu cho ông một chai rượu Champagne Pháp. Ông khui Champagne thật đúng kiểu, gây thành một tiếng nổ như tiếng súng ngắn, và cái nút bắn thẳng lên mái nhà, rơi ngược trở lại bàn.

- Ông là ân nhân của tôi, ông Thắng! Nhưng tôi lại bạc bẽo, không muốn trả ơn cho ông. Tôi muốn trả ơn cho ông có nghĩa là mỗ xẻ cho ông thôi. Thôi, xin trả ơn lại ông bằng một lời suông: chúc ông, ký giả của chiến tranh, được nhiều may mắn!

Rừng im gió và bầu trời đang im tiếng máy bay. Tôi không đi quanh theo đường vòng, tôi đâm thẳng qua trắng, đi thẳng lại nhà ông. ông bác sĩ “Quì Bông Nong” vui tính của tôi đang ngồi ghi chép.

- Chào anh Chín.

Ông quay lại, gỡ kính, nhìn, buông viết, “ồ” lên một tiếng dài:

- Chào ông bạn cho rượu và cho đường của tôi. Tôi có nghe chú

Năm Bờ nói, chú ấy chưa tới, ông vào đây, vào đây. Tôi đang ghi lại mấy câu chuyện, thú vị lắm.

Ông đưa tay chỉ cái võng dài quá cỡ, giăng xiên ngang qua nền nhà trong lúc tôi cởi bông ra khỏi vai.

- Ông ngồi xuống đây, ngồi xuống đây, tôi kể lại cho ông nghe.

Tánh ông vô tâm và sôi nổi như vậy. Gặp nhau, ông bắt vào chuyện ngay, không cần phải mào đầu gì cả. Biết tính ông, tôi không hỏi gì, ngồi vào võng sẵn sàng nghe ông nói. Tôi biết là sau câu chuyện, hoặc giữa chừng, ông mới chợt nhớ là bạn đến chơi đã lâu mà chưa mời nước.

Ông xoay cái ghế quay ra, ngồi dựa vào bàn, nhìn tôi, mở đầu bằng giọng nói sang sảng:

- Tôi xin kể cho ông nghe về chuyện con rùa - một chuyện tiểu lâm mới. Cách đây mấy hôm, có một bệnh nhân ở miền Tây mới lên, kể cho tôi nghe chuyện của một ông già nói dóc, nói dóc nổi tiếng cả miền Tây, ai cũng mê, tên ông là Ba Phi. Chuyện dóc của ông toàn là chuyện về đất nước của ta.

- Chuyện ra sao, ông Chín?

Chưa biết chuyện hay dở ra sao, nhìn qua dáng điệu của ông, tôi cũng thấy hứng thú lắm rồi. Tôi hỏi với giọng chờ đợi ông khum hai bàn tay theo hình của con rùa, đưa ra:

- Chuyện về con rùa U Minh, ông ta cường điệu lên đến như vậy. Ông ta kể, rùa ở U Minh - xứ của ông ta, mỗi lần ông ta đi bắt rùa, ông ta đi bằng ghe, ghe trần không có mui. Ông ta kể, chiều hôm đó, ông ta đậu ghe dưới bến, rồi ông bắc cái đòn dài lên bờ. Thế là rùa từ trong rừng lộp ngộp kéo ra, chen chân, chen mu mà chạy xuống ghe của ông. Con này đứng trên mu con kia, xếp lớp đến đầy ghe. Ghe đã khẳm rồi mà rùa cứ chen nhau ào xuống. Sợ ghe chìm, ông phải rút đòn dài, chống ghe lui đi. Ông cho ra tới sông lớn thì trời tối, lại ngược nước, ngược gió, chèo không lên. Cái đám rùa ở ghe thấy vậy nó mới thay nhau thò tay thò chân ra bơi tiếp ông. Mỗi một

cái tay chân của nó quạt mạnh như thể một mái chèo. Lúc đó phía bên kia sông có một chiếc ghe chở lúa đi ngược chiều, thấy sóng to và thấy bên kia có một cái gì lù lù đang chạy, họ tưởng là tàu. Chủ ghe bên kia mới kêu lên: “Tàu làm ơn bớt máy, ghe lúa của tôi sắp chìm rồi!”. Ông bảo đàn rùa ngừng lại, nhưng nó không chịu nghe, nó càng quạt mạnh, sóng nổi to hơn, sóng đập lên cái ghe lúa bên kia, chìm luôn. Đấy! Chuyện dóc về con rùa của ông ta là như vậy, ông nghe có tài không?

Ông hỏi tôi mà không cần tôi trả lời, ông ngậy người dựa lưng vào bàn, cười với giọng cười sung sướng hả hê. Ông cười, bụng và từng thớ thịt cũng rung lên, cười theo.

- Một chuyện nữa. Chuyện nếp ở xứ U Minh. Ông già Ba Phi nói, nếp của ông ta là nếp dẻo nhất - ông ta chứng minh cái dẻo của nếp U Minh bằng một câu chuyện - ông nói hôm đó, nhà ông nấu một nồi cơm nếp. Ông lấy đũa bấp xới nếp. Nếp dẻo quá, ông nạy mãi không lên. Ông mới bảo vợ ông giữ cái nồi, còn ông thì dùng hai tay đặt lên chiếc đũa bấp xeo lên. Khi ông bật lên được thì có miếng nếp văng lên, dính vào xà nhà. Con chó ông - cũng là một con chó lạ đời, đứng dưới, thấy vậy, nó mới phóng lên, tấp lấy miếng nếp. Nhưng miếng nếp dẻo quá, làm cho con chó dính luôn. Nó muốn xuống mà không sao xuống được, nó cứ treo trên xà nhà, kêu ăng ăng. Ông nói, thấy vậy, ông mới múc một thùng nước, ông trèo lên mái nhà, đổ xuống. Ông phải đổ ba thùng nước, nếp nhà ông mới rã ra cho con chó rơi xuống.

Nghe chuyện và nhìn qua điệu bộ của ông, lần này tôi bật cười to hơn ông.

- Còn chuyện nào nữa không, anh Chín? - Tôi hỏi, muốn nghe thêm.

- Đồng chí bệnh nhân của tôi mới kể có hai chuyện thì đồng chí bị sốt, đồng chí nói là còn hàng trăm câu chuyện vậy.

- Lần này thì anh gặp được một kho chuyện rồi.

- Nếu mà về miền Tây, chết sống gì tôi cũng đến tìm ng lão ấy.

Nói xong, ông xoay người trở vào bàn:

- Xin lỗi... Xin lỗi...

Qua hai câu chuyện rồi, ông mới nhớ là chưa mời tôi uống nước.
Ông cầm phích, pha trà rồi quay lại hỏi:

- Ông cùng về chiến trường với chú Năm Bờ?

- Dạ. - Nghe ông hỏi, tôi biết ông đang muốn bắt sang một chuyện khác.

- Ông với chú Năm Bờ quen nhau nhiều chưa?

- Dạ. Tôi mới quen ảnh hôm ảnh đến cơ quan báo cáo thực tế. Sau khi biết ảnh sắp trở lại chiến trường, tôi mới xin cơ quan cùng đi với ảnh một chuyến.

- Bon. Nên đi với người lặn lội như vậy. Mới nghe tên cũng đủ biết. Bờ, Năm Bờ! Đúng là tên dã chiến. - ông cầm chén nước vừa đưa cho tôi, vừa hỏi:

- Trong cuộc chiến tranh này, ông là người đi đây đi đó nhiều. Tôi hỏi ông, có bao giờ ông thử phân tích và tìm hiểu đường đi của một viên đạn chưa?

Ông hỏi nhưng không chờ câu trả lời, hỏi để mở đầu cho câu chuyện của ông, tôi biết nên không đáp, mà nhìn ông với thái độ sẵn sàng nghe.

- Tôi là bác sĩ giải phẫu. Tôi đã giải phẫu hàng trăm chiến thương, đã lấy ra hàng trăm viên đạn trong thân thể của con người, nhưng tôi không thể nào phân tích và hiểu nổi con đường đi của nó, như viên đạn trong vết thương của người sẽ là bạn đường của ông chẳng hạn. - ông cong một ngón tay đưa ra để diễn tả con đường đi của viên đạn mà ông muốn nói, từ giọng mũi cao, ông chuyển qua giọng ồ ề, vừa trầm vừa đục. - Một viên đạn kỳ lạ nó không đi theo con đường thẳng mà đi theo một con đường cong. Viên đạn

trong vết thương của chú Năm Bờ đi như vậy đó. Viên đạn của một thằng Mỹ nào đó bắn ngay con mắt trái của chú ấy, rồi không đi nữa, mà dừng lại, nằm trong hốc mắt. Vết thương khiến bệnh nhân đau đớn mê man. Hội đồng bác sĩ chúng tôi hội chẩn và đi đến một kết luận: phải lấy viên đạn ấy ra, nhưng hoàn cảnh của chúng ta chưa làm được. Việc trước mắt là phải chữa vết thương cho bệnh nhân mau lành lặn, còn viên đạn thì phải để cho nó nằm yên.

Sức của bệnh nhân được hồi phục, hội đồng bác sĩ chúng tôi đề nghị với cấp trên, phân công cho chú ấy làm việc nhẹ, không được làm động đến vết thương. Thế là chú được chuyển về cơ quan nghiên cứu. Độ nửa năm sau, chú ghé thăm tôi, cũng nhà này, cũng ngồi trên chiếc võng này. Chú bảo với tôi là chú sẽ đến nha y để khám răng. Hàm răng trên của chú có cái gì cộm cộm như một cái răng khôn đang xé thịt, nhô ra. Về răng thì phải đến nha y. Nhưng tôi, tôi là bác sĩ của chú ấy, tôi cảm thấy. Tôi bảo chú vào phòng mổ. Tôi tiêm gần đó một mũi thuốc tê, và lấy con dao nhỏ, rạch ra. Tôi nhìn thấy nó. - ông mở tròn mắt, nhìn vào một điểm như đang nhìn lại nó, cùng với điệu bộ nhanh nhẹn của một bác sĩ giải phẫu, ông đưa hai ngón tay kẹp vào lại như đang cầm cây kềm. - Tôi gắp nó ra. Lần đầu tiên bàn tay giải phẫu của tôi hơi run. Tôi sung sướng đến nỗi phải kêu lên: “Này, chú Năm Bờ, ngồi dậy, xòe tay ra”. Tôi để cái đầu của viên đạn vào bàn tay xòe của chú. Tôi nói: - “Sức sống của tế bào trong con người của chú thật là kỳ diệu. Tế bào của chú đã bắt nó phải tháo lui theo con đường cong. Chú thấy chưa?” - Bằng một con mắt còn lại, chú ấy nhìn viên đạn trong lòng tay của mình như nhìn một vật kỳ lạ, - một đầu đạn carbin nhỏ bằng đầu ngón tay út màu đồng. Tôi cũng cúi nhìn đầu viên đạn ấy, thấy người mình nhẹ đi như chính nó đã rời ra khỏi thân thể mình. “Giữ lấy làm kỷ niệm”. Tôi bảo chú. Tôi vỗ vai chú: “Bắt đầu từ hôm nay, chú về chiến trường được rồi. Bon! Nhưng khoan, chú hãy đợi tôi, tôi sẽ tìm cho chú một con mắt cùng màu với con mắt của chú”... Tôi lại cúi nhìn cái đầu viên đạn trong lòng bàn tay của chú, và

nghĩ đến một điều khác.

Ông dừng lại, gỡ kính, nhìn ra trắng trống:

- Ông có biết tôi nghĩ đến điều gì không? Tôi nghĩ nó nằm đó, nhưng đường đi của nó chưa phải hẳn. Nó còn đi, đi xa nữa. Sao tôi lại nghĩ như vậy? Trong những ngày chú ấy nằm trong bệnh viện, tôi thường chuyển cho chú ấy những lá thư của chiến trường gửi tới. Thư gửi một cách trang trọng. Ngoài phong bì được bọc bằng giấy nhựa trắng, được dán kín bằng cách hơ lửa cho nhựa chảy ra dính liền nhau, đường hàn trông đẹp như một đường dây đăng ten. Ngoài phong bì, không đề tên người gửi, nhưng nhìn tuồng chữ, tôi đoán biết đó là chữ viết của một bàn tay mềm mại. Có một điều lạ là tôi không thấy chú ấy viết trả lời. Là một người già, lại là người luôn tiếp xúc với chiến thương, tôi đoán hiểu được tâm trạng của chú. Thế rồi một hôm, tôi thấy thư của chú gửi đi. Hôm đó, nhằm ngày tôi phải duyệt thư. Xem thư một người khác là điều bất nhĩ. Nhưng đó là nguyên tắc của thời chiến. Thư của chú không phải gửi cho một cô gái mà gửi cho một người bạn trai ở chiến trường. Thư bảo là chú đang yêu một cô y tá. Đọc đến đó, nếu là một người khác, thì người ta sẽ tìm hiểu xem chú đang yêu ai, cô nào trong bệnh viện của mình. Nhưng tôi thì tôi biết. Nghĩ là mình đã bị mất một con mắt, chú muốn từ chối một tình yêu. Đọc thư của chiến thương từ bệnh viện gửi về cho người yêu, tôi thường gặp những tâm trạng như vậy.

Viên đạn ấy, nó phá vỡ một con mắt của chú, nhưng nó không đủ sức phá vỡ bộ óc của chú, nó không giết nổi chú, vì bây giờ nó đang nằm trên lòng bàn tay của chú. Nhưng đường đi của nó chưa hẳn, nó đang làm náo động tình yêu của chú. Tôi nghĩ đến điều đó ông bạn thân mến ạ! Cho nên, nhân chuyến đi này, tôi muốn ông theo dõi tiếp con đường đi của nó, xem nó có phá vỡ nổi hạnh phúc của chú ấy không? Chú theo dõi đường đi của nó cho tôi, viết thư về báo cho tôi với.

Nói đến đó, ông dừng lại. Có lẽ điều ông vừa nói khiến cho ông

nghĩ ngợi, ông ngả lưng dựa vào bàn, với vẻ buồn và mơ màng ít có trên gương mặt của ông, ông nhìn ra xa.

Rừng im tiếng gió nhưng rừng vẫn xôn xao. Trời yên lặng đến khác thường. Không thấy có một chiếc máy bay nào bay qua hoặc một tiếng máy bay nào từ xa vắng tới. Nhìn theo tầm mắt của ông, một đám mây trắng đang chuyển hình trôi qua.

Một đàn chim từ bên kia trắng vụt bay lên, sà xuống cây gùi sau nhà, có lẽ nó đang tìm thấy một trái gùi chín, cả bầy cùng rộ lên, hót líu lo.

Bác sĩ Chín đưa tay lên che mắt rồi bật đứng dậy:

- Ai như chú ấy đang tới kìa!

Ngoài trắng trổng, có một người dáng cao cao, lưng mang bông, vai khoác cây AK vắt ngang vai chiếc ruột tượng hạo, tay cầm một nhành lá nguyệt trang che đầu. Đúng là Năm Bờ, anh đang đi tắt qua trắng, đi về phía chúng tôi.

CHƯƠNG 2

Cơm nước xong xuôi, nhưng chưa có thể vượt qua cách đồng lúc trời chưa tối, cứ loay hoay trong cụm rừng, chẳng biết làm gì, tôi rủ:

- Ra mí rừng ngồi hứng gió chơi cho mát, anh Năm.

- Ra ngoài bây giờ cho trực thăng nó rĩa à?

Năm Bờ vừa đáp vừa nhìn nhìn, ngó ngó để tìm cây mắc võng.

- Lại chỗ này mắc võng nằm nghỉ một chút để lấy sức mà lội, mai tôi cho ông tha hồ nhìn.

Cánh rừng mà chúng tôi lặn lội mấy ngày nay đến đây như đã đuổi rồi, cây cối không còn đủ sức xum xuê um tùm nữa, càng về gần đồng bằng, rừng càng thấp, càng thưa, lại bị đánh đến xác xơ, đầy nắng, và hãy còn khét mùi bom đạn, tìm một một bóng đủ cho một cái võng không phải dễ. Anh đã khéo chọn không chỉ cho anh, mà cho cả tôi, một cái bóng vừa đủ cho hai cái võng, dưới bóng mát lại có một cái hầm chống đạn trực thăng, chắc của một đoàn nào mới đi qua, hãy còn một đồng tro bếp đã chiến vừa mới tắt lửa.

Hai cái võng mắc theo hình tam giác giữa ba thân cây. Mỗi người một võng, nằm ngược chiều nhau, để lúc chuyện trò, không phải xoay trở gì, vẫn cứ thấy mặt

nhau. Năm ngày đi đường, nhìn anh tôi đã quen mắt, không như những lần đầu, mới nhìn anh, tôi cứ áy náy. Anh bị thương ở con mắt phía bên trái, đã được lấp bằng một con mắt giả. Nhìn con mắt ấy của anh, trong con mắt tôi có gì cộm cộm không yên. Anh mới ba mươi sáu cùng một tuổi với tôi, tóc vẫn xanh, nhưng trông anh cần cỗi quá, da lại xám xịt vì vết thương và sốt rét rừng. Bây giờ nhìn anh tôi đã quen, có lúc chợt thấy anh có vẻ đẹp trai nữa.

Anh nằm, mắt lim dim. Gió trên cánh đồng thổi lao xao qua rừng. -

Tôi cố ý không gọi chuyện, chực chờ anh thiệp đi là tôi sẽ lên chạy ra mí rừng, dòm cánh đồng một cái cho sướng mắt.

Tôi xa cánh đồng, cánh đồng mà tôi vừa nghe ngọn gió và chưa nhìn thấy nó đã hai mươi năm, từ năm 1950, khi tôi theo bộ đội xuống tận rừng U Minh. Không còn mấy trăm thước nữa là tôi lại được nhìn thấy nó, thế mà bây giờ tôi cứ phải nằm đây, nằm trên vũng dưới cái bóng nhỏ của cây rừng.

Ngọn gió trên cánh đồng khuấy lên trong tôi biết bao kỷ niệm, nhớ nhung.

Tôi đang thả mình theo ý nghĩ thì chợt có tiếng bay của một bầy trực thăng. Nó đang quần đảo ở đâu ngoài kia. Nghe xa xa vậy, nhưng ào một cái là nó sà qua mặt mình, không kịp tránh. Tôi đã từng đựng nó ở một làng ven ô Sài Gòn hồi mùa xuân năm 1968.

Tôi nhòm người, nhìn lại cái nắp hầm, nhìn lên tàn cây xem có kín không.

- Ngủ hay thức đó, anh Năm?
- Thức chớ ngủ sao được, không nghe tiếng trực thăng sao ông?
- Nghe chớ!
- Phải theo dõi nó! - Anh vẫn nằm im trên vũng.

Bầy trực thăng như muốn dọa chúng tôi, nó rộ lên rầm rầm, y như có hàng chục chiếc tàu thủy đang chạy tới, rồi lại dang ra xa, lại ào tới gần hơn, rồi lại dang ra xa, xa xa dần...

Vậy là tôi yên tâm nằm lại trên vũng rồi, không còn muốn chạy ra mí rừng để xem cánh đồng nữa, và tôi bắt đầu gọi chuyện.

- Nè anh Năm, so thằng Mỹ với thằng ngụy, đánh hai thằng, thằng nào khó hơn, anh Năm?

- Lâu lâu ông mới hỏi một lần, mà lần nào cũng hóc búa. Trên chưa tổng kết, tôi làm sao dám trả lời. Ông là người đi đây đi đó nhiều, ông

hiều hơn tôi chớ.

- Tôi đi nhiều nhưng mới cưới ngựa xem hoa thôi. Tôi không cắm sâu một chỗ như anh.

- Thì bây giờ, ông cắm cho sâu đi.

- Nhưng trước khi cắm, tôi muốn biết ý kiến của anh.

- Tôi nhắc lại.

Năm Bờ chống hai tay lên mép võng, cắt nửa thân người hướng về tôi:

- Chính vì cái câu hỏi đó mà lần này tôi mới xin về chiến trường. Mới xa chiến trường chưa được hai năm mà tôi thấy mình lạc hậu quá. Năm bệnh viện mất đứt một năm. Hơn nửa năm ngồi ở rừng làm cán bộ nghiên cứu. Tôi thấy tôi không đủ trình độ để hiểu chiến trường qua báo cáo. Với lại, chiến trường mới là đất dụng võ của tôi. Đi, đi phải đi thôi, từ cơ quan trong căn cứ tới chiến trường, cách nhau chẳng bao xa, ù một cái là tới mà hai cuộc sống thật khác nhau.

Tưởng anh nói thêm, không ngờ anh lại nằm xuống võng, thò chân chấm đất, đập liên mấy cái, võng lắc mạnh làm như anh nực lăm. Cây rung rinh, lá và sâu rơi xuống mình, xuống mặt mũi tôi. Anh không trả lời ngay câu hỏi của tôi. Rồi nghĩ gì, anh lại chống hai tay lên mép võng, lần này, không ở cái thế nửa ngồi nửa nằm như lúc nãy, anh ngồi hẳn dậy, thông cả hai chân xuống đất, nhìn tôi với một con mắt còn lại, sáng long lanh:

- Câu hỏi của ông cũng là câu hỏi của tôi. Chiến trường sẽ trả lời. Bây giờ, tôi muốn kể cho ông nghe một thằng sĩ quan ngự cấp đại úy, tên Nguyễn Văn Long, hiện là thằng chỉ huy khu bình định. Tôi với ông rồi sẽ gặp nó, không lâu đâu, nay mai thôi! Đúng là trái đất tròn, tôi với nó lại gặp nhau! Hai đứa là người cùng làng. Hồi nhỏ, còn học lớp bét “quánh” lộn nhau luôn. Học hết trường làng, nó lên Sài Gòn. Mãi đến đầu năm năm mươi tư gần ngày hòa bình, nó trở về, xin làm công tác thanh niên xã, lúc đó tôi làm

thanh niên huyện. Hai đứa thỉnh thoảng lại gặp nhau, nhắc lại chuyện cũ, hai đứa vỗ vai nhau mà cười. Nó yêu một cô cán bộ phụ nữ xã, cũng chẳng ai xa, là người cùng xóm. Năm ấy, bắt đầu có phong trào chinh huấn. Vì nó là con địa chủ, cô kia mới “phăng teo”. Rồi đến ngày tập kết, cô gái xuống tàu ra Bắc. Nghe đâu bây giờ cô là kỹ sư. Còn nó, nó trở về Sài Gòn, vào lính dù, lính con cưng của thằng Diệm, đóng lon trung úy.

- Nếu tình duyên của nó mà thành, chắc là nó không đi theo giặc?

- Chuyện không xảy ra, không nói được. Có bao nhiêu người như nó, người ta có theo giặc đâu - Anh kể tiếp - Một hôm nó mặc nguyên bộ đồ lính dù trở về làng. Nghe nó về, một số tề cũ tới thăm nó, xúi nó đòi đất. Ngay lập tức, chiều hôm đó, nó cho mời tất cả những gia đình đang sanh sống trên đất đai của nó. Bà con đứng dưới sân, còn nó, nó cũng thưa ông thưa bà, thưa bà con cô bác vậy. Nó lên giọng diễn thuyết:

“... Hồi thời nô lệ đánh Tây, ba tôi là ủy viên Liên Việt quận. Ba tôi có hiến điền cho Việt Minh chia cho bà con. Ba tôi chết rồi. Tôi là con, tôi không dám làm sai ý của ba tôi. Ba tôi đã hiến thì tôi hiến. Từ nay về sau, nếu có người nào muốn thừa nước đục thả câu, ho he đòi đất, bà con cô bác cứ viết thư báo cho tôi, tôi sẽ trừ tiệt, không tha. Xin bà con hãy nhớ cho tôi, tôi là chiến sĩ quốc gia, chứ không phải là thằng Việt gian bán nước”. Nói xong, nó đưa một tay lên ngực, mọp đầu chào.

- Nó nói thiệt hay có âm mưu gì, anh Năm?

- Thiệt, nó nói thiệt.

- Thằng địa chủ lạ quá ha!

- Có thằng nào giống thằng nào đâu. Cũng không có gì lạ. Nó tưởng là nó có lý tưởng, nó đang hăng máu. Rồi từ đó, nó đi biệt tăm biệt tích. Cho nên bây giờ, trong làng, không phải ai cũng thù oán nó.

- Độc!

- Không độc sao được, nếu nó không độc thì mình dần tới luôn rồi,

còn đâu như bây giờ. Thằng Mỹ rút quân ra khỏi đồng bằng sông Cửu Long, thì nó trở về với cấp đại úy và một đoàn binh định.

- Lần này thì nó gặp đối thủ của nó rồi.

Năm Bờ đỏ mặt, anh cười:

- Nhất định là tôi không chịu thua nó, nhưng lần này, tôi biết, tôi chưa thể làm nên cơm cháo gì nhiều. Thời buổi này là thời buổi của đàn bà con gái đó, ông! Sao ông cười?

Tôi cười vì nhận xét của anh nghe lạ tai.

- Tôi muốn hiểu rõ hơn. - Tôi nói.

- Đàn bà con gái như sao ở trên trời. Qua bao nhiêu trào rồi, tôi nghiệm thấy như vậy. Ban ngày ban mặt, sao hôm sao mai gì cũng lặn hết. Nhưng trời càng tối thì sao lại càng sáng. Cách mạng thoát trào, vai trò phụ nữ lại nổi bật. Như hồi thằng Diệm, thời kỳ “điều lắng” ấy, mỗi người đi một nơi, lúc đó ai là người đi nổi lại cơ sở? Chính là các bà má, các chị, với các em. Ai là người nuôi giấu cán bộ? Như cái làng Mỹ Hương mà mình sắp về, lúc đó mấy má, mấy chị đêm nào cũng tụ tập lại một chỗ vắng, đổ nước vô lỗ mũi nhau, để tập. Ai chịu đựng giỏi mới được rước cán bộ về nuôi. Nhưng cũng lạ, có một má gọi là má Mười, lúc tập, nước đổ vô mũi chưa được nửa tìn thì la oai oái, hai tay cứ quơ lên, gạt cái tìn nước ra ngoài, rồi sặc sụa, mặt mày tái mét, mũi dãi chảy lòng thòng. Má bị rớt trong cuộc thi đó. Vậy mà khi vào tù, bị tra tấn, bị đổ bao nhiêu nước, má cũng không khai. Sau đó, má là người được cử đi đón tôi về nuôi. Gặp tôi má hỏi: “Lâu nay con ăn ngủ ở đâu?”. “Ngoài bờ ngoài bụi chớ đâu má!”. Má nuôi giấu tôi trong nhà được hơn tháng. Biết bọn giặc chú ý, nghi ngờ, tới lui rập rình, tôi chuyển. Đưa tôi đi, má hỏi: “Bây giờ con đi đâu?”. “Con ra ngoài bờ”. - Tôi đáp. “Bờ” - Má lặp lại, rồi má khóc. Sau này má cứ gọi tôi là thằng Bờ. Má hy sinh rồi. Tôi lấy tên đó làm kỷ niệm.

Anh lại ngồi dậy, nhìn tôi:

- Cho nên, đôi thủ của thằng Nguyễn Văn Long bây giờ, không ai khác là một cô gái hai mươi sáu tuổi. Cô bí thư xã...

- Tên gì anh?

- Sáu Linh.

- Sáu Linh à?

Tôi chưa kịp hỏi thì anh đã kể tiếp:

... Đêm mùa gió chướng năm sáu mươi bảy, anh gặp Sáu trong trạm giao liên, một cái chòi trên đồng lúa. Sáu cùng với mấy cô du kích đến trạm để đón anh về làng. Anh được tỉnh phái về để xây dựng vành đai. Là người cùng làng, nhưng hai người mới biết mặt nhau. Đến giờ lên đường, anh giao liên người to khỏe, quàng cây bá đở lên vai nói với anh:

- Đêm nay anh Năm chịu khó đi đường vòng, đường lầy lội khó đi, nhưng an toàn.

- Sao lại đi vòng, cứ đi theo con đường thẳng như mọi lần, cho nó gần. - Sáu cãi lại.

- Tôi phụ trách đường dây, tôi biết - Anh giao liên nói. - Đường bị lộ rồi. Ngày nào trực thẳng nó cũng rà theo mặt đường. Hồi sáng này, nó cũng vừa mới đổ quân.

- Chiều nay, trực thẳng nó hốt quân lên rồi. - Một cô du kích cùng đi với Sáu cãi lại anh giao liên.

- Tôi ngồi trong trạm, tôi thấy, tôi có đuôi đâu. Nó nghi binh đó thôi. Nó làm bộ hốt, nhưng nó còn để lại một cánh ngấm, phục mình, bao nhiêu người chết là vì sợ khó.

Sáu nói :

- Tôi cũng biết là nó nghi binh nhưng tôi đoán là cánh ngấm của nó sẽ lẫn đi chỗ khác. Cứ đạp lên dấu chân của nó mà đi.

Anh giao liên nổi quạu:

- Tôi phụ trách trạm, tôi có nhiệm vụ bảo đảm an toàn cho khách.

- Ai lại không biết như vậy. Chị em tôi có sợ khổ, sợ khó đâu. - Sáu nói nhỏ nhẹ hơn - Chị em đi đón cán bộ, chị em tôi cũng phải đảm bảo an toàn cho cán bộ chứ.

Hai bên không thống nhất trong việc nhận định tình hình địch, cuối cùng phải chờ đến ý kiến quyết định của anh. Anh hỏi Sáu:

- Em nghĩ thế nào mà nhận định là Mỹ nó không phục theo đường đây?

- Thằng Mỹ nó xảo quyết lắm. Nó biết mình đoán là nó phục ở đó, mọi lần nó hay làm như vậy, nằm chờ đến khuya, đến sáng mà chẳng phục được ai. Em đoán là trước sau gì nó cũng thay đổi. Nó nghi binh là để nghi binh thôi.

Trong sự nhận định của Sáu, anh thấy có cái mới và sinh động, anh ngẫm nghĩ một lúc rồi quyết định đi theo con đường của Sáu. Anh giao liên nể anh và nể cả cô dũng sĩ, đành phải nghe theo, nhưng không yên tâm:

- Thôi được, tôi theo đa số, tôi cũng liều thử một chuyến xem.

- Nếu anh còn ngại, anh để chị em tôi đi trước, anh đi sau vậy. - Cô du kích nhỏ tuổi nhất, tên Bé Ba, nói.

- Cô này nói như vậy mà nghe được - Anh giao liên nổi tự ái - Thà tôi không đi, đã đi thì tôi phải làm nhiệm vụ giao liên của tôi chứ. Tôi chỉ xin anh Năm với mấy cô một điều là, nếu đụng phải ổ phục kích của nó, người nào còn sống sót thì nhớ cho là tôi, tôi không muốn đi con đường này. Vậy là đủ, thôi, bồng lên vai!

Đạn lên nòng, đánh rộp một cái, súng lăm lăm trong tay, kẻ thù như đầu đó trong đám đề, đám sậy, trong rừng lác chùng quanh anh, anh xăm xăm bước tới.

Đường dây xuyên qua cánh đồng hoang um tùm cỏ lác, mòn nhẵn, rộng gần cả thước, thênh thang dưới đêm sao. Con đường như vậy làm gì không lộ. Anh giao liên đi trước, đến hai cô du kích, đến anh, người sau cùng

là Sáu với cây carbin bá xếp của Mỹ. Họ đi cách khoảng thật xa, đề phòng bắt trắc, ngậm tẩm mà đi. Quá nửa đêm, đã nhìn thấy rặng cây làng. Đã sắp đến nơi an toàn. Vừa lúc đó, bọn biệt kích Mỹ nằm phục theo con đường lầy, chắc không chịu nổi muối của Đồng Tháp Mười, nó bắn báo hiệu, gọi trực thăng rồi nổ súng loạn xạ một lúc. Không bắn được ai, nó muốn bắn vỡ bầu trời trong đêm tối. Một bầy trực thăng từ căn cứ Bình Đức cất cánh, chớp đèn đít lạch xạch bay về hướng đó.

Thấy vậy, Bé Ba, cô du kích nhỏ tuổi, mới gọi anh giao liên:

- Nè, đồng chí, đồng chí phục chị Sáu tôi chưa hả?

- Tôi phục lâu rồi chớ mới phục đây đâu. Cái cô dũng sĩ đó nói đâu có đó, linh thiêng, hèn chi cha mẹ đặt cho cái tên Linh, không uổng!

- Linh tôi là cá linh, chớ có phải linh thiêng, linh cảm hay linh tính gì đâu anh!

Trong cái đà vui được an toàn đó, Sáu kể với anh về lai lịch tên cô. Bà nội cô đã qua đời rồi, lúc còn sống, nhứt là những đêm hè, trải đệm ra sân, nội thường hay kể. Hồi đó tía má cô không có đất, sống bằng nghề cày thuê cấy mướn, đến mùa nước thì sống bằng nghề cá. Năm nào cũng vậy, đến con nước rong rằm tháng bảy, đồng lai láng, tía má Sáu cùng với bà con nghèo trong xóm chèo ghe về miệt Tân Thành, Cả Cái đóng đáy, đón cá linh về. Năm ấy, má Sáu đang có mang, nội Sáu kể, chưa có năm nào cá linh về nhiều đến như vậy. Cá đặc ngừ dưới mặt nước, cá chạy vào đáy, thấy sền sệt như bánh canh. Mắt cá cứ ngời ngời như có ai rắc kiếng vụn xuống, nước rồi chao lên chao xuống vậy. Nội Sáu kể, nội Sáu có nghe người ta nói, nếu ngược theo dòng nước, đến gần Biển Hồ, cá linh mà đổ về thì đứng trên bờ hay đi xuống, đều nghe cả tiếng cá kêu “ao ao” như tiếng gió thổi qua dây đồng căng ngang trời qua hai cột dây thép. Cho đến năm đó, nội của Sáu mới nghe được tiếng cá, lúc mới nghe, mọi người ai cũng tưởng là tiếng u u rền rền của một chuông chùa nào đó vang tới. Má Sáu đã sắp đến giờ sanh nở rồi, thấy

mắt cá ngời ngời dưới mặt nước, ham quá, quên cả cơn đau. Nội kể tiếp: “Đến lúc con nhỏ chần ngằn chui ra mới biết, không kịp rước mụ nữa. Đẻ ngay trên xuồng, con thì khóc mà xung quanh thì cá cứ nhảy lách chách. Bà con thấy vậy mới đặt cho đứa nhỏ ấy tên là Linh”.

- Em tên Linh là vậy đó anh!

Rồi, vui chuyện, Sáu kể lại với anh, trong gia đình chỉ có Sáu là con gái. Bốn anh trai với thằng em út đều đi bộ đội. Mẹ mất. Sáu ở với tía. Sau mỗi mùa xoài, Sáu cắt ca các củm từng đồng, dành dụm, rồi mua một cái ra-đi-ô Nhựt ba băng gởi cho thằng em chiến đấu ở miền Đông. Mùa xoài năm sau, Sáu lại mua một cái đồng hồ “Sâykô” có cả ngày, cả thứ gởi cho người anh. Mỗi năm là mỗi món quà gởi cho các anh đi bộ đội, tùy theo ý thích của mỗi người. Bấy nhiêu việc ấy cũng nặng nề lắm rồi. Tía của Sáu đã hơn sáu mươi, nhưng vẫn cầm bá đờ làm du kích.

Năm Mỹ đổ quân, nó đổ xuống đồng bằng ồ ạt lắm. Trục thăng bay như chuồn chuồn, cánh nó quạt lật cả cành cây, lật tóc cả mái nhà, không lúc nào dứt tiếng súng. Bắn nó không phải khó, nhưng bắn cháy một chiếc, thì nó bu lại như ruồi, nó bắn tan nát cả một vùng, tạm thời phải nhin nó. Một hôm vào buổi chiều, một bày chín chiếc, nó quần đảo trên đầu xóm của Sáu. Sáu núp dưới hầm. Tía của Sáu, lão du kích cầm cây bá đờ đứng dưới gốc xoài, dõi theo. Trong tiếng bay rầm rộ của nó, Sáu nghe tía gọi:

- Sáu! Sáu!

Sáu ngược cổ nhìn lên miệng hầm.

- Con chạy qua núp bên hầm thím Tư đi!

- Sao vậy tía? Nó thấy hả?

- Mau đi!

Sáu bước lên hầm, nhìn tía, thấy ông già đã mở tròng mắt hướng theo một chiếc trục thăng, mặt và tay ông ướt đầm mồ hôi, ông rít trong hai hàm răng nghiền lại:

- Cha mẹ mày! Khốn nạn!

- Cái gì vậy tía?

- Thằng Mỹ, thằng Mỹ nó đang đứng bên cửa trực thăng, nó vạch quần đái xuống kia kìa! Chạy, chạy mau lên đi.

Sáu phóng qua con mương vườn, vừa chạy đến miệng hầm nhà thím Tư thì nghe ba tiếng nổ của cây bá đờ, tiếng máy rú dài rồi phùng lên một đám cháy, một đám cháy đang lồng lộn trên không. Rồi tiếng trực thăng lại dồn tới, hỏa tiễn nổ nghe nứt cả mặt đất.

Tía của Sáu đã bắn cháy chiếc trực thăng của thằng Mỹ khốn nạn và mất dạy đó. Cái hầm dưới gốc xoài của Sáu bị đạn hỏa tiễn bới tung lên. Lá của cây xoài héo quắt lại, ông lão du kích nằm bên miệng hầm, một tay đã nắm đen vẫn còn nắm chặt lấy súng.

Đám tang của ông lão đi trên dòng sông trong đêm mưa dầm thán sáu. Chiếc quan tài được đặt trên chiếc ghe bốn chèo, chiếc ghe với hai con mắt màu đỏ, chiếc ghe đưa lão về một cái gò cao, nơi yên nghỉ cuối cùng của dân làng trong ngày đầu mùa nước nổi. Đêm đen, mưa rất mật. Sấm chớp. Gió gào, sóng vỗ. Từng xuống, từng xuống nối theo nhau hàng trăm chiếc dãi dọc theo con sông. Dân làng dân xóm nghiêng rặng, cổ nhẹ mái dầm, lặng lẽ tiễn ông đi.

Nhà không còn ai nữa, Sáu đến xã đội với bộ bà ba đen, miếng vải tang trắng, xin nhận công tác. Sáu đi thẳng đến Bình Đức. Bọn Mỹ đang xây chốt. Trên vai, chiếc đòn gánh với hai cái ki, Sáu trà trộn trong đám dân đi gánh cát mướn. Cát từ trên cái xáng Mỹ hút dưới lòng sông thổi lên, ngập mất cả cỏ cây. Sáu gánh cát và sống ngay tại đó, kề bên chốt Mỹ. Một buổi sáng, Sáu đặt một trái mìn định hướng bên vệ đường, dưới một lớp cát còn ẩm nước sông Cửu Long. Một đội tuần tra Mỹ vừa trở tới. Sáu giật điện. Mìn nổ, khói, cát phụt lên một đường dài. Đội tuần tra Mỹ hai mươi bốn thằng không sót được một tên. Từ cái miệng hầm, trận địa của Sáu, Sáu ôm một

đứa nhỏ chưa đầy một tuổi, băng qua vườn, bước vào nhà. Một đám Mỹ ập đến, trên đầu có trục thẳng quần đảo, nó vây chặt cái nhà của Sáu. Sáu vẫn ngồi đó, trên mép phản, tay ôm đứa con nhỏ. Một đám Mỹ bước vào với một viên thông ngôn đeo kiếng cận. Sáu đáp lại lời hỏi của viên thông ngôn:

- Nhà tôi ở đây. Ba nó đi gánh cát cho mấy ông. Tôi cũng đi gánh cát, nhưng sáng nay con tôi đau. Vi Ci hả? Vi Ci đánh mình đó hả? Tôi không biết.

Sáu lại dỗ con.

- Tôi chỉ nhưng mấy ông phải giữ kín cho tôi. Hồi khuya tôi thấy họ về hai người. Họ đào hầm ở ngoài sau vườn kia. Họ đưa súng vô ngực tôi, tôi sợ lắm.

Bọn nó, lập tức bủa ra, vây lấy khu vườn. Nó nổ súng xung phong, chiếm lấy cái hầm. Không thấy ai, chỉ thấy mấy miếng lá chuối còn vắt ra vung vãi, và dưới hầm hầy còn sợi dây điện.

- Lá này là lá bánh tét, còn mới, chắc là họ ăn trước khi đi.

Tên thông ngôn nói:

- Ông trung úy nói với chị, là từ nay về sau, hễ thấy như vậy thì phải đi báo. Ông sẽ cho đô la nuôi con, khỏi phải gánh cát.

- Tôi biết nói tiếng Mỹ đâu mà nói.

Tên thông ngôn:

- Gặp ai cũng được, nắm tay họ lại, nói Vi Ci, Vi Ci, rồi đưa tay chỉ cho họ.

- Chết! Người ta thấy người ta giết tôi thì sao. Ngủ, ngủ đi con. Đừng sợ, ngủ đi con...

Trong lúc mọi người đang tìm cách đánh Mỹ, thì đó là một cách đánh của Sáu, trận đánh đầu tiên...

Năm Bờ nói đến đây rồi chột nhìn lên trời:

- Thôi! Cuốn võng đi. Chuyện còn dài lắm, trời sâm sẩm rồi.

Trong lúc mở dây, cuộn võng, tôi còn nghĩ đến Sáu, cô gái ấy.

- Lần này về, chắc là được gặp chở anh Năm?

Anh không nhìn tôi, làm thình, ngồi lúi húi với cái bông.

Tôi nhìn lên trời, trời xanh mênh mông. Sao hôm, sao mai và muôn vàn vì sao khác có đấy, còn đấy, nhưng tôi chưa thấy. Một lát nữa đây, trời tối, khi hai đĩa vượt qua cánh đồng, thì sao sẽ chi chít đầy trời.

CHƯƠNG 3

Mỗi lần nghĩ đến ngày trở về, chỉ mới nghĩ đến mà đã nghe xúc động đến rợn người. Tôi mừng tượng thấy mình sẽ nằm lăn trên bãi cỏ, sẽ ngửa mặt nhìn trời cao, sẽ thở, sẽ hít căng đầy lồng ngực cái không khí đậm đà hương vị của cỏ cây lẫn trong mùi ngào ngạt của hoa sen... Tôi sẽ đứng giữa cánh đồng, cỏ ngập đầu, sẽ lắng nghe sóng cỏ tràn qua người, rồi tôi sẽ khóc, khóc như một đứa trẻ thơ. Sau hai mươi năm! Ôi quê hương! Hạnh phúc biết bao! Ngày trở về...

Và bây giờ, sáng tinh sương, chân đã bước đến nơi rồi, trên một lớp cỏ năng, thì tôi không còn sức để xúc động như tôi tưởng nữa. Tôi vừa vượt qua cánh đồng lầy lội suốt một đêm trắng - đồng chó ngáp, bụng đói còn cào, chân tay bủn rủn, thở chẳng ra hơi. Nếu tôi còn sức để nằm lăn lộn trên bãi cỏ như tôi nghĩ thì trong con mắt của Năm Bờ, tôi là một thằng điên. Nhưng mơ tưởng không phải là xấu. Con người ai chẳng có lúc bốc?

Tôi muốn ngồi quy xuống chỗ nào cũng được, lưng dựa vào cái bông duỗi chân ra một chút, nhưng Năm Bờ đã giục tôi:

- Đi nhanh lên! - Và giọng anh gay gắt - Súng sao lại đeo lưng lẳng như vậy, lên đạn cầm tay đi.

Anh cũng mệt rũ như tôi, nhưng đôi chân vẫn dẻo dai, dáng lom khom, anh lội qua bãi năng lầy, đôi dép cao su của anh chắc làm sao! Khác hơn tôi, khác hơn cả cán bộ cỡ như anh, anh không đeo súng ngắn, bên hông giắt ba trái lựu đạn da láng và trang bị cho mình một cây AK. Cây AK đạn đã lên nòng, lăm lăm trong tay, nòng súng khi thì hướng vào vật để bịt bùng trước mắt, khi thì hướng qua đám đưng bên phải, bên trái, sẵn sàng nổ, nếu có kẻ thù đang phục đâu đó.

Trời chưa hừng nắng, không nghe rõ tiếng bay, nhưng tôi đã thấy những cái chấm đen của bầy trực thăng, nhỏ xíu, đang chúi chúi trên vòm trời của dòng sông Cửu Long; cũng không nghe tiếng nổ, nhưng đã thấy một đường khói đen của hỏa tiễn từ một cái chấm nhỏ của con đằm già đang bắn xuống một xóm nào đó. Xa xa nữa, loang loáng trên bầu trời, rồi nghe như tiếng sấm, khói của bom bi ùn lên như một đám mây trắng.

Tôi cố đuổi theo anh, nhưng đôi dép của tôi, đôi dép không thích nghi với đồng lầy, quai sau cứ tuột, kẹt cứng dưới bùn; suốt cả đêm qua, tôi phải đi hai bàn chân không, gốc tràm đâm đau điếng; bây giờ, phải xách nó trong tay để chạy theo anh.

Hai người vượt qua bãi năng trống, bước vào con đường mòn giữa đám đế, kín đáo hơn. Tôi cũng muốn ngồi nghỉ chân một chút, muốn cởi hai cái dây bông ra khỏi vai, tháo dây nịt, mở nắp hănggô, bốc một nắm cơm mà nhai, mà nuốt.

- Phải tìm cho được trạm giao liên, nghe ông.

Tôi chỉ còn có việc cúi xuống, xỏ dép vào chân, lại đi. Trời hừng nắng. Tôi cũng không còn đủ sức mà nhìn cái nắng nữa. Vào một cái chòi hoang, chẳng có ai, tôi đứng trước cửa chòi, chưa kịp quay ra, lại nghe anh nhắc:

- Chết sống cũng phải tìm cho được trạm giao liên, nghe ông.

Tôi không buồn trả lời nữa, xốc lại cái bông cho đỡ mỏi, quay ra, bước theo anh và lại đi tìm cái chòi của giao liên.

Đứng trên gò mà nhìn thì nhiều vô kể, xa xa một cái rải rác khắp cả cánh đồng, phải đến hàng trăm, và chắc còn nhiều hơn nữa, ở những chỗ tầm mắt không nhìn thấy. Những cái chòi đã có từ xưa, cũng không thể hiểu nổi ai đã dựng lên nó. Nó được dựng lên từ lúc có dấu chân người. Những cái chòi đơn sơ với hai mái nằm trệt dưới cỏ, có chòi đệm bằng đưng, có chòi đệm bằng lá, hoặc bằng sậy, bằng đế, có chòi vùi sâu trong một đám lác bít

bùng, có chòi bẹp xuống, thấp lè tè. Mùa nước nổi, nó bị nước cuốn trôi đi, có mái trôi lênh bênh, có mái rã ra thành cỏ rác. Tháng chín, tháng mười, nước lại rút trở về sông, gió bắc se se thổi, đất lại khô, chòi lại được dựng lên, và cũng lại xa xa một cái rải rác lơ lơ, xếp xuống rồi lại mọc lên như mùa năm - Đó là nơi nghỉ chân của những người đi cắt đưng, cắt lác, của những người đi bắt rùa, bắt rắn, bắt trăn, của những người đi bắt cá, bắt chim hoặc hái sen, và của những ai lỡ bước giữa đồng.

Bây giờ, những cái chòi vô chủ này hàng ngày đều bị soi mói dưới con mắt của kẻ giặc ở trên không. Có chòi bị thiêu cháy vì một trái hỏa tiễn, có chòi bị gió của cánh trực thăng cuốn tả tơi.

Trong những cái chòi ấy có một cái là trạm của giao liên.

Cái chòi! Trên đường đi, Năm Bờ đã kể cho tôi nghe bao nhiêu chuyện kỳ thú đã xảy ra. Cái chòi điểm hẹn của những người xa lạ. Gặp nhau, quen nhau, gắn bó, chiến đấu, có cả những mối tình đã nảy nở từ những cái chòi ấy. Có người đi ba đồng bảy đổi tìm nhau mà không thấy, bất thành tình lại gặp nhau trong một cái chòi. Đặc biệt hơn nữa, trạm nào cũng có một cô gái và cô gái nào cũng đáng quý, đáng yêu.

Một đêm, có một anh cán bộ ngồi trong chòi, chờ giao liên, chờ mãi, trăng đã lên tới đỉnh đầu, gió cũng se se lạnh mà chẳng thấy ai tới. Cánh đồng đang im lặng trong tiếng xào xạc ngoài vạt đê, anh nghe có tiếng trực thăng, nhìn ra, anh thấy đạn nổi nhau như một dòng lửa từ trên trực thăng xối xuống. Trực thăng bắn như vậy là thường, đêm nào cũng có, nhưng lần này anh đâm lo. Bầy trực thăng, ba chiếc, bắn vậy, vài lượt rồi lại lảng đi, lại bắn, suốt đêm.

Cũng không thấy ai đến, chắc gì có trở ngại, anh vừa thâm nghĩ, thì chợt thấy dưới ánh trăng có một bóng người mảnh khảnh bước tới. Anh hỏi:

- Ai?

- Em, giao liên.

- Dữ không, tôi chờ cô lâu quá.

Cô giao liên bước gần tới:

- Anh có băng, có bông gòn, có thuốc đỏ không?

- Cô làm sao?

- Em bị thương.

Anh cán bộ quay vào chòi, kéo cái bông ra ánh trăng, mở dây, vừa tìm kiếm, vừa hỏi:

- Cô bị có nặng không? - Anh hỏi giọng lo lắng có cả hốt hoảng nữa.

- Không sao, nhẹ thôi, em băng rồi, nhưng em sợ nhiễm trùng. May quá, chỉ xước qua bắp tay. - Người bị thương nói với giọng bình thản, dịu dàng nữa.

Anh cán bộ thấy cái băng trắng trên bắp tay cô thấm máu. Cô giao liên ngồi bệt xuống cỏ, hai chân duỗi ra, cây carbin gác ngang, nhắc cánh tay bị thương cho anh cán bộ, còn một tay thì cầm lại mái tóc giữ qua giữ lại:

- Em bị thương là tại mái tóc này.

- Sao vậy?

- Hồi chiều, trước khi đi, em gội đầu. Thằng trực thăng nó bắn em nhằm lúc em lội qua vũng nước. Em phải trùm mình. Nước bùn, sợ dơ tóc em mới đưa lên, không dè có một viên phốt qua.

- Trực thăng thẳng giặc không làm bắn được mái tóc em! - Anh cán bộ xúc động, thầm kêu lên như một câu thơ, và nhìn lại cô gái.

Mây trôi nhanh. Trăng sáng tỏ. Anh thấy trời đêm trong đôi mắt của cô. Và đâu đây, ngan ngát dịu dịu cái hương sen thoang thoảng bên anh. À! Cái hương sen từ mái tóc của cô gái. Rồi anh yêu và anh gởi thơ cho cô. Một năm sau, anh trở lại cái chòi ấy, theo lời hẹn của cô...

Bây giờ thì tôi không cần một cô gái với cái trạm giao liên như vậy nữa. Một ông già với cái trạm cũng được, miễn là gần đây, cạnh bên đường,

cho đỡ mệt. Chúng tôi đã đi qua đến chòi thứ tám rồi.

- Một lần phải không ông? - Anh Năm Bờ quay lại hỏi.

- Bình thường - Tôi đáp .

- Ráng lên chút nữa, về đây mà không bám được giao liên thì chết như chơi đó. - Năm Bờ lại nói rõ hơn: - Nó đổ quân, không biết đường đâu mà chạy. Không phải chết vì nó, mà có khi chết vì lựu đạn gài của mình.

- Chết sống gì thì cũng phải tìm cho được chớ, anh! - Tôi nói ngon. Vì nói ngon như vậy, nên phải tỏ ra cho xứng đáng, tôi xốc lại hai cái quai bông, cái bông cứ nặng dần theo từng bước, tôi vượt lên, đi trước anh.

- Nè! Có con đường mòn mới vệt, quẹo vô đây thử cái coi.

Tôi bỏ con đường mòn lớn, quẹo vô theo ngón tay chỉ của anh, chẳng biết đúng hay sai, tôi cứ đạp bừa lên sậy đề, dần tới. Tôi đi trước anh đi sau, luôn qua một đám đề cao ngập đầu; và kia, trước mặt tôi, một cái chòi. Tôi thở phào. Dữ không! Lúc tôi mong đợi thì cô trốn mất, khi tôi mệt muốn chết thì cô lại hiện ra. Một cái chòi, hai cái mái bên bằng dựng đã úa vàng, dựng trên một cái hầm bệ ngang độ hơn mét, bệ dài gần hai mét, bệ sâu hơn nửa mét, được rải một lớp cỏ khô. Tôi quay ra, nói đùa với giọng thì thầm quan trọng:

- Có một nàng tiên đang ngủ!

Trạm giao liên hôm nay không có khách, chỉ có một người giao liên ôm súng, nằm nghiêng và đang ngủ ngon. Tấm vải dù bông đắp kín từ đầu đến chân, chỉ nhìn thấy mái tóc dài, và qua làn vải dù, có thể thấy mờ mờ cái gót chân nho nhỏ của một cô gái.

- Nhè nhẹ để cô ấy ngủ - Chúng tôi cởi dây bông, mở dây nịt, để đồ đạc xuống một góc.

- Ông ngả lưng trước đi, tôi ra ngoài này một chút. - Năm Bờ bỏ hết đồ đạc, bảo tôi, rồi bước ra cửa chòi, chẳng biết anh đi đâu và làm gì, nhưng tôi không hỏi.

Đói quá hóa no, tôi không thiết đến ăn, chỉ uống một ngụm trà đặc trong bình toong, lau miệng bằng ống tay áo, rồi dựa lưng vào cái bông, thở cho khoan khoái.

Vậy là mình đã đến trạm giao liên! Từ cái chòi giữa cánh đồng cỏ lác um tùm này, điểm hẹn của những người chưa quen biết nhau; cái gì sẽ bắt đầu, sẽ đến cho tôi, cho anh và cho cả cô giao liên đang ngủ ngon kia? Tôi liếc nhìn cô giao liên, thầm nghĩ như vậy, đáng lẽ tôi phải ngủ, ngả lưng xuống là ngay, nhưng ý nghĩa ấy lại đến với tôi cùng với những câu chuyện lý thú mà anh đã kể - Nói vậy, tôi vẫn phải tìm một chỗ nằm có thể duỗi chân, khốn nỗi cái chòi giao liên lại quá nhỏ và người chủ của nó đã choáng hết chỗ rồi. Một người con trai với một người con gái nằm cùng trong một cái chòi, thật bất tiện. Nằm xuôi theo chòi thì không được rồi. Nằm ngang thì thừa chân thừa cẳng.

Tôi xếp hai cái bông cùng với súng ống và đồ đạc linh tinh dồn lại một góc, rồi nằm khoanh con tôm, dưới chân người con gái. Tôi sắp sửa ngủ, bỗng chợt như đầu đó, ai gọi đến tên mình, tôi liếc nhìn sang cô gái, rồi đưa tay sờ cằm. Thức một đêm, râu mọc ra tua tủa. Tôi vừa mới thiếp đi, bỗng nghe đánh rốp một tiếng, giật mình choàng dậy, tôi hoảng hồn. Cô gái đang chĩa nòng súng vào ngực tôi mặt đỏ bừng:

- Anh là ai? - Giọng cô gay gắt, mắt mở tròn.

- Tôi là Giải phóng - Tôi đưa tay ngang nòng súng của cô - đừng... đừng... tôi...

Chẳng hiểu bộ tịch của tôi thế nào mà cô muốn phì cười, nhưng cô vẫn làm ra vẻ giận dữ. Cô tạt nòng súng sang bên, cái nòng súng CKC, rồi lại đánh rắc một cái, viên đạn bật ngược ra, tôi kêu lên:

- Cô lên đạn thiệt à?

- Không thiệt sao được. Anh ở đâu mà lại nằm đây? - Giọng của cô còn gắt, nhưng mặt đã hết giận.

- Tôi vừa mới tới, tìm từ sáng tới giờ, mệt muốn chết.
- Sao giao liên không giao cho tôi!
- Tôi đi tự lực.

Tôi nói và theo dõi từng cử chỉ của cô. Cô đặt CKC xuống lớp cỏ, ngồi dựa lưng vào vách hầm. Cô gái khoảng độ hăm một hăm hai, nước da của cô có lẽ trắng trẻo, nhưng bây giờ thì r ám nắng: Một cô gái bình thường, không có gì đặc sắc; nhưng tôi đã nhìn thấy cái vẻ riêng của cô, hết sức đặt biệt, một cái nốt ruồi son ở cổ. Tự nhiên tôi thấy thích cái nốt ruồi son ấy của cô. Hình như cái nốt ruồi son ấy làm sáng cả gương mặt cô. Chắc cũng chính vì vậy, nên cô mặc cái áo bà bà cổ trái tim. Tôi bắt đầu nói chuyện với cái thể của một người con trai.

- Sao anh không trình giấy cho tôi mà tự tiện vào trạm?
- Tôi sợ mất giấc ngủ của cô.
- Nếu tôi gài lựu đạn ở bên ngoài thì sao?
- Thì vì giấc ngủ của cô mà tôi chết thôi. - Tôi bắt đầu chủ động,

nói trêu cho vui.

Không nhịn được cười, cô quay mặt đi:

- Anh ở đâu về đây?
- Tôi ở Rờ.
- Anh cơm nước gì chưa?
- Đói muốn chết.

- Anh chủ quan quá. Đến nơi là phải cơm nước ngay để khi nó đổ quân, còn sức mà đánh, mà chạy chớ.

Cô vớ tay, kéo cái bông nhỏ, mở dây, móc ra một chiếc bánh dứa đưa cho tôi:

- Anh ăn đỡ cái bánh đi.
- Bánh dứa!
- Thì bánh dứa chứ gì mà anh mừng rỡ vậy.

Đã lâu lắm rồi, tôi mới thấy lại cái bánh dứa, cái loại bánh ở chợ nào cũng có bán, thường treo từng chùm năm bảy cái trước những tiệm nho nhỏ ở nông thôn, đứa trẻ nào cũng thích. Cái bánh dứa nằm trong lòng bàn tay tôi, nặng nặng, thơm thơm mùi nếp chín và mùi beo béo của dứa. Tôi chỉ muốn cầm nó mà ngủ, nhưng làm vậy trước mắt cô, e không tiện. Nhìn lên tôi thấy cô chớp mắt.

- Anh ăn đi, tôi còn nữa mà. Đêm qua anh ngủ đâu mà bây giờ anh mới đến đây?

- Ngủ nghe gì đâu. Tôi lội qua đồng chó ngáp từ đầu hôm đến sáng trắng. Cô có biết cái đồng chó ngáp đó không?

- Trước mặt chó đâu mà không biết, tôi cũng lội qua lội lại hoài.

Tôi thấy gần với cô hơn, muốn kể lể với cô một đôi điều:

- Cánh đồng thật trời ơi, mùa khô mà cứ xăm xăm nước, chỗ không nước thì sinh lầy ngập đến gối, có chỗ lún tới lưng quần. Đi dép thì dép tuột, thò tay kéo nó, rút không muốn lên, đi chân thì bị tràm dâm. Ở rừng đi một giờ còn nghỉ được mười phút, hoặc mười lăm hai mươi phút cũng được; còn ở đây, nghỉ cũng phải đứng, ngồi ở đâu ngồi ở trên bùn thì nó lún xuống, nghỉ mà ba lô, bông bị, súng ống cứ phải đeo trên vai, làm mỏi cho đĩa với muối, thôi thà đi quách cái cho xong, vậy là tôi lội cho đến sáng trắng.

- Rồi sao nữa?

- Vậy thôi.

- Vậy mà anh cũng báo công với tôi à?

Cô gái đã mạnh bạo lên rồi đó, có thích không? Cô lại trêu tôi:

- Anh có khóc không?

- Sao lại khóc? - Tôi làm bộ giận.

Cô cười để giả lả, hàm răng đều như hột bắp.

- Như vậy là anh còn khá đó. Tôi có gặp một ông trung tá ở trên Rờ về nghiên cứu chiến trường. Gặp tui tui ông hỏi: “Từ đây về trên Rờ có

con đường nào khác hơn không?” Tụi tui nói: “Có thiếu gì”. Ông mừng quá, ông lại hỏi, đường nào, muốn theo những con đường đó phải có điều kiện giấy tờ gì để ông lo trước? Tụi tôi nói: “Đường máy bay với tàu lặn”. Ông cười rồi ông nói, ông đã từng vượt Trường Sơn, vậy mà khi qua đồng chó ngáp thì ông thấy không có con đường nào gian khổ hơn, chỉ có một đêm thôi mà có đủ mọi thứ gian khổ trên đời. Ông nói: “Mình là trung tá, chẳng lẽ mình khóc, coi sao được!”. Ông trung tá đó như vậy. Còn tôi? lần nào lội qua đồng chó ngáp tôi cũng khóc. Có những gốc tràm đâm đau điếng, mình không muốn khóc mà cứ chảy nước mắt.

Tôi cười vì thấy cô nói đúng quá. Tôi không khóc, nhưng có mấy lần chảy nước mắt vì bị gốc tràm đâm, nó đâm ở chân mà đau nhói tới tận đầu. Mỗi lần như vậy, tôi đâm quạu với anh Năm Bờ. Quạu vì đôi dép của anh rất vững, có lúc tôi mong cho đôi dép của anh tuột ra một lần cho đồng đều, nhưng đôi dép cứ gắn chặt lấy chân anh, dép với chân, hai cái như dính làm một vậy.

Tôi mới biết xỏ dép kiểu chiến trường đồng lầy khác hơn kiểu xỏ dép ở chiến trường rừng núi. Xỏ dép đi chiến trường đồng lầy, lỗ phải xiên dài theo dép, bốn cái lỗ phải chấu gần lại nhau, vừa chắc, vừa bó sát lấy chân. Trước khi đi, cái gì anh cũng bày vẽ cho tôi, chỉ có đôi dép là anh không nói, có ưc không?

- Thôi, anh ăn đi chứ, cầm làm gì mà cầm hoài vậy.

- Tôi ăn một mình à?

- Thì anh cứ ăn đi, tôi no rồi - Rồi như giật mình, cô ngoảnh ra cửa chòi.

- Như có tiếng máy bay.

- Tiếng đàn gà đó mà, kệ nói - Tôi làm ngon, nói vậy nhưng đã thấy thấp thỏm.

- Anh này chủ quan quá, đây không phải là Rờ, anh xếp đồ đạc vô

vách đi, nó thấy là nó bắn đó. Kia nó tới...

Cô chồm dậy, quỳ xuống, đưa cả hai tay đẩy hai cái bông và đồ đạc sát vào một góc.

Máy bay trinh sát L.19 mà ta thường gọi là đầm già, tiếng bay của nó kêu “hi hi” đều đều như tiếng rên rỉ, mỗi lúc mỗi to dần.

Rõ ràng là đường bay của nó đang hướng về phía chúng tôi.

Cô giao liên đã đứng dậy, cầm lấy cây CKC, tấm vải dù bông đội trùm qua đầu, cô nép mình vào chòi, đưa mắt nhìn ra.

- Nè anh, nếu nó ở đằng kia thì mình nép vô vách kên kia, nếu nó qua bên này nhìn lại thì mình nép vô vách bên này. Còn nếu nó tắt máy, chúi đầu xuống ngay mình là nó sút hỏa tiễn vô chòi mình đó. Mình phải nổ trước cho nó hoảng thì hỏa tiễn bay chệch qua chỗ khác. Nếu không, nó bắn như đề, nghe không?

Tôi thấy cô giao liên có vẻ rồi, tôi làm ra bộ tỉnh:

- Sao không làm cái cửa cho kín, chạy qua chạy lại làm gì cho mất công.

- Anh này không biết cái gì hết. Chòi nào có cửa nó cho là có người, nó bắn ngay. Sao anh còn ngồi đó, lơ ngơ quá vậy.

Cô quay phắt lại tôi, rồi lại quay ra cửa chòi:

- Cầm lấy súng đi, nép qua lưng sau lưng tôi đây nè. Mau lên!

Không phải chuyện đùa nữa, nghe cô hét như ra lệnh, tôi vừa chụp lấy cây AK, đã nghe cô lên đạn.

- Lên đạn đi! - Cô lại hét tôi, lúc tôi vừa nép sau gần sát người cô. Con đầm già bay thấp, thấp lắm, là là qua đầu ngọn cỏ, nếu không để ý, nó tới lúc nào không biết, rồi bay ào qua cửa chòi. Nó hiện nguyên hình với tất cả kích thước to lớn của nó, đen sì. Tôi thấy rõ cả cái đầu của thằng ngồi lái, như cái gáo dừa.

Ở rừng, nó không bao giờ bay thấp được như vậy. Ở chiến trường

Sài Gòn hồi Mậu Thân năm 1968, tôi thấy nó bay sà theo mặt đường, nhưng cũng chỉ dám bay qua một lần; còn ở đây, đồng cỏ này nó bay, hai cái bánh xe như bò trên ngọn cây ngọn cỏ. Cỏ lác, sậy, để xoáy hút theo đường bay của nó. Rồi nó đảo, nó vòng. Rõ ràng là nó nhìn vào từng cái chòi. Nó đang vòng lại.

- Qua bên kia anh.

Hai người nhảy qua, nép sát vào vách. Nó lại ào tới, hiện nguyên hình, đen sì, với cái đầu của thằng lái, lần này, cái cánh đen bè bè của nó rà ngang mái chòi, gió thốc vô, tưởng hai cái mái bị bung lên.

- Nó có nghi gì cái chòi của mình không?

- Ai biết được!

Tôi nghĩ đến Năm Bờ, chẳng biết ở đâu, có phải vì anh mà nó quần đảo như vậy không?

Nếu lúc này cô giao liên không quát tôi, tôi vẫn còn lơ ngơ ở giữa chòi với đồng đồ đạc, thì thằng lái khôn nạn đó, nó đã thấy tôi rồi.

Con đằm già đen ấy dai như đĩa, nó chưa chịu cất cánh bay cao; chúng tôi phải chạy qua chạy lại hai bên vách chòi, núp nó như cú bắt. Rồi nó đảo một vòng rộng, từ từ cất cao lên.

- Coi chừng nó sút hỏa tiễn, cứ đưa họng súng ngay nó. Tôi bắn thì anh bắn nghe không, anh cứ đẩy hết băng cho tôi.

Con đằm già tè tè trên đầu chúng tôi, rồi nó tắt máy, nó chúi đầu, nhưng không chúi ngay cái chòi của chúng tôi.

Ca... ô... x... u... ỳ dùm!

Một trái hỏa tiễn. Một đường khói đen từ chiếc máy bay cắm xiên xuống. Một cái chòi, trước mắt chúng tôi, ở đằng kia, phía mặt trời, rất xa, bốc lên một ngọn lửa: một bụng khói đen.

- Cháy ở đâu vậy? - Tôi hỏi.

- Một cái chòi.

- Có ai ở không vậy?
- Không! Nó bắn đúng cái chòi có nhiều đường mòn.

Chắc là cái chòi lớn có những con đường mòn nhẵn, lúc này tôi và Năm Bờ đã đi qua. Bắn xong, con đằm già lại tè tè vòng qua, rồi xấp xải bay thẳng.

Cô giao liên tháo đạn ra khỏi nòng CKC, ngồi bệt xuống lớp cỏ, thở phào. Tôi cũng làm như vậy: tháo đạn, ngồi bệt xuống lớp cỏ nhưng không thở phào, mà nhìn cái nốt ruồi son nổi lên trên cái đuôi trái tim của cổ áo cô.

- Ở trên Rờ của anh có cực như vậy không?

- Cực nhưng cực cái khác, đằm già không dám nghênh ngang. Lâu lâu mới bị B.52 với F một lần.

- Còn ở đây có đủ, từ B.52 cho tới tiếng súng của thằng Việt gian hạng bét ở xã. Đừng có dễ người, mấy anh ở Rờ về, có nhiều anh lớ ngớ quá. Tôi định đề nghị với cấp trên như vậy, anh thấy có được không, anh nào vì lớ ngớ mà chết thì trong giấy báo tử nên đề rõ là “hy sinh anh dũng mà lớ ngớ”.

Tôi cười thích thú với câu nói đùa của cô. Cô cũng cười, lấy tấm vải dù bông che miệng.

- Trạm ở đây có một mình cô sao? - Tôi hỏi.

- Tôi có phải là giao liên của trạm đâu?

- Vậy cô là ai? - Tôi ngạc nhiên.

- Tôi là tôi, cũng như anh, tôi đi tự lực, đêm qua, tôi cũng lội trắng đêm, mệt quá, tôi lủi vô cái chòi này.

- Cô nói thiệt hay nói chơi vậy?

- Tôi có nói chơi hồi nào đâu, mà nè, anh đi một mình, sao đồ đạc nhiều quá vậy?

- Tôi đi hai người.

- Còn một anh nữa đâu?

- Ảnh đi chơi đâu rồi, tôi chẳng biết nữa.

- Trời đất! - Bây giờ cô lại ngạc nhiên về tôi - Hay là nó bắn ảnh hồi này, mấy anh ở Rờ này lớ ngớ kỳ cục quá. Anh đi tìm ảnh đi chứ.

- Anh đó ảnh không lớ ngớ như tôi, ảnh là người của chiến trường này.

- Ở chiến trường nào cũng vậy, anh đi tìm ảnh đi, đồ đạc để đây tôi coi cho.

Vừa lúc đó, tôi nghe có tiếng rột roạt ngoài vạt đất trước chòi.

- Ảnh về rồi đó - Tôi nói.

Cô giao liên quay ra, rồi bật đứng dậy, kêu lên thảng thốt:

- Trời ơi! Anh Năm. Tưởng ai!

- Bé Ba, em đi đâu đây!

Bé Ba! À tôi nhớ ra rồi, cái tên tôi thường nghe trong những câu chuyện của anh.

Năm Bờ bước vào chòi, vẫn mang kiếng mát đen.

- Hồi máy bay anh ở đâu, anh Năm? - Tôi hỏi.

- Tôi ở đẳng trạm, trạm giao liên ở gần đây.

Anh khom người, bước vào chòi, cười với Bé Ba.

Bé Ba vẫn xúc động nhìn anh:

- Sao anh ôm nhóm ôm nhách vậy, bây giờ anh đi đâu, sao lâu nay anh không gởi thơ về cho tụi em, anh có được thơ của tụi em với chị Sáu của em không...

Bé Ba hỏi một thôi một hỏi, anh không kịp trả lời:

- Còn em, em đi đâu đây?

- Em đưa cán bộ về Tỉnh ủy.

- Bà con mình mạnh giỏi hết hả?

- Mạnh, anh có trở về vành đai của tụi em nữa không?

- Anh phải về Tỉnh ủy, tùy Tỉnh ủy phân công.

- Được, em sẽ đưa anh đi, em sẽ nằm vạ tại Tỉnh ủy, em sẽ đưa anh về.

Hai người cứ lom khom trong chòi, nói chuyện, không kịp ngồi. Năm Bờ xoay qua tôi:

- Đây là anh Thắng cùng đi với anh; còn đây là Bé Ba du kích vành đai.

Đến lúc đó, tôi mới nhớ, hai người trong một cái chòi, nói với nhau cũng khá nhiều mà chưa tự giới thiệu tên cho nhau. Cô gái không để ý đến tôi nữa, làm như tôi không có mặt trong cái chòi chật chội vậy, cô cứ xoắn lấy Năm Bờ. Cũng phải thôi.

- Ông ăn cơm chưa? - Anh hỏi tôi.

- Tôi chờ anh nãy giờ.

- Thôi dọn cơm ăn, vừa ăn vừa nói chuyện.

Tôi mở tấm ni lông đi mưa, xếp làm đôi, trải trên lớp cỏ, dọn cơm.

- Máy anh có cái gì ăn?

- Thịt dộc.

- Về chỗ tụi em, hai anh thích ăn thức gì, tụi em đãi thức này.

- Tôi muốn ăn rùa rang muối. - Tôi vừa bày hănggô cơm và lon thịt lên mâm, vừa nói.

- Rùa thì phải chờ trực thăng đổ quân mới có - Cô nói.

- Tôi nói thiệt mà cô lại nói đùa, đốt đồng bắt nó chớ sao chờ trực thăng.

- Tôi nói thiệt, không nói đùa với anh đâu. Bây giờ mà đốt đồng cho trực thăng nó bắn cháy da à? Nè anh Năm... - Cô không nói với tôi mà nói với Năm Bờ - Hôm anh đi rồi, sau đợt hai, tụi nó bắt đầu phản kích.

Tôi nghĩ là cô đang nói lảng sang chuyện khác. Cô vẫn tiếp:

- Trời tờ mờ đất, nó đem ba đợt B.52, rồi pháo Bình Đức đập vô, trực thăng lại dọn bãi. Một bầy hai mươi một chiếc trực thăng, nó quần tới

quần lui, bị nó rà sát mặt cỏ, nắp hầm của mấy em thiếu đều bị nó búng lên. Ôi! Đung, lác, sậy, để gì cũng cuộn tròn tròn, khi thì xẹp xuống lúc lại cuộn trốc gốc, cỏ mọc với rác cứ cuộn lên; lúc đó, rùa, rắn, trăn, con nào cũng hoảng. Nhiều nhất là rùa, ôi thôi, bị động ổ, nó bò lồm ngồm không biết bao nhiêu mà kể. Lúc đó không chậm như mình nói đâu, bốn cẳng cứ bơi bơi, nó bò qua tay, qua chân, bò qua cả mình tụi em. Có con bò rớt xuống hầm. Lúc đầu còn ham, trực thăng kệ trực thăng, thấy con nào là bắt bỏ hầm con nấy. Sau rồi kệ nó, nó muốn bò đi đâu thì bò. Sau trận càn đó, nhà nào cũng ăn rùa. Nào rùa rang muối, rùa luộc, rùa xé phay, có nhà còn rọng ăn tới mấy bữa sau.

Nghe cô nói chuyện rùa, tôi chợt nhớ chuyện rùa của ông Ba Phi mà bác sĩ Chín kể cho tôi, tôi muốn kể lại với cô nhưng tôi kịp nghĩ, kể lại lúc ấy thật vô duyên. - Thôi ăn cơm đi, ăn đỡ thịt rừng, chừng nào trực thăng đổ quân thì mình ăn rùa. - Cô nhìn lại tôi, cười, rồi vẫn giữ cái lễ độ của một cô gái gia đình, cô giành phần bới cơm cho chúng tôi.

- Chuyện làng mình bây giờ ra sao, em kể cho anh nghe đi. Bà con mình ai còn ai mất, ai ở ai đi?

- Em không kể cho anh nghe đâu, anh cứ về thì anh biết. Em chỉ dặn anh một điều.

- Điều gì em cứ nói.

- Anh phải chuẩn bị một câu trả lời là tại sao lâu nay anh không biên thư cho chị Sáu em?

Vừa lúc đó, Năm Bờ đưa tay gỡ cái kiếng mát. Tôi thấy cô giật mình khi nhìn thấy vết thương của anh. Cô bàng hoàng, rồi cúi mặt, chống đôi đũa xuống chén cơm như đang mắc nghẹn. Bây giờ, có lẽ cô đã hiểu vì sao anh không biên thư cho chị Sáu của cô. Cô chớp mắt liếc nhìn tôi không nói gì, vẻ ỉu xiu, lặng thinh.

Và tôi cũng bắt đầu hiểu.

CHƯƠNG 4

Cái chòi có thể đủ chỗ cho ba hoặc bốn người con trai, nhưng không đủ chỗ cho hai người con trai với một cô con gái. Sau bữa cơm, Bé Ba phải đến trạm, nhường chỗ cho chúng tôi. Bé Ba vừa soạn lại bồng vừa bảo:

- Đi một hai anh cứ ngủ đi, có gì em sẽ cho hay. Có cái lung ở gần đây, chiều mát, hai anh ra đó tắm rửa. Cơm nước em sẽ lo, em sẽ bắt cào cào châu chấu, giết vài con cá, kho ăn chiều.

Cô vác súng, bước ra cửa chòi rồi quay lại, khẳng định thêm cái quyết tâm của mình:

- Về đây, hai anh đi tự lực không được đâu. Chờ giao liên trạm thì phải năm ngày nữa mới có chuyên, trực thăng nó dòm ngó dữ lắm. Ngày nào cũng phải cắt cỏ để chụm cọc lăm. Hai anh cứ nghỉ ở đây lấy sức, tối mai em sẽ đưa hai anh đi, vậy nhen, anh Năm?

- Về trễ, em không sợ chị Sáu bí thư phê bình sao? - Tôi hỏi để mà hỏi cho vui.

- Đi chơi đâu mà phê bình. Đưa anh Năm về, chị Sáu phải thưởng huân chương cho em chứ. - Cô cười.

Tôi nhìn cái nốt ruồi son ở cổ của cô trước khi quay đi, lách mình qua vạt đề. Năm Bờ cũng cười và đỏ mặt. Vậy là rõ rồi, tôi quyết định đêm nay sẽ hỏi anh cho rõ hơn, còn bây giờ thì phải đánh một giấc cái đã...

- Anh với chị Sáu thế nào anh Năm?

Cả chiều nay, hai chúng tôi ngủ say như chết. Một bầy trực thăng chín chiếc, bay ngang qua chòi, nháy cóc nháy nhái đó đây trên cánh đồng chúng tôi cũng chẳng hay biết. Nghe tiếng trực thăng, Bé Ba từ trong trạm chạy ra, thấy hai đứa ngủ ngon, tầm hoạt động của trực thăng cũng xa xa, cô

không đành đánh thức, cứ ngồi gác cho chúng tôi ngủ. Chiều lại, hai đứa ra ngoài lung tẩm giặt, người tỉnh hẳn ra; sau đó tôi bắt được hơn chục con cào cào, đưa cho cô làm quà câu cá. Lát sau, từ một cái đĩa vốn là hồ bom, cô xách về một xâu cá rô, gần hai mươi con, cá rô mè, to bằng ba ngón tay. Com chiều với cá rô kho và có cả canh chua nữa. Thật no nê.

Đêm nay yên tĩnh, trời cao, gió mát. Không đâu được cái ngọn gió lồng lộng như ngọn gió đang mang tiếng sóng của dòng sông Cửu Long dồi qua cánh đồng. Bé Ba lại vào trạm. Trong chòi, chỉ có hai anh em. Hai đứa nằm xuôi theo chòi, lấy võng trải trên lớp cỏ, thật êm lung, nhìn qua kẽ hở của mái chòi, thấy cả ánh sao. Nghe tôi hỏi, Năm Bờ ngồi dậy, đốt một điếu thuốc, rồi lại nằm xuống.

- Tôi không nói thì về đến nơi, ông cũng biết. Nếu nói hai người không có tình ý gì với nhau thì không đúng, nhưng bảo tôi yêu cô và được cô yêu, thì cũng không có bằng chứng gì rõ ràng.

- Trong tình yêu thường có chuyện như vậy thật! - Tôi xác nhận, và anh kể tiếp.

Anh tự biết mình đã yêu Sáu cách đây đã hơn hai năm. Một đêm anh được lệnh Tỉnh ủy mời lên để chuẩn bị cho đợt hai xuân 1968. Từ vành đai Bình Đức trở về, anh ghé qua thăm Sáu. Từ khi cha Sáu mất, Sáu nương nhà cho gia đình má Hai, người cùng xóm, nhà đã bị bom đánh sập, đến ở nhờ. Thỉnh thoảng Sáu mới về một lần.

Anh vào sân nhà, vừa bước đến cửa đã nghe tiếng má Hai, giọng chả chệt dễ thương:

- Năm đó hả? Mèn đét ời! Hai đứa bay sao mà như cú bắt vậy? Con ngồi đây. Con Sáu nó vừa mới đi hồi chiều. Tắm gội, giặt giũ xong, ăn được mấy hột cơm là nó tắt tả đi. Má hỏi con đi đâu, đi lại chỗ thằng Năm hả? Nó cười ngoen ngoèn rồi đi tuốt.

Anh đứng đó, trước cửa, nhìn cái vẻ đon đả của má, anh ngượng

ngừng, sung sướng. Anh không muốn nói quanh co là nhân tiện ghé qua chơi, mà chỉ cười để xác nhận với má, mình qua đây tìm Sáu, trước khi đi.

Anh cười bỗng, ngồi xuống ghế bên bàn, trong lúc má rót nước pha cho anh ấm trà, và cũng cái giọng chả chệt như vậy, má bảo:

- Nó đi rồi, nó còn phơi cái áo của nó kia, sau lưng con đó.

Cái áo bà ba trắng vải nin phờ trắng nõn, cổ trái tim. Sáu thường mặc lúc thanh thời, cái áo đang phơi trên cây sào bằng ngọn tầm vông treo bên vách, sau lưng anh. Bước đến cửa, anh đã nhìn thấy cái áo của Sáu. Nhìn cái áo, anh thấy vui vui. Sáu đi, nhưng vẫn còn để lại cái gì đó của Sáu, hết sức quen thuộc đối với anh, từ trong chiếc áo bên vách, sau lưng anh đang tỏa ra.

- Hai con chừng nào thì tính?

Má đưa mắt nhìn cái áo, nhìn anh, nhìn xuống cốc trà đang cầm trên tay, hỏi anh, má hỏi giọng chia vui với hạnh phúc của hai người.

- Hai con chưa nói gì với nhau, cũng chưa có gì đâu má!

- Má cũng biết vậy. Cái trái trên cây, nó chín, nó không biết là nó chín, nhưng người ngoài nhìn thì biết là nó đã muối. Phải lòng nhau là được, cần gì phải nói, mà chưa nói thì nói đi...

Ngoài chuyện cái áo, anh không kể gì thêm giữa anh với Sáu nữa. Với anh, anh kể đến như vậy cũng là nhiều. Mới quen nhau, và hơn năm ngày lặn lội với nhau, tôi hiểu anh không phải người bộc tuệch, mà chừng mực, kín đáo.

Ngồi gần cái áo của một người con gái mà xúc động mà nhớ và kể lại, cũng đủ biết, anh yêu người con gái ấy đến dường nào. Anh kể tiếp, trong những ngày xa vánh đai, định gửi thư cho Sáu, nhưng chưa kịp gửi thì anh bị thương. Kể đến đó anh lại bỏ lửng câu chuyện giữa anh với Sáu, mà kể một chuyện khác. Hồi đen tối, thời còn thằng Diệm, sau luật “mười năm mười chín” anh và một người nữa, cùng nằm một hầm bí mật, trong vườn mận

hồng đào. Đêm đêm hai người thường thay nhau vào làng, gây dựng lại cơ sở. Đêm ấy đến phiên của bạn. Đêm tối, và dưới bóng cây vườn đen sẫm, hai người giở nắp hầm bước lên mặt đất. Dưới hầm tối đen, trên mặt đất cũng tối đen, nhưng cái tối đen trên mặt đất mờ mờ hơn; cũng như bao nhiêu đêm khác, hai người lại bắt tay nhau, vì sau đó, có thể không còn gặp lại nhau nữa. Bạn đi rồi, như tan trong bóng đêm, còn lại một mình, ngồi bên nắp hầm, anh thấy bồn khoăn, tim cứ đập dồn dập như báo động, người không yên. Đêm nay, anh thấy có cái gì khác hơn những đêm trước. Cái bắt tay của bạn chặt hơn, lâu hơn, và tuy đêm đen, anh vẫn nhìn thấy đôi mắt của bạn. Hai con mắt nhoi nhoi, nhìn khắp người anh, nhìn lâu và sâu hơn. Rồi như chợt nghĩ ra điều gì, tim anh lại báo động, đập dồn dập không kịp thở. Như có linh tính.

Thế là anh rời khỏi cửa hầm, rời khỏi khu vườn mận hồng đào, anh ra ruộng, ngồi trên bờ, ngồi im như cục đất nghe ngóng.

Sau đó không lâu tiếng chó sủa từ đầu xóm, sủa chuyển đến khu vườn của anh.

Bạn anh bị bắt, chịu đòn không nổi, anh đã khai và dẫn bọn giặc trở lại hầm. Chắc còn thương anh, nên lúc đi ngang qua nhà một cơ sở, anh kêu lên: “Đừng đánh tôi nữa, tôi sẽ dẫn đi”. - Anh nói, đúng là linh tính báo trước cho anh.

Linh tính mà anh nói, theo tôi đó là bộ óc nhạy bén của anh. Sự nhạy bén của anh khiến tôi phải nể.

Tôi nhớ buổi xế chiều gặp nhau trong nhà bác sĩ Chín, ông muốn giữ chúng tôi ở lại chơi đến sáng mai hẵng đi. Nhưng anh lại muốn đi ngay.

- Chú móc được chuyển đặc biệt hay sao mà vội quá vậy - ông Chín hỏi.

Ở rừng, thỉnh thoảng có một chuyến giao liên đặc biệt bằng xe Honda, mát mặt lắm. Tôi cũng tưởng vậy và lấy làm mừng.

Anh lắc đầu.

- Không có, nhưng mình muốn đi sớm.
- Vội gì mà vội dữ vậy anh, mai hẵng đi. - ông Chín cố nài nỉ.
- Vội thì cũng không có gì vội lắm, nhưng mình nghĩ là đêm nay

Bê năm hai sẽ hoạt động ở vùng mình.

- Chú được tin báo à?

- Không, nhưng tôi nghi, đêm qua không ngủ được, tôi nghe Tê hai mươi tám (T28), hai chiếc cứ cắt dọc cắt ngang khu rừng mình. Từ sáng đến giờ, rừng cứ im lặng. Lỡ có bề gì, mắc kẹt lại đây, tôi sốt ruột lắm.

Nghe anh nói, chúng tôi mới để ý, rừng im lặng quá. Ở chiến trường, một vùng B.52 sắp hoạt động thì các loại máy bay như lẩn tránh đi, bay dạt tận đâu đâu, không bao giờ nghe tiếng. Sau đó, tiếng bay nặng nề kéo tới, vừa nhận được tiếng, thì bom đã trút xuống. Nhưng cũng không nhất thiết, hễ sau một lúc im lặng là có B.52.

- Không chắc đâu, ở chơi đi anh Năm. - Bác sĩ Chín không tin lắm, lại nài nỉ.

- Ở thì ở.

Khi anh bằng lòng ở lại chơi thì ông Chín đâm ra lo. Ông nghiêng tai, nghe tiếng động.

- Im lặng quá! Thôi hai ông cứ đi thôi. Thà không nghi, đã nghi thì phải tránh, hai ông lỡ có bề gì, tôi ân hận suốt đời, thôi đi đi cho mau, tôi cũng nghi lắm. Tôi phải sắp xếp lại cơ quan cho gọn.

Hai đứa tôi lên đường giữa chiều nắng. Đêm đó, ngủ trong ngôi nhà bên bờ sông xóm chợ, đúng 9 giờ tối chúng tôi nghe tiếng B52 nổ cách chúng tôi độ hơn mười cây số.

Nhưng không phải mới có như vậy mà tôi đã phục anh. Tôi cũng đã từng thoát ra khỏi vùng bom bằng những nhận xét như vậy. Cũng không chỉ anh với tôi, mà tất cả những người lính, trước cái sống cái chết, trên đầu đều có những sợi tóc như những sợi ăng ten có tầm hoạt động rất xa và hết

sức nhảy bèn.

- Cái thằng đã chỉ hầm của anh đó, sau này hấn ta ra sao, anh? - Tôi hỏi thêm, để anh đừng hiểu là tôi cứ chăm chăm muốn biết chuyện giữa hai người, anh và Sáu.

- Sau này tôi có gặp hấn ta một lần. Trước khi về xây dựng căn cứ Tháp Mười, tôi có việc phải đi Sài Gòn. Bận trở về, ra tới bến xe, tôi đã thấy hấn. Hấn mặc pijama, mang kiếng đen, đúng là một tên chỉ điểm. Có lẽ hấn cũng đã thấy tôi, không thể nào thoát ra khỏi con mắt của hấn. Từ xa tôi đi thẳng lại hấn, còn hấn nhìn tôi, mặt tái xanh. Bước tới, tôi vừa chìa tay vừa hỏi:

- Mạnh chứ?

- Trời ơi, anh Năm! - Hấn đưa cả hai tay ôm lấy tay tôi, giọng run run. - Anh đi đâu, anh Năm?

- Tôi về Mỹ Tho.

- Anh để tôi lấy vé cho anh, tôi đưa anh lên xe. - Hấn làm đúng như vậy, đi lấy vé, giành cả chỗ ngồi cho tôi.

- Lần anh bị thương, anh nghỉ mà sao anh không tránh? - Tôi trở lại câu chuyện đang bỏ dở.

- Chuyện đó hả? - Anh ngồi dậy, móc thuốc, đưa tôi một điếu, tôi bật lửa cho anh, xong tôi lại nằm xuống.

- Nghỉ thì nghỉ, tránh sao được. Tôi có nhiệm vụ đưa một cánh quân bổ sung cho vành đai. Dù có biết mình chết cũng cứ đi. Đã vào đợt hai rồi. Vừa đánh vừa đi, chúng tôi hạ quyết tâm như vậy.

Anh kể, đêm đó, cánh quân của anh đụng phải bọn Mỹ nằm phục giữa đồng. Hai bên đánh nhau trong một vạt đề. Cuối trận đánh, giữa lúc một bày trực thăng nghĩa trang lạch xạch chớp đèn, hạ xuống để hốt xác Mỹ và hốt cả những thằng Mỹ bị thương đưa về Bình Đức, một thằng Mỹ chạy lại trực thăng hoảng hốt bắn loạn xạ, thì một viên đạn của nó trúng vào con mắt

trái của anh. Một tổ ba người thay nhau cõng anh quay về bệnh viện dã chiến. Cả cánh quân của anh vẫn tiếp tục mở đường, tiến vào mặt trận.

Về đến bệnh viện, tay anh còn giữ chặt một nắm cỏ chỗ anh ngã xuống. Và lá thư định gửi cho Sáu vẫn còn nằm trong túi áo anh.

- Vậy là anh chưa gửi. - Tôi hỏi.

- Chưa.

- Hai năm nay, anh có nghe ai dạm hỏi hay tấn công cô ấy không?

Tôi hỏi thẳng, tách tôi như vậy.

- Nhi... i... ề! - Anh chỉ đáp một tiếng kéo dài, nghe như hờn dỗi, và điều thuốc trên môi anh lại cháy như một hòn than đỏ.

Tôi biết anh không muốn nhắc đến nữa và ngọn gió thổi luôn vào cửa chòi; ngọn gió như nhắc cho tôi, đêm nay tôi lại ngủ trong một cái chòi, trên một lớp cỏ khô giữa đồng hoang, cánh đồng mà tôi đã xa đến những hai mươi năm!

Hai đứa nằm lặng thinh. Qua cửa chòi, tôi thấy vạt đất đang được bàn tay của ngọn gió ve vuốt, xa nữa là khoảng trời vời vợi ánh sao. Mọi chuyện hãy gác lại mà nghe tiếng nói của cánh đồng! Đất đang gáy, cánh chim đang bay qua, tiếng chim kêu xé lên rồi tắt ngấm, nhưng vang mãi trong trí nhớ, và tiếng gió hiu hiu thổi... Chẳng mấy chốc mà tôi thiếp đi... Tôi ngủ mà vẫn nghe tiếng nói của cánh đồng, tiếng động của muôn vàn cây cỏ đang cựa mình, tiếng nứt mầm của sậy đất đang trồi lên khỏi lớp tro bom.

Mặt nước các ao, đầm đang dợn sóng trong tiếng cá đớp mồi, cùng với tiếng động của đàn rùa, đàn rắn kéo nhau đi; sen đang nở cánh đưa hương và cánh đồng đang trải rộng ra, phơi mình chờ đón những cơn mưa, để nước trên cánh đồng lại lại lóng lánh với mùa cá.

Giấc ngủ say mà êm ái lâng lâng. Ngủ mà vẫn mơ hồ nghe tiếng sóng của cánh đồng. Tôi nằm khoanh trên lớp cỏ trong cái chòi hoang và choàng dậy vì tiếng bay của một lũ trực thăng, và đã thấy Bé Ba đứng trước

cửa chòi:

- Có gì thì hai anh theo em nhé!

CHƯƠNG 5

Đêm sau, không đợi đến chuyển đi của giao liên, Bé Ba đưa chúng tôi đến Tỉnh ủy. Cô nghỉ lại chỗ thường trực “nằm vạ”, để chờ xem chúng tôi được Tỉnh ủy phân công về đâu.

- Chắc hẳn là Tỉnh ủy phân công anh về chỗ em, rồi anh xem! - Cô lại tiếp: - Bây giờ anh là cán bộ Rờ, chứ hồi ở tỉnh, anh là tỉnh ủy viên dự khuyết, trẻ nhất, bộ giỡn sao?

Tôi cũng nghỉ ở thường trực, có cô cũng đỡ buồn, lại biết thêm nhiều chuyện lý thú. Phòng thường trực của tỉnh gồm có ba cái chòi gần nhau nhưng thơm mát hơn cái chòi của trạm giao liên, ở cùng một cánh đồng với dân, có hầm hố, có người lo cho cơm nước, có giường có chiếu, có cả bình trà.

Muốn vào chỗ làm việc phải có giao liên dẫn đường, phòng giặc đổ quân, theo những con đường mòn có rất nhiều bãi lựu đạn gài. Tôi được Tỉnh ủy mời cho nghe thông báo tình hình chung của tỉnh. Cả tôi và Bé Ba được giao liên đưa vào dự bữa cơm của Tỉnh ủy mừng Năm Bờ trở về. Năm Bờ thì ăn ở và làm việc ngay trong cơ quan.

Tôi ở một chòi, Bé Ba ở một chòi, nhưng thường qua lại chuyện trò.

- Nghe nói chị Sáu có nhiều người thương lắm phải không?
- Thiếu gì!
- Bây giờ chị ưng ai?
- Ưng ai, anh hỏi làm gì?

Cô trả lời giọng một như vậy, nhưng không cộc cằn mà nghe dịu dàng, thế mới chết! Trong mấy ngày thanh thoi này, cô thay cái áo màu cỏ úa

giặt sạch, phơi khô, xếp lại dưới đáy bông, mặc cái áo màu hột é; cái áo khéo may theo thời trang, bó sát lấy thân người, trông khỏe và tươi mát hơn. Và cũng cổ trái tim, cái cổ áo không muốn giấu nốt ruồi son ấy. Tự nhiên tôi lại nghĩ, nếu một cái nốt ruồi son ấy mất đi, thì vẻ mặt của cô không được sáng sủa như vậy.

- Được nhiều người thương chắc chỉ đẹp lắm?

- Tôi là con gái mà tôi còn thương chỉ nữa kia.

- Dữ vậy? Bây giờ chắc chỉ chê anh Năm?

- Chỉ mà chê thì tôi từ chối ngay.

- Sao lại từ?

- Ảnh đánh Mỹ, ảnh bị thương chớ làm sao mà chỉ chê.

- Mình là người ngoài cuộc, mình nghĩ vậy, còn chỉ, chỉ là người trong cuộc, chỉ nghĩ khác chớ!

- Trong ngoài gì cũng vậy, chỉ mà chê thì tôi từ - Cô nói, bàn tay xò ra, phạt ngang dứt khoát như một nhát dao.

- Bây giờ cô là người ngoài cuộc, cô mới đơn giản vậy, đến lúc, phức tạp lắm.

Cô mở tròn mắt nhìn tôi, nhìn với vẻ lạ lùng, giọng cô gắt lên:

- Sao anh lại nghĩ là chưa đến lúc? Em nói là nói chuyện của em, người của em bị thương còn nặng hơn ảnh nữa kia?

Tôi giặt mình:

- Thiệt à?

- Tôi nói dóc anh làm gì!

Đôi mắt của cô vẫn mở tròn đó nhưng trông đã thấy lông mày ửng đỏ. Hóa ra tôi chẳng hiểu gì về cô.

- Người của em bị thương mất một chân. Sau khi bị cưa chân, ảnh viết cho em lá thư cắt đứt. Đọc thư ảnh, em giận quá. Em viết thư lại cho ảnh, em phê cho một trận, em biểu ảnh, chừng nào ra viện thì về làm đám cưới,

em nuôi.

Vậy là con mắt của tôi không phân biệt một cô con gái còn son với người con gái đã lấy chồng.

- Bây giờ anh ở đâu? - Tôi hỏi, nghiêm chỉnh hơn.

Đôi mắt của cô chớp chớp:

- Anh hy sinh rồi. Hôm đó, bệnh viện có lệnh di chuyển thương binh nặng đi bằng xuồng máy đuôi tôm. Trục thẳng rà thấp dưới mặt ruộng tới lúc nào không nghe...

Sau đó không bao lâu, có một anh bộ đội hỏi em. Anh cũng đang hoảng đứng đần lăm, nhưng khi nghe anh hỏi, thì em giận quá, sao anh không để cho em nguôi ngoai một chút?

- Bây giờ anh ấy ở đâu?

- Anh lấy vợ rồi, năm ngoái, cũng mừng cho anh.

Sau lần nói chuyện ấy, tôi không sang cái chòi của cô nhiều như hai ngày trước nữa. Qua ngày thứ ba, tôi thấy buồn vì phải nằm chờ, cũng vừa dịp Năm Bờ đã xong việc, anh ra thăm chúng tôi vào buổi tối đầy mây, sắp sửa mưa to. Bé Ba, kể cả tôi chưa hết vui vì được biết Tỉnh ủy phân công anh trở về chiến trường cũ, thì anh đã nói với Bé Ba về tin làng, anh mới nhận được cách đây hơn tuần. Thằng đại úy Nguyễn Văn Long lại mở trận càn. Trận càn không vấp phải một sự chống trả nào của du kích, một tiếng súng không có, cả lựu đạn gài cũng không nổ. Đó là điều chưa bao giờ xảy ra ở chiến trường này. Du kích còn lại ở xã không phải là ít; súng, lựu đạn gài, mìn, đập lôi không thiếu một thứ gì! Cánh quân của thằng Long như vào chỗ không người và nó trở về với ngày ăn đầy tháng của thằng con đầu lòng tại nhà nó, thật tung bừng. Không ai hiểu được vì sao du kích không nổ súng! Từ đó đã có tiếng xì xào “bể rồi”; tiếng xì xào cứ gom dần vào cho người đứng đầu: Sáu Linh. Bể, có nghĩa là không còn nguyên nữa, theo nghĩa đen; là mất tinh thần, theo nghĩa bóng. Bể! Bể chiến trường. Anh thấy mình bị xúc phạm,

Bé Ba cũng thấy mình bị xúc phạm, tôi chưa dính dáng gì cũng thấy bị xúc phạm lây.

- Tỉnh ủy nhận định hay là ai, anh Năm? - Bé Ba hỏi.

- Tỉnh ủy không ai kết luận vội vàng như vậy.

- Vậy chớ ai?

- Một số anh em.

- Người nào nói như vậy thì bảo họ về dưới, biết đá biết vàng. - Bé Ba tức giận ra mặt.

- Tình hình này khó hiểu quá, ông Thắng! Tôi muốn về ngay đêm nay, nhưng tôi còn một cuộc họp nữa. Đêm mai mới đi được.

Anh bực bội ra mặt, nói vậy rồi trở vào cuộc họp.

Trong chòi chỉ còn tôi với Bé Ba. Cô ngồi làm thính, mặt buồn hiu, như xấu hổ với cả tôi.

Năm Bờ đánh thức tôi lúc 5 giờ sáng, trời đang mưa, mưa đầu mùa như trút nước, bầu trời trên cánh đồng Tháp Mười đen ngịt.

- Chuẩn bị đi ông! - Anh bảo tôi.

- Đi bây giờ?

- Trời mưa này, máy bay ướt cánh hết, xế chiều là mình tới nhà. - Bé Ba đáp lại tôi. Cô mặc lại cái áo màu cỏ úa, cả hai người, bỗng đang mang vai, súng khoác vai, tay cầm vải che mưa, sẵn sàng.

Tôi xếp võng, mừng, dón vào bỗng, định buộc dây thì Bé Ba dúi vào bỗng tôi một đòn bánh tét.

- Ở đâu vậy? - Tôi hỏi.

- Em đi mua, mỗi người một đòn, mưa gió vậy, cơm nước gì được!

- Cô mua hời nào vậy?

- Hời này.

- Sao cô không gọi tôi sớm.

- Muốn để anh ngủ. Đi được chưa, anh Năm?

- Đi!

Cô giữ vải ni lông, choàng qua người, đầu súng chúc xuống đất, bước ra.

Chúng tôi đi dưới cơn mưa, đường trơn trượt, nhưng lại yên ổn. Theo cách nói của Bé Ba thì máy bay bị ướt cánh, nó nằm gí ở tận đâu, không thấy một bóng nào lai vãng, cũng không nghe thấy tiếng động cơ nào từ xa vẳng tới. Chỉ có những tiếng pháo nổ chìm mất trong mưa gió. Không chỉ có ba chúng tôi mà hầu như người nào có việc đi đều chờ lúc này, nào bộ đội, nào khách của tất cả các trạm trên đường dây, nào vải ni lông đủ màu: màu xanh, màu đen, màu xám, màu nước mắm; tất cả đều đổ lên mặt đường, kẻ ngược người xuôi. Đường trơn trượt, đáng lẽ phải bám đầu ngón chân xuống mặt đường thì người mới vững, nhưng không ai dám bỏ đôi dép vì vỏ ốc dưới mặt đường bén như dao cạo. Người phía trước trượt, người phía sau té, ạch đúi, tiếng cười đùa lại vang lên trong cơn mưa, thật vui.

Mưa đầu mùa nặng hạt, mịt mù. Cây cỏ trên cánh đồng tha hồ được tắm gội. Những con cá chờ nước: cá rô, cá lóc cá trê lóc lên mặt đường.

Mấy anh bộ đội ngược đường chúng tôi, vốn là người ở xứ ít cá, cứ reo lên chụp bắt, rồi lại té, lăn quay, lại cười vui.

Con đường xuyên qua rừng đế, rồi xuyên qua đưng, qua lác, vắt theo bờ ruộng, rồi lại dẫn qua đồng cỏ hoang. Chúng tôi đi, đi mãi đến lúc dứt cơn mưa. Mưa như cũng xối ngược lên, rửa sạch nền trời. Trời không một gợn mây, vòm trời xanh trong, cao khum khum. Nắng rực rỡ, đã xế chiều.

Chúng tôi đến cánh đồng mới bỏ hoang khi dân làng bị giặc xức ra áp chiến lược, đã hai năm. Cánh đồng của những cây lúa họ “nàng”: nàng tiên, nàng rừng, nàng tây.

Và bây giờ những chiếc máy bay vừa rồi phải nằm gí dưới cơn mưa, đang cất cánh, nhìn đâu cũng thấy chúng. Những chiếc F gầm rú lao như ánh chớp, những chiếc T28 đen sì chậm chậm bay lừng lừng giữa trời,

đầm già đen, đầm già trắng bay lè tè, quần xoáy theo các con đường, và trực thăng như chuồn chuồn, ầm ì. Cái nguy hiểm nhất của chiến trường đồng lầy, chính là nó: trực thăng.

Nếu cơn mưa kéo dài thêm một tiếng nữa thì chúng tôi đã đến nơi rồi.

Rặng cây xanh um dài dọc theo bờ sông Cửu Long - mà ở xa nhìn về thì như đường chân trời, đó là những làng còn đang trong tay giặc, cách chúng tôi một cánh đồng. Và vườn cây chạy dài theo con kinh bắt nguồn từ chỗ con kinh đổ vào cánh đồng, đó là làng du kích: chỗ của Sáu Linh, cách chúng tôi chừng hơn cây số. Vàm Kinh, ngã ba ấy là chi khu quân sự. Sắp đến nơi, mưa lại tạnh, chúng tôi phải dừng lại trên cánh đồng chỉ còn những ngôi nhà nát, hoặc cháy rụi, hoặc dỡ ụp, hầm hố đã sụp lở, sậy đề um tùm.

Bé Ba đưa chúng tôi đến một ngôi nhà đổ, nhưng hầm vẫn còn tốt, đủ sức chống đạn trực thăng.

- Anh Năm còn nhớ nhà này là nhà của ai không?

Năm Bờ nhìn cái mái lá đầm ướt, treo dính trên đầu cây cột cháy, rồi nhìn lại cái hầm, cái hầm nổi vững chắc, vách bằng thân dừa với một lớp đất sét trộn trấu, trong hầm có thể trải qua một chiếc chiếu đôi, một cái mùng lớn cho cả gia đình, trên mặt hầm cỏ xanh um.

- Sao lại không nhớ? - Anh đáp.

- Tội nghiệp chỉ quá! Bây giờ hai anh nghỉ ở đây, em đi vào trước em báo cho chị Sáu.

- Tụi tôi đi luôn không được sao?

- Em đi vắng lâu, không biết mấy anh mấy chị gài lựu đạn ở đâu, lờ quờ vướng dây chết oan mạng.

Bé Ba xếp vải đi mưa cho vào bông, lấy con dao găm, chặt một bó sậy, đứng bên miệng hầm nhờ tôi ngụy trang.

Anh ngụy trang làm sao cho trực thăng với đầm già đừng thấy em

thì anh làm.

Tôi vừa vắt lá, vắt sậy, vắt đế theo những cái túi nhỏ quanh cái bông của cô, vừa sung sướng như được chăm sóc cho cô. Trong lúc đó, cô nói với Năm Bờ:

- Anh có nhớ anh Bảy Thá không?

- Sao lại không nhớ?

- Mấy ngày nay, nhiều chuyện quá, em quên kể cho anh, bây giờ nói tới lựu đạn gài em nhớ. Anh Bảy Thá bị lựu đạn gài của mình.

- Vậy à?

- Nhưng không chết, chỉ có tật ở chân trái thôi, ảnh đi cà thọt. Ai hỏi ảnh, ảnh cũng nói là mình “playmo” của nó. Ảnh nói với chị Sáu: “Lựu đạn gài với mình “playmo” của nó lần sao được. Nhưng nghĩ cho cùng, nếu không vì chúng nó thì anh em mình gài lựu đạn làm gì?”.

Thật chí lý. Tôi hỏi:

- Anh Bảy Thá đó bây giờ ở đâu?

- Cũng bị nó xúc ra ngoài rồi! Xong chưa anh?

- Xong! - Tôi thấy thú vị như vừa trang điểm cho cô.

- Thôi, hai anh ở đây, nếu nghe nỏ là em vướng lựu đạn gài đó, nhưng em không sao đâu, em học tập chị Hồng Gấm rồi.

Bé Ba đi. Hai chúng tôi ngồi bên miệng hầm, mở bánh tét ra ăn. Năm Bờ ngồi dựa vách hầm, nhìn vào rặng cây làng Mỹ Hương, sau khi ăn xong một khoanh bánh, anh nói:

- Địa hình địa vật như vậy mà đánh không được, kỳ quá!

Không muốn để anh buồn bực, tôi hỏi lảng sang chuyện khác:

- Hầm này là hầm của ai vậy anh Năm?

- Hầm của chị Nở. Hồi trước khi Mỹ mới đổ quân, nó định xúc dân ra bờ sông, viện cớ là dân ở trong vườn để chứa Việt cộng. Dân không đi, nó cho trực thăng bay dọc theo kinh, bắn ngày bắn đêm. Cả làng mới dời nhà ra

đồng, rồi kéo biểu tình, cho người nói với nó là: dân bỏ làng thì ruộng bỏ hoang, dân dời nhà ra đồng ở “lộ thiên” cho nó thấy. Cho nên mấy năm nay, tất cả các làng ở dọc theo bờ kinh trên đồng Tháp Mười đều dời ra đồng là vậy. Bay trên trời, nhìn xuống thấy nhà, thấy người, nó mới chịu. Nó nghi nhà nào thì trực thăng nó dừng lại trước cửa nhà đó, thò đầu ra nói chuyện. Có lúc, nó cho trực thăng đứng ngay trên nóc nhà người ta, đưa bồ cào cào mái nhà người ta để dòm xuống kiểm soát. Dân phải sống nửa hợp pháp, nửa bất hợp pháp. Còn bộ đội, du kích, cán bộ thì bám lấy địa hình, vậy mà, đêm vui lắm. Ngoài đồng, nhà đổ đèn như sao sa. Nhà nào cũng mở ra-đi-ô nghe đài Hà Nội, đài Giải phóng. Hỏi tôi còn ở đây, tôi thường hay về nhà này. Chị là bà con bên dì tôi.

Tôi vừa nghe anh nói vừa nhìn theo Bé Ba, không quên để ý đến tiếng bay của đám già đang văng vẳng từ xa, cũng không rời mắt khỏi một bầy trực thăng đang chúi mũi xuống cánh đồng ở tận trong sâu, nhỏ như ba cái cán gáo.

- Mùa nước ở đồng Tháp Mười, người cực khổ nhứt ở cái chiến trường này là ai anh có biết không? Cực khổ nhứt là phụ nữ có con nhỏ. Anh dòm cái chơn nước ở vách hầm này thì biết: cao hơn thước rưỡi. Hầm hồ ngập hết. Ngồi trên sàn, sống trên xuồng, muốn tránh bom hoặc trực thăng, chỉ có lặn thôi, trẻ con làm sao lặn được. Mùa nước năm đó tôi về đây, nước ngập hầm, hễ nó bắn thì lặn xuống nước, hầm nào chưa ngập lụt thì cũng ngập hết nửa hầm.

Bé Ba đã qua khỏi đám đế, đang đi theo bờ ruộng. Một đường khói đen từ “con cá lẹp” ở xa kia đang cắm xuống. Nó bắn hỏa tiễn.

- Muốn vào hầm, cũng phải lặn. Chị Ba Nở tôi, con còn nhỏ quá, không thể ôm con mà lặn vô cửa hầm được. Mỗi lần nó bắn, chỉ phải để thằng nhỏ ngồi trên cái thau, đẩy nó vô hầm, thấy đứt ruột đứt gan.

Bé Ba lại khuất vào một đám cỏ tây tươi xanh, thấy rõ những cọng

để quanh người cô đang chuyển động.

- Đến lúc trong hầm không còn không khí để thở nữa, chỉ còn có một cách là lặn thôi. Trong xóm, trong làng, chị nào có con nhỏ cũng phải thủ ở bên mình một cái bọc ni lông, hễ nó tới bắn thì để con vào bọc ni lông, túm miệng lại, ôm con lặn xuống rồi trồi lên, mở miệng ni lông cho con thở, rồi lại lặn xuống. Cứ ôm con trong bọc ni lông trồi lên hụp xuống cho đến khi nó bay đi. Năm đó, năm sáu mươi sáu, nhằm năm bão lụt, nước cao quá, mấy cái gò cao ở đồng cũng bị ngập, không có đất để chôn người chết nữa. Người chết được liệm trong một cái bọc ni lông, hàn kín để trong hòm rồi gác lên ngọn cây, chờ đến mùa khô mới đem xuống chôn cất.

Bé Ba đi đã xa, không nhìn thấy được nữa, chắc là vừa đến rừng cây.

Ba chiếc trực thăng bay về hướng chúng tôi. Tiếng “con đầm già” đã tới.

Ba chiếc trực thăng bay qua đầu chúng tôi, con đầm già đen thì xoay tròn trên cụm vườn. Chúng nó, bay hai tầng, con cá lẹp, dài ốm nhom ốm nhách và đen sì bay trên cao, một chiếc hình cá rô, một chiếc hình con cá nóc rà thấp. Nó rà một vòng, rồi lại đảo qua một vòng nữa, một vòng nữa, lại một vòng nữa, nhưng chưa bắn. Chiếc “cá rô” dừng lại trên những cụm đề, con đường của Bé Ba vừa đi qua, quạt cho đề ngã rạp xuống, vệt ra, rồi lại cất lên, lại dúm mũi gửi một chỗ khác.

- Kiểu này nó có thể nhảy cóc lắm đó, ông Thắng! - Năm Bờ nói với tôi: - ông cứ ở trong hầm đi, chừng nào tôi kêu thì chạy ra nghen.

Mỗi lần nó rà tới, Năm Bờ lại lách ra cửa hầm, cây AK đã lên đạn, ghé con mắt nhìn theo. Nó bay khỏi, anh bước ra, dõi theo nó. Chiếc hình cá lẹp bay tạt trên cao, cánh nó quạt lạch xạch, yểm trợ cho chiếc dưới.

Tôi đứng mấp mé bên cửa hầm, nhìn theo nó, rồi nhìn Năm Bờ đang đứng cạnh bên tôi, giấu mình trong vạt đề lúa thừa, tay cầm AK. Cây

súng ngắn bên hông tôi lúc này quả là chẳng có tác dụng gì, chẳng đủ bảo vệ mình.

- Chia cho tôi một trái lựu đạn, anh Năm!

Năm Bờ đưa tay vào dây lưng, rút ra một trái da lẳng đưa cho tôi. Tôi cầm lấy trái lựu đạn, không ấn vào cửa hầm nữa.

Con đầm già đen tè tè bay dọc theo kinh. Chiếc trực thăng hình cá lẹp bay trên tầng cao, nó bay xấp xỉ vệt vàng, trông nó tung hoành, khát máu đến muốn chửi.

Chiếc trực thăng bụng tròn như con cá nóc, cái bụng chở quân, rã xuống cánh đồng. Nó bắn.

- Nó sắp đổ giò đó, ông Thắng!

Đường bay của nó sà xuống thì tiếng súng từ trong rừng vườn nổ ra. Như một con chim nghe đường đạn, nó vụt cất lên, cánh quay tròn. Tiếng súng trong rừng vườn du kích lại nổ tiếp.

Một trận đánh bắt đầu. Con đầm già đang tè tè bay thẳng ra sông lớn, nó vòng lại, ba chiếc trực thăng cất cao, rồi chúi mũi về phía súng của du kích, bắn xả xuống. Chiếc hình cá lẹp đen sì xấp xỉ bay tới, bắn hỏa tiễn, khói bụng lên.

Tiếng súng của du kích bắn lên như ném theo dây thòng lọng vào đầu nó ghì nó xuống.

Du kích đang kéo lửa về phía mình cho chúng tôi thoát khỏi vòng vây...

- Hai anh mới về?

Sáu Linh, cô gái mà tôi nghe nhắc đến, mà tôi mong mỏi, bây giờ đang đứng trước mặt tôi. Đêm đã xâm xẩm tối, nhưng tôi vẫn nhìn rõ. Một cô gái người thon thả, gọn gàng, đầu bới tóc, nước da ngăm đen, một cô gái bình thường, cái đặc biệt ở cô là đôi mắt, đôi mắt thăm thẳm lung linh. Cô hỏi giọng nhỏ nhẹ, hơi run, ngón tay cái tỳ vào dây súng đeo qua vai.

- Anh em mình có ai làm sao không? - Năm Bờ đứng đó, trước mặt cô, không đeo kiếng mát, hỏi lại Sáu.

Tôi bỗng cảm thấy sự có mặt của tôi và những chị em du kích đang đứng chung quanh trong lúc này, thật vô lý. Bé Ba cũng đứng đó. Sau trận đánh, mà tôi tưởng như tôi đã xa cô lâu lắm. Hai cô du kích kia thì chào mừng rồi rít với bao nhiêu câu hỏi.

- Anh đi đâu mà biệt tăm biệt tích vậy?
- Tụi em chờ anh muốn chết!
- Anh bạc quá. Không gởi cho tụi em một chữ làm thuốc nữa.
- Người ta ở Rờ, người ta nhớ làm gì cái dân ở xã của mình.
- Nói vậy chớ, mấy em biết trước sau gì anh cũng về thôi.
- Bỏ cái đất này đâu có dễ, hờ anh Năm!

Tôi hiểu rồi, những lời trách móc, hờn dỗi, cũng như sự vồn vã rồi rít của các cô, chính là của Sáu, mà các cô đã mang đến cho anh. Sáu đứng lùi lại phía sau, nhưng đôi mắt của cô khiến tôi thấy cô đứng gần với Năm Bờ hơn mọi người, đôi mắt cô bật lên trong cái nhìn thăm thẳm mênh mông. Khi cô nhìn Năm Bờ, đôi mắt cô chột sáng như ánh sáng của một vầng trăng. Một đôi mắt có ánh trăng! Tôi trầm nghĩ. Năm Bờ! Anh có thấy ánh trăng trong đôi mắt ấy không?

Lúc đó, Năm Bờ lại nói:

- Hôm nay về Tỉnh ủy, anh nghe nói, trận càn vừa rồi, du kích mình không nổ được một tiếng súng, một trái lựu đạn gài cũng không nổ, anh nghe kỳ quá, không hiểu sao?

- Em nói với chị Sáu hết rồi, chị Sáu nói cho anh Năm nghe đi chị Sáu.

Bé Ba vẫn bộ quần áo đi đường, vai mang CKC, đứng gần bên Sáu, nói và nhìn chúng tôi.

- Nó càn nhưng nó không vô định hình, làm sao đánh được anh? -

Sáu vẫn đứng xa hơn các cô, nói với chúng tôi - Nó sắp càn, tụi em biết, tụi em bố trí đâu đó sẵn sàng. Nhưng nó cứ dẫn quân đi lơ lửng ngoài đường; ngay chỗ mình đang đứng đây, nó cũng không dám tới. Nó cứ quần tới quần lui ở ngoài kia kia. Lúc đầu, em tưởng là nó phát hiện được cánh quân nào của mình mới chuyển về, đang ém quân. Té ra là nó không dám đụng đầu với du kích, nó càn cho có chừng, không dè nó bẻ đến như vậy. Quân của nó cứ lặn ngụp trong sậy trong đé cách mình hàng ba bốn cây số, nếu có bắn, đạn cũng không bay tới! Nổ súng làm gì?

Năm Bờ đứng nghe, vừa ư hừ vừa gật gù. Té ra là như vậy, có đến tận nơi mới biết, sự thật hết sức giản đơn. Du kích không nổ súng, chính vì nó không dám đương đầu.

- Em phải báo cáo cho rõ để các đồng chí ấy biết!

- Em làm rồi, nhưng chữ nghĩa của em, em viết cụt ngùn cụt ngắn thôi...

- Nếu vậy thì phải làm lại, anh Thắng sẽ giúp em. - Anh nói và nhìn sang tôi.

Sáu Linh vẫn đứng đó với đôi mắt lung linh, cô nói:

- Cẩn gì anh, thì giờ để làm việc khác, trước sau gì rồi các anh cũng biết thôi, lo gì! - Cô nói với giọng nhẹ nhõm, bình thản, không vương bận gì đến những dư luận oan ức đó đối với cô. Người ở chiến trường xử sự có khác, hành động và ý chí đều hướng vào kẻ giặc, một mất một còn, ngoài ra, những điều phiền toái và rắc rối khác là những điều nhỏ mọn không đáng kể. Sáu vẫn đứng đó, sau mọi người; tôi thấy cô rõ hơn, nhưng không phải nhờ ánh sao vừa mới bật sáng mà chính vì câu nói của cô. Không hiểu Năm Bờ nghĩ gì mà làm thỉnh, một hồi lâu mới nói:

- Cũng nên nói rõ để cấp trên hiểu rõ tình hình.

- Dà! Thôi về đi hai anh, đi được rồi. Đi đi mấy em, đi dang ra xa, coi chừng pháo - Cô nói.

Bé Ba vọt đi trước rồi đến ba cô du kích, tôi vọt chân lên trước để cho hai người đi sau cùng. Năm Bờ hỏi Sáu:

- Bà Chín còn không, Sáu?

- Còn chứ anh, Bé Ba không nói gì với anh à?

- Không biết tình hình ở xã ra sao, anh không muốn hỏi. Anh cứ lo là bà Chín không còn.

- Nè anh, vừa rồi, bà Chín đã đỡ đẻ cho vợ thằng Long đó.

- Vậy hả?

Tôi không biết bà Chín ấy là ai mà mãi đến lúc này Năm Bờ mới hỏi, rõ ràng là anh vui mừng trong tiếng “vậy hả!” của anh.

- Để em kể cho anh nghe...

Giọng của cô gái nghe dễ thương lạ, hèn chi!

CHƯƠNG 6

Bà Chín, vốn là mụ vườn, trong làng ai cũng biết. Nếu tính từng ngày thì hôm nay đã đúng một tháng mười ngày chẵn.

Hôm đó vào nửa đêm, bỗng có tiếng gõ cửa. Bà nằm trong buồng với đứa con gái út, bà chưa ngủ nhưng bà không lên tiếng.

Lại cộp cộp cộp, lần này to hơn. Bà nằm im, nín thở, lắng tai nghe. Không phải là người của mình. Người mình về phải báo trước. Người mình có về thì cũng không gõ cửa như vậy. Nhưng cũng không phải là giặc. Nếu là giặc thì nó cần gì gõ cửa, nếu có gõ, nó cũng không gõ dè dặt như vậy.

Cộp cộp cộp. Tiếng gõ cửa to hơn, dồn dập khẩn khoản.

- Bà Chín ơi, mở cửa!

Tiếng người không quen nhưng nghe không phải tiếng người gian. Bà đưa hai ngón tay lắc lắc cái mũi của con gái, đánh thức con dậy, rồi lên tiếng:

- Ai đó, chờ tôi một chút.- Bà bước xuống giường, bật lửa, đốt ngọn đèn trứng vịt.

Cửa mở, hai tên lính to lớn với cây súng cầm lăm lăm, hiện ra trước mặt bà. Bà giật mình, lùi lại, mình lộ rồi chẳng, nhưng bà làm tỉnh:

- Hai chú đi đâu mà khuya khoắt như vậy? - Bà thoáng lo cho cô gái đang tuổi dậy thì của mình. Theo thói quen bà chuẩn bị đối phó.

- Thưa bác, bác có phải là bác Chín không? - Tên lính nói với giọng lễ phép, bà đỡ lo.

- Tôi thứ chín, ở xóm này thiếu gì người thứ chín như tôi. Hai chú muốn hỏi ai?

- Tôi muốn hỏi bà mụ.

- À! - Bà à một tiếng dài, nhẹ người. Bà hiểu rồi. - Hai chú vào đây uống nước cái đã. Thím ở nhà bây giờ làm sao?

- Dạ. Không phải người nhà cháu. Người nhà ông đại úy.

- Ôi trời ơi, mắt tôi lèm nhèm lại đêm hôm khuya khoắt, té ra hai chú đây là “gạc đờ co” của đại úy. Thôi vào nhà. - Bà xoay người nhường đường cho hai người lính.

- Dạ thôi, bác để cho lúc khác. Vợ của ông đại úy đang chuyển bụng.

- Tưởng ai chớ nhà ông đại úy với tôi cũng gọi là người hàng xóm, tôi biết. Ông là người của Mỹ, - Bà cố ý nhấn tiếng đó - sao ông không đưa lên nhà thương tỉnh của Mỹ mà để; tôi là mụ vườn, tôi chỉ đỡ đẻ cho bà con nghèo hàng xóm thôi. Thôi, vào ngồi đây uống nước cái đã.

Bà muốn dềnh dàng để nói chuyện với hai chú lính “gạc đờ co” nhưng trong lòng cứ áy náy lo âu cho người đàn bà sắp vượt cạn. Bà bước vào buồng dặn cô gái, rồi cầm cái túi nghề nghiệp bước ra.

- Xin bác đến mau mau cho, để lúc khác hai cháu lại

- Ờ thôi, đi.

Hai người lính rọi đèn pin chiếu lên mặt đường đá trắng chạy dài theo con sông. Bà đi giữa, hai người đi hai bên.

Trong làng, người ta vẫn quen gọi bà là mụ vườn. Bà vào nghề từ năm hai mươi tuổi, xách túi, xách trầu cau cho cô, rồi được cô truyền nghề cho.

Gần bốn mươi năm trong nghề. Tiếng là mụ vườn nhưng người trong làng không ai dám xem thường nghề nghiệp của bà. Năm 1949, bà được dự một lớp hộ sinh của Ty y tế. Bà không nói được tiếng Tây tiếng u gì, nhưng bà đọc được toa thuốc Tây, nói đúng tên thuốc và hiểu được cái toa dạy bảo người bệnh phải làm sao. Bà cũng biết một ít thuốc gia truyền do cô để lại, vừa rẻ lại vừa lành cho bà con nghèo. Trong đời làm mụ, bà chưa để

xảy ra một điều gì đáng tiếc. Những người sanh nở gặp khó khăn, đều do bàn tay bà mà mẹ tròn con vuông. Trong làng, kể trên người dưới ai cũng nể bà. Ngay cả thời đen tối nhất, cái thời mà nhà nhà đều phải treo biển trắng biển đen, bọn làng lính kể cả bọn ác ôn không ai không biết bà có một thời làm việc cho y tá xã, và không ai có thể quên đứa con trai đầu của bà, anh xã đội trưởng, đã hy sinh trong trận đánh Tây ở ngay vòm. Nhưng đối với bà, bà vẫn được thông thả, được đi sớm về khuya. Vì ngay cái bọn ác ôn, vợ con nó có lúc cũng phải cần đến bà. Và ngay chính những tên đó, những thằng đã bị trừng trị, và cả những thằng con sống như thằng đại diện Phiến đương quyền bây giờ, cũng chính do bàn tay bà mụ cô của bà đưa nó ra đời. Theo hồ sơ của những người bị bắt, không có một lời khai nào dính líu đến bà. Trước đây, khi xóm này chưa là khu trù mật, cái ngôi nhà sàn nhỏ bé của bà cũng dưới bóng cây xoài thanh ca đó. Rồi đến áp chiến lược, cây xoài thanh ca cũng tỏa bóng che mát cho ngôi nhà của bà. Đến ngày Mỹ đổ quân, xây căn cứ Bình Đức nhà bà cũng dưới bóng xoài thanh ca. Bà với đứa con gái và ngôi nhà sàn nhỏ bé của bà luôn luôn nằm trong vùng kiểm soát của “quốc gia” và trong đời sống hàng ngày, cái lưới kèm kẹp của ngũ gia liên bảo, của thám báo, không ai thấy, cũng không ai nghe bà có liên lạc với Việt cộng. Trong đời sống bình thường, không vì cái lẽ đã có một thời làm việc cho y tá xã mà bà tỏ ra sợ sệt hay dè dặt trong lời ăn tiếng nói như một số người có dính dáng với kháng chiến. Trong sổ kiểm tra của cảnh sát, của đại diện, bà không được xếp trong cái cột là dân đã làm ăn. Tên bà là Trần Thị Chín nằm trong cái cột “người kháng chiến được cải hóa”. Nói như vậy, không có nghĩa là bà thuộc vào loại người được thoát khỏi mọi đe dọa. Cũng có một lần bà bị bắt, đó là năm tổ cộng. Rủi thay và cũng may thay, đang ở khu tập trung thì chính thằng cảnh sát trưởng ác ôn đánh xe đến đón bà. Vợ nó chuyển bụng đã ba hôm mà chưa nở. Nó định đưa vợ lên tỉnh, nhưng mẹ nó can lại:

- Mày đưa lên nhà thương để cho họ lấy dao họ rạch bụng vợ mày

hả? Chết sống gì mà cũng phải rước bà Chín.

- Bà đang bị tập trung!

- Tập trung tập trức gì. Mà cứu người ta rồi người ta cứu vợ cứu con mà.

- Mà chắc gì bà đỡ được?

- Thằng cha này! Tao là mẹ mà tao biết, chính cái bản mặt mà bây giờ là do bà mụ cô của bà đỡ chớ ai. Mau lên, mau lên.

Lớp học tổ cộng làm ngay trong nhà việc, ở phòng giữa - Người phải học là các bà mẹ có con đi kháng chiến, đi tập kết, là những người đàn bà có chồng là cán bộ là bộ đội và cả những cô gái đang hứa hôn với người kháng chiến. Bà được lính đến mời lên phòng cảnh sát.

- Thưa ông cảnh sát, ông gọi tôi lên có việc gì? Tôi học như vậy ông thấy không được sao?

- Thôi thím Chín, thím gọi tôi bằng con, bằng cháu. Cháu mời thím, vợ cháu chuyển bụng từ đầu hôm đến giờ mà chưa đẻ.

- Tôi đang học tổ cộng, làm sao bỏ lớp mà đi được.

- Chuyện đó để cháu lo. Thôi, xin mời thím ra xe.

Tên cảnh sát xòe hai tay vừa xoay vừa đẩy lưng bà.

Được mẹ tròn con vuông, tên cảnh sát bảo:

- Thôi bây giờ xin thím Chín trở về.

- Về sao được, tôi học chưa xong làm sao tôi dám bỏ về.

- Có tôi mà, thím Chín!

Bà mẹ tên cảnh sát nói vào:

- Thôi chị Chín về đi. Chị cứu vợ con cháu, thì cháu nó cứu lại chị.

- Làm vậy coi sao được, người ta sẽ nói là ông cảnh sát cá nhân với tôi. Nếu ông cảnh sát cho tôi về thì phải tuyên bố với lớp học, phải tuyên bố với quan chức, với lính làng cho rõ ràng, như vậy mới công minh, để nay mai ông cảnh sát có đổi đi đâu, (ý bà muốn nói nó bị đền tội), người khác thay

chân thì cũng hiểu rõ như vậy.

- Chuyện đó thì có khó gì, nó không lo thì tôi, thì vợ con nó cũng lo cho chị.

Cái tên của bà được ghi vào cột “Người kháng chiến được cải hoá” là vậy.

Thằng cảnh sát ác ôn ấy bị đền tội rồi.

Bây giờ lại đến vợ của thằng đại úy. Đi trên con đường rải đá giữa đêm khuya trong gió mát và tiếng sóng của con sông, có hai tên lính kèm theo, bà nghĩ ngợi miên man, hết chuyện này đến chuyện khác. Bà nhớ lại chuyện thằng cảnh sát, nghĩ đến thằng đại úy, nghĩ đến đứa con của nó và nghĩ đến những gì sẽ xảy ra.

Nhà nó, ngôi nhà sàn cao lớn nhất trong vùng, do cha nó để lại. Nhà sàn gỗ, mà hồi nhỏ bà nghe nói đất tiền bằng một dãy phố ở chợ. Vách gỗ, sàn gỗ, mái ngói, bốn gian, một bếp. Cũng đã gần mấy mươi năm nay bà mới để cái đôi guốc dưới cầu thang nhà nó.

Thằng đại úy và mẹ nó đang chực sẵn ở đầu cầu thang. Mẹ nó xưa kia vốn cũng là bạn gái của bà. Mẹ tên đại úy, người trong xóm quen gọi là bà Út Nhỏ. Bà thứ út, lại là vợ nhỏ của nhà điền chủ, cũng là một bà già nhỏ nhắn. Bà Út Nhỏ bước từ trên sàn xuống cầu thang đón đả đón bà:

- Chị Chín cứ mang guốc lên nhà. Là bạn hàng xóm mà không biết bao lâu chị mới đến tôi. Chị cùng một tuổi với tôi mà chị còn sôi quá.

- Cháu nó làm sao vậy chị Út?

- Nó đang chuyển bụng.

Bà Út Nhỏ đưa tay nắm lấy tay bà Chín, nâng lên theo từng bậc thang. Bà Chín vẫn không quên để guốc dưới nấc thang cuối cùng trước khi bước lên sàn. Gian trong, đèn măng sông treo giữa, sáng loáng cả cái sàn gỗ đen mượt màu mun.

- Dạ, thím Chín!

Người đàn ông đã sắp đến bốn mươi mặc bộ pijama màu xanh, cúi đầu chào bà: đại úy Long. Nó hiện ra hôm nay thật khác, trước mắt bà bây giờ nó chỉ là một anh chồng, cũng như bao nhiêu người chồng khác, đang bồn loạn trước giờ sinh nở của vợ.

- Vợ cháu cứ ôm lấy thành giường, rên dữ lắm!

- Ô! Sao không đưa thím lên nhà thương có tiện hơn không?

- Dà... dà...

- Lúc đầu nó cũng định đưa đi nhưng tôi không cho - Bà Út Nhỏ nói thành thật - Nửa đêm nửa hôm như vậy, xe thì xóc, lại sợ mấy ông nằm phục.

- Ai người ta đánh đàn bà đẻ bao giờ.

- Biết vậy, nhưng có nó, lại có lính, có súng, lòi thôi lắm.

- Dạ... lúc đầu cháu cũng nghĩ như vậy, nhưng nhớ là có thím ở đây, đi đâu xa làm gì. Với lại, chính cháu khôn lớn cho đến bây giờ là cũng nhờ thím.

- Chú mà cũng biết được chuyện đó à?

- Nó thì biết cái gì. Tôi nhắc cho nó nhớ đó chứ!

- Xin thím vào ngay cho. Vợ cháu lẫn lộn dữ quá.

- Cô bây giờ đang nằm ở buồng nào.

- Dạ đây! - Hấn đưa một tay ra trước, hướng vào buồng ngủ của vợ... chân hấn đi lấp vấp tất bật.

Vợ nó chuyển bụng chớ nó có chuyển bụng đâu mà đầu tóc nó cứ rối bù. Bà bước theo chân nó, nhìn lại nó từ đầu đến chân; bà chợt nghĩ, nó dám về đây với hai thằng lính. Nó không còn sợ ai nữa, thật dễ người. Bà thấy người bứt rứt, không yên.

- Cũng cái buồng này - Bà nói thầm...

Trời sáng... Đại úy Long với mẹ hấn ngồi tiếp chuyện bà. Hai người già cùng ngồi một cái ghế trường kỷ có chạm rồng, còn đại úy Long thì

ngồi trong chiếc xa lông niệm nhung màu máu bầm, xa xa, thấp hơn và cũng bệ vệ hơn.

- May mà có thím ở cùng xóm!

Hắn nói những lời cảm ơn mà người cứ nhấp nhòm vì tiếng khóc oa oa của đứa bé từ trong buồng đội ra. Bà nhìn nó. Trước mắt bà, nó không còn là người chồng, người cha của đứa con mới ra đời nữa. Mới đây, mới đây thôi. Không đầy mấy tiếng, khi nó bối rối trong tiếng kêu rên của vợ, khi nó bừng lên tươi tỉnh trong tiếng khóc chào đời của đứa bé; giây phút đó, bà thấy gần với nó, cùng với nó trong một nỗi lo âu và vui mừng. Bây giờ, cũng nó, nó ngồi đó, đầu đội mũ lưỡi trai màu cứt ngựa, cây súng ngắn lủng lẳng bên hông. Một kẻ thù với tất cả tội ác mà bà đã tận mắt thấy từ ngày nó trở lại làng thay chân cho quân Mỹ, gần hai năm nay.

Bà nhớ trong một buổi sáng, giữa trận cản do nó chỉ huy, những người cùng xóm đứng nhìn vào đám khói của những ngôi nhà rải rác trên cánh đồng đang bốc lửa giữa tiếng bom pháo và tiếng gầm rú của máy bay, có một người chột hỏi bà:

- Bà Chín, sao hồi đó bà không bóp mũi nó cho rồi.

Bà không thể trả lời được câu hỏi đó. Bà đứng lặng, chẳng hiểu sao nước mắt lại lưng tròng. Thật trớ trêu, hơn ba mươi năm trước, chính tay bà đã đưa nó ra đời. Nó có khác gì những đứa trẻ khác đâu? Có đứa bé nào mà không đáng cho ta nựng nịu, hôn hít, yêu thương? Đứa bé, cả cái tính xấu của nó cũng không thể nào ghét được! Và nó, nó cũng là con của một người con gái nghèo, phải lấy thân mình báo hiếu cho cha mẹ. Mẹ nó vốn là con tá điền của cha nó. Ngày xưa, - Út, cô con gái mười bảy tuổi, mới dậy thì, nước da mon mơn, phải đến nhà cha nó, làm con ở để trừ nợ, làm những chuyện vặt trong nhà: lau sàn, com nước, giặt giũ, ăn com ở nhà dưới và cũng ngủ trên cái vạt ở nhà dưới. Cha nó, con một nhà điền chủ, học giỏi nhưng thất chí, trở về làng giữ cái chức hương sư hờ, ông ta hay mặc bộ bà ba lụa màu hột gà.

Không keo kiệt, thích chơi bời, xài tiền như đốt. Ông ta làm chủ hội banh của làng, lại thích đờn ca. Thời kháng chiến đánh Tây, ông ta hiến một ít ruộng và có chân trong Liên Việt quận. Dân làng coi ông ta là một điền chủ có chút ít “đầu óc”. Vợ ông ta cũng là con của một điền chủ, ở làng bên kia sông, do cha mẹ đặt đâu ngồi đó. Vợ ông ta sanh được ba đứa con gái, ông ta lại thích một đứa con trai. Tính ông hay mèo mỡ. Có một lần ông nói thẳng: “Người nào để cho tôi một đứa con trai thì tôi đội lên đầu”. Ông sợ ai mà không dám nói thẳng? Và khi cô gái tá điền ấy có mang với ông, vợ ông nổi ghen, nhưng không phải là người sợ vợ, ông nói: “Chừng nào người ta để con gái thì tôi đuổi, không đợi đến cô!”. Ông chờ đợi đứa con của cô gái tá điền.

Nó, tên đại úy đang ngồi trước mặt bà đó, nếu là đứa con gái, hoặc là đứa con trai thứ hai hay thứ ba của ông chủ thì cuộc đời của nó có lẽ sẽ khác chẳng? May hay rủi cho nó? Dù là con của một cô gái tá điền, nhưng nó là đứa con trai, đứa con duy nhất của ông chủ muốn có người để nối dòng nối giống.

Bà Chín, bà còn nhớ cái đêm cách đây đã hơn ba mươi năm đó. Bà đang bế một đứa bé đỏ hỏn trên tay, trong buồng đẻ nhà dưới thì bên ngoài có tiếng hỏi vọng vào:

- Trai hay gái?

- Dạ, con trai!

Lập tức, cửa buồng đẻ bị mở tung.

Cha nó, bộ bà ba lựa màu hột gà, bước vào, xúc động đến run rẩy:

- Cô đưa đây cho tôi. - Cha nó đưa hai bàn tay ra nâng lấy nó, rồi cũng chính cha nó đưa nó lên nhà lớn. Bây giờ nhớ lại, bà nghĩ, cuộc đời của nó được quyết định và khác người đã bắt đầu từ hai bàn tay của cha nó, đêm đó. Nếu nó là đứa con gái, thì nó vẫn ở lại cái nhà dưới, là con của một đứa ở, chỗ nằm của nó không quá mặt đất năm tấc, trên chiếc chiếu trải trên tấm vạt tre. Nhưng vì nó là đứa con trai trong hoàn cảnh đặc biệt ấy, nó được đưa lên

ngôi nhà lớn, chỗ nằm cách mặt đất một cái sàn cao hơn đầu người, trên cái giường sắt, có nệm, có trải chiếu hoa. Nó được đặt cái tên có ý nghĩa cao xa hơn thiên hạ: Long. Long có nghĩa là rồng. Nguyễn Văn Long: Rồng trong mây (theo lối cắt nghĩa của cha nó). Rồi cũng khác hơn những đứa nhỏ khác, không ai dám gọi nó bằng thằng, dù cái tiếng thằng trong cái nghĩa âu yếm yêu thương; người chung quanh đều gọi nó bằng cậu. Lúc chưa biết gì, nó đã được cha nó trao cho nó một quyền lực mà tự nó, nó không thể hiểu được. Cũng như bao nhiêu những đứa trẻ khác, khi no nó vui, khi vui nó cười; lúc đói lúc đau nó la nó khóc. Tiếng khóc tiếng la của nó nghiêm nhiên trở thành những mệnh lệnh nghiêm khắc đối với kẻ hầu người hạ trong nhà. Ngay cả mẹ đẻ ra nó cũng phải nể sợ nó. Nhờ đó mà mẹ nó được lên nhà trên, nhờ nó mà người vợ lớn không thể ăn ở khắc nghiệt với mẹ nó như một đứa ở. Rồi đến lúc người vợ lớn mất, mẹ nó trở thành vợ chính của người chồng vốn là ông chủ của mình.

Và bây giờ, thằng nhỏ đó, nó ngồi trước mặt bà, là kẻ giết người với cái chức đại úy, chỉ huy chi khu bình định này. “Nếu nó biết mình là ai thì chính tay nó, nó sẽ giết mình”. - Bà thâm nghĩ và nhai ngấu nghiền miếng trầu đang ăn.

Rồi đến đứa con của nó hôm nay cũng chính tay bà đưa nó ra đời, cũng đứa con trai, đứa con trai đầu lòng, nó cũng được yêu thương như thằng cha nó ngày trước vậy. Cũng như bao nhiêu đứa nhỏ khác, không một ai có thể oán ghét được nó. Nhưng rồi, khi lớn lên, nó sẽ ra sao?

Khác hơn tất cả mọi lần, sau khi chăm lo cho một người vượt cạn được mẹ tròn con vuông, bà không thấy vui mừng, không thấy thanh thản, cũng không có cái vui sướng của người làm nghề, mà như có một cái lưỡi câu đang móc ngược lên trong lòng ngực bà. Bà muốn đứng dậy, ra về. Nhưng bà cũng đã quen với cuộc sống hàng ngày đối mặt với kẻ thù. Bà Út Nhỏ, mẹ nó đang nói gì, bà không để tai, bà chột hỏi:

- Con của cháu, cháu định đặt cho nó tên Mỹ hay tên Tây?

Không kèm được, bà muốn hỏi xỏ nó một câu cho hả bớt. Nhưng bà bị thất vọng vì tên đại úy không tỏ ra bức bối hay khó chịu. Nó cười, nó cười với cái vẻ của người rộng lượng trước một người kém cỏi vì không hiểu mình mà lỡ lời:

- Cháu cũng là người Việt như thím. Nó là con của cháu, cháu đặt tên Tây, tên Mỹ làm gì?

Chuyện đặt tên cho con, trả lời đến đó là đủ, nó phải thôi đi; nhưng sức nhớ điều gì sau một giây im lặng, nó ngược mắt nhìn bà, nó lại tiếp:

- Bà con trong làng chưa hiểu cháu. Cháu không ưa Tây, chuyện đó dễ hiểu thôi. Vì cháu chưa làm việc cho Tây một ngày nào. Cháu chỉ mới làm việc từ ngày có chính phủ quốc gia. Cái gốc của cháu không phải là Việt gian. Cháu nói là cháu không ưa Mỹ thì khó tin quá. Nhưng thím cũng nên nhớ cho là trong hàng ngũ quốc gia hiện nay không phải ai cũng ưa Mỹ đâu. Có thằng đã bị chúng cháu bạt tai, chắc thím cũng nghe nói. Nếu cháu ưa Mỹ, phục Mỹ thì cuộc đời của cháu không như bây giờ. (Nó xòe ra hai bàn tay với cái nhún vai, cử chỉ áy bà thấy thật ngứa mắt). Thím ở đây, thím cũng thấy đó. Mỹ về đây, nó làm được gì. Chúng tôi phải mời nó đi. (Nói vậy mà nói được à? Bà nói thầm lại với nó) Từ ngày chúng cháu ra tay thì vùng này ra sao? Bình định! - Nó kết luận bằng hai tiếng gọn sắc, kiêu căng. (Nhà cháy, người chết... hiện lên trước mắt bà trong giọng nói của nó.)

- Thím có thấy không? - Nó lại hỏi.

Bà không thể ngồi cho nó khoe chiến công mà đối với bà là tội ác, bà cắt lời nó:

- Cháu nói thím hiểu rồi, cháu cứ đi đi lại lại như vậy, cháu phải coi chừng. Bây giờ cháu không phải một thân một mình, cháu phải nghĩ tới thằng nhỏ.

Bà Út Nhỏ, mẹ nó nói thêm vào.

- Chị Chín nói đúng đó. Tôi nói nó hoài mà nó cứ dễ người. Thời buổi này có yên đâu! Chị Chín còn nhớ năm kia không, mình du kích nổ chết mấy thằng Mỹ với ông cảnh sát ngay trước nhà con Thon chớ đâu xa. Chị uống nước đi chị Chín.

- Chị để đó tôi, tôi đang còn miếng trà.

Ly nước trà đường do chính tay nó pha cho bà, bà không muốn uống.

Chưa làm gì được nó, bà muốn dọa nó một câu nhưng nó không có vẻ sợ mà lại cười, cái cười tự mãn, nó cười ngửa cả người, hai tay khuỳnh lên, trông thật ứa gan.

- Nếu cháu cứ khúm núm trong đồn, nếu cháu không đi qua đi lại, không đi tới đi lui thì sao gọi là vùng bình định được hở thím?

- Thôi đi! - Mẹ nó giận đến phải nạt vào mặt nó - Có ngày du kích nó thịt mày bây giờ, cứ dễ người.

Bị nạt, nó cũng không tự ái, không ngượng, mà ngửa cổ ra cười, cười hơ hớ giọng lên. Những thằng giặc ở trong làng mà bà gặp, những thằng hung bạo nhất, mặt mày nó cũng có nhón nhác lo sợ, bà chưa gặp thằng nào tự mãn, tự đại như thằng này.

- Nếu cứ lo nghĩ như má, không chết vì Việt cộng thì cũng chết mòn. (Nó đưa tay đánh một vòng tròn qua đầu) Không nói đâu xa, cháu chỉ nói trong vùng bình định này. Việt cộng còn được bao nhiêu? Còn không quá mười người? Đứng đầu là ai? Con Sáu Linh. Một bầy pháo cũng đủ tan xác rồi. Nhưng đó là hạ sách. Tôi muốn để họ tự thân trở về làm ăn như dân làng.

Bà mỉm cười, biết nó nói gượng.

- Con Sáu Linh không phải là người tâm thường - Mẹ nó nói - Mày đừng có dễ người, tao nghe ở trong đó, anh em tôn nó là dũng sĩ. Mày đừng có dễ người.

Đại úy Long không gạt gù bằng cái đầu, mà gạt cả người trên cái

ghế xa lông, nó không nói với mẹ mà nói với bà:

- Về đây cháu có nghe, trong một cuộc hành quân, quân đội đồng minh bắt được cô ta, cô ta nói cái gì đó, đưa tay chỉ mấy con trâu ngoài đồng, quân đồng minh thấy cô ta đen đúa, tưởng là đưa chăn trâu, thả cô ta đi. Cô ta qua mặt được quân đồng minh chứ không qua mặt được cháu đâu.

- Rồi mày sẽ được gặp. - Bà nói thầm...

Sáu Linh, với cái giọng nhỏ nhẹ kể lại chuyện của bà Chín cho chúng tôi, chuyện chưa hết, nhưng Sáu phải dừng lại. Đã đến cụm vườn rồi. Bé Ba với mấy cô du kích đã nhảy qua con mương vườn, đi đã xa, không còn thấy nữa. Trăng cũng vừa lên.

- Nè ông Thắng! - Năm Bờ đi sau cùng gọi với lên.

- Hả? - Tôi quay lại.

- Tôi cũng là người được bà Chín đỡ đỡ cho đó.

- Vậy à? Những người do bà đưa ra đời có người ở phía bên này, có người ở phía bên kia! - Tôi gật gù thú vị với ý nghĩ của mình.

Trong khi tôi tìm hiểu cuộc đời của Năm Bờ chưa xong, thì tôi nghe chuyện của Sáu. Đến lúc được gặp Sáu, chưa thấy rõ mặt người thì tôi lại nghe chuyện của bà mụ vườn. Bây giờ, tôi lại mong mỗi được gặp bà, một mẹ già đang sống và chiến đấu ngay trước mặt kẻ thù.

- Nhảy qua, anh! - Sáu đi phía sau nhắc tôi.

Tôi cảm cúi với ý nghĩ của mình, không để ý đến con mương vườn.

Khi tôi đưa chân nhảy qua con mương để bước vào cụm vườn đang lốm đốm ánh trăng thì một trong những ý nghĩ về chuyến đi của tôi như đã để lại phía sau, phía bên kia con mương, nơi chấm dứt của cuộc hành trình. Tôi chợt nhớ buổi xế chiều ghé thăm bác sĩ Chín. Ông có nói với tôi: “Ông đi chuyến này cũng có nghĩa là ông đi theo tới cùng cái viên đạn đó. Nó không giết nổi chú ấy, nhưng ông xem nó có phá vỡ được hạnh phúc của chú ấy

không?...”. Phải nói thật rằng, lúc mới nghe ông nói, tôi đã chớp lấy ý nghĩ ấy một cách vồ vập như vớ được một viên ngọc quý và tôi đã nâng niu suốt cả cuộc hành trình. Đôi lúc cái ý nghĩ ấy choán hết cả tâm trí của tôi nữa. Từ đó mà tôi bồn chồn, tôi lo âu, tôi phập phồng lo sợ hai người sẽ bỏ nhau. Tôi mong mỗi được thấy hai người sẽ vì đó mà yêu thương nhau hơn, để được nói lên một ý nghĩ mà tôi đã chuẩn bị trước. Viên đạn ấy có thể phá vỡ con mắt anh, có thể giết cả anh nữa, nhưng không thể nào phá được hạnh phúc của anh; đường đi của nó, viên đạn của quân thù dù có đi xa đến mấy cũng không thể chạm tới tâm hồn của chúng ta!

Bây giờ, khi thấy hai người đã gặp lại nhau, tôi lại nghĩ khác. Vì viên đạn ấy, hai người sẽ gắn bó với nhau hơn, nhưng cũng có thể vì viên đạn ấy mà họ sẽ xa nhau. Âu cũng là chuyện thường tình ở trong đời, có gì đến nỗi? Cái điều lớn lao hơn của họ, của anh, của Sáu, của bà Chín, của anh Bảy Thá, của anh chị em du kích, của những người tôi mới nghe mà chưa biết mặt, của những người tôi chưa được nghe nhắc tới và cả tôi nữa, cuộc sống của mỗi người sẽ tiếp diễn ra sao trong sự mất còn của cái làng.

Nhảy qua con mương, nhìn lại hai người, Năm Bờ và Sáu chắc nghĩ như tôi? Thoắt cái hai người đã qua con mương thật nhẹ nhàng.

“Bùm!”

Cái gì vừa đánh tùm xuống mặt nước? Tôi quay lại, một trái xoài rụng. Nhìn mặt nước gợn lên dưới ánh trăng, tôi tưởng như đó là viên đạn, con đường đi của nó đã mãn rồi, nó rơi ra khỏi người anh, rơi ra khỏi người tôi, nó nằm lại phía sau, dưới lớp bùn của con mương, nhìn xuống, chỉ thấy ánh trăng với một khoảng trời đêm.

CHƯƠNG 7

Đã nửa đêm.

Tôi nằm duỗi chân dài theo võng, hãy còn ợ lên mũi mùi món canh chua bữa tối. Đã lâu tôi mới được ăn bữa canh chua ngon lành và no nê đến như vậy. Ở rừng cũng có lúc tát được cá, cũng nấu canh chua, nhưng không sao mò đâu ra cái thứ cá vô tuyệt diệu này. Con cá vô do ông già Hai đem đến, mừng Năm Bờ. Và nồi canh ở rừng không thể có đủ cái hương vị của rau om, rau tần như ở đồng bằng. Sau bữa cơm, Sáu Linh còn pha cho mỗi người một tách cà phê. Tách cà phê đậm sau món ăn béo ngậy với điều thuốc Ruby, tôi thấy trong người sáng khoái lạ lùng. Và cũng vì tách cà phê mà mắt tôi mở trao tráo.

Đêm nay hoặc ngày mai, bọn chúng có thể trả thù trận đánh trực thăng của du kích lúc xế chiều. Tôi ân hận vì không biết giữ gìn sức khỏe khi mới đặt chân đến một chiến trường lạ. Nhưng sau đó tôi lại thấy thú vị, nhờ mất ngủ mà tôi nghe được tiếng động của ban đêm. Đêm rừng. Trời lặng gió, rừng cũng xào xạc tiếng lá rơi, tiếng trái cây rụng lộp bộp, tiếng rì rào của con suối, tiếng con mang tác ngoài trăng... Đêm ở đây, cũng tiếng gió lùa, nhưng ngọn gió mang theo tiếng sóng mơ hồ, mang theo hơi mát của con sông, không có tiếng của con mang, nhưng có tiếng chó sủa giật mình nghe tiếng súng, tiếng xoài rụng đom độp trên mái lá, tiếng gà chột gáy với ánh trăng, tôi cảm thấy thấm thiết, âm âm trong mùi lá âm âm sau cơn mưa, trong hơi gió thoang thoang hương thơm của hoa quả trong vườn cây ăn trái. Nhưng cái thú vị hơn cả là tôi nghe cả cái hơi thở trần trở của mỗi người.

Trong bữa cơm tối, anh chị em du kích lần lượt đến thăm Năm Bờ. Nhưng không thể rời lâu vị trí chiến đấu của mình, họ chào mừng, nói năm

ba câu chuyện rồi ra về, hẹn lại một dịp khác. Cả Bé Ba, người tôi quen đầu tiên cũng đi. Cô xuống xuống bơi về phía bên kia bờ kinh, chỗ cô ở, và vị trí chiến đấu của cô.

Trong văn phòng xã đội, nhà sàn nhỏ đã bỏ hoang trong vườn xoài, chỉ còn có Năm Bờ, tôi và người chủ của nó: Sáu Linh, vừa là xã đội trưởng vừa là bí thư xã.

Dưới sàn nhà, văn phòng của xã đội, tôi với Năm Bờ mắc võng theo hình tam giác giữa nhà trên hầm chống phi pháo. Sáu Linh mắc võng ở gần bếp trên một hầm nhỏ, cách cái chân võng tôi không xa, độ nửa tầm đất là cùng.

Tôi nghe Năm Bờ trở mình sột soạt trên chiếc võng ni lông. Anh không ngủ được là chuyện đã đành. Còn Sáu Linh, cô bảo một hớp cà phê cũng làm cô thức đến sáng trắng, cô không uống, nhưng cô có ngủ được đâu. Cô nằm trong mùng, cái mùng cà lé màu xanh căng dài theo võng, một chân thòng xuống đất, lắc võng khẽ đu đưa, thỉnh thoảng lại thở dài. Hình như cô muốn trách Năm Bờ qua tiếng thở dài đó? Tôi lại thấy mình thật vô lý, sao lại mắc võng ở đây. Nhưng biết làm cách nào được. Nghĩ vậy thôi, chớ tôi không có mặt ở đây thì mỗi người đã ngủ mỗi nơi rồi.

Tôi đoán là hai người muốn nói chuyện với nhau, đúng vậy. Tôi thấy Sáu vệt mùng, ngồi dậy, kéo mái tóc rũ dài xuống ngực mình.

- Anh Năm, anh không ngủ được à? - Cô cất tiếng, hỏi khe khẽ.

- Cà phê em pha đậm quá! - Năm Bờ cũng vệt mùng, ngồi dậy, đáp lại.

Sáu đứng dậy, đi ra sau võng, trở lại với chiếc ghế đầu để hơi xa chiếc võng của mình:

- Anh Năm ngồi đây, em kể chuyện cho anh nghe.

Từ lúc gặp nhau đến giờ, hai người chưa được gặp riêng lấy một phút. Năm Bờ ngồi lên ghế. Sáu Linh ngồi trên võng, cách nhau không quá

một tấm tay. Năm Bờ ngồi xoay lưng lại phía tôi, che khuất cả Sáu. Tôi không muốn tò mò, nhưng bởi tại cái tách cà phê và cũng chính do tay cô pha cho.

Trước nhà qua một cái sân, đến con đường đất nhỏ là dòng kinh, có bên nước với cây cầu dưới bóng ba cây dừa. Đêm trăng này, hai người sao không đưa nhau xuống đò, trò chuyện có hơn không? Tôi thầm nghĩ và thở nhẹ như đã ngủ say.

- Từ ngày anh đi.

Tôi nghe cô nói, giọng nho nhỏ trong hơi thở, chắc cô đang tìm lời để bắt đầu vào chuyện.

Cô tiếp:

- Mới có hai năm mà xã mình thay đổi quá.

Sao, vẫn chuyện tình hình!?

- Lúc ở Rờ, nghe tụi Mỹ rút khỏi đồng bằng sông Cửu Long, chắc anh tưởng tụi em sướng lắm? Anh ở xa, nếu anh nghĩ như vậy là đã đành; còn em, em ở lại xã đây, em cũng tưởng như vậy. Nhưng có phải như vậy đâu anh! Bê bối vô cùng. Mấy em nói đùa với nhau, đợt này là đợt phân khởi “toi bời”. Trong cái lúc đáng lẽ mình phải chồm lên, thì bao nhiêu sức lực mình đã dồn cho năm sáu mươi tám. Hội nghị Pari, thằng Mỹ buộc phải cuốn gói khỏi đồng bằng. Xã nhà chưa kịp củng cố lực lượng, thì nó mở đợt bình định, bình định cấp tốc, bình định đặc biệt, nó đánh từ sau lưng mình, đánh tới. Mỗi một cây súng, đạn còn không quá hai mươi viên. Toàn xã mà lựu đạn gài chỉ có hai mươi trái. Đánh một trận hết trội hết trơn. Mỗi người chỉ còn có hai trái lựu đạn để thủ thân. Còn tụi nó, nó dồn quân lại, thằng Long trở về. À, từ chiều đến giờ em quên nói với anh là thằng Bá, lúc đó nó trở lại làm cảnh sát, anh có nghe không?

- Anh nghe tin thằng Long trở lại từ lúc ở Rờ, còn thằng Bá, thì anh nghe từ lúc gặp Bé Ba.

- Dà. Em kể tiếp cho anh nghe! Lúc đó đêm cũng như ngày, trực thăng tốp đi tốp lại, cái xuống cái lên như chuồn chuồn đáp nước. Bọn nó chà đi xát lại, nó cưỡng bức hành quân đến nỗi, trực thăng vừa thả giò xuống là có thằng mệt quá, ngã lăn trên bờ ruộng, ngáy khò khò. Có thằng vô tới nhà dân, nằm ngủ luôn trên bộ ngựa của dân. Trong mấy cuộc càn quét đó có một đại đội chuyên moi hầm, chỉ huy là thằng chiêu hồi. Nó moi hầm như vầy đây nè. Một đại đội dàn hàng ngang, mỗi thằng cách nhau một tầm tay, ngồi chồm hồm, hai tay cứ bươi từng cọng rác, cọng cỏ, nó bươi còn kỹ hơn là gà bươi nữa, nó cứ nhích lên từng bước. Hôm đầu, em không biết nên cứ bám hầm. Em nghe nó bươi qua hầm em. Em tưởng như có hàng ngàn triệu con chí đang lúc nhúc bò trong đầu mình, vừa rồn tóc gáy vừa nhột nhột cả da đầu, vừa căng thẳng. Em nghe những cái ngón tay của tụi nó bươi rạt rạt trên mặt đất, tưởng như có kiến bò trong xương sống của mình. Em nghe những ngón tay của nó mần mò gần đến chỗ nắp hầm. Không thể nào thoát được. Một là sống hai là chết. Em móc trái lựu đạn gài, rút chốt, ấn vào lỗ thông hơi. Nhờ làm cái hầm kỹ lưỡng em mới sống. Cái hầm của em, lỗ thông hơi em làm vừa khít trái lựu đạn. ấn trái lựu đạn gài vào lỗ thông hơi rồi, còn trái lựu đạn da lạng em cũng rút chốt, cầm tay. Phen này thì chia hai, chắc mềm như vậy, chẳng có cách nào khác hơn! Mà chết, tao chết. Lúc đó, em chỉ có nghĩ như vậy thôi! Em cầm cây thông nòng đẩy trái lựu đạn gài lên. Lúc đầu em đẩy từ từ rồi em thọc mạnh. Một tiếng nổ văng đầu. Em bật nắp hầm, nhảy vọt lên. Em không có thì giờ mà nhìn thấy cái gì nữa. Sau này nhớ lại mới biết là trái lựu đạn gài giết được ba thằng, làm bốn thằng bị thương. Còn tụi kia thì nằm rạp xuống. Vọt lên, em cứ chạy, được một quãng, em quay mình liệng thêm một quả thứ hai. Em chạy được một khúc mới nghe nó bắn theo. Nó bắn hoảng. Chẳng biết nó bắn thế nào mà hai cái ống quần của em rách tưa ra, tay áo cũng bị lủng mấy lỗ, mà em thì chẳng làm sao. Ba bốn ngày sau, ngồi một mình em cứ tự hỏi mình, mình đang ngồi, đang sống thật

à? Em thì như vậy Còn anh Cối bí thư, ảnh rủi hơn em. Ảnh cũng vệt nắp hầm, liệng lựu đạn, nhưng cái chỗ của ảnh, có một nhóm bộ binh với thằng Long ở gần đó. Máy thằng moi hầm không kịp bắn ảnh, nhưng thằng Long đang ở cụm vườn gần đó, trái lựu đạn của ảnh có mấy cái miếng chạt qua cây xoài cạnh bên thằng Long, còn một miếng thì chạt qua ống tay áo của nó, uổng quá! Nó thấy ảnh đang vọt qua con mương, nó bắn ảnh bằng cây súng ngắn. Ảnh té xuống mương nước, chồm lên không được nữa. Bọn nó lấy xác ảnh đưa lên trực thăng, đem về chi khu trong bữa khao quân. Tụi nó coi đó là chiến công đầu. Phóng viên báo “Tiền tuyến” của nó ở Sài Gòn xuống phỏng vấn, chụp hình, quay vô tuyến truyền hình. Báo chí nó khen thằng Long là người hùng. Xem vô tuyến truyền hình, người ta thấy nó bận nguyên cái bộ đồ rằn ri có rách một ống tay áo đứng trả lời với phóng viên nhà báo. Nó càng lên mặt.

Đêm bị khuấy động vì tiếng pháo. Làm như Sáu nhắc tới nó thì nó giật mình bắn hoảng vậy. Tiếng pháo bay vèo vèo nổ ùng oàng, một trái nổ ở bên kia bờ kinh, một trái bay lướt qua chỗ của chúng tôi, nổ. Một trái lại nổ ngoài cánh đồng. Tôi cũng đã quen với tiếng pháo của chiến trường nên vẫn cứ nằm yên. Thấy hai người vẫn ngồi đó, tôi càng yên tâm.

Sau tiếng pháo, đêm lại chìm xuống trong tiếng lá khua động của khu vườn. Sáu Linh lại tiếp:

- Trong ngày đó, bọn nó bới được hơn hai mươi cái hầm, phần lớn là hầm cũ. Nó huênh hoang là nó biết được ba mươi sáu kiểu hầm của Việt cộng. Sau đó, tụi em thấy không thể sống ở hầm bí mật được nữa, tụi em bảo nhau, nó biết ba mươi sáu kiểu hầm thì bây giờ mình phải sống kiểu hầm thứ ba mươi bảy. Anh đi đã lâu, anh biết kiểu hầm thứ ba mươi bảy của tụi em là kiểu hầm gì không? Tụi em cứ len lỏi mà tránh. Lúc đó, nếu không thoát lên mặt hầm, cứ cố thủ ở đó thì thế nào cũng bị nó phát hiện. Nhứt là các đồng chí ở xa mới về, hoặc là các đồng chí theo đường dây giao liên tạt qua để chờ

chuyến qua sông. Anh nhớ không? Hồi trước, lúc thằng Mỹ bắt đầu đồ quân, nó bắn dọc theo kinh, dân mới dời nhà ra đồng hợp pháp hóa với nó. Bây giờ đợt “bình định” vừa rồi, nó bắn, nó đốt cả những ngôi nhà rải rác trên mặt đồng.

Dân cũng chưa chịu bỏ đi, bà con lại dời nhà vô vườn. Nó lại đem xe ủi cả vườn tược. Nhưng dân làng cũng không phải đi vì bom đạn. Nó xúc dân bằng cách khiêng từng hũ gạo, hũ mắm đưa lên trực thăng chở đi. Nó lùa cả trâu vào một cái túi lưới, rồi túm lại, cho trực thăng cần cẩu móc lên. Đứng ở dưới nhìn lên thấy mấy con trâu trong túi lưới lủng lẳng dưới cái bụng của trực thăng cần cẩu cái đầu với hai cái sừng của nó giãy dụa dằng như muốn chém đứt dây lưới để nhảy chồm xuống đồng cỏ. Nhìn mấy cái chân của nó bơi bơi, thương đứt ruột đứt gan. Có người đi ra ngoài rồi còn nhắc lại với tụi em: “Tôi đi theo mấy con trâu, tôi không theo giặc đâu”. Tụi nó còn có cả một đại đội chuyên đi hiếp phụ nữ nữa. Như nhà chị Nở, nó vét chén đĩa của chị lên trực thăng, chị cũng không chịu đi. Nó mới cho một thằng lính trong đại đội đó tới. Cái thằng đen như củ súng, nó cởi trần truồng, rồi nó chỉ đưa con gái của chị. Con bé mới có mười hai. Con bé sợ quá, chạy lại ôm chị. Chị ôm con nhìn lại tụi nó: “Đến cái nước này thì tôi đi!”.

Lúc anh còn ở đây, ban ngày ở địa hình, tối tối nhìn ra đồng đèn sáng giăng giăng, nhà nào cũng mở đài nghe hát, nghe tin tức, nhà này mời ăn chè, nhà kia mời uống nước... thật vui. Còn những ngày đó, đêm nhìn ra đồng, lạnh tanh. Giờ phút đó mới là giờ phút ác liệt nhứt của tụi em.

- Lâu nay mình có liên lạc với bà con mình ở ngoài đó không? -
Nãy giờ, Năm Bờ mới lên tiếng, anh hỏi.

- Được nhưng mới lẻ mẻ từng người thôi!

- Anh muốn ra ngoài, bắt liên lạc với bà con, gây lại cơ sở, tình hình này em thấy có được không?

- Được chứ anh, nhưng phải đợi em ra em chuẩn bị, tụi nó biết mặt

anh nhiều. Anh phải ở đây lâu lâu, dưỡng sức, anh ốm quá. - Sáu nói với giọng thở thê, sẵn sóc, lo âu.

Đêm lại bị khuấy động vì tiếng bay của chiếc Đakôta rè rè từ tận trong đồng sâu, bay ra, dọc theo con kinh. Nó vừa bay vừa mở một cái băng vọng cổ bài ca chiêu hồi. Tiếng đờn và giọng hát vọng xuống, lẫn trong tiếng bay ồn ồn ào ào. Ù ù ù rồi tăng tăng tăng... anh hỡi anh ơi gì đó, rồi ù ù, rồi lại tăng tăng tăng... cứ ì ì ồm ồm, hai lỗ tai không chịu nổi, phát bực. Nó lại bay vòng theo con kinh trên cụm vườn, và khi dứt sáu câu thì nó nói dội xuống “Chiêu hồi... tử thần”. Động cả đêm khuya. Khi nó bay vòng qua bên kia bờ kinh, tôi nghe có tiếng súng dưới mặt đất bắn lên, ba tiếng. Tôi suýt bật cười vì nhớ đến hình ảnh một du kích đất Long An. Không ai ưa cái chiếc Đakôta chiêu hồi này, nó cứ làm cho người ta mất ngủ, nhức tai. Đêm đó, tôi ngủ với anh. Nghe nó bay tới là anh xách súng ra bắn. Anh bắn nó. Viên đạn lửa vọt lên. Chiếc Đakôta đó bao giờ cũng bay quá tầm súng của du kích, của anh. Viên đạn của anh, một đốm lửa lừ lừ bay lên, khi sắp đụng chiếc máy bay thì đường đi của nó cong lại, nhều xuống, rồi tắt mất. Nếu còn sức đi thẳng thì chiếc máy bay đó cháy rồi. Viên đạn cách chiếc máy bay ít nhất cũng vài ba mươi thước, nhưng ở dưới nhìn lên, thấy nó sắp đụng chiếc máy bay, thấy như cách chừng một gang tay là cùng. Anh vừa ức vừa tiếc. Anh kêu lên: “Còn một chút nữa thôi”. Anh bắn thêm một phát nữa. Viên đạn lửa lừ lừ bay thẳng lên, khi nó sắp mãn, đường đi của nó vừa cong xuống thì anh đứng khum khum, súng để dựa vào một bên vai, đưa hai tay khoát lên như khoát nước, mắt ngược nhìn theo viên đạn la to: “Còn một gang nữa, ráng lên con, ráng lên con...”. Viên đạn không ráng được. Anh bắn phát thứ ba, và cũng làm như vậy, lần này hai bàn tay anh khoát mạnh hơn và kêu viên đạn của mình to hơn. Nhìn theo viên đạn uốn cong xuống dưới cái lườn của chiếc Đakôta, anh chửi thề một tiếng thật tục, nhưng rất dễ thương.

Chiếc Đakôta chiêu hồi này bao giờ cũng vậy, hễ tiếng súng dưới

mặt đất bắn lên là vệt vĩa, rề rề bay thẳng.

Chiếc Đakôta quần qua khu vườn, trên đầu tôi, bay thẳng ra sông lớn. Ba tiếng súng ở bên bờ kinh, nghe như tiếng súng CKC, chắc là tiếng súng của Bé Ba. Chắc cũng như tôi, như hai người đang nói chuyện với nhau kia, cô hãy còn thức. Nếu mình cũng được ngồi nói chuyện với cô như hai người ngồi đó, dù không nói chuyện riêng tư, nói với nhau chuyện làng chuyện nước, như vậy cũng thích lắm rồi... Tôi lại thấy cái nốt ruồi son của cô. Tôi mơ màng, rồi ngủ thiếp đi. Tôi ngủ mà tai vẫn nghe tiếng thầm thì của hai người...

CHƯƠNG 8

Tôi ngủ trong tiếng bay của chiếc đầm già đang xoáy tròn trên vùng cỏ sau cánh đồng. Tiếng bay của chiếc trinh sát L19 này rất lạ, khi nghe nó người ta hồi hộp, đứng ngồi không yên, nhưng mi mắt lại nặng cứng, thiu thiu muốn ngủ, và khi đang ngủ thì tiếng bay rền rĩ của nó như để người ta chìm sâu xuống giấc ngủ say.

Tôi muốn choàng dậy mấy lần nhưng không dậy nổi. Nhưng lại mơ thấy vượn vai, ngồi dậy, vắt mùng ngang qua dây, xách thùng theo con đường mòn đổ ra suối. Rồi tôi lại thiếp đi. Đến lúc có một tiếng nổ lớn tôi mới thoát ra khỏi vòng vây của giấc ngủ. Tôi ngồi bật dậy, bừng mắt mới biết mình đang ngủ dưới sàn nhà của chiến trường đồng bằng. Người ê ẩm. Năm Bờ, Sáu Linh, hai người đã dậy từ lúc nào, cuốn võng đi đâu mất. Tôi đưa tay xem đồng hồ, đã chín giờ. Nắng rơi đầy ngoài khu vườn. Nắng đồng tươi vàng như lõi mít. Tôi vội rửa mặt. Quay trở vào, thấy Sáu Linh bước vào sàn nhà, để đỡ ngượng vì dậy muộn, tôi hỏi lớn:

- Anh Năm đâu rồi, chị Sáu?

- Bé Ba dẫn anh đi thăm anh em với bà con rồi.

- Sao chị không gọi giùm tôi.

- Anh có công việc của anh, còn anh có công việc của anh. Việc của anh là ngủ. Hồi hôm tôi với anh nói chuyện rì rầm làm anh mất ngủ, phải để cho anh ngủ chớ!

Vậy là cô biết đêm qua mình thức để nghe lén. Có lẽ vì vậy mà hai người chưa tiện nói đến chuyện riêng? Tôi hơi ngượng.

Nhưng Sáu thì vẫn tự nhiên.

Bây giờ tôi mới để ý thấy dưới cái bàn làm việc của Sáu - kê cạnh

bên cái hầm - có để một cái lu. Sáu khom người, đưa tay lấy ra ba trái xoài chín vàng để lên bàn:

- Anh ăn xoài lột lòng, rồi tôi với anh bàn chút việc.
- Chị ăn đi.
- Tôi, anh Năm với Bé Ba ăn rồi.
- Máy chị ở đồng bằng sướng thật. Lúc nào cũng có chất tươi.
- Cũng có lúc vậy lúc khác, sướng như vậy tôi không ham.
- Sao vậy chị?
- Nó xúc dân đi hết, những bữa đang ăn, nghĩ tới, ăn cơm mà như ăn rom. Anh ăn đi.

Xoài thanh ca thơm ngọt, chỉ muốn ngửi chứ chẳng muốn ăn. Tôi cầm trái xoài, cắn cái cuống lấy răng lột vỏ, tôi quay mặt ra vườn - cho lịch sự - cầm trái xoài mà cạp như hồi còn nhỏ. Tôi ăn hai trái, còn một trái để vào túi quần, cho thơm.

Tiếng đầm già vẫn còn đang xoáy tròn ngoài cánh đồng sau vườn, tôi hỏi:

- Hồi nãy nó bắn đâu vậy chị?
- Nó bắn mấy cái nhà ngoài đồng ấy mà! Về đây thì ngày nào anh cũng nghe nó. Bây giờ anh đi với tôi, xem địa hình địa vật, xem hầm bí mật.

Sáu đưa tôi đến hầm bí mật trong vườn xoài. Sáu đưa tay quét lớp lá xoài khô sang một bên.

- Anh có thấy sợi dây chì này không? Dây nắp đây. Anh kéo nắp lên thử xem. Tôi nghe anh Năm nói là ở Rờ không cần hầm bí mật, hồi sáng ảnh dặn là phải chỉ cho anh thật kỹ.

Tôi cầm sợi dây chì, kéo cái nắp lên, hơi nặng. Cửa hầm nhỏ, tôi ghé mắt nhìn xuống, mùi đất xông lên âm ẩm.

- Anh xuống thử xem.

Tôi làm theo lời của cô. Tôi thò hai chân xuống, đứng dưới đất, rồi

thu hai vai chui xuống. Cái cửa hầm vừa khít với người tôi. Tôi bật hộp quẹt để xem. Một cái hầm khá rộng, có thể ngồi được ba người. Trong hầm có hai chai nước trắng, một cái hũ cơm khô. Bốn góc hầm có bốn cái lỗ thông hơi là ống nhôm cuộn tròn, lỗ thông hơi vừa tròn khít trái lựu đạn. Tôi cầm cây tre nhỏ đưa theo lỗ thông hơi, nhớ đến trận đánh thoát thân của cô mà cô đã kể lại với Năm Bờ, đêm qua.

- Xem xong chưa anh, lên đi.

Tôi chui lên khỏi hầm, phủi áo, phủi quần.

Tôi hỏi:

- Anh Năm có hầm chưa chị?

- Ảnh với Bé Ba trốn chúng. Ảnh thì khỏi lo, ảnh quen rồi. Hầm này là hầm của tôi với anh. Có chuyện gì thì tôi với anh trốn chung.

Nói xong, cô ngược nhìn tôi, như đoán được ý tôi, cô tiếp :

- Du kích tụi tôi có kinh nghiệm, một cái hầm toàn là nam hoặc toàn là nữ thì dễ bị ngợp lắm. Còn một cái hầm có nam có nữ thì dễ thở hơn.

Điều này tôi mới nghe lần đầu, tôi kêu lên:

- Ngộ quá ha. Sao vậy?

- Trời sanh ra vậy ai mà biết, tôi không cắt nghĩa được, nhưng kinh nghiệm là vậy. Hôm nào có càn, anh sẽ biết.

Năm Bờ với cô một hầm, tôi với Bé Ba một hầm, có hợp lý hơn không?

Biết mình nghĩ vậy, chẳng biết làm gì cho đỡ ngượng, tôi bước tới rồi nhảy qua bên kia mương.

Trong lúc đó, cô đẩy lại nắp hầm, khóa hai lớp lá khô, cô hỏi:

- Hồi hôm anh có nghe tôi kể bọn nó bươi hầm không?

- Có! - Tôi thú nhận - Chỗ đó ở đâu?

- Ở tận ngoài kia, xa lắm.

- Nó khui hầm như vậy, sao bây giờ mình vẫn ở hầm.

- Lâu lâu cái tụi moi hầm nó mới đến một lần, không phải trận càn nào cũng có. Với lại, lúc nào bí lắm, mình mới xuống, phải ở trên mà đánh nó chớ anh.

Tôi với Sáu cùng ngồi dưới bóng một cây xoài, nhưng cách nhau một con mương vườn.

Tôi ngồi bệt xuống đất, nhìn sang. Cô ngồi bên nắp hầm trên lớp cỏ non xanh, bó gối, tấm vải dù bông khoác từ vai phủ đến chân.

- Tôi nghe Bé Ba nói anh là người ở bên kia sông?

- Dà!

- Nghe nói lâu lắm anh chưa gặp lại gia đình?

- Dà!

- Cha mẹ anh em anh còn đủ không?

- Má tôi mất từ hồi tôi còn nhỏ. Cha tôi hiện nay nghe nói là ở Sài Gòn, chị tôi với mấy đứa em đều có chồng có con, mỗi người một nơi, chỉ còn có chị tôi ở lại làng thôi!

- Chừng nào anh muốn thăm anh cho tôi biết, tôi nhờ người đi đón về.

- Tôi cũng định vậy, nhưng để thư thư một chút.

- Từ trước tới giờ anh có qua lại đây lần nào không?

- Có, hồi còn nhỏ. Chú tôi có vợ trong ngọn Đốc Vàng. Tôi nhớ, năm một nghìn chín trăm bốn mươi bốn, bà nội tôi chết, tôi đi dò qua đây, tìm chú thím tôi. Cái chợ ở ngoài Vàm, hồi đó, tôi nhớ chỉ có hai dãy nhà lá, lèo tèo lắm.

- Bây giờ là chi khu, lớn lắm, phố ngói, có đèn điện. Dân chúng dọc theo kinh, bị xúc ra đó, chật cứng.

- Tôi làm sao ra đó được?

Tôi muốn biết cái ấp chiến lược nó ra làm sao!

Tôi nói cho có chuyện, để tìm cách dò hỏi chuyện giữa cô với Năm

Bờ - Bây giờ tôi mới nhìn rõ cô. Một cô gái không đẹp, cũng không xinh xắn, nhưng ở cô lại có một vẻ riêng hết sức đặc biệt. Sáng nay cô mặc áo bà ba vải nhưng nở nang, nước da bánh ít, trông mặn mà. Cái vẻ riêng của cô không phơi bày ra trong làn da nước tóc, như ẩn như hiện lên trong đôi mắt của cô. Đôi mắt đen màu hột nhãn, đôi mắt lung linh, thăm thẳm lại mệnh mệnh. Đôi mắt cô đang xôn xao một niềm vui thầm kín, cô muốn che giấu nhưng không giấu nổi, nó chợt tắt rồi chợt sáng, mỗi lần cô chớp mắt, nó lại sáng lên ánh. Tôi chưa biết bắt đầu từ đâu để gọi chuyện của hai người thì cô nói:

- Anh muốn ra ngoài cũng được. Có hai cách, một là bí mật, hai là đi theo con đường hợp pháp.

- Tôi có thẻ căn cước của nó.

- Vậy à? Hai con mắt cô mở to, nhìn tôi - Anh có đó không? Cho tôi xem.

Tôi móc bóp, lấy cái thẻ căn cước, xịch tới bờ con mương, với đưa cho cô.

- Giống quá! - Cô cầm cái thẻ căn cước bằng nhựa của tôi xem - Của mình làm hay của nó vậy anh?

- Của mình.

- Giống quá! - Cô tặc lưỡi - Anh làm hồi nào vậy.

- Hồi tôi theo bộ đội vào Sài Gòn năm sáu mươi tám, phòng lúc bị lạc đường.

- Giấy này đi được đó, tôi mà có cái thẻ như vậy tôi cũng đi - Cô cầm cái thẻ, với tay đưa lại cho tôi:

- Anh cất đi, khi nào có dịp, tôi sẽ tổ chức cho anh đi. Nói vậy chớ cũng khó lắm. Thằng cảnh sát Bá này ác ôn lắm. Nó có một cái lưới để dò xét người lạ mặt, ở bến xe, bến tàu, ngoài chợ, trong tiệm nước, đâu đâu cũng có người của nó. Người ở Sài Gòn về, thấy lạ mặt là nó mời vô bột, tống tiền rồi mới được đi.

- Nó là người ở làng hay ở đâu?

- Nó là người ở xứ khác tới, nó với anh Năm, hai người như có duyên nợ.

- Vậy à? Nó với anh có bà con họ hàng với nhau hay là nó có nợ máu với anh?

- Chuyện đó anh phải hỏi anh, tôi cũng nghe anh nói lại thôi.

Nghe cô bảo vậy, lúc đầu tôi cũng có ý định sẽ hỏi Năm Bờ, nhưng ngay lúc đó tôi lại hiểu. Chuyện của Năm Bờ cũng chính là chuyện của cô. Vả lại, tôi đang muốn ngồi lại dưới bóng cây xoài giữa con nương vườn yên tĩnh, và muốn nghe cô nói.

- Thì chị cứ kể cho tôi nghe đi.

Cô nhìn tôi, đôi mắt ấy niềm vui trong cô lại ánh lên. Tôi biết cô muốn nói, muốn nhắc đến chuyện, đến người và tên của Năm Bờ.

- Chuyện này tôi nghe anh kể lại trong một cái chòi lúc tôi với chị em du kích đi đón anh về.

Tôi nhớ cái chòi ấy rồi, cái chòi mà Năm Bờ đã kể với tôi đêm đầu tiên anh gặp người con gái dũng sĩ này.

- Tôi với anh tuy là người cùng làng, nhưng anh ở ngoài sông, còn tôi thì ở trong kinh, kinh này. Tôi nghe nói mà không biết mặt anh. Nhưng thôi! Tôi không kể cho anh nghe nữa đâu!

- Sao vậy? Mới mở đầu rồi sao lại thôi!

- Anh biết rồi!

- Chuyện đó tôi chưa biết thiệt mà.

- Sao anh lại cười. Tôi biết, chuyện gì mà anh không kể với anh - Sáu bật đứng dậy, xoay mình đi, như muốn giấu vẻ sung sướng và xấu hổ.

Tôi không muốn nài nỉ, nhưng tôi vẫn muốn ngồi lại và nghe cô nói. Với lại chuyện của Năm Bờ tôi không háo hức bằng chuyện của những người khác, chuyện của bà mụ vườn.

- Cô không kể nữa thì thôi, nhưng cô ngồi lại đi, tôi muốn hỏi chuyện khác.

- Chuyện gì, anh nói đi! - Cô nói nhưng vẫn chưa ngồi xuống, và ngược mắt nhìn lên cây xoài đang đơm trái.

- Tôi muốn hỏi chuyện của bà Chín.

- Anh muốn hỏi bà mụ vườn ở ngoài ấp phải không?

- Phải!

- Tối mai tôi sẽ bố trí cho anh gặp.

- Thiệt hả? - Tôi vui mừng hỏi lại.

- Tối mai. À! Còn chuyện này tôi định bàn với anh.

Cô ngồi lại chỗ cũ, nhìn lại tôi.

- Sáng nay tôi có bàn với anh Năm. Ngoài ấp chiến lược có một nhà báo ở Sài Gòn mới về. Ông nhà báo này nghe nói cũng là người cùng làng với anh, ở bên kia sông. Ông ta là bạn của thằng Long, đang ở trong nhà nó. Ông này lạ lắm, ông muốn vô vùng du kích của mình để tìm hiểu kháng chiến. mấy hôm nay tôi lúng túng quá. Ông muốn gặp tôi nhưng tôi thì lại đi ra đi vô, cho ông gặp không tiện. Ông chạm mặt tôi một lần rồi, đêm trăng dưới bến sông, tôi cũng hỏi ông một vài câu, nhưng ông có biết tôi đâu. Bây giờ có anh với anh Năm, nếu ông có vào thì anh với anh Năm tiếp chuyện với ông.

- Ông ta chừng bao nhiêu tuổi.

- Nhỏ thôi, cũng cỡ với anh.

- Là người cùng một làng với tôi.

- Tôi nghe nói vậy.

- Người cùng làng, lại cùng một lứa tuổi, rất có thể là bạn học của tôi cũng nên. Ông ta tên gì?

- Hoài Sơn.

- Chắc không phải là tên cúng cơm?

- Mấy ông nhà báo, ông nào tên nghe cũng hay.
- Tướng tá ông ta ra làm sao?
- Cao nhòng, ốm nhách, móm xòm trông như thằng ghềnh.
- Hay là...
- Anh nhớ ra rồi hả?

- Không chắc lắm. Hồi nhỏ tôi có một thằng bạn học, tướng tá cũng như vậy, nhưng không phải tên Hoài Sơn, mà tên Hơ. Tụi tôi gọi là thằng Hơ móm.

- Hay ông ta đổi tên đổi họ, thời buổi bây giờ, bên nó cũng như bên mình hay đổi tên đổi họ lắm.

- Sao cô biết nó muốn vào vùng mình?

- Ông ta nói với thằng Long, bà Chín nghe được, bà Chín kể lại với tôi. Ông ta dự định, nếu không tìm được người đưa đường thì ông ta đi đại cho du kích bắt. Gặp được bà Chín, anh sẽ rõ hết mọi chuyện.

- Nghe cô nói, tôi sốt ruột quá.

- Tối mai.

- Tối mai? - Tôi mừng rỡ hỏi lại.

- Tôi có hẹn, tối mai bà sẽ đến chỗ hẹn để đưa tôi ra ngoài. Anh Út Đợ xã đội phó sẽ đưa anh đi. Chuyện ngoài ấp chiến lược, anh cứ hỏi bà Chín, còn chuyện du kích chuyện trong làng, anh cứ hỏi anh Út Đợ.

- Anh Út Đợ? Phải anh tới hôm qua ôm anh Năm Bờ nhắc bổng lên đó không?

- Phải. Anh vui tánh lắm.

CHƯƠNG 9

Sáng hôm sau, xã đội họp du kích. Kể cả xã đội trưởng và xã đội phó, đội du kích còn được mười hai người, năm trai, bảy gái.

Đội du kích Mỹ Hương thường ngày họ phân tán mỏng, dọc theo hai bờ kinh, rải rác từ trong ngọn cho đến xóm cuối cùng của ấp chiến lược.

Bảy cô gái khấn rằn quần cổ ngồi trên nắp hầm, súng gác qua đùi. Mấy anh con trai thì ngồi chồm hồm dưới đất, súng dựng thẳng lên trước mặt. Tôi cũng dự họp, còn Năm Bờ thì bị sốt, anh đang nằm trên sàn nhà. Nằm trên đó anh có thể nghe được tiếng nói của mọi người.

Chị xã đội trưởng Sáu Linh, đứng dựa vào cột nhà. Bắt đầu vào cuộc họp, chị giới thiệu tôi với đội du kích. Tôi để ý thấy có một cô đưa tay véo Bé Ba, khiến Bé Ba đỏ mặt, trợn mắt dọa lại cô kia.

- Giới thiệu với anh, đây là em Thon với em Thả!

- Thon Thả! Hai chị em - Út Đờ nhanh miệng nói chêm vào.

Cô chị khoảng hai mươi, cô em khoảng mười tám, đúng như cái tên của mình, dáng người của hai chị em trông thật thon thả, chị thì bới tóc, em thì để tóc thề, mặt giống nhau như đúc. Hai chị em bẽn lẽn quay nhìn ra sau vườn.

- Còn đây là em Thanh.

- Thanh bánh bèo! - Út Đờ cũng lại nhanh miệng nói thêm.

- Cái anh Út Đờ này kỳ cục! - Cô tên Thanh đỏ mặt, nguầy nguây, liếc Út Đờ, cái liếc mắt bén như dao. Thanh độ hăm hai tuổi, người mảnh khảnh, nước da trắng xanh, đôi môi lại mọng đỏ. (Sau này tôi mới biết, trước khi vào đội du kích cô sống bằng nghề bán bánh bèo).

- Còn em này: Tuyết.

- Tuyết mà đen! - Người nói chêm vào cũng không ai khác là Út Đợ. Cô tên Tuyết, cô gái hai mươi tuổi, khỏe mạnh, nổi bật với đôi mày rậm, cô có vẻ lì hơn các cô khác, cô xoay mặt qua Út Đợ, lườm anh một cái rồi tỉnh như không.

- Còn em nhỏ nhất là Út Trầm.

Út Đợ có lẽ bị mất hứng vì cái lườm của Tuyết, anh không chêm vào một câu gì nữa, chỉ cười cười. Út Trầm, cô bé độ mười sáu, để tóc thề, chỉ riêng em không có súng.

Sáu Linh định giới thiệu sang qua bên con trai thì nhiều cô nhao nhao kêu lên:

- Còn một người nữa.

- Người quan trọng nhất.

Tất cả các cô đều quay lại Bé Ba.

Sáu Linh nhìn tôi, mím mím cười, rồi cô làm nghiêm.

- Bé Ba thì anh Thắng biết rồi. Thôi, các đồng chí đừng đùa nữa! - Cô hướng mặt về một anh con trai.

- Em Châu!

Châu đứng phắt dậy, người to lớn, da đỏ hồng, chân to, bàn tay to. Châu vừa liếc nhìn Út Đợ, như không để Út Đợ kịp nói thêm gì về mình, Châu đồng dục:

- Châu, khỏe như trâu, hai mươi hai tuổi, sống độc thân!

Mọi người cười ồ, các cô gái thì đâm vào vai nhau, bụm miệng cười. Nhưng Út Đợ cũng không tha anh.

- Khỏe như trâu nhưng lại sợ da gà!

Tiếng cười lại to hơn. (Sau này tôi mới hiểu, như người Ấn Độ, Châu không ăn được da gà).

Cánh con trai không để Sáu Linh giới thiệu, mà họ lần lượt đứng dậy, tự giới thiệu.

- Dừng! Dừng nóng! Hai mươi tuổi.

- Lâm, mười chín tuổi.

- Quyền, Quyền mụn, mười lăm tuổi. - Quyền, một cậu thanh niên đang tuổi dậy thì mặt đầy trứng cá.

Người cuối cùng là anh xã đội phó. Con người vui tính ấy, tôi chú ý anh hơn những người khác. Đôi mắt to với gương mặt vuông, tóc rẽ tre, người thâm thấp với đôi vai ngang và cái lưng đầy như lưng gấu.

- Tôi, Đợ, Út Đợ, hai mươi lăm tuổi - Anh đứng phắt dậy, đồng dục tự giới thiệu với đôi mắt mở trừng trừng khiến mọi người không thể nhìn cười. Anh ăn mặc gọn gàng chỉnh tề và cũng có vẻ diện hơn người khác. Người trông lẫm liệt, khỏe và chắc trong bộ quân phục màu đen may theo kiểu vệ quốc đoàn: túi áo có nắp, cầu vai có hai con đĩa vắt ngang bằng hai ngón tay. Nổi bật hơn cả là sợi dây nịt Mỹ thắt ngang hông, sợi dây nịt to bản màu cỏ úa, còn mới tinh, quanh sợi dây nịt đeo giắt đủ thứ: hai bao đạn đầy cứng, bao đạn bằng một loại da như da đóng giày, bên hông lưng lẳng một cái bình toong Mỹ để ló lên cái muống i-nốc; hông bên kia là cái đèn quáo cũng của Mỹ, gần bao đạn lại còn cái đèn chai. Một cái đèn thông dụng của mọi người kháng chiến, từ bộ đội đến cán bộ hoặc du kích, ai ai cũng có, luôn luôn ở bên mình. Cây đèn làm bằng chai xước tóc của phụ nữ, hoặc bằng chai đựng cồn hoặc bằng một thứ chai nào đó đại loại như vậy vừa nhỏ vừa xinh, đèn thấp bằng dầu lửa với một sợi tim bằng vải. - Cây đèn ấy, tác dụng của nó không chỉ dừng lại ở chỗ đơn giản là một cây đèn để thấp nữa, nó đã biến thành một trang sức có tính chất nghệ thuật. Người ta làm cây đèn hết sức công phu: chọn một cái chai cho đẹp, trong veo, tìm một cái ruột bi bằng đồng để làm ống dẫn tim, tìm một sợi dây thép nhỏ, thường là sợi dây đàn - dây la - quấn thành một chiếc lò xo, đem nướng, rồi trui vào nước, cho dẻo. Cái lò xo quấn theo ống dẫn tim, bên ngoài lại bọc thêm cái vỏ đồng, vừa khít. Rắc rôi, lồi thoi vậy! Vỏ đồng là vỏ đạn carbin. Đến lúc cần thấp, người

ta dùng đầu ngón tay bật khe khê cái đầu ống dẫn tim, cái lò xo bật lên cạch cạch, và cái đầu tim bật dần lên. Rồi đến cái nắp đèn. Hoặc là cái nắp cũ của chai, hoặc là một cái nắp mới do chủ nó tạo ra, bằng kim khí, có thể là đầu đạn đem nấu ra đổ vào khuôn. Cái cuối cùng là sợi dây để đeo nó. Có người đeo bằng ruột dây dù, có người đeo bằng sợi dây đủ màu bằng chỉ thêu xe, có người đeo bằng dây bạc, dây đồng. Ở miền Nam, có bao nhiêu người đi kháng chiến thì có bấy nhiêu cây đèn chai như vậy. Để trang trí cho cây đèn thêm đẹp, có người bỏ vào đó một ít hạt cườm để nó chao lên chao xuống đỏ đỏ xanh xanh, cho vui mắt. Cao hơn một bước, có người để cả tấm ảnh của một cô gái chắc chắn là người yêu của mình - vào cây đèn, hể cảm đến cây đèn là thấy tấm ảnh chao đi chao lại, nhìn mình. Vừa để xem cho đỡ nhớ, vừa để giữ tấm ảnh. ảnh ngâm trong dầu lửa, không bị mốc, hằng bao nhiêu năm tấm ảnh vẫn còn tươi.

Nhìn cây đèn chai đang lủng lẳng cạnh bên hông của Út Đờ, tôi nghĩ hơi miên man vì cây đèn của anh bắt tôi phải chú ý. Cũng cây đèn ấy gợi cho tôi nhớ một câu chuyện kỳ lạ của chiến tranh.

Trong trận Đồng Xoài, bọn nguy đưa tiểu đoàn “Trâu Diên” đến cứu viện. Bọn tiểu đoàn “Trâu Diên” đến mặt trận thì tiếng súng vừa chấm dứt. Với cái vẻ diên của mình, cái tiểu đoàn “Trâu Diên” bắt đầu tung hoành với những cái xác chết của bọn chúng. Cuối cùng nó nhặt được hai cây đèn dầu của hai chiến sĩ ta đánh rơi. Chỉ có thế mà tiểu đoàn “Trâu Diên” làm rùm beng nghe thật chướng tai. Hai cây đèn chai ấy, chúng coi là chiến lợi phẩm của tiểu đoàn. Chúng mang hai cây đèn ấy đặt hai bên cái đầu trâu trong trụ sở ban chỉ huy. Khách khứa hoặc các nhà báo, hoặc các cố vấn Mỹ mỗi lần ghé qua tiểu đoàn, bọn chúng đều dẫn đến tham quan cái đầu trâu ấy, và khoe chiến công của trận Đồng Xoài: hai cây đèn chai!

Rồi mùa xuân năm 1968. Quân ta đánh vào Sài Gòn. Một cánh quân của ta tiến thẳng vào tiểu đoàn “Trâu Diên”, chiếm trụ sở ban chỉ huy,

chiến sĩ ta không ngờ lại thấy hai cây đèn chai để hai bên cái đầu trâu. Chiến sĩ ta dùng báng súng đập nát cái đầu trâu, còn hai cây đèn thì bỏ túi.

Đâu có ai ngờ, hai cây đèn chai ấy, nhờ có hai tấm ảnh của hai cô gái, hai cây đèn lại được chuyển về tận tay của chủ nó.

Trong trận đánh vào Sài Gòn mùa xuân 1968, đi đâu, người ta cũng nghe kể chuyện hai cây đèn ấy. Chuyện thật mà nghe như bịa. Bây giờ, trong cây đèn của Út Đợt cũng có một tấm ảnh của một cô gái mặc áo bà ba đen, đầu đội nón lá, đang chao qua chao lại như con cá đang lượn, và cô đang cười.

Chắc hẳn là người yêu của anh! Thế nào tôi cũng hỏi cho biết.

Út Đợt ngồi xuống qua loạt vỗ tay, chấm dứt phần giới thiệu, thì Sáu Linh đứng dựa vào cột nhà, lật quyển sổ tay ra.

- Tôi xin báo cáo!

Tất cả đều hướng về Sáu. Còn tôi, lần đầu tiên được dự cuộc họp của du kích. Tôi cũng hướng về cô, chờ đợi. Tôi hết sức chú ý, rồi cũng hết sức ngạc nhiên về bản báo cáo của cô. Tôi tưởng là tôi sẽ được nghe một bản báo cáo dài trong đó có tình hình địch, âm mưu địch, rồi tình hình ta, tình hình nhân dân trong mấy ấp giải phóng, tình hình nhân dân trong ấp chiến lược... Nhưng cô không báo cáo một điều gì theo tôi nghĩ cả, mà cô nói đến mùa xoài. Cô nói:

- Đã đến mùa xoài rồi. Trời bắt đầu mưa đông. Bà con mình chưa ai trở về. Xoài rụng đầy vườn. Nếu không có ai lượm, ai hái, thì xoài rụng hết. Xã đội đề nghị với các đồng chí, đợt này du kích mình chia nhau ra, lượm xoài cho nhân dân.

- Phải đó! - Một cô nói đệm vào. Ra vẻ thích thú, các cô nhìn nhau, huých nhau, miệng cười tùm tùm.

- Hễ lượm xong thì bắt đầu hái. Xã đội đề nghị với các đồng chí, xoài của nhà nào gom lại cho nhà nấy, không nên để lộn xộn. Nhà nào còn lu,

có hũ thì mình để xoài vào giú, nhà nào không còn lu còn hũ thì mình lấy cà ròn hoặc bố tời, hoặc lá chuối khô, xếp lại cho gọn, làm sao cho đồng bào trở về thấy vừa lòng.

- Chùng nào thì đồng bào về? - Út Trầm vụt đưa tay hỏi, mọi người lại nhìn nhau rồi lại nhìn Sáu, mặt Sáu ửng đỏ.

- Mình phải vận động đồng bào đấu tranh đòi trở về thu hoạch huê lợi. Trước sau gì đồng bào cũng trở về. Du kích mình làm sao, khi đồng bào trở về đồng bào thấy, dù có bị xúc ra áp chiến lược, nhà cửa cũng như vườn tược, huê lợi của mình luôn luôn được Cách mạng chăm sóc giữ gìn.

Lời nói của Sáu thật bình thường, thật giản dị, nhưng lại làm cho đội du kích của cô xôn xao; nhìn Sáu, người nào cũng tươi tắn, hớn hờ ra. Họ sắp gặp lại dân, những má bảy má ba, những anh những chị, những cô dì những em... những người đã sinh ra họ, nuôi nấng họ và sống chết có nhau.

- Cuộc họp chỉ có như vậy. Xã đội đề nghị Bé Ba phụ trách việc lượm xoài, hái xoài; công tác chiến đấu thì anh Út Đợ phụ trách, còn tôi, tôi sẽ đi công tác vài hôm. Anh Năm cũng vừa mới về, có gì anh Năm sẽ giúp đỡ.

Sáu gấp quyển sổ tay lại:

- Hết! - Và cô cười.

Các cô du kích vùng chạy ra như một đàn chim. Thế là cuộc họp kết thúc và giải tán.

Tôi ngồi đó, như bị hẫng.

Út Đợ đứng dậy, nhìn tôi, nháy mắt. Hai đứa tự nhiên thấy thích nhau qua cái nháy mắt và nụ cười.

- Anh Út! Bây giờ tôi giao anh Thắng cho anh đó. Anh Thắng muốn gặp bà Chín. Còn tôi, tôi tôi mới ra.

Sáu Linh nói và vẫn đứng dựa vào cột.

- Chùng nào đi, đi bây giờ được không?

- Tùy anh.
- Đi bây giờ đi anh Thắng! - Út Đợ bảo tôi.
- Đi thì đi! Mà khoan, chờ tôi một chút.

Tôi lên nhà, thăm Năm Bờ. Năm Bờ lên cơn sốt từ nửa đêm. Anh nằm trên chiếc chiếu trải trên sàn nhà, đắp miếng vải dù bông từ đầu đến chân. Nghe có bước chân đến gần, anh choàng dậy:

- Thắng đó à?
- Anh đã đỡ chưa?
- Về đến đồng bằng rồi mà vẫn bị sốt, ức quá! Ngồi xuống đây.

Tôi ngồi cạnh bên anh, ngửa bàn tay đặt lên trán anh. Vầng trán nhom nhóp mồ hôi và lạnh ngắt.

- Sốt rét này dai dẳng lắm. Anh phải nằm dưỡng vài hôm!

- Tôi định tối nay sẽ gặp bà Chín để hiểu thêm tình hình, nhưng chẳng biết có đi nổi không?

- Anh phải nằm nghỉ, có gì tôi sẽ báo cáo lại với anh.
- Anh thấy thế nào?

Tôi chưa kịp hiểu câu hỏi của anh thì anh tiếp, một con mắt anh lại sáng lên:

- Vậy là mình đã phá lỏng rồi, không phải bế tắc như lúc ở Rờ mình nghĩ, phải không?

- Tôi chưa hiểu nhiều, nhưng tôi cũng đã thấy như vậy. Lúc ở Rờ tôi cũng tưởng là vùng bình định, một con kiến cũng không qua được. Về đến đây tôi mới thấy.

- Vấn đề là bây giờ phải tổ chức lại cho khoa học, tiến lên một bước cao hơn. Chẳng biết tôi có lạc quan tếu hay không, chứ tôi, tôi thấy, tình hình này không lâu đâu.

- Anh Thắng ơi, đi đi, trưa rồi! - Tiếng của Út Đợ từ dưới sàn nhà dội lên giục tôi. Tôi cúi xuống, nhìn qua kẽ sàn nhà, nói với anh:

- Chờ tôi một chút, tôi đi đây.

- Thôi, Thắng đi trước đi, nếu tôi khỏe, tối nay tôi sẽ ra. - Năm Bờ vừa nói vừa đưa tay bắt tay tôi, mắt trộm lơ, và tay anh hầm hập nóng.

Tôi đứng trên sàn nhà, trên đầu cầu thang. Nặng rãi rác từng đóm nhỏ xuống khu vườn. Có ba cô du kích, Thon, Thả, Tuyết, mỗi người đeo một cái giỏ đang lom khom lượm xoài. Tự nhiên tôi không còn băn khoăn với nội dung cuộc họp sáng nay nữa. Những điều tôi tưởng là tôi sẽ được nghe qua bản báo cáo của chị xã đội trưởng Sáu Linh ấy, đội du kích của chị đã hiểu hết rồi, những điều mà người khác hiểu rồi thì nói nữa để làm gì? Tôi để ý thấy rằng, ở những chiến trường gay gắt, mặt đối mặt với quân thù, người ta không có thời giờ để hoa hòe hoa sói, người ta tước bỏ đi tất cả những điều vô ích, và bản thân cuộc sống cũng không chấp nhận những điều vô ích đó.

Cũng như cuộc họp của xã đội sáng nay, một cuộc họp với nội dung hết sức giản dị mà thiết thực.

Trong lúc bọn chúng - kẻ thù, tìm mọi cách để bắn phá vườn tược, rải thuốc độc cho cỏ cây xơ xác, thì du kích đánh trả bọn chúng không chỉ bằng tiếng súng, mà đánh trả lại bọn chúng bằng công việc đi lượm từng trái xoài rụng cho nhân dân.

Nếu tính từ buổi sáng nay, thì cuộc chiến đấu giành đất giành dân đang bắt đầu từ những người du kích đang lom khom ngoài vườn kia.

Cô Thon, cô Thả, cô Tuyết... các cô chạy từ chỗ này đến chỗ khác, rồi nhảy qua con mương vườn, cúi lượm lấy một trái bỏ vào giỏ... Châu, Quyền, cánh con trai đang trèo xoài, thọc cái lồng ra, giựt đứt từng cái cuống xoài già, xoài chín...

Tôi đưa mắt tìm Bé Ba để nói một câu gì đó trước khi đi. Nhưng không thấy Bé Ba đâu, có lẽ cô đang lượm xoài ở một khu vườn khác, có thể là khu vườn ở bên kia bờ kinh...

Tôi chạy xuống cầu thang. Út Đợ đang đợi tôi.

- Đi chứ anh Thắng?
 - Đi! Chị Sáu đâu rồi?
 - Chỉ đang nấu cháo cho anh Năm.
- Út Đờ sóng vai tôi:
- Đi đi cho hai ông bà người ta tò tí.

CHƯƠNG 10

Út Đợt đưa tôi ra khỏi khu vườn, chỗ mấy cô du kích đang lom khom lượm xoài.

Chân mang dép cao su, nhưng khi bước lên con đường tôi vẫn nghe gan bàn chân mình mát lạnh vì hơi đất. Con đường đất! Lần đầu tiên tôi bước chân trên con đường này, nhưng con đường lại thân thuộc với thời thơ ấu cách đây đã hai mươi năm. Con đường đất rộng cặp bờ kinh chạy qua trước sân nhà! Con đường vừa cho chiếc xe ngựa qua lại, con đường lúc nào cũng có tiếng vó ngựa nện đều đều và tiếng lục lạc leng keng... Cũng như bao nhiêu con đường qua những làng khác, bước ngang qua con đường trước mỗi nhà là một cái bến nước, cây cầu, và một chiếc xuồng. Nhưng con đường này bây giờ - dân làng bị xức đi, chỉ còn là một con đường vắng, dài hun hút. Con đường đầy lá. Và bến nước dài theo bờ kinh vẫn còn những chiếc cầu nhỏ nhỏ đó, không thấy ai múc nước, không thấy ai giặt giũ, không thấy ai ngồi gội đầu, vắng tanh. Lác đác trên một vài bến nước, vẫn hầy còn cái gáo dừa cán dài móc trên cột cầu nằm đó.

Hai đứa đi trên con đường vắng, qua những ngôi nhà đổ nát, qua những khu vườn cháy, đi ngược lại chiều con nước, con nước buổi sáng từ dòng sông Cửu Long đổ vào, căng đầy, ngàu đục chất phù sa.

Một nỗi buồn tê tái xâm chiếm lấy tâm hồn tôi, tôi muốn thoát khỏi. Tôi gọi chuyện:

- Út Đợt, chú có vợ con gì chưa vậy? - Tôi hỏi và liếc nhìn tấm ảnh của cô gái đang chao qua chao lại trong cây đèn chai của anh.

- Không có thằng Mỹ hề thì tôi làm đám cưới rồi!

- Chú nói sao! - Tôi hỏi và quay sang nhìn Út Đợt, xem anh chàng

vui tính này nói đùa hay nói thật. Mỹ thì Mỹ, sao lại có Mỹ hề? Hai người vẫn sóng vai nhau đi trên con đường vắng.

- Ở trên Rờ, anh có nghe nói hai thằng Mỹ hề ở chiến trường này không?

- Mỹ thì ai mà chẳng nghe nói, còn Mỹ hề thì tôi không nghe. Tôi cũng chưa nghe anh Năm Bờ nói lần nào.

- Mỹ hề có cách đây mới hai năm thôi, sau khi anh Năm về trần.

- Sao lại là Mỹ hề, hả?

Tôi lại quay nhìn Út Đợ.

- Vậy mới có chuyện nói chớ!

- Ừ... a. Sao nói nghe.

- Sau đợt tổng công kích năm sáu mươi tám thì xuất hiện hai thằng Mỹ hề...

Tôi lại quay nhìn Út Đợ, xem anh nói thiệt hay nói chơi.

Từ khi tôi về đến làng này, đã mấy hôm rồi, nhưng tôi vẫn ngỡ ngàng. Từ cảnh đến người, cả những điều nho nhỏ khác, như con cá vồ, con khô sặc, trái xoài non, trái xoài chín, vốn quen thuộc đối với tôi; bây giờ gặp lại, tất cả cái gì cũng khiến cho tôi xúc động. Máy cô du kích có lúc thấy tôi như một người ngơ ngẩn. Sáng nay, trước khi họp, cô du kích bé nhất - Út Trầm - chắc có một cô nào đó bày cho cô, tự dưng cô chạy đến tôi, đưa cho tôi một trái cau tươi, bảo:

- Anh Thắng, ăn đi, ngon lắm, ngon lắm!

Tôi chưa kịp hiểu thì cô Thanh tiếp:

- Anh ăn đi, nhưng ăn xong thì đừng có nổ súng bắn tụi tôi ghen!

Rồi các cô nhìn tôi, có lẽ tôi đang ngơ ngác, các cô đâm vào vai nhau, cười rũ ra, cười đến đỏ mặt, tía tai.

Tôi chẳng biết gì cũng cười theo, thấy vậy, các cô càng cười to hơn. Út Trầm cười đến chảy nước mắt. Bé Ba đỏ mặt ngượng thay cho tôi.

Còn Sáu Linh thì quay nhìn chỗ khác, tùm tùm một mình. Một hồi sau, mấy cô gái mới giải thích cho tôi. Khi quân Mỹ đổ xuống Bình Đức, dùng tàu mủ chạy dọc theo sông Cửu Long, cái bọn mũi lõ mắt xanh râu ria lông ngực thấy cái gì ở xứ này nó cũng lạ. Một hôm có hai thằng Mỹ ngồi trên xuồng máy chạy trên sông thấy một bà chở cau ra chợ. Nó cho nổ máy nhỏ, cặp theo chiếc xuồng cau của bà. Hai thằng: thằng già, thằng trẻ, cả hai đều chòm qua xuồng của bà, mỗi thằng vớ lấy một buồng cau, mắt sáng rỡ. Nó “ô kê, ô kết” gì đó như con vịt kêu cầm cặp, bà đoán là nó hỏi mua, bà nói:

- Cau để ăn trâu, ăn không được.

Thằng Mỹ, hai thằng lính ấy có biết gì đâu, nó đưa lên ba ngón tay ý chừng là trả ba đồng. Bà lắc đầu.

- Để ăn trâu, ăn không được, mua làm gì?

Nhưng nó có nghe có biết gì đâu, hai thằng nhìn nhau, xòe cả năm ngón tay đưa lên. Bà cũng lại lắc đầu, vừa giảng giải vừa đưa tay làm như ngoáy trâu cho nó thấy.

- Cau này để ăn trâu, ăn không được đâu, chát ngằm hè, một đô la tôi cũng không bán. - Bà nói to hơn, tưởng như nói to thì nó nghe thấy vậy. Nó ngu chứ có điếc đâu, mà bà nói lớn! Nó tưởng bà chê rẻ. Hai thằng lại nhìn nhau, nói với nhau, thằng nhỏ lại xòe cả hai bàn tay, đủ mười ngón, đưa lên.

- Cau ăn trâu chớ không phải xoài đâu mà mua.

Thằng Mỹ già banh hai con mắt đục ra nhìn bà. Thằng nhỏ móc ví bóp, móc tiền ra, ném đại vào xuồng của bà, rồi mỗi thằng chụp lấy một buồng cau, xô xuồng, nổ máy chạy băng ra giữa sông. Biết là nó mua lắm, may là cũng vừa tới đầu vàm, bà khom lưng bơi riết vô kinh.

Hai thằng Mỹ đó làm thiệt, ra tới giữa sông, nó bẻ cau, đưa lên miệng, cắn, chát ngằm. Tức mình, nó nổ súng bắn đuổi theo...

- Hồi sáng là chuyện trái cau, bây giờ là chuyện Mỹ hề, hả chú? -

Tôi hỏi.

- Tôi nói thiệt, tôi có là con gái đâu mà chọc anh.

- Ờ thiệt, thiệt thì kể đi.

- Chuyện đó đầu đuôi như vậy nè. Sau trận tổng công kích Mậu Thân năm một ngàn chín trăm sáu mươi tám, thằng Mỹ chỉ huy căn cứ Bình Đức nó nói: “Vi Ci đánh du kích, Mỹ cũng đánh du kích”. Mấy người thông ngôn nói với dân, dân nói lại với mình. Từ đó, ngày nào cũng vậy, khoảng bốn năm giờ sáng, trời còn mờ đất, có ba chiếc trực thăng chớp đèn đít, lạch cách bay, từ Bình Đức bay tạt xuống đây, rồi bay xa nữa, đâu đâu chẳng nhìn thấy, nó quần, nó đảo, hết chỗ này, đến chỗ khác. Trong ba chiếc đó có một chiếc hạ thấp thả xuống hai thằng Mỹ. Hai thằng Mỹ đó, đồ anh thấy nó được. Nó mặc quần áo xanh lá cây, mặt mày nó cũng sơn màu lá cây. Từ trên trực thăng nhảy giò xuống, nó mới lủi vô sậy, vô đề, lủi vô ruộng, lủi vô vườn, “quánh” du kích với mình.

- Vậy thì sao gọi là Mỹ hề?

- Hề là vì mặt mũi nó vẽ, vẽ rằn vẽ rện như hề, người ta mới gọi là Mỹ hề.

- À. Té ra là như vậy.

- Hề còn có cái nghĩa khác nữa, nhưng để chút nữa rồi tôi nói. Có cái thằng, mà nó làm rối loạn cả một vùng. Nó nằm phục ở đâu đó, bất thành linh nó nổ một phát, giết một người, rồi nó lủi mất. Quần áo, mặt mũi nó tiếp màu với cây cỏ, không ai lòng được. Nó bắn không lựa chọn gì hết. Không phân biệt bộ đội, phân biệt già trẻ gì ráo. Nó chủ trương giết được người trong vùng giải phóng mình, gây hoang mang là được. Nó không dám nổ súng nhiều. Nó bắn bằng carbin, nó chỉ nổ một phát, “bép” một cái, giết một người, rồi lủi mất. Mai nó ở làng này, mốt nó ở làng kia, lúc ở xa, lúc ở gần, khi ở ngoài đồng, khi ở trong vườn... Có hai thằng mà tưởng như ở chỗ nào cũng có nó. Từ Bình Đức xuôi về đây, ngày nào cũng nghe có người chết vì

hai thằng Mỹ ôn binh dịch vật đó. Nó không dám bắn bộ đội, cũng không dám đụng đầu với du kích, nhè dân mà nó bắn. Đi đâu người ta cũng nom nớp. Người ta sợ nó hơn sợ cả pháo đi? Anh biết pháo đi là pháo gì nữa không đó?

Pháo đi là tiếng pháo do bọn con gái điếm bắn chơi. Pháo đó chẳng theo một quy luật gì của chiến tranh, không giờ giấc, nổ vào những lúc bất ngờ, chẳng biết đâu mà tránh.

- Sao lại không biết. Sao nữa, kể tiếp đi.

- Hai thằng Mỹ ôn binh dịch vật đó quấy rối như vậy từ bốn năm giờ sáng cho tới tối. Trời vừa sẩm sẫm thì ba chiếc trực thăng lạch cạch bay tới, bay là là trên mặt bãi, quăng dây kéo nó lên. Nó thả giò mỗi ngày mỗi chỗ khác nhau, mỗi chiều nó rước về, cũng mỗi chỗ khác nhau, chẳng biết đâu mà phục mà đánh. Nó có vô tuyến liên lạc với nhau mà.

Nó lộng hành quá. Ban chỉ huy vành đai, rồi huyện đội, xã đội ra lệnh cho bộ đội, ra lệnh cho du kích phải diệt cho kỳ được hai thằng Mỹ chó đẻ đó.

Hai đứa đang say chuyện, trời chuyển lúc nào chẳng để ý, đến lúc mưa đổ hạt mới biết. Hai đứa mở bao ni lông, choàng qua người, đi ngược lại chiều gió.

- Sao nữa? - Tôi hỏi.

- Du kích thì phải có dân mới sống, mới hoạt động được Đảng này nó không có dân mà nó dám đánh du kích với mình, mình thua nó sao?

- Nói cho đúng chữ, không phải đánh du kích mà phải gọi là đánh lén.

- Ủ đúng, đánh lén, đánh lén, phải! - Út Đợ thú vị với cái từ mới ấy, anh bước nhanh, giọng càng hào hứng.

Nói vậy chứ không phải dễ. Một hôm nó nổ súng bắn người gần đại đội địa phương quân. Đại đội liền mở vòng vây, vây chặt cả một vùng nó

mới nổ súng. Tụi tôi chắc mẩm là nó tới số rồi. Chỗ nào rậm rạp thì nổ súng bắn. Rồi dậm như dậm cù. Vậy mà cũng không tìm được nó. Chiều lại, trời vừa sâm sẩm tối, ba chiếc trực thăng lạch bạch bay tới. Một chiếc rà xuống quãng dây, hai thằng nằm trong đám lác, cách chỗ dậm cù chẳng bao xa, chạy ra, đeo dây, leo lên trực thăng, bay thẳng về Bình Đức. Anh nghĩ có tức không? Rồi một hôm nó lại nổ súng giết một cô gái mười tám tuổi đang chèo xuồng giữa trưa, ngay con kinh này. Nghe tin đó, tụi tôi kéo hết du kích, cả dân trong xóm, vây chặt hai bên bờ kinh, lưng sục từng bụi cỏ. Rồi sâm sẩm tối, hai thằng lại leo lên trực thăng bay đi. Cô gái chèo xuồng giữa kinh là vợ chưa cưới của tôi! Nếu không thì Tết này, hai đứa tôi làm đám cưới rồi!

Hai người vẫn đi ngược lại chiều gió. Gió cuốn những hạt mưa, từ đâu chẳng biết, ném xuống từng hạt vào người, vào mặt hai đứa tôi. Trên gương mặt góc cạnh của Út Đợi có vài hạt mưa như những giọt nước mắt vỡ tan. Anh đi nhanh hơn, bàn chân anh nện mạnh hơn, nghe rõ tiếng dế nện bém bép xuống mặt đường. Tôi lại nhìn cây đèn chai của anh. Tấm ảnh của cô gái đầu đội nón lá, mặc chiếc áo bà ba đen đang chao qua chao lại và lúc nào cũng bên anh trên mọi ngã đường.

- Sao, rồi mình có diệt được nó không? - Tôi sốt ruột, cổ họng to để phá tan sự im lặng.

- Không diệt được nó thì làm du kích làm gì? Tôi tự hạ quyết tâm, nếu không lòng được hai thằng chó đẻ đó, thì tôi, tôi sẽ ra tận Bình Đức, sẽ giết nó trước khi nó leo lên trực thăng. Sau đó ban chỉ huy xã đội năm xã dọc theo sông Cửu Long này họp lại, phối hợp chiến đấu. Nửa đêm, du kích của năm xã đều ra đồng, chia ra từng tổ, nằm phục sẵn trong những bãi nó thường đổ quân.

Trời tờ mờ sáng, ba chiếc trực thăng chớp đèn đít, lạch cạch bay vào, nó chia ra mỗi chiếc một nơi cách nhau hàng cây số. Nó sà xuống chỗ này, nó đáp xuống chỗ khác, rồi cất lên, lại quần đảo, nó cứ quần đảo như

vậy đến nửa giờ. Một chiếc sà xuống, lướt qua đám đé ngay chỗ tôi. Tôi lom khom nhìn theo nó mà người cứ run lên. Tôi thủ cây bá đở, đạn lên nòng, sẵn sàng, nó mà nhảy xuống là tôi nổ ngay. Nhưng rủi cho tôi, tôi nằm phục ngay cái bãi nó dùng để nghỉ binh. Ở một bãi khác, cách tôi không xa, một chiếc trực thăng vừa sà xuống lại bay lên rất nhanh. Sau này, nghe anh em chỗ đó nói lại, vừa thấy thằng Mỹ từ trên nhảy xuống, anh em định chờ cho trực thăng bay xa, nhưng trực thăng vừa cất cao lên thì thằng Mỹ lủi đầu mất. Lúc đó mà bắn thì bị lộ - Còn ở một bãi khác, chiếc trực thăng quần đảo rất lâu, sà xuống cất lên, lại sà xuống cất lên đến mấy lần, lần cuối cùng nó sà lướt qua một vạt đé, thằng Mỹ hè từ trên trực thăng vừa nhảy xuống, chân chưa chạm đất nó bị lấy họng không kịp ngáp. Chỗ đó là chỗ của Sáu Linh và thằng Châu. Sáu Linh với thằng Châu cùng nổ một lúc. “Bắn” một viên trúng đầu, một viên trúng ngực. Chiếc trực thăng vừa thả giò liền quay lại, bắn. Hai chiếc khác cũng bu lại. Năm người, năm cây súng giữa đồng trống làm sao đánh lại ba chiếc trực thăng. Tôi liền kéo anh em chỗ tôi đập đé, băng đồng, chạy tới, tiếp viện. Cánh đồng dài theo năm xã, tất cả du kích đều nổ súng. Nó quần đảo xa gần gì cũng bị súng dưới mặt đất bắn lên. Nó hoảng, nó kêu tụi F đến rắc bom bi. Tụi F vừa tới thì du kích tụi tôi cũng vừa bám được địa hình.

- Mình có ai làm sao không? - Tôi hỏi.

- Người nào cũng bị thương.

- Dữ vậy?

- Nhưng không phải bị thương vì bom vì đạn của nó. Bị thương vì sậy đé, người nào người nấy, sậy đé, đứng lác cắt nát mặt nát mày hết.

- Vậy là mình giết được có một thằng?

- Chưa hết. Còn cái thằng lủi mất đó, nó sợ, nó không dám bắn ai nữa. Mà cũng không ai biết nó lủi đi đâu. Nhưng nó tới số. Nó gặp một em nhỏ đi đào đé câu cá. Em nhỏ mười hai tuổi, chú đi đào đé ở trong vườn.

Thằng Mỹ hễ đó lủi vô vườn hòi nào, ai biết? Nó ngồi co ro trong bụi rậm. Chú nhỏ mười hai tuổi nghe tiếng đế gáy re re, chú cầm cái xuống đi tới. Thấy hang đế, chú cầm cúi đào, đào gần tới, con đế cöm từ dưới hang búng lên cái tách, thoát khỏi tay chú. Con đế búng nhảy vô bụi rậm. Vậy là chú nhỏ bắt gặp thằng Mỹ. Chú nhận ra được nó là nhờ hai con mắt mở tròng tròng của nó. Như mọi lần thì nó bắn chú nhỏ rồi. Bữa đó nó sợ. Thấy hai con mắt xanh lè của nó, lúc đầu chú tưởng là mèo nhà ai. Nhìn kỹ, chú thấy cái nòng súng. Chú nhỏ muốn bỏ chạy. Nhưng thằng Mỹ tới số, chú làm tỉnh, chú trở lại cái hang đế, chú đào, chú móc như chẳng có việc gì xảy ra. Xong cái hang đế đó, chú lại đào cái hang khác. Bỏ đi ngay, sợ nó nghi, mà chỗ đó thì hết hang đế rồi. Chú mới nghĩ: thằng Mỹ thì biết gì cái chuyện đào đế, có phải thằng ngụy đâu. Khôn quá!

- Con nít bây giờ khôn lắm.

- Nghĩ như vậy, chú ngồi xuống cạnh đó, đào đại xuống đất một hòi. Một lúc, chú mới bỏ đi, nhưng cũng không bỏ đi xa. Chú đào một chỗ khác xa hơn, có ý cho thằng Mỹ nhìn thấy. Cứ như vậy mà chú đi xa dần, rồi đi khuất con mắt của nó, trước khi chạy đi báo, chú còn nghe ngao ca một câu vọng cổ cho nó nghe nữa. Vừa xuống chữ hò, là chú cầm đầu cầm cổ chạy về. Thằng Mỹ đó tới số. Chị Sáu với du kích tụi tôi chưa kịp phân tán. Bọn tôi lập tức bủa vòng vây, cả dân xóm, người súng, người gậy, người cuốc, người phang, người dao, giậm như giậm cù; nghĩa là, tụi tôi vạch từng cọng cỏ. Nó không thể thoát. Anh biết nó làm sao không? Quynh quá, thấy con mương vườn, tưởng con mương sâu, nó vọt chạy rồi nhào xuống, định trằm mình rồi lặn mất. Có ngờ đâu, nó vừa lao xuống thì đầu cắm xuống bùn. Tới nước cùng, nó vùng dậy, giơ súng bắn. Nhưng súng đã nổ vô đầu nó trước rồi.

- Anh bắn, hay ai bắn?

- Tôi bắn thì còn nói gì. Tôi vừa bóp cò thì nó đã giãy đành đạch

rồi. Có tức không?

- Ai bắn cũng vậy, giết được nó là được.

- Biết vậy, nhưng nếu tôi bắn được nó trước, thì vong linh của vợ tôi mới hả. Ông bà mình nói: vong linh người chết còn lại trong vong linh của mình. Mình thấy hả thì vong linh người chết được hả theo, mình chưa hả thì vong linh người chết còn âm ức. Nhiều đêm tôi nằm nghĩ như vậy - Tôi nói tiếp: nó quây cái nương vườn bùn đất nổi lên như trâu đầm. Kéo cái xác nó lên, thấy nó bận hai lớp áo, một lớp nó vẽ sậy vẽ đề, một lớp nó vẽ lúa vẽ lá cây. Hai lớp áo, bốn mặt vải, mỗi mặt nó vẽ mỗi kiểu khác nhau, giống hệt. Còn mặt của nó thì rần rện, thấy có màu đất, màu lá tươi, lẫn lá khô lá chết. Mỗi thằng có hai cây súng, một cây carbin, một cây lục, với cái máy bộ đàm.

Không liên lạc được với nhau, thằng chỉ huy Bình Đức biết sự thể như thế nào rồi. Nó khôn trật đời. Nó làm như chẳng có gì xảy ra. Nó bắt hai thằng lính Mỹ khác, vẽ mặt vẽ mày y như vậy. Chiều, nó cho lên trực thăng cũng quần đảo, sà xuống cát lên như mọi chiều. Về tới Bình Đức, nó thả hai thằng Mỹ hề giả đó xuống, tuyên truyền với dân chúng là hôm nay Vi Ci kéo về một trung đoàn đánh với hai thằng Mỹ hề, hai thằng Mỹ hề diệt của Vi Ci gần một đại đội, và trở về an toàn. Đó, hai thằng còn y nguyên đó!

Nó quên là nó còn hai cái xác của hai thằng Mỹ hề ở đây. Ở trên Rờ của anh ra làm sao tôi không biết, còn ở đây, chiến trường này, thằng Mỹ có điểm khác hơn thằng nguy ở chỗ: thua gì thì thua, nó cũng không bỏ xác lại chiến trường. Lấy không được xác thì nó ném bom cho cháy sạch để phi tang. Lần đầu tiên, nó phải để lại hai cái xác nguyên vẹn.

Nghe tụi nó tuyên truyền là hai thằng Mỹ hề vẫn trở về an toàn, tụi tôi ức lắm. Trong xóm có ông già Hai Cờ. Ông già đem cho con cá vồ đem anh mới về đó, anh nhớ không? Ông già vui tính lắm. Nghe đồng bào áp chiến lược nói vậy, ông đến xã đội xin hai cái xác của hai thằng Mỹ hề. Anh biết ông làm gì không? Ông đổ tro lên chiếc xe bò, rồi cho hai thằng Mỹ lên

nằm trong đồng tro. Sáng sớm, ông đánh xe ra ấp chiến lược, chiếc xe bò chở hai cái xác của hai thằng Mỹ hề cứ lóc cọc chạy theo con đường đá dọc theo sông. Đi đến đâu ông cũng nói, ông đem xác Mỹ hề trả cho Mỹ. Dân chúng hai bên đường chạy ra hỏi, ra xem. Ông vừa đưa cây roi chỉ hai thằng Mỹ hề nằm trên đồng tro, kể cái chuyện nó đánh lén giết người, kể tên từng người chết vì nó, rồi kể cả chuyện du kích đánh nó như thế nào... Chiếc xe bò của ông cứ lóc cọc đi trên đường, qua làng, qua xóm. Gần tới chốt Mỹ, ông làm một xi, lấy rượu làm nư, ông đánh chiếc xe bò tới ngay cổng gác của nó. Ông nhờ người thông ngôn nói: “Tôi thấy người Mỹ chết mà chẳng có ai chôn, tội nghiệp, tôi chở ra cho mấy ông”.

- Nó có làm gì ổng không? - Tôi hỏi.

- Không. Lúc đó nó đang mị dân.

Thằng đại úy ra tiếp ông, móc bóp cho mười đô la, ông cầm đô la nói: “Tiền này là tiền của dân tôi, tôi lấy lại, chứ không phải là của Mỹ”. Người thông ngôn không dám dịch lại, thấy vậy ông không chịu đi. Cuối cùng, người thông ngôn phải năn.nỉ: “Thôi bác, bác lấy mười đô la về uống rượu, nói đi nói lại với nó làm gì”. Ông già tức mình, to tiếng với người thông ngôn: “Chú thông ngôn lại lời của tôi chứ chú có nói đâu mà chú sợ, hả”. Người thông ngôn quay lại thằng Mỹ, ô cà ô kê gì đó, ổng mới chịu đi. ổng nói với tụi tôi: “Tao biết thằng thông ngôn nói cái gì đó thôi, nhưng thầy kệ cha nó, thằng thông ngôn nghe là được rồi, không thì nó tưởng mình ham tiền, mà mình bỏ thì nó nói mình ngu”.

- Sau đó còn thêm thằng Mỹ nào như vậy nữa không? - Tôi hỏi.

- Thôi! Nó hoảng cha, nó thôi luôn cho tới ngày cuốn gói.

- Nè, hai thằng Mỹ đó nó sơn mặt sơn mày như vậy thì phải gọi là Mỹ ma hay Mỹ quỷ gì mới phải, chứ sao gọi là Mỹ hề, lúc mới nghe tôi tưởng nó làm hề cho người ta cười.

- Cái mặt của nó, nó có làm hề mình cũng không cười được. Hề mà

tôi nói lúc đầu là nói theo người không biết chữ. Còn người biết chữ thì hiểu theo cái nghĩa khác. Anh biết chữ Nho không?

- Không.

- Ông Hai Cờ ông biết. Cái hòm chở xác hai thằng Mỹ hễ trên chiếc xe bò đi tuyên truyền chiến thắng trở về, ông làm gà đái du kích, uống ba hột hừng hừng, ông mới cắt nghĩa cho tụi tôi nghe. Ông ngồi chồm hồm đầu bịt khăn khắc, ông nói: “Mấy cháu giết được hai thằng Mỹ hễ, hỏi vậy mấy cháu ngồi đây, đứa nào biết được chữ hễ là giỏi lắm đó, chữ hễ viết như vậy nè!”. Rồi ông đưa lên một ngón tay vẽ quần quện như vẽ bùa. “Mấy cháu thấy chưa? Chữ hễ này là chữ Hán. Hễ chữ Hán có nghĩa là ôi, và vậy là vậy thay. Mỹ hễ là Mỹ ôi, Mỹ vậy, Mỹ vậy thay, Mỹ ôi ôi”. Ông vừa cắt nghĩa vừa gục gật cái đầu bịt khăn khắc, tụi tôi cười muốn nôn ruột. Ông còn nói thêm: “Thằng Mỹ ngựa, thằng Mỹ ăn cắp, thằng nào cũng là Mỹ hễ tuốt!”. Anh có nghe nói thằng Mỹ ngựa không?

- Kể đi! - Tôi vừa giục vừa rảo bước theo Út Đợ. Đi trên con đường vắng, nghe chuyện cũng đỡ mỏi chân.

- Ủ... à! Tôi kể cho anh nghe. Thằng Mỹ nào mà chẳng có tên. Nhưng cái tên nó, muốn nói phải vặn mồm bẻ miệng, nói nghe như đở lưỡi, khó lắm. Thằng Mỹ này nó tên gì, thầy kệ cha nó. Đồng bào đặt cho nó cái tên: “ngựa” là vì nó chạy như ngựa vậy. À! Cái tụi lính Mỹ mặt mày nó làm sao mà khó đoán tuổi quá. Mặt thằng nào cũng sần sần, không ra trẻ cũng không ra già. Thằng Mỹ ngựa này cũng vậy, mặt nó sần sần, cao như cây tre miếu. Nó hay đi ruồng một mình, một mình một cây súng, nó ruồng qua xóm này rồi đến xóm khác, nó ruồng theo vườn, lội qua sông.

- Du kích mình đâu mà để nó tung hoành như vậy? - Tôi hỏi.

- Nó chỉ ruồng trong ấp chiến lược với mấy cái xóm chung quanh cái chốt của nó. Lâu lâu, bất thành lính nó mới chọt ra ngoài một cái, rồi ù chạy về. Tôi nói là nó chạy như ngựa mà.

- Ủa.

- Vậy đó. Cái gì ăn được là nó lấy. Gặp vịt bắt vịt, gặp gà bắt gà. Mãng cầu xiêm, vú sữa, hoặc đu đủ, thấy trái nào chín là đưa tay hái, thồn vô túi quần. Nó thích nhứt là vịt. Gặp vịt hăng người ta nuôi ở ngoài đồng là nó rượt bắt. Nó định bắt con nào thì con đó dùng hông thoát khỏi tay nó. Tôi nói là nó chạy như ngựa mà! Nó đựng lựu đạn gài của du kích mấy lần mà không chết. Đang đi, vấp phải dây là nó vụt chạy, lựu đạn nổ cái đùng là nó đã chạy ra khỏi tầm ròi, giỏi vậy. Ở xứ này, người mình, ở Mỹ Tho có chị Gấm là nhanh không thua nó. Một hôm, nó thấy cô gái đi lượm củi ở trong vườn. Nó rượt bắt. Nó chạy như ngựa, làm sao chạy kịp nó. Nó bắt được. Nó vừa hiệp vừa bóp cổ người ta. Dân ấp chiến lược khiêng xác cô gái đi đấu tranh. Nó phá làng phá xóm dữ quá. Phải triệt nó. Ban chỉ huy xã đội phái tôi đi. Anh Năm Bờ ảnh không nói cho anh chuyện đó à?

- Không, kể tiếp đi.

- Ồ! Ra ấp chiến lược, tôi cải trang làm thằng chăn vịt. Tay cầm roi đầu đội nón lá, tôi đuổi một bầy vịt ra đồng. Tôi thấy nó từ xa, cao lêu nghêu như cây tre miếu, quần áo rằn ri, cây carbin bá xếp nó cầm trong tay, thấy nhỏ xíu như đồ chơi. Nó rà tới, đứng bên cạnh tôi, người tôi dềnh dàng như vậy mà chỉ đứng tới ngực nó. Nó ô kê ô ka gì đó, tôi chỉ cái đám vịt cho nó. Nó cứ dòm tôi, dường như thấy một người lạ. Nó lật cái áo của tôi lên. Biết nó không nghe được tiếng mình, tôi mới chửi nó: “Đ... mẹ mày, tao là du kích, bữa nay tao giết mày để trả thù cho đồng bào tao, mày biết chưa?”. Nó nhăn nhăn cười rồi nhảy ào xuống ruộng. Bầy vịt cạp cạp chạy tứ tung. Nó rượt nó đuổi, nó chụp nó bắt. Tôi cúi xuống, dỡ đồng cỏ, ngay dưới chân, cắn chốt lựu đạn. Lựu đạn nổ một cái đùng. Nó thì giãy, vịt thì chạy. Tôi cũng ba chân bốn cẳng rút lui. Pháo nó bắn theo, thôi khỏi phải nói!

- Nó chết?

- Chết.

Hai đứa tôi lại cầm cúi đi.

- Tôi muốn ra ngoài sông, được không? - Tôi chợt hỏi sau một lúc im lặng, câu hỏi của tôi không dính dáng gì đến câu chuyện của mấy thằng Mỹ anh đã kể.

- Anh đi chưa được đâu.

- Chú có thường ra ngoài không?

- Lâu lâu tôi chợt ra một lần.

- Đã sắp tới chưa?

- Đêm, trời động thì ở đây nghe được tiếng sóng.

- Vậy!

Con đường cặp bờ theo kinh chạy dài ra bờ sông Cửu Long, vẫn vắng tanh. Trên con đường chỉ có hai đứa, khoác ni lông, đi ngược lại chiều gió, cùng với những câu chuyện của anh.

CHƯƠNG 11

Út Đợ đưa tôi đến vọng gác của anh trong vườn xoài, thì mưa cũng vừa tạnh. Nói là vọng gác cho ra vẻ, thật ra đó chỉ là một khoảng đất được dọn sạch dưới những cây xoài lùn dày lá. Ánh nắng không lọt qua, máy bay không nhìn thấy, trực thăng có quạt cũng không thể lật được nhánh, nhánh của chòm xoài mà nhìn xuống được. Một cái hầm dày, được nện chắc, vừa chống phi pháo, có thể mắc được hai cái võng, vừa là chỗ để gạo, thức ăn, cả nồi niêu. Một cái công sự chiến đấu. Giao thông hào là những con mương vườn.

- Mệt không? Giăng võng nằm nghỉ đi. - Anh bảo tôi.

Tôi mở dây nịt, đeo lòng thông nào võng, nào ni lông, nào bình toong lên cái sườn nhà bằng tre dựng trên khoảng đất trống. Con mưa vừa qua, chỉ là một cơn mưa rào. Mưa mà không ướt đất, làm rụng không biết bao nhiêu xoài. Một chút nữa, mình cũng phải đi lượm xoài cho nhân dân. Tôi nghĩ và đứng nhìn qua khu vườn vừa bừng lên với muôn nghìn giọt mưa trên tàn lá đang lấp lánh dưới ánh nắng rực rỡ. Chim trao trao nghe hương mật của xoài, nhảy nhót hót vang.

- Đói chưa anh?

- Đói.

- Chà, bữa nay không có cái gì cho anh ăn.

- Có nước nắm không?

- Tưởng gì, chớ nước mắm thì cả chai.

- Xoài băm với nước mắm, được rồi - Tôi chỉ mới nói thôi mà đã thấy thèm.

- Nói vậy chớ dầu hèn cũng thể, dầu bẻ cũng nghe canh canh. Còn

khô sặc.

- Chà! - Tôi chép miệng - Trên Rờ tụi tôi mà có được con khô đặc, ít nhứt cũng một xị.

- Nếu muốn, thì tốt, tôi với anh qua ấp chiến lược. Anh giăng võng nằm nghỉ đi, tôi đi nấu cơm.

- Đi xem qua cái ấp chiến lược trước đi.

- Đi thì đi.

Tôi nịt dây nịt vào lưng, cùng đi với anh. Út Đợ dẫn tôi đi qua hai con mương rồi ra khỏi vườn, đến bờ con rạch nhỏ bắt nguồn từ con kinh, chảy ngoằn ngoèo. Con rạch nhỏ um tùm ô rô với cóc kèn.

- Kia kìa!

Tôi nhìn lên, chợt bị chói mắt vì hàng trăm hàng nghìn cái mái tôn hắt nắng, kê sát, chen chúc, xếp tiếp nhau như vẩy cá ở phía bên kia cánh đồng. Nhà của dân trong ấp chiến lược. Một cái làng với những mái lá, mái ngói với những cái sàn cao thấp thoáng dưới rặng cây của ngày xưa, từ xa nhìn về, ta đã thấy nao nao. Bây giờ, cũng là cái làng, một cái làng với cái tên “ấp chiến lược” này, sao mà xa lạ mà nhức mắt đến thế? Tôi cứ chớp mắt, chớp mắt, rồi lấy tay che tìm bóng mát. Tôi thấy có người đi và từ đó vọng lại tiếng ồn ào: có lẽ tiếng người, có lẽ tiếng xe, có lẽ tiếng khóc, rõ hơn là tiếng súng, và tiếng càn cạch của một chiếc trục thẳng cần cầu vừa hạ cánh.

- Sau cái dãy nhà, sau rặng cây là chợ Vàm, chi khu của nó. - Út Đợ nói với tôi - Từ đây ra cái bót của chi khu đúng một ngàn bốn trăm năm mươi ba mét ba phân.

Tôi nhìn anh, cười vì con số quá chi li của anh.

- Tôi nói thiệt, không giỡn với anh đâu. Tụi tôi đo đạc kỹ lắm. Đo cho pháo bắn mà.

- Làm sao mà đo được bốn trăm năm ba mét ba phân.

- Đúng như vậy.

- Vậy thì máy ngắm của anh tôi tân quá!
- Không phải máy ngắm máy đo gì đâu.
- Đo bằng gì mà chính xác dữ vậy.
- Đo bằng bánh xe đạp.

Không nhìn được, tôi bật cười và phát vào vai anh một cái.

- Anh tưởng tôi nói chơi à? Anh không tin anh hỏi chị Sáu Linh thì biết.

- Đo như thế nào, nói tôi nghe xem.

- Như vậy. Chiếc xe đạp chỉ buộc một sợi dây vải trắng qua cái bánh xe trước để đánh dấu. Bắt đầu từ cái vòm rạch này, chỗ đặt pháo, chỉ bắt đầu chạy một đường thẳng ra ngoài. Hết cái vòng vải trắng chấm xuống đất thì đếm một cái. Chỉ chạy ra tới tận cổng đồn của nó, chỉ đếm được a a... bao nhiêu vòng tôi quên rồi. Cứ lấy cái số vòng đó mà nhân lên chiều dài của bánh xe thì được một ngàn bốn trăm năm ba mét ba phân.

- Muốn nhớ cái số vòng thì cứ lấy con số một ngàn bốn trăm năm mươi ba mét ba phân mà chia cho chiều dài của bánh xe thì biết, chứ gì.

- Ồ phải đó! Nhờ vậy mà xuân sáu mươi tám, pháo mình bắn như để. Bụp bùm ... bụp bùm bu ù...m chỗ thì bung... păng bung oăng, nghe thiệt đã.

Ut Đợ tả lại tiếng pháo miêng anh phồng lên xộp xuống, cùng với cái giọng tròn âm và hào hứng của anh tôi nghe cũng sướng tai.

- Bây giờ chỗ nào của tụi nó, - Anh tiếp- mình cũng đo sẵn hết rồi. Trong cuốn sổ tay của chị Sáu có đủ. Anh ở đây lâu thế nào anh cũng nghe bắn.

- Anh giết thằng Mỹ ngựa ở chỗ nào?
- Đó - Anh đưa tay chỉ cánh đồng sau dãy nhà tôn.
- Tụi nó chốt ở chỗ nào?

- Thằng Mỹ không có chốt ở đây, cứ của nó ở tận Bình Đức.

Nhưng cả cái vùng này đều thuộc dưới quyền kiểm soát của nó. Bọn nó thường hay tới đây, đóng dã chiến, rồi về.

Tôi lại đưa tay lên che mắt:

- Hàng rào dây kẽm gai của nó đâu, tôi không thấy?

- Phá hết rồi.

- Sao nó không dựng lại? - Tôi hỏi, vẫn nhìn qua những mái tôn hắt nắng, và dõi theo một bóng áo trắng từ trong mái tôn bước ra đồng.

- Mình phá nó cũng phá.

- Nó cũng phá?

- Ồ. Nó rút kinh nghiệm. Tụi nó nói với nhau. Bờ tường hay rào kẽm gai, cuối cùng rồi cũng bị phá. Ăn thua là ở lòng dân. Nó nói, hàng rào dây kẽm gai làm cho dân họ thấy họ bị nhốt trong một nhà tù lớn. Ngột ngạt. Tù túng. Bực bội. Bị “Việt cộng phản tuyên truyền”. Bây giờ, nó không rào nữa. Đi làm đồng không qua cổng gác. Luông tuồng xóm này qua xóm khác.

- Mị dân.

- Ồ - mị dân. Nó cứ vậy, khủng bố không thành công, thì xoay qua mị dân một lúc thấy không xong, nó lại khủng bố. Cũng như mấy thằng bình định. Nếu nó ở chỗ nào đó độ năm ba ngày thì nó còn làm bộ làm tịch được. Mấy ngày đầu, nó đi đắp đường, đi quét nhà, bến nước nhà nào xộc xệch thì nó đôn cây nó bắc cầu, nó tắm rửa cho trẻ em, đủ thứ y như mình công tác dân vận vậy. Nhưng đến ngày thứ năm thứ sáu thì cái gì huren lại cái ấy khi huren khi. Nó phá không ai chịu nổi. Nó ăn cắp, ăn cắp không được thì ăn cướp. Đàn bà con gái thì nó ve vãn, không ve vãn được thì nó hiếp.

- Người ta vẫn cứ được tự do đi lại?

Tôi nhìn theo một chiếc đằm già đen từ trong đồng sâu bay vào, đang rà rà qua những mái tôn hắt nắng, hỏi anh điều tôi đang băn khoăn.

- Nó không rào bằng rào kẽm gai nhưng rào bằng một hàng rào bom đạn. Nó phân vùng. Vùng nào nó coi là của nó thì dân chúng tự do đi lại,

nhưng phải ăn bận đồ trắng hoặc vải bông cho nó dễ thấy, chớ không được bận đồ đen hay màu cứt ngựa, - Út Đợ đưa tay chỉ dòng nước, và tôi nhìn theo một con còng đang đào hang, anh tiếp: - Nó lấy con rạch trời sanh này làm ranh giữa vùng ta với nó. Bên này là vùng mình, bên kia là vùng nó. Như hai đứa mình đứng ở đây, hễ nó thấy là nó bắn, chẳng biết là ai. Nếu mình lội qua bên, mình mặc đồ trắng mình đi, nó thấy nó cũng bỏ qua.

Vậy là cái ấp chiến lược gọi là vùng bình định này không có đặc điểm gì mới. Tôi thâm nghĩ. Tôi đã từng qua những ấp chiến lược như vậy trên đường vào Sài Gòn năm sáu mươi tám (1968). Một cái làng, một con rạch với hai rặng dừa nước chảy qua làng. Phía bên này rạch là vùng giải phóng. Bên nó chia ra như vậy. Phía bên vùng giải phóng, chúng quy thành vùng bắn phá tự do. Cũng như ở đây.

- Hôm nào tôi với anh lội qua rạch, bận đồ trắng đi thử một bữa xem. - Tôi nói. Tôi tưởng Út Đợ sẽ hưởng ứng, không ngờ anh giã lên như phải lửa.

- Ấy! Thôi đi cha. Khó chớ không phải dễ đâu. Tôi đã làm thử một hai lần, suýt thì bỏ mạng sa tròng rồi. Hôm đó tôi ngồi trên xuồng máy đuôi tôm, cũng mặc áo sơ mi trắng, đi với mấy bà đi chợ. Con Út Trầm du kích của mình bây giờ đó, nó lái máy. Tôi ngồi giữa, chễm chệ ra vẻ lắm. Ngồi ở đằng mũi là bà già. Sáng sớm, xuồng cứ nối đuôi nhau nổ máy, đi theo kinh hồi nãy đó. Đang đi, đầm già nó rà theo. Nó cứ xoáy theo đoàn xuồng. Có chết không! Tôi làm bộ tỉnh, mà cứ nơm nớp. Phía sau tôi, con Út Trầm cứ nhắc tôi: “Anh Út! Ngồi yên, ngồi yên!”. Tôi cứ dòm theo chiếc đầm già, tôi nghĩ: mày mà tắt máy, sút hỏa tiễn thì tao nhào xuống nước ngay. Nó cứ rà theo, rồi bất thần nó cất lên, rồi tắt máy, đầm đầu xuống. Tôi dợm lao xuống nước thì Út Trầm hét tôi: “Anh Út! Ngồi yên!”. Tôi chưa nhảy nhưng xuồng cũng sắp lật ngang, nước vô cái ào. Con đầm già đó nó không cảm thẳng ngay xuống chiếc xuồng của tôi, nó không thấy; nó cắm ngay xuống chiếc

xuống cuối cùng. Nó cắm xuống nhưng nó không bắn. Chiếc xuống đó, hợp pháp quen rồi, mấy người đàn bà con gái cứ tỉnh như không. Nếu mình mà lao chao, nó biết nó bắn nhảy không kịp. Nó kiểm soát, nó thử người bằng cách đó. Cái chết cái sống chỉ bằng đường tơ kẽ tóc. Con đầm già tè tè cất lên máy bay mất rồi, tôi liền bảo Út Trâm: “Bây ghé lại cho tao lên. Tao với nó không đội trời chung, tao không hợp pháp được đâu!”. Từ đó tới nay tôi tồn tới già. “Hợp pháp” không dễ đâu cha đừng giỡn.

Vui miệng, tôi kể với anh:

- Hồi tôi đi Sài gòn, tôi cũng đi “hợp pháp” một lần. Tôi cũng mặc áo trắng, đi trên bờ mầu. Một chiếc trực thăng thấy tôi, nó sà xuống, nó đảo qua đầu tóc. Tóc tôi bị gió cuốn lên dựng đứng. Mình quỳnh thì nó bắn. Phải làm tỉnh. Tôi cứ bước đều đều. Nó sà xuống, đậu ngay trước mặt tôi, đầu thẳng Mỹ lộ ra, nó hỏi. À! Nó xét giấy, mà tôi thì có giấy tờ gì đâu. Đến nước đó thì phải liều. Tôi móc bóp, tôi bành cái bóp ra đưa lên. Nó là thẳng Mỹ, chắc nó cũng chẳng biết cái gì, thấy tôi tự nhiên, thế là nó vẫy tay, rồi cho trực thăng cất lên bay thẳng. Thật hú vía!

- Vậy là anh giỏi hơn tôi.

- Cũng có một anh, cũng đi “hợp pháp” như tôi. Khi nó vừa sà xuống, chân cẳng của anh cứ lỉnh qua lỉnh quỳnh. Nó rà lại lần thứ hai, thế là anh vụt chạy. May mà lúc đó nhờ có du kích bắn yểm trợ.

- Nó chơi cú tâm lý với mình đó. Mình là du kích thì tâm lý của mình không tự nhiên được. Tôi thì tôi cứ làm du kích, mày bắn tao, tao bắn mày, vậy!

- Có một anh cán bộ Tây Ninh, anh cũng đi “hợp pháp”. Nó sà xuống xét giấy, mặt thẳng Mỹ với mặt anh cách nhau một tầm tay. Thẻ căn cước không có, bên hông lại đeo cây súng.

- Anh thấy chưa. Bí nó bắt sống như không, mà!

- Đến nước đó, chẳng có cách nào khác hơn, anh móc súng ra, cạch

cho nó một phát. Chiếc đó là chiếc cá rô, lại đi lẻ một mình. ảnh bắn trúng chỗ nghiêm, nó phùng cháy.

- Chuyện đó tôi cũng có nghe. Đụng trường hợp của tôi tôi cũng vậy. Bắn!

- Đội du kích của mình ai quen đi công tác “hợp pháp”? - Tôi hỏi.

- Máy cô nữ, cô nào cũng đi được, đụng mặt nó, máy cô cứ tỉnh như không. Còn bọn đàn ông con trai tại tôi, nếu cần cũng đi được, nhưng dở nhứt là tôi.

- Chú dở sao chú giả thẳng chẵn vịt giết thẳng Mỹ ngựa được?

- À! Cái đó khác. Cái đó là cải trang, cải trang một chút rồi quánh nó. Còn đằng này, nó cứ vờn vờn trước mặt mình. Với lại tôi đã nói với anh, hễ cần thì cũng làm được. Mà anh cũng nên nhớ cho là, cái tại nó, ngồi trên máy bay, nó rà theo mình, ngoài cái nhiệm vụ kiểm soát, còn do cái tính lý lắc của từng thẳng nữa. Cánh đồng trước mặt mình đây, nhằm mùa cấy hay mùa gặt, sáng nào cũng sà xuống đảo lên đầu đàn bà con gái; nó lộ đầu ra, nói chọc, thẳng nào cũng dề. Có khi nó bắt người ta giở nón cho nó xem mặt. Quạu thì nó bắn tẹt tẹt cho người ta chạy, nó cười; lúc nó khoái chí cái gì đó thì nó nghiêng cánh, làm như con gà trống xòe một cánh rề rề theo gà mái vậy. Có một lần, một thẳng lái “Scarâyđơ” về qua cánh đồng rà thấp, thấy đông đàn bà con gái, động cớ thế nào, nó mới cất lên, nhào xuống, nhào xuống lại cất lên, rồi nhào lộn nữa, lộn thấp nữa, cất lên không kịp, cái đầu của nó chúi luôn xuống ruộng, cái đầu máy với thẳng lái ngập mất tiêu. Đáng đời!

- Thiệt hay chơi đó?

- Thiệt chứ anh.

Tôi lại nhìn theo một bầy trực thăng ba chiếc, bay thành hai tầng từ trong đồng sâu bay ra. Nó lại quần đảo trên cánh đồng, chỗ có mấy cái bóng áo trắng đầu đội nón đang cúi lom khom. Những cái bóng áo trắng vẫn tự

nhiên dưới tầm bay của nó.

- Nhà của thằng đại úy Long ở hướng nào? - Tôi hỏi.

Út Đờ đưa một ngón tay:

- Nhà của nó đó. - Anh chỉ một mảng ngói đỏ hiện ra giữa một khoảng trống của vòm lá.

- Như vậy là từ Vàn tới nhà nó độ một cây số.

- Chín trăm ba mươi mét!

Tôi lại cười vì con số lẻ của anh.

- Tôi nói thiệt. Hồi Mậu Thân sáu mươi tám, tụi tôi đặt pháo ngay tại sân nhà nó, tụi tôi bắn mà. Cũng bằng bánh xe đạp đó.

- Cũng do chị Sáu Linh đo?

- Bằng xe đạp, nhưng không phải chị Sáu, mà Bé Ba. Cô đó cũng khá lăm. Vừa rồi cô định đi theo bộ đội nữ pháo binh. Tôi với chị Sáu năn nỉ quá tay.

- Còn nhà của bà Chín, bà mụ vườn ấy, ở đâu? - Tôi hỏi.

- Cũng trong cái cụm vườn nhà thằng Long đó, nhưng khuất không thấy được.

Ba chiếc trực thăng rời khỏi cánh đồng bay dọc trên rừng cây ven sông.

- Đói chưa anh?

- Đói.

- Thôi về nấu cơm.

- Một chút nữa.

Cái làng nằm trong ấp chiến lược này vừa xa lạ, nhìn lâu thấy nhức mắt, nhưng tôi chưa muốn rời đi. Một cái làng “bình định”. Phải giành lại trong tay giặc!

Sau bữa cơm ăn với khô sặc nước mắm xoài, Út Đờ và tôi, cả hai đều không nghỉ trưa. Tôi nói với anh chia nhau đi lượm từng trái xoài cho

dân. Xoài non để riêng, xoài già để riêng. Xoài hươm hươm để riêng.

CHƯƠNG 12

- Chị Bảy ơi, bà Chín tới!

Chị Bảy là vợ anh Bảy Thá, người đàn bà hơn ba mươi tuổi có ba con: một trai, hai gái, và bụng đang mang thai. Nhà chị đêm nay là điểm hẹn của Sáu Linh và bà Chín. Gia đình chị xưa nay vốn ở xóm này, nay là xóm cuối cùng của ấp chiến lược, có hơn bốn mươi nhà, hai bên bờ kinh, nhà cuối cùng cách con rạch phân hai vùng một quãng vắng. Xóm này ban ngày bọn giặc có thể la cà, lui tới từng nhà, nhưng đêm thì nhà nào cũng rộng cửa đón mời du kích, cán bộ trở về. Và nhà nào cũng dành món ngon cho anh em.

Chị không có chân trong du kích, cũng không phải là cán bộ, nhưng khi cách mạng cần, thì sẵn sàng nhận bất cứ việc gì: đi liên lạc, lấy tin, canh gác cho hội nghị, nuôi giấu cán bộ... Chị không từ chối một việc gì, nhưng phải có một điều kiện: người giao việc cho chị phải là người chị thích. Chị cũng nói thẳng ra như vậy: “Người nào tôi thích thì việc gì tôi cũng làm”. Chị nói như vậy, nhưng chưa thấy chị ghét ai. Cán bộ du kích, người nào chị cũng thương. Anh Bảy Thá, chồng chị tánh lù khù, ít nói, còn chị thì lanh lợi, vui chuyện. Chị xếp xoài vào đĩa, đẩy cái đĩa vào bộ phản, bảo:

- Sáu với mấy chú ăn đi, tôi kể tiếp cho mà nghe. Tụi nó làm bộ dân vận. Mày muốn dân vận thì tao cho mày dân vận. Tôi cứ đem củi gốc cho nó bửa. Mấy cái củi gốc tôi để lổm ngổm ở ngoài sân là củi tôi để dành cho tụi nó đó. Hễ thấy nó bước vô sân là tôi ném cái búa ra, tôi chào: “Chào chú bình định đi dân vận, tôi bụng mang dạ chửa, giúp cho tôi mấy gốc củi cái!”. Mới hồi sáng này đây chớ đâu nó cầm cái búa, nó đứng chàng hăng, nó quơ búa, bửa xuống. Búa thì lứt mà củi thì cứng, cái búa cứ dội lên tung tung, bửa được mấy búa, bị phỏng da tay, nó hoảng cha. Từ sáng đến chiều, đi ngang

qua nhà tôi, dòm vô sân thấy mấy cái gốc củi, thằng nào cũng lấm lét...

Chị đang kể thì nghe tiếng Út Trầm đứng gác ở ngoài gọi vào. Chị bỏ chân xuống phản, cầm cây đèn bão để trên bàn thờ, rồi quay lại:

- Hôm qua tôi nghe cô Sáu nhắn tôi đón bà Chín, nghĩ hoài, tôi không biết làm cách nào. Tôi biểu ba sắp nhỏ mượn xuống máy đuôi tôm ra ngoài nói là tôi đang chuyển bụng. Mới có sáu tháng mà chuyển bụng cái gì. Đêm nay làm sao tôi đẻ đây. Nè, chú Năm, chú giấu mặt xem bà có nhớ không...

- Thôi, cầm đèn đi đi...- Anh Bảy Thá ngồi cạnh bên Năm Bờ, lưng dựa vào vách, giục chị.

- Chào cả nhà! - Bà Chín bước vào, người dong dong, tuổi đã sáu mươi, mái tóc bạc lơ thơ được chải gọn, vàng trán rộng, miệng đã móm mém, nhưng đôi mắt lại sáng như mắt con gái, cái mũi nhỏ hơi cao, bà mặc chiếc áo bà ba trắng. Nhìn qua dáng dấp bên ngoài của bà, không thể đoán là bà mụ vườn; bà như một cô giáo đã trở về già, thông minh, điềm đạm và nghiêm khắc. Bước theo sau bà là cô gái. Bà như để lại cái tuổi hai mươi của mình qua dáng dấp của con. Út Trầm ôm ngang lưng cô gái, cả hai cô đều bước vào cửa, cùng đến một cái ghế gần vách rồi hai cô cùng ngồi, hai cô vẫn choàng tay ôm lưng nhau.

Sáu Linh, Út Đợ, anh Bảy Thá, tôi, cả ba đứa con của chị Bảy đều chào hỏi bà. Chỉ có Năm Bờ - theo lời dặn của chị Bảy, vẫn ngồi im.

- Còn thằng kia, - Bà nhận ra anh - mày tưởng tao không nhận ra mày à? Con về hồi nào. Con ốm đau làm sao, má biết hết.

Năm Bờ cười, chúng tôi cười, chị Bảy cười thích thú hơn cả. Bụng mang dạ chứa vậy mà lúc nào cũng thoăn thoắt nhẹ nhàng.

Chị đặt cây đèn bão lên bàn thờ, rồi xách chiếc ghế, đặt cạnh bộ phản, miệng bằng tay, tay bằng miệng:

- Thím ngồi đây.

- Để đó tao.

- Cháu biểu chú không được ra mặt để xem thím có nhớ không?

- Cái gì của tụi nó mà tao không nhớ. - Bà ngồi xuống ghế, xoay qua chị Bảy: - Tao già, đúng lục tuần rồi nhưng tao lại nhớ dai, đứa nào mà tao đỡ, hề gặp mặt là tao nhớ ngay lúc nó lọt lòng ra làm sao. Như thằng Năm đây, tao làm sao quên được.

Chị Bảy đang cầm ấm nước rót cho bà, chị dừng tay, liếc, nhìn Năm Bờ với Sáu Linh:

- Thím kể cho cô với chú ấy nghe đi.

- Thôi, để kể chuyện khác. Mà nghĩ cũng lạ. Những đứa đó bây giờ, hề tao gặp mặt là tao biết ngay là nó đang ở bên nào. Tao để ý thấy hề đứa nào mà theo tụi nó, gặp tao, một là nó không biết, hai là biết mà làm bộ không biết, làm như tao không đáng đỡ để cho nó vậy. Lúc đầu tao cũng không để ý làm gì, mình không đỡ thì người khác đỡ, có phải là mẹ đẻ đâu mà mang nặng đẻ đau, hơi sức đâu mà nhớ, nhưng rồi tao nghiệm thấy, mười thằng như một. Nghĩ cũng kỳ.

- Nó ăn phải bả mà thím không biết à? Thím uống nước. Còn hai cái cô út đó làm gì mà cứ ôm lưng nhau hoài vậy, qua đây ngồi ăn xoài. Tối tao cho hai đứa ngủ chung.

Hai cô cùng thứ út ấy nhìn chúng tôi, bẽn lễn, rồi lại nhìn nhau cười; hai cánh tay chàng lấy lưng nhau chặt hơn.

Bà Chín hóp lấy hóp nước trà nóng rồi nhìn tôi.

- Còn con, má trông hơi lạ.

- Đồng chí Thắng ở trên Rờ, cùng về với con.

- Vậy!

Rồi sau những hóp trà nóng, câu chuyện của bà cứ thu hút chúng tôi mãi đến khuya.

CHƯƠNG 13

Chuyện thằng Long, tên đại úy chỉ huy chi khu.

Nó khoe với bà về cái tên của thằng con. “Hôm trước thím có hỏi cháu, cháu đặt tên cho thằng con tên Tây hay tên Mỹ - nó cay cú với câu hỏi của bà, - cháu trả lời với thím: cháu là người Việt, tên nó phải là tên Việt, cháu đặt cho nó là Nguyễn Long Giang. Long là tên cha lấy làm chữ lót, Giang nghĩa là sông và cũng có nghĩa là sanh ra bên bờ Cửu Long Giang này!”. Bà ừ cho qua chuyện, nhưng từ đó, bà chú ý nó hơn. Không mấy chốc mà đến ngày ăn đầy tháng của con nó. Rủi cho nó, nhằm cái ngày vui của đời nó, nó phải đi càn.

Bà nội của đứa bé - bà Út Nhỏ, và cả mẹ của thằng Giang có nhờ đến sự giúp đỡ của bà. “Chờ đến cái tuổi này gần xuống lỗ mới có được một thằng cháu nội”. Bà Út Nhỏ nói, bà muốn ăn đầy tháng cho thằng cháu đúng theo phong tục của ông bà. Cái bếp của nhà bà nổi lửa từ nửa đêm, mãi cho đến chín giờ sáng thì mọi việc mới xong.

Cái mâm cúng ai thấy cũng khen. Bà Út Nhỏ, cũng như mẹ của thằng bé thật hài lòng với mình. Cái mâm cúng có đủ loại xôi màu: xôi màu lá cẩm, xôi nghệ, xôi vò. Bánh bò thì bánh bò trong - làm bằng đường cát, heo quay có cả hai con, một con heo sữa nhỏ bằng cườm chân để cúng, còn heo để ăn, để đãi khách thì đúng một tạ. Và cái món không thể thiếu trong ngày ăn đầy tháng là chè trôi nước, chè trôi nước nấu bằng đường thốt nốt để giữ lấy màu chè. Cúng bà mẹ sanh và cúng cả mười hai con giáp từ con tí, con sửu cho đến con hợi. Vậy là mỗi món đều phải xếp đủ mười ba đĩa, cho mỗi vị. Tất cả các món được xếp trên cái mâm đồng to đến một vòng tay ôm cũng không hết. Con heo quay đặt ở giữa - với tư thế chết cháy; xôi màu,

bánh hời, bánh bò trong, và chè trôi nước xếp vây quanh. Cái mâm cúng ấy phải hai người lực lưỡng đưa từ dưới bếp lên.

Bàn thờ lớn ở gian giữa của nhà lớn thấp đủ mười ba cây đèn cầy, lư hương cũng cắm đủ mười ba cây nhang. Bà con xa cũng như họ hàng gần cùng với hàng xóm láng giềng được lời mời của chủ, đến mỗi lúc một đông. Giày, dép, guốc xếp sấp lợp dưới cầu thang. Cái thảo bạc tiếp khách của ngôi nhà đã chật người. Những vị khách có máu mặt như đại diện Phiến, cảnh sát Bá, và một số gọi là công chức được ngồi trên ghế xa lông, chiếu bông, lớp nhỏ cũng ngồi chiếu bông, nhưng là chiếu ni lông cho mát đít và cũng hợp với sở thích của lớp nhỏ.

Những món gì có trên mâm cúng đều được dọn ra, dài theo chiếc chiếu cổ.

Bà Út Nhỏ mặc chiếc áo dài đen may theo lối cổ, đơn đả tiếp từng người. Nhân vật chính là đứa bé vừa tròn một tháng được mặc một bộ đồ quần áo lính thủy, như một người lính thủy thu nhỏ, chỉ có cái khác là đáy quần có khoét lỗ để lòi con “chim” ra cho mọi người đều thấy rằng: nó là con trai. Thằng nhỏ bụ bẫm, đỏ hồng, trông thật kháu khỉnh.

Nó được người này người nọ chuyền qua tay nhau nựng nịu hôn hít. Mẹ nó, một người đàn bà trẻ, tuổi độ hai mươi lăm, không mặc phải cái tánh đánh đá, cộc cằn như những cô vợ lính khác. Vốn là nữ sinh Sài Gòn, lúc nào cũng âu sầu với vẻ xa xôi, một con người lúc nào cũng mang cái vẻ lạc lõng, xa lạ với người làng. Cô đứng trong bậc nhà trong nhìn theo con, tươi cười, hể hả với nó. Bà Út Nhỏ đang bận tiếp khách, nhưng lúc nào cũng thấy từng cử chỉ của đứa cháu nội.

Mọi việc đã xong xuôi, khách khứa đã ngồi sẵn, chỉ còn thiếu có một người, mà chưa ai được cầm đũa. Đó là cha của đứa bé; đại úy Long đang chỉ huy trận càn trong xóm ruộng.

- Tội nghiệp thằng nhỏ, nè cái bữa nay mà nó đi càn đi bố! - Bà

Út Nhỏ ngồi tiếp khách mà cứ thấp thỏm không yên, chốc chốc bà lại xoay sang bà Chín, than vãn, chặc lưỡi rồi thở dài. Từ ngày có thằng bé, hai người bỗng trở thành đôi bạn thân. Mẹ của đứa bé, cô nữ sinh lạc lõng ấy thì đâm ra quý đứa con gái út của bà mụ vườn.

Đôi bạn già ấy lúc nào cũng ngồi cạnh bên nhau. Bà Út Nhỏ dù có nói chuyện với ai đó cũng không quên bà bạn của mình. Nói xong một câu chuyện là bà quay sang bà bạn: “Có phải vậy không chị Chín?”. Hoặc trước khi mở đầu câu chuyện, bà cũng nhìn sang bà bạn mà nói: “Tôi nói có chị Chín đây...” hoặc “Chị Chín ngồi đây, chị biết tôi”..

Tiếng súng của trận càn trong xóm ruộng vẫn vang tới khi thì tiếng nổ của hỏa tiễn, khi thì tiếng đạn kéo hàng loạt, hàng dây của trực thăng. Lâu lâu, con đầm già, hoặc chiếc Đakôta chiêu hồi lại đảo vòng qua đầu nhà. Mỗi lần nghe tiếng súng lớn nổ, bà biết đó là tiếng súng được lệnh bắn của con bà, bà cũng cứ giật mình, ngại ngại lo cho con:

- Súng gì nổ vậy, chị Chín?

Chờ con đến sốt ruột, bà đâm ra ghen với mấy ông khách:

- Chị Chín nhìn kia, cũng là người của “quốc gia”, người ta thì an nhàn, thanh thoi, còn nó giờ này... - Bà tắc lưỡi.

Nhìn kia là nhìn hai người khách đang chễm chệ trên ghế xa lông. Ông cảnh sát Bá, năm mươi tuổi, người đen đúa, mặt vuông, mũi lân, mặc bộ đồ cảnh sát kaki vàng, đang nói oang oang. Còn người kia nữa là ông đại diện Phiến, mặc bà ba lụa, tuổi đã sắp sửa sáu mươi, bụng to, mặt phệ với hai con mắt ti hí, lúc nào cũng lim dim. Ông cảnh sát, ông đại diện và đại úy Long là bộ ba của chi khu này.

Bà Chín chẳng lạ gì hai ông khách đang ngồi đó. Ông cảnh sát đã rõ ràng là kẻ hung ác, giết người và tống tiền bất cứ ai. Còn ông đại diện cũng rõ ràng là tên gian tham, thâm độc. Người mà bà cảm thấy còn nhiều điều khó hiểu trong cái bộ ba này, chính tên đại úy, con của người bạn già

ngồi bên cạnh bà.

Ông cảnh sát Bá biết bà chủ nhà đang sốt ruột chờ con, ngồi trên ghế xa lông, hắt chồm mặt xuống, nói:

- Thím Út có gì mà sốt ruột, tới giờ là ông đại úy về thôi. Cuộc hành quân này là cuộc hành quân cảnh giới, có đụng độ với họ đâu. Với lại người hùng như chú Long đây thì ai làm gì được chú.

Nói xong, hắt liếc nhìn ông đại diện Phiến, hắt dò xem ông đại diện có nhìn thấu được tâm can của hắt không. Hắt vốn không ưa đại úy Long. Kể ra thì hai người chẳng có gì xích mích với nhau, cũng chưa tranh giành với nhau một món gì. Có giành nhau là giữa hai người, giữa hắt với ông đại diện. Nhưng đối với cấp trên, so với đại úy Long, hắt là kẻ bị lép vế. Và đại úy Long lúc nào cũng tỏ ra khinh khỉnh. Nhỏ hơn hắt hàng chục tuổi đầu nhưng lúc nào Long cũng tỏ ra là kẻ bề trên của hắt. Một điều càng rõ ràng hơn, hắt bị chê là kẻ thất học, vũ phu. Còn ông đại diện, thâm tâm ông, ông mến đại úy Long hơn. Theo ông, Long dù gì cũng là người có ăn, có học. Long còn được ông quý mến vì một lẽ khác nữa, quan trọng hơn cả, Long không hề tranh giành với ông một món gì; còn phần tiếng tăm, mặt đó, ông không màng. Với ông, đó chỉ là cái hương, cái khói của sự đời, nó bay xa, nhưng thoảng rồi lại mất. Cái còn lại của con người là cái khác: đất đai, tài sản và tiền bạc, là những cái thứ ăn được, những cái thứ sờ đụng đến là nghe mát lạnh cả bàn tay. Đó là thứ mà ông với ông cảnh sát đang giành nhau. Nghĩ cho công bằng, theo ý ông, trong công cuộc bình định này, Long là người có công lớn, sẽ tiến xa. Và cũng mặt nào đó, có lúc, ông thương quý Long như một đứa cháu, ông thật lòng muốn an ủi bà chủ:

- Nãy giờ tôi ngồi tôi lắng nghe, tôi chỉ nghe tiếng súng của mình.

Lời an ủi của ông đại diện, bà thấy dễ nghe hơn, nhưng bà vẫn không yên tâm. Bà thổ lộ với người bạn già của mình. Bà nghe nói ở trong ấy còn có một đội du kích của Sáu Linh, một cô gái mà bà chỉ còn nhớ mang

máng lúc cô còn nhỏ, một cô gái nước da ngăm ngăm đen, thường ngồi trước mũi xuồng của ba má mỗi khi ghé lại bến ở nhà bà. Từ sáng đến giờ, đôi mắt nhỏ thơ ngây ngày xưa ấy cứ hiện lên trước mặt bà. Đôi mắt ươn ướt lung linh đen màu hột nhãn ấy, bà thấy sờ sờ, sờ sờ cho đứa con. Bà tiếp chuyện với khách, mắt nhìn theo thằng cháu nội, tai thì lắng nghe tiếng súng.

Đám trẻ con hàng xóm, hầu hết đều chạy ra sau vườn, nhìn vô phía đồng. Thịnh thoảng lại có một vài đứa chạy vào, đứng dưới sân, nhìn lên đám người lớn, kêu to:

- Má ơi! Chín chiếc trực thăng.

- Tụi bây có thấy khói trong xóm vườn không? - Người lớn đứng trên sàn nhà, tay vịn lan can, hỏi vọng xuống.

- Lửa cháy bùng bùng. - Một đứa đáp.

- Tụi bây thấy hai bên đụng nhau chưa hả? - Một người lớn lại hỏi.

- Đụng rồi! Đụng từ hồi sáng. - Một đứa nhỏ khác lại thêm.

- Quốc gia không dám xáp vô vườn, chỉ cho trực thăng sút hỏa tiễn.

- Còn gì nữa không?

- Quánh nhau dữ lắm.

- Thôi, tụi bây chạy đi coi đi, có gì, chạy vô cho biết.

Ba đứa nhỏ chạy ào qua sàn nhà, chạy thẳng ra sau vườn. Bốn thằng khác từ sau vườn lại chạy ra sân, báo thêm tin. Người lớn lại đổ dôn ra lan can, tranh nhau hỏi:

- Đụng độ có dữ không bây?

- Trực thăng ở trên bắn xuống, súng ở dưới bắn lên. Ngoài đồng bắn vô, trong vườn bắn ra.

Bờ nương sau vườn, chỗ của bọn trẻ con đứng nhìn, cách trận càn hàng năm sáu cây số, chúng có thấy cái gì rõ ràng đâu, thế mà đứa nào cũng tả lại trận đánh y như thật, ngay trước mắt nó, và hấp dẫn như phim.

Người ta theo dõi trận càn của đại úy Long qua cử chỉ múa tay múa chân và giọng nói sôi nổi của trẻ con. Đối với chúng, trận càn nào cũng vậy, phần thắng đang nghiêng về phía du kích. Qua bọn trẻ con và ngồi trong cảnh xôn xao của khách khứa, bà Út Nhỏ càng thêm lo.

- Nhè cái bữa nay mà nó lại đi ruồng đi bỏ? - Bà lại chặc lưỡi, than vãn - Chị Chín nghĩ coi... - Bà lại thở dài, không nói hết câu.

- Sao chị không cản nó? Tôi mà như chị, tôi không cho nó đi đâu. Cả đời mới có một ngày vui.

- Tối hôm qua nó về, nó ôm con không như mọi lần, tôi thấy nó không vui. Biết làm thế nào, chuyện nhà binh.

Dưới sân, một đám nhỏ, hàng chục đứa từ sau vườn chạy ra, bọn nó hét lên:

- Trục thăng về rồi!

Mọi người đang ngồi trên thảo bạc, lại ùa ra.

- Sao, tụi bay?...

Mấy đứa nhỏ, mỗi đứa một câu, nghiêng mặt nhìn lên, cùng đáp một lượt, mỗi đứa mỗi ý khác nhau.

- Đụng bộ đội.

- ...

- Coi đã ghê!

- Trục thăng hốt xác nặng lắm.

- Lựu đạn gài nổ nghe điếc tai.

- Việt cộng bữa nay đông lắm.

- Chủ lực về từ hồi hôm.

- Đám già bay tuốt lên mây, không dám xuống.

Tiếng trục thăng mỗi lúc mỗi nghe rõ. Một đàn chín chiếc, mỗi bè ba chiếc, nối nhau bay sát ngọn cây, rầm rộ bay ngang qua mái nhà, rồi bay ra lòng sông. Người trong nhà lại ùa ra lan can. Dưới sân, trẻ con la hét, chỉ

trở, rồi đuổi nhau, chạy ra đường, chạy xuống bờ sông.

Con đằm già mở một vòng rộng đến giữa sông.

- Trận càn kết thúc rồi đó thím... - Cảnh sát Bá ngược mắt nhìn ra sông, nói to, rồi nghiêng nhìn cái mặt đen của đồng hồ Seiko có cả ngày, tháng, ờ lên mấy tiếng:

- Còn sớm, chưa tới mười một giờ.

Bầy trực thăng bay xa, khuất mắt sau rặng cây bên kia bờ sông
Cửu Long...

Một lát sau, chiếc xe gíp hình con cóc, từ phía chợ chạy về, với cái đà đang lao nhanh, nó rẽ vào, rít lên một tiếng, đứng sừng lại giữa sân.

- Ba nó về!

Người trong nhà lại đổ dồn ra lan can. Có người mong hấn về vì ngày vui của hấn, có người mong hấn về để được biết anh em mình trong ấy ra sao, qua trận càn do chính hấn chỉ huy.

Cửa xe không phải mở, từ trên nệm xe hấn nhảy thót ra. Tiếp theo là hai người lính “gạc-đờ-co” cũng từ trong nhảy vọt ra, hai cây carbin chĩa ra bên, nhanh và ăn rập như hai cái máy, khiến cho trẻ con phải trở mắt, nhướn mày. Người cuối cùng, cánh cửa xe mở ra, mới bước xuống. Ông nhà báo, cao lêu nghêu, mang bên vai cái máy ảnh. Đại úy Long đầu đội nón sắt đeo kiếng gọng to, vẫn nguyên bộ quân phục của trận càn, quần áo màu da cộp, ống tay áo bên trái rách một mảng to. Cái mảng áo rách bay lạch phạch đó rách hơn một năm nay vì một mảnh lựu đạn chạt qua, hấn muốn giữ làm kỷ niệm của chiến công; và bộ quân phục với cánh tay rách ấy, hấn chỉ mặc lúc xông pha. Hấn đi hấp tấp với những bước sải dài, bước một bước lên ba bậc cầu thang.

Cảnh sát Bá với đại diện Phiến, hai người đã đứng chực sẵn ở hai bên cầu thang, vì cái tánh ngang ngổ hay vì không để ý, hấn chẳng chào hỏi, cũng chẳng bắt tay, hấn bước thẳng đến thẳng con đang được bông trên tay

cô vợ trẻ.

- Con lại ba đi con!

Hai cánh tay hấn vừa giơ ra thì đứa bé giật thét lên. Với vẻ khủng khiếp của trẻ con, nó quay mặt vào mẹ.

- Anh làm gì mà như cộp vô mỗi vậy!

Nghe câu nói của vợ hấn, mọi người đứng xung quanh đó, nhìn lại, thấy hấn: với bộ quần áo ấy, hấn đứng như một con cộp đứng hai chân đang vô chụp lấy con mỗi.

- Thôi, thôi con đừng khóc. Nín, nín đi con!

Vợ hấn vỗ nhẹ nhẹ lên vai con với bàn tay nhỏ xanh xao, rồi lại gất với chồng:

- Thấy anh, tôi còn sợ, đừng nói đến con.

Cũng trong lúc đó, mọi người lại giật mình vì một ánh chớp lóe lên. Người ta quay lại thì thấy ông nhà báo cao lêu nghêu vừa hạ cái máy ảnh xuống, và ông ta cười, chẳng hiểu ông ta cười vì cái gì.

- Từ sáng đến giờ tôi mới được một “bô” có giá trị tình cha con của lính!

Chẳng biết ông ta nói với ai.

- À, thôi con! Con không muốn cho ba đi lính à? - Hấn đứng ra xa, nhìn lại đứa con - Thì thôi, ba không đi lính nữa. Nè Giang, con có biết không, cuộc hành quân này do ba chỉ huy, còn người chỉ huy ba là ai con biết không? Người chỉ huy ba là con đó. Ba về sớm hơn một tiếng!

- Thôi, đi thay quần thay áo đi, rồi cúng, trưa trờ trưa trật rồi, đứng đó mà nói lấp đáp.

Bà Út Nhỏ nạt rầy con.

Sau khi đại úy Long vào nhà trong thì ông nhà báo cao lêu nghêu ấy bước gần lại đứa bé đưa ngón tay trở nựng lấy cái cằm của nó.

- Chào chú chỉ huy! - Và ông ta lại nói một câu gì đó chẳng biết

tiếng Tây hay tiếng Anh, chẳng ai hiểu, khiến cho mẹ của đứa bé đỏ mặt.

Đại úy Long thay xong bộ quần áo thường: quần “tộc gan” xám, áo sơ mi trắng. Đứa bé mới vừa tròn một tháng chưa nhận được mặt người, nhưng nó không sợ nữa.

Đại úy Long bế con trên tay, đứng giữa mọi người, đu qua đu lại, đứng nhìn mẹ đang cầm cái nhạo rượu rót vào mười ba cái ly nhỏ trên bàn thờ.

- Kìa con! - Hấn nói với giọng âu yếm - Con nghe bà đang vái cho con mạnh khỏe ăn chơi kìa. Con có nghe không? Cười đi con! Cười đi con...

Hấn hôn, hấn hôn lên đôi má bụ bẫm của con, hôn lên con “chim” của đứa bé, hấn cười, hấn đùa với con. Rồi, khi ngược mắt nhìn lên, trong ánh sáng chập chờn của mười ba ngọn đèn cây cháy lay lắt, người mẹ đang đứng trước bàn thờ, hai tay thấp mười ba nén nhang nghi ngút khói, lầm thẫm khăn vái, hấn thôi không cười đùa với con nữa, lòng hấn nao nao.

- Nam mô A Di Đà Phật! Mười hai mẹ bà, mười ba đức thầy...

Trong giọng khăn vái thì thầm của người mẹ, hấn ôm con, lặng im. Bà Chín thấy hấn xúc động qua vẻ ngậm ngùi.

CHƯƠNG 14

Trong số khách đến ăn ngày đầy tháng của đứa bé, ông khách có đeo cái máy ảnh là người lạ hơn cả, không phải người làng. Từ tối đêm qua, chiếc xuồng máy đuôi tôm từ bên kia sông đưa ông ta đến, ông ta ngủ ngay trong bót với đại úy Long, rồi theo Long tham dự cuộc hành quân. Chưa đầy bốn mươi, ngực lép kẹp như con khô mực, cao lêu nghêu, tóc phủ đến tận ót, miệng móm xòm, cái môi dưới trề ra xám xịt như thẳng ghiền mà chắc là ghiền thật, hai con mắt như hai con ốc nhồi. Người như vậy mà lại nghênh ngang. Cái máy ảnh treo trên vai nặng nề gì mà cái vai của ông ta cứ nghiêng xệ xuống một bên. Ông ta chả thèm để mắt đến một ai, kể cả ông cảnh sát Bá với ông đại diện Phiến. Hai ông đó đang chực chờ ông ta chào hỏi, ông ta giả như không thấy. Cái vai nghiêng xệ một bên, ông ta đi tới, rồi lại đi lui không ngồi cũng không đứng, lúc ngó lên trần nhà, lúc quay mặt ra sông, lúc lại quay vào bàn thờ cúng, cái gì ông ta cũng nhìn cũng ngó, nhưng lại chẳng nhìn ngó một cái gì. Thỉnh thoảng lại gật gù một mình, lại cười, chẳng biết cười cái gì, cười với ai. Ông Bá ngồi trên ghế xa lông, ngồi với cái thể chồm tới, nhìn theo ông ta với con mắt cảnh sát. Rõ là ông cảnh sát không ưa. Bất thành linh, một cái chớp lóe lên. Cái máy ảnh của ông ta xoay qua ngay mặt ông cảnh sát khiến ông cảnh sát giật mình, không kịp ngồi lại cho chỉnh tề. Ông cảnh sát ngượng hay giận? Ông quay mặt, đặng hắng một cái...

Khăn vái xong, bữa ăn bắt đầu, một bữa ăn linh đình, ồn ào vui vẻ.

Ở cái mâm đặc biệt dành riêng cho khách quý có ông đại diện Phiến, ông cảnh sát Bá, ông đeo máy ảnh; phía chủ nhà có đại úy Long, bà Út Nhỏ. Bà Út Nhỏ không thể quên mời người bạn già ngồi cạnh bên mình. Bà Chín không muốn, nhưng bà đang cần nghe những câu chuyện của họ, đó là

mục đích của bà hôm nay, và cả những ngày sau. Bắt đầu vào tiệc, Long mới giới thiệu ông mang máy ảnh với mọi người, đây là ông Trần Hoài Sơn phóng viên nhà báo, và hai người vốn thân nhau từ thuở nhỏ, ở ghế nhà trường. Ông cảnh sát mở tròn hai mắt nhìn ông nhà báo, ý muốn nói: hèn gì, ông cứ ngạo mạn, nghênh ngang! Rượu rót. đầy ly, - trừ hai người già - cánh đàn ông cầm ly đưa lên chạm vào nhau với đôi lời chúc tụng. Ông nhà báo chỉ đưa ly lên khỏi đầu, đưa lên đưa xuống chớ chẳng chạm với ai. Ông ta như lười cả việc gấp thịt mà để vào miệng, làm cho ông cảnh sát vốn phàm ăn, bụng lại đói, cũng không thể mạnh dạn. Liếc nhìn những cái mâm khác họ ăn ngon lành làm sao!

Ông cảnh sát muốn ăn như họ, nhưng vì có cái ông nhà báo mắc dịch này - sau bữa ăn ông than phiền như vậy - ông cũng phải ăn nhỏ nhẹ, nhấm nháp như mèo. Trong lúc đó, chiếc Đakôta chiêu hồi màu trắng, trước khi rời khỏi trận địa, nó rà thấp, đảo vòng qua làng; từ trên nói vọng xuống lời từ giã, rồi nổi lên một bản nhạc. Tiếng đàn vọng cổ tắc tăng, tắc tăng, tăng tăng tăng; chiếc máy bay không thể đứng yên, và tiếng ồn ào của nó, người ta chỉ nghe tiếng được tiếng không. Rồi một giọng ảo não cất lên...

Đại úy Long buông dũa:

- Anh Sơn thấy chưa? Coi đó, nó làm ăn như vậy đó?

Theo ý của Long - người chỉ huy trận càn, phải kết thúc trận càn thắng lợi bằng một bản nhạc hùng.

- Để làm băng rồi! - Đại úy Long ngửa cổ lên trần nhà như muốn nói với tên nhân viên đang ngồi trên máy bay.

- Nhân viên chiêu hồi không để làm băng đâu. - ông nhà báo Trần Hoài Sơn nói. - Họ đang khóc cho vùng bình định này đó. Diêm báo: trước sau gì cái vùng này cũng mất.

Bà Chín chưa thấy ai dám bạo miệng bạo mồm. trước mặt những người có chức trách như vậy. Tự nhiên bà cảm thấy có cảm tình với ông ta.

Ông cảnh sát đang ngoạm miếng thịt quay, hàm quá, ông dừng lại, lần này thì ông phật ý, ông trợn hai mắt, nhưng thấy ông đại úy - chủ nhà không tỏ ra tức giận mà lại cười nên ông ta không thể giận lâu. Lần đầu tiên, bà Chín thấy ông cảnh sát phải chịu nhin. Còn ông đại diện Phiến; ông vẫn bình thản như không, với hai con mắt lim dim của ông, không ai có thể đoán là ông đang nghĩ đến chuyện gì.

- Họ như cua gầy cẳng, - Đại úy Long nói với ông phóng viên Trần Hoài Sơn - họ không làm gì nổi nữa. Suốt cả cuộc hành quân, không đụng phải một đối phương. Trong đời lính của tôi, tôi chưa thấy một cuộc hành quân nào lại an toàn như lần này. Không mề một thằng lính, không đổ một giọt máu... - Rồi đại úy Long nói thêm điều gì nữa, bằng tiếng Anh, chẳng ai biết. ông nhà báo mỉm cười, mặt lạnh như tiền. Để tiếp lời ông đại úy chủ nhà, miếng thịt đang ăn ông cảnh sát không kịp nhai, ông nuốt trộng cho nhanh, thấy rõ miếng thịt đang tuột dài xuống cái cổ họng gà cồ của ông, ông ực một cái, giọng oang oang:

- Tôi dám hứa với ông, chừng nào mà bộ ba của tụi tôi chết hết thì họ mới mong chiếm được cả vùng này.

Ông nhà báo ngửa mặt, nãy giờ ông mới cười ra tiếng:

- Ông cảnh sát nói quả không sai, họ chiếm được thì các ông phải chết chớ làm sao sống nổi?

Ông cảnh sát biết mình bị hớ, nhưng vốn là người thất học, văn dốt võ dốt, không thể ứng đối nhà báo, ông chỉ biết đỏ mặt. Ông nhà báo cũng không coi đó là chuyện đáng tranh cãi, cũng không tự mãn hay vênh váo vì đắc thắng, ông cầm ly rượu, chếp một miếng, lại rung đùi, mặt ngược lên trần nhà nghĩ đầu đầu.

- Tôi muốn được thăm viếng cái nhà giam của ông, ông cảnh sát? - ông nhà báo chột nói.

- Ông có người quen, ông muốn thăm ai? - ông cảnh sát hỏi lại.

Ông nhà báo không đáp lại câu hỏi của ông cảnh sát, mà nhếch mép, rồi liếc nhìn ông chủ nhà, nhờ ông chủ nhà nói tiếp cho. Và, chủ nhà, đại úy Long tiếp lời thay cho bạn:

- Anh Trần Hoài Sơn muốn thăm với tư cách nhà báo.

Ông nhà báo lại rung đùi, chếp một chếp rượu, rồi bất thành linh ông nổi hăng lên:

- Các ông có biết tại sao chúng ta chưa thắng Việt cộng không? Nếu chưa muốn nói là chúng ta thua?

Ông ngược mắt nhìn hai nhà chức trách, tiếp:

- Một là vì chúng ta tàn ác quá. Hai là chúng ta tham những hối lộ hết chỗ nói. Trong lịch sử của các nước qua các thời đại, tôi chưa thấy chính quyền nào tham nhũng như chính quyền của chúng ta ngày nay.

Như bị hai mũi dao đâm trúng vào tim, ông đại diện với ông cảnh sát đau đến nỗi không thể ngồi yên, nhưng cũng không dám giãy. Ông cảnh sát trở hai con mắt nhìn ông nhà báo với vẻ lạ lùng. Ông đại diện, từ nãy giờ vẫn bình chân như vại, như người ngoài cuộc, hai con mắt lim dim của ông ta đến lúc phải liếc ngang, chớp liên mấy cái. Cảnh sát Bá bị chạm nọc vì ông ta vốn là kẻ vũ phu có tiếng. Ông đại diện vốn là chủ ấp. Trào Ngô Đình Diệm, được đưa vào ban đại diện. Lúc đó ông ta còn sợ, còn thủ thân, chỉ ăn những món vật, người nào dứt lốt mới dám nhận, chưa dám đòi hỏi vợ vét của ai. Từ ngày Mỹ đổ quân, tin là “Việt cộng” không thể thắng, ông bắt đầu vợ vét ông ta đã cất được vi la, trong nhà có tủ ướp lạnh, có vô tuyến truyền hình, dưới bến có xuồng máy đuôi tôm, trên bộ thì có xe Honda. Dưới sông, ông cảnh sát sắm tàu để đưa đò. Trên bộ, ông đại diện đang chạy tiền mua xe lam. Hai người đang phân cho nhau, mà người trong làng ai cũng biết. Nạo vét tiền của dân làng thuộc về ông đại diện. Nạo vét tiền của dân vùng giải phóng bị dồn ra, thì thuộc về phần ông cảnh sát. Bị đánh một đòn bất ngờ, cả hai đều co lại. Còn ông đại úy Long - là người trong bộ ba ấy lại có vẻ hể hả.

- Thím Chín thấy chưa? Trong hàng ngũ quốc gia đâu phải ai cũng dơ dáy. Chúng tôi đang thanh toán nạn tham nhũng.

- Mấy chú uống đi chứ! - Bà Chín đáp lại bằng lời mời Chú nhà báo, chú uống đi.

- Dạ, cảm ơn thím, thím để cho cháu. - ông ta khum cái bàn tay đập lên ly rượu, rồi lại hăng lên:

- Lâu nay chúng ta tồn tại. Tồn tại nhưng bấp bênh. Chế độ của chúng ta như một con tàu ở giữa biển, tồn tại mà bấp bênh, bấp bênh, bấp bênh!

Và ông lại gật gù như tỉnh như say. Từ đó về sau, ông ta không nói thêm một điều gì, cũng không gắp thêm một miếng nào, với vẻ khinh khỉnh và chán chường, dựa lưng vào ghế, mệt mỏi nhìn mọi người.

Ông cảnh sát Bá thỉnh thoảng lại liếc mắt nhìn, và ông là người trước nhất xin kiếu, viện là có việc bận. Ông ta lên Hon đa chạy thẳng về bót. Sau này bà Chín được biết, ông ta đỗ xe lại trước cửa trại giam, ra lệnh mở cửa, rồi từ ngoài nói vọng vào:

- Tôi nói cho mấy người biết, nay mai có người đến thăm, đứa nào tố cáo tao tàn ác, tao đánh hộc máu!

Vì nực, vì giận hay vì rượu chẳng biết, hấn cởi hết hàng nút áo, cầm vạt áo quạt phành phạch. Cái mặt cọp xăm trên ngực hấn nhe răng, nhưng không dữ bằng bộ mặt thật của hấn.

CHƯƠNG 15

Sự có mặt của bà Chín cũng như cô con gái út của bà trong nhà bà Út Nhỏ đôi với Long đã trở thành bình thường. Nếu không, thì bà Út Nhỏ hoặc chính vợ hấn sẽ bỗng đưa nhỏ đến chơi với bà. Sự đi lại của hai gia đình bắt nguồn từ thằng bé. Nó khóc, nó vui. Nó bị khục khặc... nhất nhất việc gì cũng nhò đến sự chăm nom của bà Chín. Đương nhiên mà bà trở thành bà thầy thuốc riêng của thằng bé, khiến cho cha nó phải kính nể.

Buổi sáng hôm sau - sau ngày ăn đầy tháng, nửa đêm trời trở gió, thằng bé bị ốm đau. Những lúc như vậy, dù cho có bận trăm công ngàn việc, đại úy Long cũng bỏ để về với đứa con. Bà Út Nhỏ đích thân đến nhà bà Chín, mời bà đến thăm, cũng nhân đó mà trò chuyện với bà bạn già. Bà Chín nhờ đó mà nghe được câu chuyện giữa hai người: đại úy Long với ông bạn phóng viên nhà báo.

Bà ngồi trên ghế tràng kỷ với ở gian trong, bồm bẻm nhai trầu. Ngoài thảo bạc cách một tấm vách gỗ màu gụ, họ đang uống cà phê sáng. Đại úy Long ngồi dựa trên ghế xa lông, còn ông nhà báo chỉ đến gần bộ xa lông khi cần phải uống, hóp một hóp, để cái tách xuống, ông lại đi, đi lững thững, đi mãi đến gần tận đầu thảo bạc; rồi đánh rẹt một cái, quay phắt lại nhanh gọn như người lính, rồi lại lững thững đi. Người ngồi, người đi, cứ thế mà họ nói chuyện với nhau. Họ nhắc lại với nhau những kỷ niệm cũ, ở đất Sài Gòn, những quán cà phê qua hẻm vắng, cái thời huy hoàng của hai người: đứa là trung úy dù, lính con cưng của Ngô tổng thống, đứa là ông phóng viên nổi tiếng.

- Cho đến bây giờ, - Ông nhà báo đứng giữa thảo bạc, như một diễn viên đứng trên sân khấu - đã sắp sửa đến bốn mươi rồi, tao mới trắng

mất ra, rằng lý tưởng là cái gì? - Ông ta nhún vai, cái môi trề lại trề ra dài hơn.

- Những thằng một lúra với mày bây giờ nó là cái gì? Nó là tướng, còn mày thì mày đổ máu. Những thằng một lúra với tao, nó là cái gì, nó là nghị sĩ, là chánh khách, còn tao... tao đang nói chuyện với mày.

Ông ta lại quay lưng, đi lững thững, rồi quay phắt lại:

- Qua trận càn này, tao mừng cho mày, mày đã trưởng thành. Một cuộc hành quân không vấp phải sự chống trả của đối phương!...

Trận càn sáng hôm qua, đại úy Long dè dặt hơn những trận càn trước, từ ngày hấn về làng. Tiếng là hành quân” táo trù” du kích, nhưng hấn lại dẫn quân lánh khỏi tầm súng của họ. Hấn không dám xua quân vào những khu vườn, hấn cho quần nát đưng, lác, sậy, để giữa cánh đồng hoang. Và hấn, hấn đi lơ lơi ngoài cánh đồng trống, giữa một đám lính che chở dưới tầm bay của chiếc HU IA. Đời lính của hấn, có một nỗi sợ luôn khắc khoải, không yên. Ấy là ngày còn làm trung úy đồn trưởng ở Phú Quốc, một cái đảo ngoài khơi. Đó cũng là số phận hẩm hiu của tên lính dù con cưng của Ngô tổng thống sau ngày đảo chánh. Rã đàn tan ghé, mỗi đứa một phương trời - là kẻ bị lưu đày giữa vùng sóng vỗ, hấn phần chí, chơi ngông - được nổi tiếng về một cái chào. Hấn chẳng chào ai theo kiểu lính, dù phải đứng trước cấp trên. Nhưng nếu vào quán rượu, trước khi uống, thì hấn đặt cái chai rượu vào nơi trang trọng nhất, đánh rộp một cái, người cứng đơ như khúc gỗ, đưa tay chào: như chào lá quốc kỳ. Trong bọn lính và các quán rượu của cái đảo xa xôi ấy, hấn nổi tiếng với biệt danh: trung úy thờ rượu.

Một hôm, có một tên cố vấn cấp trung úy đến cố vấn cho hấn. Tên trung úy ấy, Jin bị đày ra đảo xa vì tội buôn lậu. Hai thằng trung úy cùng một số phận hẩm hiu, bị đày. Nhưng hấn, hấn vẫn không quên mình là người Hoa Kỳ muốn quay trở lại đất ăn chơi Sài Gòn bằng chiến công. Trung úy Jin nói với hấn: “Tôi nghe trung úy là một sĩ quan có tài, nhưng không phải là tài tảo

trừ Việt cộng, mà tài chơi nông. Rừng rậm là hang ổ du kích ông không hành quân, nhưng đêm nào cũng hành quân qua quán rượu. Tôi đến đây, giúp ông bình định lại vùng này”.

- “Được, ngày mai chúng ta sẽ hành quân”! - Đại úy Long kể lại với ông nhà báo.

Sáng hôm sau, hắn mở một cuộc hành quân qua một làng du kích. Jin đi đầu, hắn đi kế với hơn năm mươi tay súng. Cánh quân đi trên con đường làng, dân chúng tản đi, và từ sáu giờ đến chín giờ, không gặp một bóng người, không nghe một tiếng súng. Đang đi, bỗng nhiên, trên trung úy Mỹ quay đầu.

Đại úy Long nói:

- Tao thấy mặt nó tái mét, tao cũng phát sợ. Nó nạt tao: “Tại sao họ lại im lặng như vậy hả, trung úy?”. Tự nhiên tao thấy tội nghiệp cho nó. Tao nói: “Ở đây Việt cộng không đáng kể, tôi hành quân hoài mà không thấy đối phương, tôi đâm ra chán”. Tao thấy nó mừng ra mặt.

Cánh quân lại tiếp tục qua con đường làng không người. Jin, tên trung úy Mỹ bắt đầu khoe khoang:

- “Vì lý tưởng diệt cộng, chân tôi đi khắp thế giới: Triều Tiên, Mã Lai và bây giờ...”. Nó đưa tay hất mũ, hét lên một tiếng trước khi dẫn quân xuyên qua một đoạn đường rừng. Xốc lại cây súng, ra oai, nó dần tới... Bất thành linh có một tiếng nổ, một tiếng nổ gọn, sắc và chất. Long chưa kịp nghĩ, chưa kịp đối phó thì thấy thằng Jin, trung úy cố vấn Mỹ, trước mặt hắn không quá một sai tay, ôm ngực, lão đảo rồi té xuống, cả cánh quân ngã xuống, bắn trả lại. Vậy rồi thôi. Đối phương chỉ nổ một tiếng súng, tiếng súng giết chết tên cố vấn Mỹ, rồi im, im hẳn... Sau trận đó, hắn bị tình nghi là kẻ đã nổ súng bắn cố vấn. May cho hắn, có một viên thiếu úy an ninh đã xác nhận sự thật cho hắn, người bạn thân, hàng đêm cùng hắn hành quân qua các quán rượu, người đã uống mất của hắn một phần ba lương mỗi tháng.

- Ngoài trận mạc - Hấn nói với ông bạn nhà báo - nếu súng hai bên cùng nổ thì tao như lân gặp pháo; cái điều tao ngại nhất là đạn nổ bất thành linh, chỉ một viên, một viên bắn lẻ.

Chính vì vậy mà trận càn hôm qua, hấn biết, cánh vườn dài dọc trên bờ kinh là mặt trận của du kích, lúc nào hấn cũng giữ mình, đứng ngoài tầm đạn. Nỗi sợ khắc khoải về viên đạn lẻ loi ám ảnh hấn, cùng với nỗi day dứt không yên: phải về với ngày đầy tháng của con.

- Vậy là mày biết sống! - Ông nhà báo Trần Hoài Sơn đang đi bỗng dừng lại giữa thảo bực, nói - Còn tao... À, tao quên kể cho mày nghe chuyện này... Thằng cha cảnh sát hôm qua, thấy mặt tao đã không ưa. Nhưng hôm qua tao đến thăm người quen thì tao phục. Người tao quen bị ông ta tống tiền, đã năn nỉ ông ta: “Xin bớt cho tôi chút đỉnh, phần đó để ông để đức về sau cho con cái”. Mày biết ông ta trả lời làm sao không? Ông ta trả lời: “Muốn để đức về sau cho con cái thì phải làm Việt cộng. Còn tôi, tôi làm Việt gian, làm Việt gian thì phải ăn ngay chớ”.

Ông nhà báo cất lên một chuỗi cười giòn: - Ông ta sống như vậy, thật rõ ràng! Mày thì như vậy, còn tao thì bây giờ tao muốn làm nhân chứng của lịch sử. Tao đã biết phía bên này và bây giờ tao muốn biết cả phía bên kia.

Bất thành linh ông ta bước thẳng vào gian nhà trong, chỗ của hai người bạn già đang thủ thủ với nhau. Tự nãy giờ, bà Út Nhỏ đang nhắc lại với bà bạn của mình những ngày xa xưa cũ đẹp nhất đã trôi qua. Ngay sau khi vợ lớn của ông chồng qua đời, không còn làm thân phận của một con ở, lại là vợ của ông ủy viên Liên Việt, những ngày bạn bè hay tới lui... Bà Chín vừa ừ à theo chuyện, vừa để tai nghe chuyện của hai người ngoài thảo bực. Thấy ông nhà báo bước vào, nhìn ông ta, bà biết ông ta muốn nói chuyện với mình, bà chào trước.

- Thưa thím, cháu xin lỗi thím để được hỏi một chuyện!

- Có gì chú cứ nói! - Bà gọi ông ta bằng chú cho thân.

- Thím có ai là người trong gia đình hoặc bà con họ hàng đang ở phía bên Việt cộng không?

- Có - Bị hỏi bất ngờ, nhưng bà kịp trấn tĩnh - Thằng con trai của tôi.

- Vậy sao? - Ông nhà báo mừng rỡ, nhìn bà, mặt tươi hẳn lên.

- Nhưng mà con tôi nó chết rồi! Nó hy sinh năm bốn mươi tám trong trận đánh Tây ở Vàm này, ngoài chợ.

- Tiếc quá! - Ông nhà báo thất vọng, thở dài - Nếu bây giờ thím còn quen ai ở trong đó, thím nhắn giùm là tôi muốn vào trông, với tư cách là nhà báo, vài hôm.

- Từ trước tới giờ, có bà chủ mẹ ông đại úy đây biết -Bà nói, tôi ở trong vùng kiểm soát của quốc gia. Chuyện cũ tôi cho qua, từ đó tới nay tôi không lui tới với ai.

Ông nhà báo nhìn bà, nhếch mép cười, một nụ cười khó hiểu, nhưng không có vẻ gì đáng ghét.

- Cháu cũng có một người anh theo Việt cộng đang ở miền Bắc. Thôi, cảm ơn thím.

Ông ta cúi đầu chào bà, quay ra, chẳng biết bị xúc động vì một lẽ gì, hai bàn tay run lên với giọng sôi nổi:

- Tao phải là nhân chứng của lịch sử! Đó là lý tưởng của tao!

Qua chuyện giữa hai người hôm ấy trước mắt bà Chín; đại úy Long, cái vỏ bên ngoài của hắn bị lột đi. Cái vỏ ngang tàng tự mãn, háo hức với chiến công. Hắn không phải là con người mình đồng da sắt. Hắn bắt đầu run sợ, cuộc đời của hắn cay đắng ngổn ngang.

Khi bước xuống từng bậc cầu thang, bà nảy ra một ý nghĩ: phải mở một con đường cho Sáu Linh đến ngôi nhà này.

Và đêm nay, bà vào đây: nhà của vợ chồng anh Bảy Thá, để đón

Sáu Linh, về ở ngay trong nhà bà.

- Thôi, đi được rồi - Bà kết thúc câu chuyện - Để bữa khác nói nữa, về khuya không tiện, chuẩn bị đi đi con! Má gởi lời thăm hết thầy.

CHƯƠNG 16

Chúng tôi trở về vọng gác của Út Đợt vào lúc nửa đêm - 12 giờ 15 phút theo đồng hồ của tôi. Từ đó đội du kích chia đi mỗi người mỗi ngả. Bé Ba cùng với các cô nữ du kích xuống bến, lên xuồng bơi xuôi theo con nước về tận trong xa để sáng mai lại tiếp tục công việc của mình: đi lượm xoài. Châu với cánh con trai thì đi bộ trên con đường cặp bờ kinh.

Còn ba người ngủ lại ở vọng gác: tôi, Út Đợt và Năm Bờ. Chúng tôi căng ni lông lên cái sườn nhà dưới chòm xoài trong ánh sáng tù mù của ngọn đèn chai - Ngọn đèn của Út Đợt có tấm ảnh của cô gái đang cười. Tôi với Út Đợt mắc võng hai bên, nhường hai cây cọc giữa cho Năm Bờ, phòng khi mưa gió sẽ không tạt đến anh.

Sau cơn sốt, trông anh phờ phạc mệt mỏi, nhưng rõ ràng là câu chuyện của bà Chín đang khuấy động cả tâm trí anh. Đèn tắt, bóng đêm trong vườn đặc quánh, không trông thấy nhau, nhưng nghe qua giọng nói, tôi biết mắt anh đang mở nhìn trời qua kẽ lá, đang tỉnh, đang phấn chấn.

- Ông thấy tôi nói có đúng không? - Anh hỏi, và cái võng của anh lắc mạnh chạm vào hông tôi.

- Cái gì đúng? - Tôi hỏi lại.

- Thời buổi của đàn bà con gái, đúng chưa nào?

- Hả? - Tôi chưa hiểu ý anh nên phải hỏi như vậy.

- Hai đứa mình cứ phải chết cứng ở đây.

Tôi hiểu được ý của anh rồi. Tôi với anh, hai đứa từ trên Rờ trở về, đang nằm gí ở đây, trong vọng gác, còn giờ thì Sáu Linh đang xông pha ngoài kia, cách chúng tôi không đầy mấy cây số, nhưng là vùng giặc đang chiếm, rất hiểm nguy.

Đêm nay, Sáu phải cải trang đóng vai Út Sương con của bà Chín để cùng về với bà. Quần bà ba ống túm, áo bà ba bó thân, guốc cao gót, khăn rằn xanh choàng qua đầu kín mít, không ai nhìn rõ mặt. Y như cách ăn mặc của Út Sương lúc cô đạp xe đèo mẹ chạy trên con đường qua những cặp mắt quen thuộc của xóm làng. Với cách ăn mặc ấy của Út Sương, Sáu đạp xe đèo bà Chín ngược lại con đường cũ. Còn Út Sương thì ở lại nhà vợ chồng anh Bảy Thá. Sáng sớm cô sẽ theo chị Bảy chở xoài ra chợ, rồi từ chợ trở về nhà như người đi chợ sáng.

Để chuẩn bị cho việc đi lại của Sáu, Út Sương phải giả bệnh, nằm liệt giường suốt mấy hôm, sau đó người hàng xóm muốn nói gì với cô thì phải nói lớn, cô mới nghe. Chưa điếc hẳn, nhưng người ta đã gọi là Út điếc. Từ ngày bị ngễnh ngãng, cô cứ ru rú trong nhà. Thường đi với mẹ, họa hoằn lắm cô mới đi một mình. Cô ăn mặc cũng khác, cái khăn rằn xanh lúc nào cũng choàng kín qua đầu, như giấu mặt, chẳng muốn cho ai thấy. Đám con trai chưa vợ thường hay lui tới qua lại trước cửa nhà cô, mỗi ngày mỗi thưa vắng. Gặp người quen, người ta chào cô, cô không quay lại, cũng không dạ, không thưa. Anh con trai nào chưa biết bệnh cô, tưởng cô làm cao thì bà Chín lại phân trần cho cô: “Nó bị điếc hơn tháng nay, chào hỏi nó làm gì cho mất công!”. Hàng xóm thương cô, một cô gái mới hai mươi, đẹp, lại thùy mị, mà lại ngễnh ngãng, nhưng biết làm cách nào! Gặp cô, người ta thấy thương thương, nhưng không chào, không hỏi nữa. Nghe Năm Bờ nói, tôi lại nghĩ đến Sáu. Khi Sáu lên xe nhập nhạng trong bóng đêm, chúng tôi đứng nhìn theo, ai cũng trầm trồ: giống quá. Nhứt là chị Bảy, chị cứ tấm tắc:

- Trời đất thiệt khéo xếp đặt: như chị em sanh đôi. Nè, nhớ đừng có chào hỏi ai đó, nghe hôn!

Út Sương, Sáu Linh, hai cô gái thật khác nhau. Một cô hai mươi sáu, một cô hai mươi. Một cô da dẻ mận mà, một cô mịn màng tươi tắn... mái tóc, đôi mắt, cử chỉ... khác hẳn nhau, chỉ được có cái dáng nho nhỏ giống

nhau. Không sao lắm lần được. Chỉ có cái vẻ bên ngoài ấy, Sáu đang luồn qua mạng lưới dày đặc của kẻ thù. Rất dễ sa cơ. Tôi cứ mãi băn khoăn. Tôi không đáp lại câu hỏi của Năm Bờ mà hỏi lại:

- Nếu trót lọt, thì bây giờ cô Sáu đã tới chưa, chú Út?

- Tôi cứ lo ngay ngáy! - Út Đợ nằm phía bên kia nói sang - Bị bắt dễ như chơi.

Anh ngồi bật dậy, xoay người, nhìn sang tôi:

- Nhưng anh cứ tin đi. Chị Sáu đi lần này là lần thứ hai. Bây giờ thì chỉ sướng hơn anh em mình rồi. Mình nằm ở đây, nửa đêm một trái pháo rớt xuống ngay mình, mình lãnh đủ. Còn chỉ, chỉ ngủ thẳng cẳng. Sáng mai bà Chín lại mua về cho một tô hủ tiếu.

Út Đợ nói với tôi hay nói với Năm Bờ cho anh đỡ lo?

- Hai anh hút thuốc? - Anh bóc gói Rubi, bà Chín mang cho, mời hai đứa tôi.

Ba người trên ba chiếc võng, ba điều thuốc khi thì như ba cái ống khói tàu, khi thì như ba con đóm đóm lập lòe.

Một đồng chí đang đi vào vùng giặc, chưa biết ra sao, không ai buồn ngủ, không ai muốn ngủ. Út Đợ ngả lưng xuống võng, lắc mạnh, nghe rõ tiếng cục kịch của hai cây cọc, anh nói tiếp:

- Nói vậy chứ không phải dễ đâu. Tôi cũng đã nằm trong vùng đó mấy ngày. Bom đạn không tới mình, nhưng bụng cứ thấp thỏm. Nằm trong buồng, nghe tiếng chân ai qua lại cũng giựt mình. Ăn cơm thì như ăn rơm, đâu được tự do như mình. Lúc đó tôi nghĩ, thà cứ bắn nhau, vậy mà sướng.

- Rồi cũng sẽ quen. - Năm Bờ nói, điều thuốc anh cháy rục, cái võng nằm im.

- Anh Năm nói đúng đó. Cái gì chứ cái cục thì tôi quen lắm.

Chẳng hiểu cái gì gọi cho anh nhớ đến cuộc đời của anh, anh lại ngồi bật dậy. Dù đêm tối tôi vẫn biết anh đang ngồi xếp hai chân trên võng,

nhìn sang. Anh nói, từ đời ông cố đến ông sở ông sơ anh về trước; sinh sống ra sao anh chẳng biết; còn từ đời ông nội đến đời cha, rồi đến cả anh chị của anh, chẳng có nghề nào ngoài nghề ở đợ. Hầu hết những người ở đợ dài theo mấy làng cặp theo con sông, đều là người của gia đình anh.

Cuộc sống có biết bao nhiêu nghề: nghề mộc, nghề may, nghề hót tóc, nghề thợ bạc... Đứa nào, cha anh cũng chọn sẵn cho một nghề từ khi mới lọt lòng.

Thằng này lớn lên, không cho đi ở đợ nữa, to xương, cho đi làm thợ mộc.

Đứa bé lớn lên, mười tuổi, không đủ nuôi nó, nhưng tám còn ở trường, ai cho nó học nghề? Trong xóm, có một người cần một thằng nhỏ sai vặt, nuôi cơm, một năm hai bộ quần áo. Thôi, con đi ở vậy! Lại một đứa khác, cầm cái bàn tay nhỏ múp míp của con, cha anh bảo: “Thằng này nữa lớn sẽ khéo tay đây. Cho con học nghề thợ bạc. Con gái nó sẽ đeo theo mày”. Rồi húng lên, ông cất giọng, ông hò.

Hò ơ

Con thuyền lớn sóng

Con thuyền kia a ... à dù

Có to buồm lớn bánh...

Bị một trận gió nam

Ơ... cũng chìm... à

Thông ngôn ký lục bạc chục không màng

Lấy chồng thợ bạc... à... đeo vàng đỏ tay... ơ

Rồi lớn lên, cũng như người anh, chú thợ bạc tương lai ấy được cha cho đi ở giữ trâu, từ năm lên chín.

Đứa khác, đứa con gái, cha anh bảo, lớn cho nó học may. Lúc đầu làm công, sau làm chủ như tiệm Thu Yển ở chợ đó. Đứa con gái được mười tuổi, tóc cắt bum bê; ngoài chợ, tiệm hàng xén của chú Hoa kiều cần một đứa

ấm em. Thôi, cho nó đi vài năm. Tiệm Hoa kiều, ăn cơm tàu ngon hơn cơm nhà. Đứa con gái ấy - chị của anh, cũng không được học may. “Thôi con, không có nghề nào dễ bằng nghề ở đợ!”. Giao con cho chủ, ông đưa bàn tay sần sùi vuốt tóc con, bảo con như vậy, rồi đến thẳng tiệm rượu.

Rồi đến anh, đứa con thứ tám, con út, mẹ anh bảo:

- Đứa nào ông cũng giành chọn nghề cho nó, còn thằng này thì ông để tôi.

- Ủ, thôi, tôi không có số, tôi thường cho má nó.

- Tôi chọn cho nó cái nghề ở đợ cho hết dòng, tôi đặt nó tên Đợ luôn cho tiện...

Vậy mà lớn lên, anh chẳng đi ở đợ cho ai một ngày nào. Tuy vậy, anh vẫn quen được cái cực, cái khổ của gia đình mình. Năm mười một tuổi (1955) sau ngày tập kết được một năm, anh ở lại làm liên lạc cho đồng chí cán bộ, vốn là người bà con xa ở làng, cán bộ nông hội, bây giờ là bí thư huyện ủy. Niềm hạnh phúc lớn lao nhất của anh là trước khi mẹ nhắm mắt lìa đời, mẹ anh biết, đứa con út của bà không phải đi ở đợ, con của mẹ là một người Cách mạng, một chiến sĩ đang cầm súng. Và cả cha anh, trước khi qua đời vì tuổi già, cũng được biết đứa con út trong làng thường nói đùa với ông: “Thằng xã đợ phó của anh”, ít ra những ngày cuối của cuộc đời ông, ông cũng được nở mặt nở mày với xóm làng.

- Cho nên bây giờ, cực khổ đến đâu, tôi cũng không coi ra mùi mẽ gì.

Và anh nhắc lại những ngày cực khổ nhất của anh. Ngày giặc “bình định”, xóm vườn chẳng còn ai. Anh phải chôn súng, hoạt động bí mật, giành giật lại từng người dân. Bọn “bình định” quần áo kiểu bà ba đen, lặn bên trong cây súng ngắn, tựa ra như một bầy kiến đen, bò đến tận nhà. Anh phải trát bùn vào mặt mũi mình, ngồi im trong bụi chuối sau hè nhà anh Bảy Thá từ sáng cho đến tối, nhịn ăn nhịn uống. Đêm lại mò theo con mương, ra

ruộng, trở về khu du kích kiếm miếng ăn, nửa đêm lại mò vào ngôi như một cục đất trong vườn. Đến ngày thứ ba, chị Bảy ra vườn cắt bắp chuối.

- Chị Bảy! - Cục đất cất tiếng. Chị Bảy nhìn ngơ ngác, chẳng thấy ai, lại đưa con dao lên.

- Chị Bảy! - Cục đất lại kêu chị, to hơn. - Chị Bảy đừng sợ. Em là Út Đợ, em ngồi như cục đất đây nè.

Nhìn kỹ, thấy một mô đất có hai con mắt đang chớp, chị tái mặt.

- Đừng sợ, chị Bảy. Em là Út Đợ!

- Trời ơi, chú Út! - Tiếng chị thều thào - Chú ngồi đây mà tôi có biết đâu, anh em mạnh khỏe hết hả, chú?

- Chị làm sao cho tôi vào nhà. Sấm sấm tối, giờ tui nó đi ăn cơm, nghe chị. Thôi chị vào đi!

Trong nhà vợ chồng anh Bảy Thá có ba thằng “bình định” nằm thường trực, chiếm cả bộ ngựa gỗ ở giữa nhà.

Chiều ấy, sấm sấm tối, bọn nó tập trung lại đầu xóm, nhà chủ ấp, ăn cơm; trong khoảng khắc ấy, anh lén vào nhà anh Bảy Thá nằm trong buồng.

- Tôi phải thúc cùi chỏ để giành chỗ với tui nó. Ba thằng “bình định” với tôi cách nhau một tấm vách. Gian khổ vậy, đâu được như bây giờ, nằm lắc võng như vậy.

Nói xong, anh hít thuốc kéo một hơi dài, ném cái tàn thuốc ra xa, rồi ngả mình xuống võng, hai cây cọc của hai đầu võng anh lại cựa quậy, lắc rung lên.

Năm Bờ là người mở đầu câu chuyện, nhưng chuyện lại xoay về một hướng, cuộc đời của Út Đợ. Từ này giờ, chẳng biết anh nghĩ gì, còn tôi, tôi thật sự hứng thú với cuộc đời của Út Đợ.

Ba người lại nằm im, đuổi theo ý nghĩ của mình. Đã quá nửa đêm, trời trở lạnh. Tôi xỏ tấm vải dù, đắp qua người, định không nói không hỏi gì

nữa, nằm im cho người khác ngủ, nhưng hai cây cọc của Út Đợ vẫn lắc mạnh. Một cây diêm lại xòe lửa, anh đốt thuốc. Rồi ba cái vông, ba điếu thuốc lại như ba cái ống khói tàu, và câu chuyện lại bắt đầu từ giọng nói của anh:

- Lúc lắc như vậy mãi sao, mùa nước hay mùa khô, hai anh?

Tôi biết Út Đợ muốn hỏi anh Năm Bờ hơn, nên tôi không đáp. Tôi tự hiểu, tôi không thể tự giải đáp được câu hỏi của anh, tôi lặng thinh. Năm Bờ cũng chưa trả lời ngay - cuộc sống đang bẽ bộn ngổn ngang, ai biết nó sẽ kết thúc vào lúc nào? Đóm thuốc cháy đỏ, anh hắng giọng:

- Chắc phải đến mùa gió chướng! - Nghe Năm Bờ nói, tôi trở mình, bỗng thấy xôn xao với tên của mùa gió. Ngọn gió thổi khô mặt đất lầy lội ẩm ướt sau mùa nước rút. Gió se se lạnh, gió gọi kỷ niệm của tuổi thơ... Dưa hấu đỏ... chim én, mùa gặt... những con diều bay lừng lững giữa trời.

- Trưa nay, tôi với cô Sáu dự đoán như vậy, Út Đợ có thấy như vậy không? Lực lượng của mình bây giờ như một quả bom tháo rời hạt nổ, thuốc súng, mỗi thứ ở một chỗ; còn đủ, có đủ, nhưng không nổ được. Sau trận “bình định” vừa rồi, dân bị xúc, ly tán mỗi người một nơi... Phải gom lại, phải nén chặt. Tôi có bàn với cô Sáu chuẩn bị cho tôi, tôi sẽ đi...

Anh sẽ cùng vào hoạt động với Sáu trong vùng giặc. Nhưng bây giờ, trước khi đi, câu chuyện của anh đang đuổi theo từng bước chân của Sáu, trong đêm nay. Đêm nay, Sáu sẽ đi ngang qua ngôi nhà anh. Cùng xóm đó, một xóm với bà Chín, một xóm với thằng Long, ngày trước gọi là ấp Mỹ Thạnh làng Mỹ Hương. Nếu đi xuôi theo dòng nước đỏ, từ chợ Vàm xuôi xuống đến nhà anh vài trăm bước thì đến nhà thằng Long, rồi đến nhà bà Chín. Nhà anh sát bờ sông, hè nhà xoay về hướng con lộ đá chạy qua làng. Một ngôi nhà sàn nhỏ. Dải nhà dưới bờ sông ấy, sông bằng nghề thợ mộc, xóm mộc nổi tiếng cả một vùng. Dưới bến, ngày nào xuống ghe các nơi cũng đổ về, khiêng từ trên xóm xuống nào bàn, nào ghế, nào tủ... rồi lại tách bến, xuôi ngược khắp nơi. Người ở khắp nơi cũng gọi đó là xóm Cộng sản: Cộng

Sản ba mươi, Cộng Sản bốn mươi. Gọi anh là Năm, Năm Bờ, thật ra anh là con lớn của gia đình, thứ hai. Ông ngoại anh là thợ mộc, một người thợ giỏi, nhiều học trò. Năm ba mươi một, mùa gió chướng, mùa của những cánh buồm no gió chạy trên sông, ba anh làm bạn chèo cho một chiếc ghe. Ghe cập bến nhà ngoại anh, bàn tử chất đầy, trước khi ghe rời bến, ông chủ ghe nói với ngoại anh, xin để lại một anh bạn chèo, con của người chú, ở lại học nghề.

Ba anh, một người học trò thật khéo tay, vui tính mà tư lự. Một hôm tình cờ, đưa con gái của ông thầy mộc, giữ giường chiếu cho số học trò ăn ở trong nhà, cô gái bắt gặp lá thư của anh học trò giỏi viết cho mẹ nhưng chưa gửi đi. Lá thư giấu dưới làn áo gối. Thư viết trên một tờ giấy trắng mỏng không kẻ mà vẫn ngay hàng thẳng lối, chữ nghiêng về một phía như hàng lúa ngả theo chiều gió, chữ viết thật đẹp thật xinh, chữ đẹp hơn cả cô giáo làng đã dạy cô. Lúc đầu cô thích ngắm chữ đẹp, rồi cô đọc: “Má kính yêu của con! Con đã đến nơi, xin má đừng trách con đã lâu mà không viết thư cho má, để má ngày đêm tựa cửa ngóng trông. Con của má vẫn mạnh khỏe, làm ăn tấn phát. Má đừng lo cho con mà hao mòn sức khỏe lúc tuổi già. Xin má tha lỗi cho con, vì nước mà con đành bất hiếu”. Đọc đến câu cuối, đôi mắt của cô gái nghe xon xớt và cô thuộc lòng cả bức thư. Cô đem lòng thương người con vì nước mà đành bất hiếu đó.

Ba anh là giáo làng được phân về xóm mộc. Năm bốn mươi (1940), mới sáu tuổi nhưng anh vẫn còn nhớ, ngoại anh cho anh ngồi lên cỏ đi xem cờ - Cờ búa liềm đỏ rực trên chót vót ngọn cây sao trước cửa đình! Xuồng ghe xuôi ngược trên sông, từ xa nhìn về, người ta đã thấy cây sao ấy vượt hẳn lên khỏi rặng vườn, một tàn lá xanh um, và đời đời, cây sao ấy, tiếng lá mãi rì rào cùng với tiếng sóng - Gió chướng thổi tan mây, trời ngấn ngắt trong xanh. Lá cờ như một đốm lửa giữa trời. Lá cờ ấy, ba anh và thợ mộc cùng xóm cắm lên ngọn cây sao từ lúc nửa đêm.

Lá cờ rực đỏ ấy thu lại như một ngôi sao đỏ trong tâm trí anh, soi sáng từng bước của cuộc đời anh. Cũng năm ấy, ba anh bị lưu đày ngoài Côn Đảo. Kỷ niệm về người cha thật ít ỏi, nhưng không phai mờ mà rõ dần theo bước trưởng thành của anh. Bốn năm sau, từ Côn Đảo, ba anh cùng anh em đồng chí thả bè nương theo gió, vượt biển trở về. Ba anh trở về trong đêm mưa, mưa tầm tã. Anh giật mình vì một cái hôn dài, một hơi thở ấm trên đôi má... Không biết là cha, nhưng anh không muốn rời cái hôn nồng nàn âu yếm ấy, hai tay anh quơ lên, quặp xuống, giữ chặt:

- Ba!

Một bàn tay bịt lấy miệng anh:

- Nho nhỏ, con!

Anh ôm cổ cha và ngồi gọn trong lòng mẹ.

- Người ta nói con là con của Cộng sản, con không được đi học hở con! Thôi, vài năm nữa, lớn lên, ba sẽ cho con đi học ở bên Nga...

Anh bắt đầu nghe tên đất nước của Lenin từ cái đêm ấy, năm anh lên mười.

Bây giờ, đứa em trai của anh theo ba má anh tập kết ra Bắc đang được hưởng niềm mơ ước lớn lao của anh, đang học ở Mạc Tư Khoa.

Trong một dịp hè, ba anh lại được mời sang nghỉ mát, hai cha con được gặp nhau bên ấy. Thư của thằng em gửi về, dài đến bảy trang, chữ nhỏ. Thư có đoạn nhắc lại cái đêm ba anh từ Côn Đảo về, hứa cho anh đi học ở Nga. “Cái thằng, lúc đó nó chưa đẻ mà nó làm như nó là anh của mình vậy. Thật tức cười!”. Thư có kèm theo một tấm ảnh, ba người đứng trước lăng mộ Lenin. Cha anh trông thật lạ, mặc áo ba-đờ-xuy dài đến tận gối, đầu đội mũ lông, một tay choàng qua vai thằng con, một tay choàng qua vai một cô gái Nga, bạn học của con mình.

- Sướng quá ha! - Út Đợ nằm im bỗng vụt kêu lên với giọng hả hê. Một cây diêm lại xòe lên. Tôi thấy anh ngồi xếp bằng trên chiếc võng đang

đưa.

- Tôi mà được đi á, ra Bắc tôi sẽ thăm Cụ Hồ, qua Liên Xô tôi sẽ đi thăm ông Lenin. Tôi sẽ chụp hai tấm hình, phóng ra to, tôi treo giữa nhà cho con cháu nó nhìn.

Hít mạnh một hơi thuốc, anh nằm bật xuống võng.

- Đã... th... i... ệ... t... - Nghe giọng nói của anh, tưởng như anh sắp sửa lên đường.

Anh nằm trên võng đó, nhưng rõ ràng anh đang đi, đi trong mơ. Điều thuốc như cái ống khói tàu ấy cứ phăm phập nhả khói, đỏ rực, và hai cây cọc của hai đầu võng “cục cà, cục kịch” như hai cây cột chèo đang chuyển động. Tôi bỗng sướng lây với anh.

Còn Năm Bờ, đêm nay, lần đầu tiên tôi nghe anh tâm sự. Hơn một tháng cùng đi với nhau, những lúc rỗi rãi, buồn như trấu cấn, tôi thường hay gọi chuyện, tôi cần nghe thì anh nói rất dè xẻn. Đêm nay sau khi chia tay với người yêu, có lẽ anh cần trò chuyện với bạn bè cho đỡ cô đơn? Đã hơn một giờ đêm rồi còn gì, tôi buồn ngủ, nhưng chuyện của anh vẫn chưa dứt.

Sau khi đưa ba má với thằng em xuống tàu tập kết ra Bắc, từ Cao Lãnh về Mỹ An, anh bơi một xuồng con. Anh về với ông già Bảy làm nghề đóng cối. Ông Bảy Cối là tín đồ Phật giáo Hòa Hảo, đầu để tóc, thờ vải đỏ. Tấm vải đỏ mà ông thờ, theo ông, đó là ngọn cờ Cách mạng. Ông tách mình ra khỏi bọn phản động, cho con đi Vệ quốc đoàn.

- Ở đó, tôi đã đụng với thằng Bá, cảnh sát trưởng bây giờ.

- Vậy hả, - Sáng hôm qua, Sáu Linh nói với tôi, anh Năm Bờ với thằng cảnh sát Bá, hai người hình như có duyên nợ với nhau. Tôi tò mò muốn hiểu, Sáu Linh định nói rồi lại thôi. Cánh con gái thường như vậy! Bây giờ, nghe anh nói, tôi thấy đỡ buồn ngủ. Tôi trở mình, đốt thêm điếu thuốc, thò chân xuống đất đạp mấy cái cho võng lắc mạnh. Hông tôi chạm vào hông anh, tôi cố ý như vậy để muốn nói với anh là tôi hãy còn thức này giờ, hãy

còn háo hức với câu chuyện của anh.

Năm đó, bộ đội Hòa Hảo của Năm Lửa bị quân của Diệm đánh đuổi, Năm Lửa phải bỏ đất Cái Vồn, cùng với tàn quân chạy tan tác. Diệm muốn thống nhất quân đội, còn họ thì muốn giữ lấy quân đội riêng, dưới ngọn cờ tôn giáo như thời Tây. Họ chạy dòn về những làng trong đồng sâu Tháp Mười, những nơi mà quân Diệm chưa kịp đến. Một quân đội tổ chức theo kiểu gia đình. Người nào bắt được trung đội thì làm trung đội trưởng, cứ như thế mà đi lên hoặc tụt xuống. Một đội quân mê tín, thất học và lang thang. Họ muốn dựa vào dân nhưng quen tính cướp bóc, muôn chống đối lại đối phương nhưng không thoát được căn bệnh đầu hàng.

Đại đội trưởng Bá, mỗi nhà năm bảy tay súng, đứng dọc theo hai bờ kinh. Nó đóng trong ngôi nhà lớn ở giữa xóm, nhưng thường hay lui tới nhà ông Bảy Cối để dòm ngó cô con gái út của ông. Út Hảo đang tuổi dậy thì. Anh gặp trưởng Bá ở đó, một gã gần bốn mươi tuổi, người to lớn trong bộ đồ lính màu đen, cây súng ngắn lủng lẳng đến tận gối, bên hông một cây gươm dài; vốn xuất thân là tay anh chị của dân đứng bên xe, hai con mắt lúc nào cũng đỏ ngầu, ngực xăm hình con cạp đang nhe răng, cườm tay xăm một dòng ngày tháng năm sinh: 20-10-1920. Nực mùi rượu, hai con mắt đỏ sòng sọc như mắt cá chày, hấn nắm lấy đôi vai của anh:

- Trai tráng khỏe mạnh như vậy, sao không đi lính? Muốn đi lính, đại ca sẽ nhận làm em.

Đảng đã phân công anh, anh chỉ chờ có vậy. Anh gật đầu.

- Nhưng mà bây giờ, cứ ở nhà, làm lính kinh tế.

Nó muốn lấy cá mà không phải trả tiền - Đạo đó, anh với Út Hảo, hai anh em một chiếc xuồng con, đêm nào cũng đi giăng câu.

Anh vào lính, giữ cây “mút cơ tông” cổ lỗ của Tây, như những người lính của trưởng Bá, ăn chay ngày rằm nhưng miệng lúc nào cũng chửi thề, và làm đàn em cho nó. Rồi đến một ngày, bằng lòng với một giá phải

chăng, bọn nó kéo đi. Để lập công với chủ mới, nó quay lại đốt phá, bắn giết người kháng chiến. Thằng Bá không đốt nhà ông Bảy Cối, nó nói là vì tình bạn đạo, chỉ xin ông một điều, đưa Út Hảo cùng đi. Nó xin nhưng nó gí súng vào ngực Út Hảo, bắt cô phải xuống xuồng.

Đứng trước mũi súng của nó, Út Hảo không cưỡng lại.

- Anh đưa tôi ra thành chớ?

- Vậy chớ đi đâu.

- Anh cho tôi soạn quần áo.

Nó mừng rơn. Nó nháy mắt cho tên lính đang cầm sẵn cuộn dây định bắt trói Út Hảo lần đi.

Út Hảo gói một gói quần áo trong chiếc khăn rằn xanh, theo nó xuống xuồng. Hảo giành bơi lái, tên lính cận vệ bơi mũi, còn nó với tư thế của một ông chủ, nó ngồi giữa, xếp bằng. Đêm tối, xuồng rời bến, hàng trăm chiếc cướp của dân, nối theo nhau. Bất thình lình một tiếng nổ. Tiếng súng của anh từ trong vườn chuối bắn lên trời. Những anh em lính được anh giác ngộ, nghe súng lệnh họ nổ theo. Thằng Bá chưa kịp hiểu gì, thì một mái chèo đã quất vào vai nó. Xuồng lật úp. Súng vẫn nổ như một trận đánh. Thằng Bá với bộ quần áo lính tây, cây súng ngắn lòng thòng đến gối, cây gươm dài, cái vai bầm, nó lóp ngóp lùm chum như con chó. Tiếng súng im. Bọn lính lắc lại xuống. Sau khi tỉnh lại, thì chúng được biết, có hơn bốn mươi người lính đã vác súng, leo lên bờ, đi đâu mất. Thằng Bá bị mất cô gái định bắt làm vợ nhỏ, vai còn ê ẩm. Số còn lại, xuồng nối theo xuồng, lạng lẽ bơi ra sông lớn đi đầu hàng Diệm.

Với hơn bốn mươi cây súng của lính Hòa Hảo ấy, anh được lệnh mở chiến khu. Đó là những cây súng đầu tiên của những ngày đồng khởi, chưa đi khắp tỉnh của đồng bằng.

- Nếu chị Út còn sống - Út Đợ nói - bây giờ con anh chắc lớn lắm hả anh Năm?

- Út Hảo bị giết trong đêm đó sao, anh Năm? - Tôi hỏi.

- Không! Sau này, hy sinh trước đồng khởi mấy hôm.

Thế là tôi đã hiểu, anh đã qua mỗi tình đầu, hiểu vì sao mãi cho đến bây giờ anh vẫn sống một mình, chưa vợ, chưa con, đang yêu và người yêu đang lẫn lộn ngoài kia, trong vùng giặc, khiến cho anh đêm nay trăn trở, muốn trò chuyện với bạn bè. Tôi muốn hỏi thêm về cái chết của Út Hảo, nhưng Út Đợ đã nói trước tôi:

- Hồi đồng khởi, tôi mới mười ba mười bốn tuổi, đang làm giao liên, nghe bộ đội ông Năm Bờ về chụp bót, tôi tưởng anh là một ông già, râu dài như râu lân. Cái hôm chị Sáu đi đón anh về lập vành đai, chỉ định kêu anh bằng chú... Nghe chỉ nói, tôi biết ngay mà,... Bây giờ tới anh Thắng, chuyện cô nào, kể cho anh em nghe chơi đi, anh Thắng.

Tôi cũng nghĩ đến một cô. Một cô gái, nhưng không hẳn là cô nào, một cô chưa định hình, khi thế này khi thế khác, lớn vồn đâu đó, lúc gần, lúc lại xa, chưa bao giờ bắt gặp. Tôi đang nghĩ đến một cô, không phải Bé Ba, nhưng lại có một nốt ruồi son dưới cổ, một cô gái không phải Sáu Linh, nhưng lại có đôi mắt như mắt của cô, đôi mắt đen thẳm, ươn ướt, lung linh, đôi mắt khi nhìn thì đắm ánh trắng. Và, theo gợi ý của Út Đợ, tôi cũng có chuyện đánh vào Sài Gòn đầu xuân sáu mươi tám; chuyện gian khổ, tôi có chuyện vượt Trường Sơn, đã từng ăn lá bép thay cơm... Nhưng đêm nay, và bao giờ cũng vậy, chuyện tâm sự tôi thường hay kể về người cha. Chuyện riêng, người ta thường nhắc đến kỷ niệm âu yếm của người mẹ. Còn tôi, mẹ tôi mất từ năm tôi chưa được lên mười, chít chiếc khăn tang lên đầu đưa mẹ đến nơi an nghỉ cuối cùng mà hai con mắt cứ ráo hoảnh, chưa biết khóc. Anh tôi, đứa con đầu, một đứa con cũng được nuông chiều nhưng học hành chẳng ra gì. Tôi là đứa con thứ tư, bắt đầu từ chữ A chữ B đã tỏ ra là một đứa sáng dạ. Hy vọng đối với đứa con đầu, cha tôi dồn cả cho tôi. Cha tôi cho tôi đi học xa ở tại quận từ năm mới lên bảy, dứt ra khỏi sự nâng niu của mẹ, từ đó.

Từ làng tôi đến chợ quận mười hai cây số, đi thẳng một con đường, con đường rải đá cặp theo sông. Một tháng đôi ba lần, vào sáng chủ nhật, cha tôi đi xe ngựa đến thăm tôi, có khi rước tôi về thăm nhà một vài giờ, sau đó lại cầm tay tôi, dắt tôi ra bến, tìm xe của một người quen, gửi tôi lại trường. Mẹ tôi ít khi đi khỏi nhà, hầu như chẳng đi đâu khỏi tầm mắt của các con. Kỷ niệm về người mẹ, với tôi thật ít ỏi, lơ mờ. Đưa mẹ đến nơi an nghỉ cuối cùng mà đôi mắt cứ ráo hoảnh, đó là kỷ niệm cuối cùng còn giữ lại và sâu sắc hơn cả. Mỗi lần nghe người khác nhắc đến mẹ, trong tôi kỷ niệm ấy lại nhói đau.

Cha tôi góa vợ, gà trống nuôi con. Cha tôi, một con người bình thường, chẳng hơn ai, nhưng tôi vẫn cứ tự hào là đứa con của người cha như vậy. Nếu ai đó cho tôi được quyền chọn trên khắp thế gian này một người để làm cha, thì tôi cũng vẫn sẽ chọn lấy cha tôi mà thôi.

- Sao làm thỉnh vậy anh Thắng? Kể đi - Út Đợ giục tôi.
- Tôi kể lại chuyện tôi đi tìm cha tôi cho hai anh nghe nhé!
- Được, chuyện gì cũng được.

Tôi bắt đầu kể. Mùa mưa năm 1966, vượt qua Trường Sơn về đến cơ quan, có một đồng chí già nhận ra tôi.

Tôi gọi đồng chí già ấy là bác Tư. Bác Tư kể cho tôi, cha tôi đã về Sài Gòn ở xóm Bàn Cờ, cha tôi bỏ làng đi từ những ngày tổ cộng. Hàng ngày, bác thường hay gặp cha tôi. Một người gầy gò, trán cao, mặc đồ bà ba đen bạc màu, tay xách một cái hòm, đến từng xóm, từng nhà cắt tóc cho bà con lao động và trẻ em. Cái hòm nhỏ mà bác Tư kể, tôi nhận ra đó là cái hòm nhỏ màu đỏ đã bị tróc sơn, cái quai đồng, bên trong của nắp hòm là một tấm gương. Một cái hòm đủ để đựng chiếc “tông đơ”, cây kéo, chiếc lược sừng mỏng, con dao cạo, hộp phấn, bộ đồ rảy tai và một mảnh đá cạo dao - Với cái hòm nhỏ ấy, cha tôi đã nuôi một đàn con đến ngày khôn lớn. Với cái hòm nhỏ ấy, cha tôi vừa đi kiếm sống, vừa tìm lại đồng chí, anh em. Theo lời bác Tư, cha tôi cũng là sợi chỉ nối liền lại cơ sở trong những ngày đen tối.

Thế là đúng mười hai năm, tôi mới nhận được tin của cha tôi. Nhưng tôi lại may mắn hơn nhiều anh em. Miền Nam qua những ngày tổ cộng, qua những đợt di dân, dời dân, xáo dân, có anh em về đến nơi một hai ba năm sau vẫn chưa tìm được gia đình, chẳng biết cha mẹ vợ con mình tản lạc đến tận đâu!

Bác Tư thỉnh thoảng có đến chơi nhà cha tôi. Nhà mái tôn, một gian nhỏ, nằm sâu trong ngõ hẻm, xóm ấy có ngôi chùa. Chỉ tiếc có một điều, bác nhớ xóm, nhớ đường, nhưng lại không để ý đến số nhà cha tôi.

Sau đó, theo lời chỉ dẫn của bác Tư, tôi đến khu nhà hạnh phúc. Đó là một cơ quan đặc biệt, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của cấp ủy. Là một tổ chức chuyên lo việc tìm kiếm lại gia đình của cán bộ, chiến sĩ và cũng là nơi đón tiếp cha mẹ, vợ con và thân nhân của cán bộ và chiến sĩ đến thăm. Khu nhà hạnh phúc gồm có nhiều ngôi nhà nhỏ đơn sơ mà đẹp, có đủ tiện nghi, nằm trong một bìa rừng. Từ đó có hai con đường dẫn ra chợ, một cái chợ vùng giải phóng với hai dãy phố lạ nằm hai bên bờ sông. Bến sông, mỗi ngày có hai chuyến tàu đi về.

Khu nhà hạnh phúc có hai bộ phận. Một bộ phận gồm bốn đồng chí già: hai má là hai má chiến sĩ chuyên lo tìm kiếm gia đình chiến sĩ vùng giải phóng, hai đồng chí già, vốn là cha chiến sĩ chuyên lo tìm lại gia đình cán bộ chiến sĩ trong các vùng đô thị. Một bộ phận tiếp đón gồm có những cô gái trẻ.

Tôi chụp một tấm ảnh, trao cho ông Sáu, kể cho ông nghe vài mẩu chuyện gia đình để khi ông gặp cha tôi ông sẽ kể để làm tin. Vì không biết số nhà nên ông phải đến nhà bác Tư, nhờ bác gái chỉ giúp.

Chuyến đi này, ông có nhiệm vụ tìm lại năm gia đình cho năm anh em cán bộ, ông đi vào chuyến tàu sang.

Trong những ngày chờ đợi, tôi lo dọn dẹp lại ngôi nhà, sửa sang lại hầm hố, rồi vào rừng đốn củi chẻ nhỏ, phơi khô... Trong mấy ngày gặp gỡ

sắp tới, tôi muốn lo cho cha tôi từ miếng ăn giấc ngủ. Chuyến đi của ông Sáu phải mất năm ngày. Biết vậy, nhưng tôi với bốn anh em cùng có gia đình ở Sài Gòn, chiều nào cũng ra bến sông đợi tàu về.

Đến chiều thứ năm, năm đưa tôi, ngồi trên bến, đã nghe rõ tiếng máy tàu còn đang chạy khuất trong doi lá.

Ông Sáu trở về cùng với bốn bà mẹ của bốn người bạn cùng một chuyến với tôi.

- Còn anh thì sao? - Út Đờ ngồi xếp bằng trên chiếc võng bên kia hỏi sang. Tôi đáp:

- Tôi thì không có.

- Sao vậy?

- Để tôi kể tiếp cho nghe.

Tàu đỗ lại bến, người ôm lấy vai tôi là ông Sáu. “Lần này bác có lỗi với cháu!”. Ông tìm được nhà bác Tư gái, nhưng ông quên mất tên của cha tôi. Mà ở Bàn Cờ thì đâu chỉ có một ông già cắt tóc dạo. Bác Tư gái cầm lấy tấm ảnh của tôi mang đến từng người quen, nhờ họ nhận mặt tôi, nhưng người ở Sài Gòn, ai biết mặt tôi là ai?

- Ông già hết chuyện quên rồi sao mà quên vậy ha! -Út Đờ nói rồi lại đánh diêm đốt thuốc. Tôi thấy anh đang ức thay cho tôi.

- Rồi sao? - Anh hỏi với giọng suột ruột.

- Tôi phải chờ đến lần thứ hai. Lần này trước khi đi, ông Sáu đưa tấm ảnh lại cho tôi, bảo tôi ghi tên cha tôi vào sau lưng tấm ảnh. Ông nhớ. Lần này khi bác Tư gái cầm lại tấm ảnh của tôi, lật ra sau đọc cái tên của cha tôi thì bác bảo: “Tuồng ai chớ ông già Hai cắt tóc dạo này thì tôi lạ gì. Nhưng mà ông không còn ở đây nữa, ông trở về làng hơn một năm nay rồi!”.

Chuyện đã qua, điều không may ấy đối với tôi đã thành một kỷ niệm, tôi thấy thú vị khi kể lại. Tôi cười. Năm Bờ ngo ngoạy trên võng cũng cười. Còn Út Đờ thì tức mình đến phải ngã lưng nằm xuống võng, thở dài!

- Vậy là tôi phải nhờ ông Sáu đi chuyển thứ ba. Lần này thì ông đi thẳng về làng.

Út Đờ lại ngồi dậy, nhìn sang:

- Lần này thì gặp không?

- Để tôi kể cho nghe.

Út Đờ không đủ bình tĩnh nghe tôi kể dài dòng nữa. Anh nói lớn:

- Anh có gặp được cha anh không, nói trước đi rồi hẵng kể.

- Gặp.

- Dữ hôn!

Vừa lúc đó thì cơn dông thổi tới. Một sợi dây căng tăng bị đứt, tấm tăng ni lông cuộn thốc lên. Xoài rụng nghe lộp cộp khắp cả vườn. Chúng tôi phải choàng dậy, buộc lại tăng. Pháo lại bắn! - Bao giờ cũng vậy, hễ trời đổ dông mưa thì bọn nó bắn pháo - Tiếng pháo hòa theo dông mưa, nhận không ra, nó rơi xuống nổ rồi mới biết, ở đâu, chiến trường nào, thằng giặc cũng thường hay bắn pháo theo kiểu đó.

Tiếng pháo hú qua khu vườn chúng tôi, bay tạt vào trong, trong đồng trong ngọn, nổ ùng oàng.

Buộc xong tăng, chúng tôi trở lên võng. Trời rúc rắc mưa.

- Mưa này, ít hôm xoài ra lá non, tụi tôi sẽ cho mấy anh ăn bánh xèo.

Út Đờ xướng lên và chuyện lại xoay về một hướng khác, chuyện về món ăn mùa mưa gió, chuyện cá mắm, tôm tép, chuyện đi câu.

Chuyện về đêm thường hay lan man như vậy, chuyện này chồng lấp lên chuyện kia như những sợi chỉ dọc ngang đan lẫn vào nhau, và cuối cùng, dệt lên từng mảnh, mảnh đời.

CHƯƠNG 17

- Út Sương đi đâu đó?

Bà Chín nhận ra tiếng của cái đứa tự nãy giờ cứ lẻo đẻo theo sau mình, con Mười phòng vệ dân sự.

- Đi đâu mà khuya lơ khuya lắc vậy Mười?

Như thói quen, bà đứng lại, bắt chuyện thay con gái. Sáu Linh, dáng dấp của Út Sương, chiếc khăn rằn xanh trùm đầu, kín mặt, đứng bên lề đường, sau lưng bà, mặt quay vào bóng tối.

- Cháu đi tập về.

- Vậy! Đằng xóm có đứa bị ban gió. Thôi tao đi, người ta trông. Bây khỏe chân bây đi trước đi.

Bà nép mình, nhường đường cho nó. Mười phòng vệ dân sự xộc lại cây súng đeo lên vai, dạ lên một tiếng, bước tầm te. Chờ nó đi xa, khuất mắt trong bóng tối, bà với Sáu Linh mới thùng thảng đi sau.

Hai người rẽ vào sân. Có tiếng hực của con chó. Cái lưỡi kèm kẹp với đủ thứ sắc lính đan dày nhưng chúng vẫn chưa thấy đủ, nên đã ra sắc lệnh bắt mỗi nhà phải nuôi một con chó. Đêm đêm hễ có tiếng chó sủa, thì một lúc sau, chỗ đó có đủ mặt bọn lính tráng, cảnh sát, phòng vệ dân sự với lũ ác ôn. Trẻ con trong làng, thỉnh thoảng chọc đám chó sủa toáng lên cho bọn chúng ủa nhau chạy tới. Cho nó đồ mồi hôi, cho nó mắc cỡ, cho nó mất ngủ. Đó cũng là trò chơi của trẻ con, cho bõ ghét, cho vui.

- Mực! - Bà hăng giọng và kêu ngay tên nó.

- Mực, muốn chết hả con! - Con Mực lại bị chủ lên tiếng mắng. Nhưng nó chỉ hực lên vậy thôi, nó có sủa toáng lên đâu. Và nó đã nhận ra hơi người.

Chị Nở cho con vào buồng trong bắt ngủ từ sớm, chị để cửa nửa đóng nửa mở, ngồi chờ. Chị biết từ chiều, thế nào khi Sáu bước trợn người vào qua cánh cửa, đưa tay kéo chiếc khăn sụp xuống ót cho chị thấy rõ mặt, chị không giữ nổi xúc động.

- Trời ơi! Sáu!

Chị kêu mà nghe thảng thốt như hơi thở, hai con mắt đỏ hoe.

- Anh em mình mạnh hết hả Sáu?

- Mạnh.

- Sáu ngồi đây. Thím Chín ngồi đây. - Chị mừng, chị lo, chị cuống lên. Hai cái ghế chị xếp sẵn bên vách - chỗ kín, người ngoài đường nhìn vào không thể thấy, - chị bung cái ghế lên rồi đặt xuống ngay chỗ cũ, lại bung lên rồi lại cũng đặt ngay lại chỗ cũ. Cái ấm trà chị pha sẵn để trên bàn, chị cũng quên mất.

- Chị để đó cho em, chị ngồi xuống đi.

Chị ngồi xuống, nhìn lại mặt Sáu dăm dăm.

- Thôi, kéo khăn lên đi Sáu. Anh em mình mạnh hết hả Sáu? - Chị lại hỏi thăm anh em, lần thứ hai.

- Mấy đứa nó biểu em vào đây phải ghé thăm chị.

- Vậy hả. Tội nghiệp! Chừng nào hả Sáu, bà con ngoài này mong quá.

- Ở trống, tụi em chia nhau đi hái xoài cho bà con. Xoài của chị bữa nay hái chắc xong rồi.

- Ăn đi!

- Để dành cho chị để chị nuôi cháu.

- Đừng bày đặt, ở ngoài này, ăn mắm ăn muối được rồi. Đừng để, rục hết.

- Nếu chị không về thì tụi em gọi ra cho chị.

- Làm sao mà về được.

- Sáng mai, bà con sẽ ra chợ, đấu tranh đòi về thu huê lợi.

- Vậy sao? - Hai con mắt chị sáng lên - Phải vậy! Nhà chị chưa đến nỗi, mà bà con mình ở trông ra, bỏ ruộng, bỏ cá, bao nhiêu miệng ăn chỉ trông vào trái xoài. Được vậy, đỡ lắm! Bà con đi, chị cũng đi. Thím Chín coi tôi đó, âm trà pha từ nãy giờ mà tôi quên.

- Nước nôi gì, bày đặt. Nói chuyện với con Sáu cho nó sướng. Thằng Năm về rồi.

Chị Nở sững người, nhìn lại Sáu.

- Vậy hả Sáu?

- Dạ, anh vừa mới về.

- Bây giờ nó ra làm sao?

- Nó bị thương, có hơi khác một chút, nhưng chẳng làm sao!: - Bà Chín nói thay cho Sáu. - Hai đứa nói chuyện đi, tao ra ngoài, tao ngó chừng.

Bà Chín bước ra cửa, đi vòng sau hè.

- Chừng nào thì em mới tỉnh?

- Tụi em định xong rồi mới tổ chức.

- Ủ, vậy cũng được. Mai, sống chết gì chị cũng đi! Lâu quá chị không gặp nó! Sáu, con Mực nó mừng em kia kìa.

Con Mực già, nó đã nhận ra người quen. Nó không phải là con chó được nuôi theo sắc lệnh của “quốc gia”. Nó sống với chủ từ lúc mới mở mắt, trong vùng giải phóng. Nó quen với cảnh kháng chiến. Cũng như người, nghe pháo, nghe tiếng rít của máy bay là nó ton xuống hầm trước cả mấy đứa nhỏ, rồi rút sát vô vách. Mùa nước, nó cũng được sống trên xuồng, đứng ngay trước mũi, ngھnh mõm nhìn trời nhìn nước. Thỉnh thoảng nó chạy theo du kích truy kích bọn đi càn.

Tự nãy giờ nó cứ chạy loanh quanh theo chiếc ghé của Sáu; nó vẫy đuôi, nó quẫy cả hai cái mõng, như cũng biết không được mừng ra tiếng, nó kêu ư ử trong cuống họng.

Sáu đưa bàn tay vuốt qua đầu nó:

- Mày có nhớ anh Năm không, Mực?

- Sao lại không nhớ! - Chị Nở đáp thay cho nó. Còn nó thì nó trả lời bằng cử chỉ rồi rít, nó liếm, nó ngửi, nó vẫy đuôi, nó nhìn.

- Thôi đủ rồi, ra ngoài chơi đi Mực, mai tao cho mày về.

Con chó biết nghe. Nó giờ hai chân trước đặt lên người Sáu, rồi thót nhảy ra cửa.

- Em nói lại chuyện ngày mai cho chị nghe?

- Em vận động bà con mình hết rồi.

- Vậy. Mấy bữa nay chị cũng có nghe nói.

- Sáng mai sẽ đi chợ.

- Ừ. - Sáng mai.

- Kéo nhau lại ngay cửa nhà việc, đòi trở về để thu huê lợi.

- Nhắm nó có cho không em?

- Nó không cho thì mình làm cách khác.

- Em cần gì chị không?

- Lần này chị cứ đi, lần sau có gì em sẽ nói với chị.

- Vậy cũng được. Mai nếu thuận lợi, chị cho mấy sắp nhỏ về trông chơi một bữa. Tội nghiệp, chúng nó nhớ!

Bà Chín đã đi hai vòng quanh nhà, bà bước vào.

- Xong chưa Bảy! - Bà hỏi.

- Bây giờ em phải về.

- Ừ, em về đi.

- Cho em dòm mặt mấy đứa nhỏ một cái, chị.

- Vào đây - Chị Nở nắm tay Sáu, kéo vào buồng. Chị giở mùng cho Sáu nhìn. Con chị bốn đứa. Đứa con gái lớn mười bốn tuổi nằm trong cùng, ba đứa con trai đứa lên mười, đứa lên sáu, đứa lên tám, nằm kế bên nhau.

- Cũng vì nó mà chị phải đi! - Chị ngược nhìn đứa con gái lớn, nói với Sáu - Chị định cho nó lên Rờ theo ba nó, cho nó yên.

- Mai gặp anh Năm, chị bàn với anh xem.

- Nó mới mười bốn mà chị phải giữ nó như con gái mười bảy mười tám. Ở xóm này, có đứa mới mười bốn mười lăm mà sao... Toàn ma với quỷ!

Chị vừa buông mùng xuống thì con Thiều - đứa con lớn, nằm trong cũi, ngồi bật dậy, nhẹ như con mèo, bỏ chân bước qua mấy đứa em, giọng nó thào ra như tiếng gió.

- Cô Sáu! - Và nó ôm chặt hai vai Sáu. Sáu quay lại ôm chầm lấy đứa cháu.

- Bà bắt mày, tự này giờ mày thức hả? - Chị Nở nhấc yêu con.

- Tự này giờ con nghe hết, con không lên Rờ, con đi theo cô Sáu.

- Thôi, buông ra cho cô về, chết hết bây giờ.

Con Thiều lại rón rén vào chỗ nằm...

Con Mực đưa bà Chín và Sáu ra đến tận đường.

Bà Chín lại nghe tiếng chân lẻo đẻo theo sau.

- Út Sương về đó hả?

Bà lại nhận ra tiếng của con Mười phòng vệ dân sự.

- Ủ, tao về. Bây đi đâu mà đi tới đi lui hoài vậy?

- Cháu đi chơi.

Lần này, Mười phòng vệ dân sự không vượt lên trước, nó chậm bước đi song song Sáu Linh. Bà đâm lo. Bà đi chậm để nó vượt lên, ngang chân với bà. Bà đi chậm nó cũng đi chậm. Bà không ngoái lại nhìn, nhưng bà biết nó đang đi cạnh bên Sáu. Nó lại cùng một đường về với bà, con đường khá xa, năm bảy trăm thước là ít. Bà định rẽ vào một cái nhà bên đường, tách nó; nhưng bất thần, nó lại rẽ trước bà.

- Thím Chín với Út Sương về trước, chu ghé qua đây.

- Ủ, thím về!

Nó đi khuất, hai người lại rảo bước.

Mấy đêm trước, sau khi đi thăm bà con, gầy dựng lại cơ sở, đến lúc trở về, bước lên cầu thang, nghe tiếng thanh ván sàn khẽ nhún dưới chân mình, Sáu thấy nhẹ người, thấy yên ổn như con chim ngoài đồng bão đáp vào tổ ấm. Bước vào căn buồng, việc trước tiên của Sáu là mở cái khăn trùm, đưa tay nâng mái tóc, sau đó, khi nằm xuống thì được buồn, được nhớ... được nghĩ gần, nghĩ xa...

Nhưng đêm nay, qua lần chạm mặt với con Mười phòng vệ dân sự lần thứ hai, đầu Sáu căng thẳng. Sáu để nhẹ từng bước chân lên từng thanh ván sàn, cái khăn vẫn trùm quá đầu, kín mặt.

- Hay là con ra vườn tạm đêm nay vậy, má?

- Vô buồng mở cái khăn ra cho nó thư thả một chút, để tao lo...

Bà Chín vặn ngọn đèn cho cao ngọn, têm trầu, bỏ vào ống ngoáy, ngồi vào ghế, ngoáy trầu, tai nghe tiếng động, mắt nhìn xuống sàn nhà.

Chạm mặt với nó lần thứ hai, không phải là chuyện tình cờ. Chắc nó nghi. Nó nghi sao không bắt? Con nhỏ khó hiểu quá! Năm 1968, đợt hai, bộ đội đánh trả lại bọn phản kích ngay tại xóm, không may tía nó cũng là bạn già hàng xóm với bà bị trúng phải một viên đạn mờ côi, sau một lúc êm tiếng súng. Là dân trong ấp chiến lược, chẳng có cách nào khác, phải đưa ông lên nhà thương quận. Ông tắt thở ngay trong phòng mổ. Bọn nó mổ vết thương của ông, lấy ra một viên đạn, đưa cho gia đình ông xem, bảo là đầu đạn AK của Việt cộng.

Viên đạn đó nó lấy từ trong vết thương hay lấy ra từ đâu, ai biết được! Có ai được vào phòng mổ của nó bao giờ? Bọn chó đó nói vậy mà nó tin. Dù có thiệt như vậy, thì đó là viên đạn mờ côi, viên đạn lạc, nằm trong trận mạc, đứng giữa đường tên mũi đạn, may rủi biết sao mà lường! Nó tin, rồi nó thù, nó oán. Khi cái lũ “bình định” ủa tới, quần áo bà ba như một lũ kiến đen, thì nó đi tập phòng vệ dân sự. Nó lãnh súng, hàng xóm to nhỏ xa

gần khuyên nó, nó không nghe. Xóm này, có ai lạ gì nó. Thằng Phải ở xóm hứa hôn với nó, rồi đi bộ đội, đang là trung đội trưởng của tiểu đoàn Girông. Nó cầm súng, nó tập phòng vệ dân sự, nhưng nó chưa lấy chồng, chưa thấy tăng tịu với ai, hàng xóm nghĩ là nó còn thương, còn nhớ! Có người bạo miệng hỏi nó:

- Nè Mươi, nếu bây giờ bây gặp thằng Phải nó về thì bây tính sao?
- Tôi không bắn ảnh, nhưng tôi sẽ đưa cho ảnh coi đầu đạn AK.

Có người đoán già đoán non, nghĩ nó là người của mình đưa vào. Nếu đúng như vậy thì bà phải biết, nếu bà không được biết thì Sáu Linh phải biết. Có đâu như vậy? Rồi từ khi thằng Minh phó cảnh sát tới lui nhà nó, cái gì tốt còn lại trong mỗi người đối với nó, tan hết. Thằng Minh, hồi trước - chẳng lâu la gì, mới hai ba năm, lúc bọn lính Mỹ còn chốt ở Bình Đức, đám con gái đi làm sở gọi là sở Mỹ, mang tiền về nó nuôi, nó bao che cho khỏi đi lính. Không phải làm, cứ nằm dài ra đó mà ăn, mà hút, mà cờ bạc, chỉ cần làm có một việc là cho cô ấy tâm tình. Có bao nhiêu cô gái làm sở Mỹ thì cũng có bấy nhiêu đứa con trai như vậy. Cái lớp người mới mọc ra đó, người ta gọi mĩa mai là người của “giai cấp tâm tình”. Thằng Minh thuộc lớp người đó. Bọn Mỹ rút đi, cô gái bị mất sở và thằng Minh không còn tình nghĩa gì nữa. Nó trở về làng. Vốn con của dân bán hàng cá, nó bắt đầu từ một chân chỉ điểm, nguy hiểm như con rắn rầu... Thằng Mỹ rút đi, nhưng dấu chân nó còn để lại, lún sâu trong đời sống. Thấy mặt nó, người ta phát tởm. Con Mươi cũng bị tởm lây. Như có cái hồn của một đứa hư hỏng nào nhập vô phần xác nó. Cái hồn thiệt của nó bị đánh bật đi đâu? Nhìn nó, người ta thấy chướng mắt, tiếng cười hăng hắc của nó người ta nghe cũng chối tai.

Nó cười với thằng Minh, nó cười với bọn lính như con điên. Nó kê bàn kê ghế dưới bóng cây vú sữa; tiếp khách tại đó, ngay trong sân. Thằng Minh đem cả rượu thịt đến nhậu nhẹt với bọn lính, tại đó. Cái sân giữa hàng rào bông bụt nhà nó ồn ào như một cái quán, cái quán nhậu của bọn lính. Một

hôm, đang buổi trưa, hàng xóm đang yên, bọn nó say, đồ thách nhau thế nào, con Mười chụp lấy khẩu súng của một tên lính, lên đạn, lấy luôn ba phát. Ba phát, ba trái dừa bị đứt cuống, rơi tùm tùm xuống con mương. Bọn nó vỗ tay, bọn nó la ó, rồi chuốc rượu cho nhau.

Đêm nay, nó thấy gì, nghĩ gì mà cứ lẻo đẻo theo sau mình?

Con quý! Cái chìa vôi trong tay bà ngoáy mạnh.

Để Sáu ra vườn đêm nay, bà không đành. Đưa Sáu đi thì đưa đến nhà ai giờ này, đột ngột quá.

Bà cầm cái ống ngoáy để lên miệng và lấy miếng trầu. Không, nó không dám làm gì với Sáu Linh, nó không dám làm gì ngay trong nhà bà. Nhai ngấu nghiến miếng trầu, bà nghĩ như vậy qua hơi cay của mùi trầu. Không thể, nó không thể hư hỏng đến nỗi nhúng tay vào tội ác. Bà vẫn còn tin còn thấy được cái gì đang ẩn kín trong cái vỏ bên ngoài của nó. Bà không gọi đúng tên nó, cũng không thấy nó bằng mắt, nó chột tắt chột sáng, bà thấy nó bằng linh cảm! Bà cũng là mẹ đỡ đẻ cho nó, chớ ai? Những đứa cùng lứa tuổi với nó xóm này, không do tay bà nâng nó khi nó ra đời, thì còn ai nữa. Như những người tốt, nó vẫn không thể nhớ, nhưng nó biết. Bây giờ cũng vậy, mỗi lần gặp mặt bà, một dạ, hai cũng dạ, một thưa, hai cũng thưa, trong khoảnh khắc đó, nhìn nó, nó vẫn như xưa.

Bà đứng dậy, bước vào buồng, giở mùng nhìn hai cô út nằm sát vào nhau, bà hỏi:

- Sáu, ngủ chưa con?
- Dạ chưa.
- Con ngủ đi, không sao đâu.

Bà trở ra, khóa cửa, hạ thấp ngọn đèn, vào mùng nằm cạnh bên con, miệng vẫn nhồm nhẻm nhai trầu.

Đêm ấy, qua hai lần chạm mặt, cả ba người không ai ngủ yên, cả ba đều nghe tiếng sóng xô xao của con sông suốt cả đêm...

CHƯƠNG 18

Đứng từ xa, tôi cũng nhận ra anh ta, anh nhà báo Trần Hoài Sơn. Thằng Hòn móm, bạn học cũ, con chú Năm Nhiều tiệm thuốc tây ở đầu phố. Anh ta theo xuồng của dân về thu huê lợi.

Cuộc đấu tranh đòi trở về thăm xóm vườn cũ của đồng bào sáng nay - trước cửa nhà việc - thắng lợi dễ dàng đến nỗi không ai ngờ được. Long, Bá, Phiến, cái bộ ba ấy cùng một hành động, nhưng xuất phát từ mỗi quan điểm khác nhau. Từ lâu, đại úy Long không tán thành việc xúc dân. Theo hấn, cuối cùng rồi họ cũng nổi dậy phá ấp trở về. Ý của hấn, cứ cho dân trở về xóm vườn, rồi sẽ đưa lính đến chiếm giữ từng nơi, vừa chiếm dân vừa mở rộng cả đất đai. Cũng là ý kiến của một phái được cấp trên khen, nhưng chưa làm được vì thiếu quân! Thằng Bá thì nghĩ: không vườn, không đất, phải chạy gạo hàng ngày, họ có gì để tổng tiền? Theo sự phân chia thì hấn ăn vào cái phần dân ấy. Có đánh đến học máu, họ cũng không có một đồng xu! Thằng đại diện Phiến thì nghĩ: áp chiến lược như một quả bóng căng, phải mở vòi cho nó xì hơi! Chính nó bước ra, đứng trên thềm nhà việc, cầm một cái loa cuộn bằng giấy, nói với mọi người:

- Bà con cứ về thu huê lợi. Chỉ xin bà con nhớ cho một điều, khi nào máy bay của chánh phủ kêu về thì đồng bào xuống xuồng, về cho đúng giờ. A lô - A lô...

Sáng nay con kinh lại nhộn nhịp mái chèo, hơn một trăm chiếc xuồng nối nhau xuôi theo con nước dưới tầm bay của con đầm già. Nhà báo Trần Hoài Sơn theo xuồng ghé bến, đứng nhìn cảnh trở về của chủ xuồng, lại theo một chiếc xuồng khác, cứ như vậy, anh đi dần vào trong. Cuối cùng anh ngồi trên chiếc xuồng của du kích, Bé Ba ngồi bơi lái, đưa anh đến tận bến

nhà ông Hai, theo yêu cầu của anh xin gặp người chỉ huy cao nhất. Chúng tôi đưa Út Trâm báo tin từ lúc chiếc xuồng của anh ngồi quá giang bơi qua khỏi vọng gác của Út Đợ.

Tôi rời làng theo bộ đội từ năm một ngàn chín trăm bốn mươi tám - theo bộ đội từ năm mười bốn, tính từng năm thì đúng hai mươi ba năm, tôi mới gặp lại anh ta. Quần “tọc gan”, áo sơ mi trắng, cao lêu nghêu, bên vai lủng lẳng cái máy ảnh, vắn móm, vắn đôi mắt ốc nhồi ấy.

- Đúng là nó, anh Năm. - Tôi nói với Năm Bờ.

- Có nên giới thiệu ông ngay với nó không? - Anh gỡ kiếng mát, bỏ vào túi áo bà ba, hỏi tôi.

- Đừng, để xem nó có nhận ra tôi không?

Từ lúc nghe tin, anh cứ bồn khoăn. Với anh, đây là lần đầu tiếp xúc với một đối tượng khác, anh chưa có kinh nghiệm, cũng chưa quen. Anh không lường được câu chuyện sẽ xoay chuyển đến đâu, đối đáp ra sao. Ngay cả việc ăn mặc thế nào cho hợp với đối tượng, anh cũng lúng túng. Đeo súng hay không đeo súng? Một con mắt bị hỏng, mang kiếng hay không mang kiếng?

Giữa anh với tôi, trước cuộc tiếp xúc này, ngang nhiên tôi là người thông thạo. Một dạo về công tác ở đặc khu Sài Gòn, tôi có gặp gỡ với một số sinh viên, trí thức, cũng đã quen.

- Dù chính kiến có khác nhau, khi họ bước chân vào vùng giải phóng, trong lòng họ ít nhiều đều có thiện chí. Nếu là một kẻ xấu, vào với một động cơ xấu, họ cũng không dám ngang nhiên mà ngược lại: càng xấu càng rụt rè. - Tôi nói với anh kinh nghiệm của tôi.

Anh gật gù, nhưng vẫn bước tới bước lui, ngồi không yên.

- Máy tay nhà báo hay hỏi ngoắt ngoéo lắm! - Anh vẫn cứ lo. Thế nhưng, khi anh nhà báo Trần Hoài Sơn theo hai cô du kích bước vào sân, thì anh lại bật thiệp, chủ động, ngoài ý nghĩ của tôi. Anh bước tới bắt tay chào

hỏi, tự giới thiệu mình là người sẽ tiếp chuyện. Còn tôi, tôi lại bồn chồn xúc động trước cuộc gặp gỡ. Những đứa cùng một lứa tuổi, không kể những đứa chết hoặc hy sinh bên này hay bên kia, những đứa còn sống, dù có đi trăm ngả khác nhau, rồi cũng có lúc gặp lại nhau chỗ này, không hẹn trước. Sau cái bắt tay chào hỏi, thằng Hơn vẫn chưa nhận ra tôi.

Nó không thể ngờ, tôi lại càng thấy thú vị. Năm Bờ đưa nhà báo vào nhà, nhà ông Hai. Không phải nhà sàn mà nhà đất nền cao, bộ ngựa gỗ để tiếp khách là nắp hầm chống phi pháo. Nhà ông không phải là nhà bỏ hoang, sạch sẽ, tinh tươm, vẫn giữ được cách trang trí của một ngôi nhà kháng chiến.

Bàn thờ ông bà đặt giữa nhà. Khói hương tỏa ấm. Ảnh Bác Hồ trên cao, ở giữa nơi trang trọng nhứt. Dưới ảnh Bác, hai bên là bằng khen và huân chương được lồng kiếng, đóng khung. Dưới nữa là hình ảnh của bộ đội du kích chụp chung với gia đình.

- Thưa bác, bác cũng vừa mới về? - Nhà báo Trần Hoài Sơn chào hỏi chủ nhà.

- Không! Tôi ở đây từ ngày cha sanh mẹ đẻ tới giờ. Bà con vì hoàn cảnh bức bách phải đi, tôi không dám trách, nhưng còn về phần tôi, nói thiệt với cháu, nếu Mặt trận chỉ còn một cục đất bằng nắm tay thì tôi cũng “tàng hình” nhỏ bằng con kiến, tôi làm hang tôi ở, tôi không đi.

Ông Hai tuổi gần sáu mươi, không để râu, lúc nào cũng cạo sạch, tóc hót cao, nhỏ người, trông rất gọn, nổi tiếng là ông già vui tính. Chuyện gì đối với ông cũng có thể biến thành chuyện vui được.

- Mấy cháu uống nước.

Nhà báo Trần Hoài Sơn hãy còn tò mò, nhìn tấm huân chương lồng kiếng.

- Thưa bác, huân chương này là của ai vậy?

- Huân chương của con nhỏ tôi.

- Thưa bác, huân chương đây ghi là thưởng cho chị Trần Thị Mai,

chị Mai tức là Sáu Linh phải không? - Nhà báo Trần Hoài Sơn hỏi với giọng dè dặt.

- Con nhỏ tôi làm gì bằng cô Sáu.

- Chị Mai đi thoát ly hay là có gia đình, vừa nuôi con vừa công tác, hở bác?

- Chú hỏi thì tôi mới nói.

Tôi với Năm Bờ liếc nhìn nhau, không ngờ cuộc gặp gỡ lại mở đầu bằng chuyện của nhà ông Hai. Tánh của ông, nếu không ai hỏi thì không bao giờ ông nhắc tới, -chuyện của đứa con, - nhưng nếu có ai hỏi, dù có hỏi cho qua chuyện thì ông cũng không thể ghìm lại được.

- Con nhỏ của tôi, có một anh văn nghệ Khu định viết thành một vở tuồng. (Lần thứ nhất tôi nghe, cái đêm ông mang cá vồ đến mừng Năm Bờ, ông cũng mở đầu như vậy). Mới hơn hai mươi tuổi đầu mà đã góa hai đời chồng! Năm mười tám, tôi gả nó cho thằng Nhì, du kích xã. Hai đứa sống với nhau chưa đầy một năm, chưa kịp ra riêng, cũng chưa sanh đẻ gì thì chồng nó hy sinh.

Ông kể trong trận chống càn mùa mưa lũ, con rể ông một mình chống một chiếc xuồng với cây bá đở, bắn chìm hai chiếc tàu mủ của bọn Mỹ. Sau đó, một bầy trực thăng ba chiếc, bay thành hai tầng vây bắn anh. Anh thất thế, một mình một xuồng chơi voi giữa đồng nước, bọn giặc bắc loa gọi anh đầu hàng; anh đáp lại chúng bằng tiếng súng, chiến đấu đến viên đạn cuối cùng. Xuồng anh bị đạn trực thăng rã tan ra từng mảnh. Còn anh, anh ôm chặt lấy súng, chìm sâu xuống đáy nước - Ông ngồi xếp bằng trên bộ ngựa gỗ, một tay áp vào chén trà, nhìn anh nhà báo, rồi nhìn ra cửa nói tiếp:

- Tôi nói với con nhỏ tôi: “Chồng mày nó không chịu đi trên mặt đất nữa, nó rửa chân, nó muốn ngồi trên bàn. Thôi, mày lập bàn thờ, mày thờ nó đi, đốt đèn đốt nhang cho ấm nhà”. Sau đó mấy tháng, một đoàn y tế ở trên quận về. Thấy mặt mày nó sạch sẽ, tay chân nó mềm mại, cô bác sĩ mới

xin cho nó đi học nha y, làm nghề chữa răng. Nó muốn thoát ly, đi công tác cho khuây khỏa. Nó thành nghề. Trong quận này, ai cũng biết tên tuổi nó, người nào đau răng, cũng phải nhờ đến nó. Ba năm sau, đến ngày giỗ chồng, nó về thăm nhà, nó làm heo, nó mời anh em du kích với bà con hàng xóm. Trước khi đi nó xin tôi, xin gia đình bên chồng cho nó đi bước nữa. Nó hứa với anh bộ đội làm cán bộ trung đội. Thế mà...

Anh bộ đội, người con rể thứ hai của ông, chính là người chỉ huy một cánh quân đã bắt sống được xe tăng giặc. Anh có cách đánh riêng của anh, rất độc đáo. Anh ra lệnh cho chiến sĩ B.40, chỉ được bắn cháy chiếc xe đầu. Còn chiếc thứ hai, thì bắn trước mặt nó. Đúng như dự đoán của anh. Bọn ngồi trong hai chiếc xe sau thấy chiếc đi đầu bốc thành ngọn lửa xanh, cháy sụm như sáp, nó hoảng, thấy một đường lửa xẹt qua trước mặt, nó bỏ xe, nó nhảy. Cánh quân của anh vừa bắt được tù binh, vừa lấy được xe... Rồi trong một trận đánh trả lại bọn phản kích, anh để máu của mình thấm đậm trên đường phố.

Ông kể tiếp:

- Nó về đây, nó khóc với tôi, nói có người bảo là nó có số sát chồng. Tôi giận quá, tôi mắng: “Chồng của mày đưa thì bị trực thăng bắn, đưa thì chết vì pháo giặc, mày có cầm dao mày cắt cổ nó đâu mà sát chồng hả? Đồ mê tín dị đoan!”. Nó trở về quận, nó đưa đơn xin đi bộ đội. Trên không cho. Vì ở cái quận này chỉ có nó làm nghề chữa răng. Nghĩ thế nào, nó bỏ nó trốn. Có khổ không chứ? Trên mới chạy giấy cho khắp các trạm nói là nó tham ô một số tiền, trạm nào gặp phải bắt nó giữ lại. Chuyện đó tới tai tôi, tôi không tin, nhưng tôi nhục quá, không dám ló mặt nhìn bà con hàng xóm! Đường đất ở xứ này, nó đi ai mà bắt được, nó cần gì theo đường dây giao liên. Nó tìm được bộ đội của thằng chồng chưa cưới của nó. Anh em không bắt, không giải nó về quận, cũng không bắt giữ nó, thương tình là dâu bộ đội, anh em nuôi cơm, nhưng không dám nhận nó. May sao, nó gặp được chú

Năm, chú là người tỉnh phái về, chú chỉ huy vùng này, chú hiểu nó. Đây, có chú ngồi đây, tôi nói có chú làm chứng. Chú giới thiệu cho nó đi học trường quân sự ở Rờ. Chú phê bình đồng chí làm giấy gởi theo trạm giao liên. Sau đó tôi được thư của đồng chí ấy ở quận gởi về cho tôi, đồng chí nói là đồng chí muốn giữ con nhỏ tôi ở lại công tác. Không có nó, cán bộ bị đau răng phải giới thiệu lên tỉnh. Đồng chí xin cán bộ chữa răng mà trên chưa cho, cuối cùng đồng chí tự phê với tôi. Cái thơ đó bây giờ tôi còn giữ đây. Nhờ cái thơ đó mà tôi mới dám ra khỏi nhà, lui tới với bà con hàng xóm. Chuyện con nhỏ của tôi như vậy đó.

- Thưa bác, bây giờ chị Mai đang công tác ở đâu? -Nhà báo Trần Hoài Sơn hỏi giọng rụt rè, lễ phép.

- Nó, làm nữ pháo binh, lưu động rày đây mai đó! Mấy cháu uống, để nguội hết.

- Dạ. - Nhà báo Trần Hoài Sơn ngồi xếp bằng, đối diện với hai đứa tôi, nghe chuyện và thỉnh thoảng đưa mắt liếc nhìn Năm Bờ, có lẽ anh đã nhận ra dấu vết của sự hy sinh con mắt hồng của Năm Bờ. Sau câu chuyện của ông Hai như đưa anh đến gần với chúng tôi, về xúc động, hồi lâu, anh mới ngẩng lên, nói:

- Thưa bác với hai anh. Tôi vào đây thật đường đột, không xin phép trước hai anh, xin hai anh tha lỗi cho. Tôi không ngờ được đón tiếp như thế này, thân mật, ấm cúng và chuyện của bác Hai làm tôi hết sức cảm động. Tôi vào đây không có mục đích gì khác hơn là muốn tìm hiểu sự thật. Tôi là nhà báo. Không phải để viết, mà hiểu để cho tôi. Tôi đã trải qua nhiều chặng đường, tưởng đâu là mình hiểu mà mình đâu có hiểu. Tôi muốn hiểu vì sao các anh vẫn tồn tại. Tôi nhớ, từ năm một ngàn chín trăm năm mươi chín, hầu hết anh em kháng chiến đánh Tây còn ở lại đều bị bắt. Tôi có dịp đến thăm một vài nhà tù. Tôi nghĩ, các anh không còn gì nữa. Thì bất thành linh các anh lại nổi dậy. Là nhà báo, tôi hiểu vì sao Ngô Đình Diệm bị lật đổ. Chính là vì

cuộc nổi dậy ấy của các anh. Rồi đến quân Mỹ đổ quân, một đội quân vũ khí tối tân nhất, tự hào là chưa hề chiến bại qua lịch sử chiến tranh của thế giới. Cũng có lúc, tôi tưởng các anh bị đánh bật đi. Thế rồi đến Mậu Thân năm sáu mươi tám, hôm đó tôi đang ngủ. Tôi bỗng nghe tiếng bom nổ, tôi giật mình, nhảy xuống giường, còn nghe cửa kiếng đang rung. Nhìn xuống đường tôi thấy bộ đội các anh đang tiến trên đường phố. Chiến tranh đã đến tận con đường trước cửa nhà mình rồi sao? Tôi nằm mơ chẳng? Cánh cửa kiếng rạn nứt trả lời cho tôi. Tôi bàng hoàng. Tôi không hiểu, không thể hiểu. Tôi vào đây, chưa được gặp hai anh, thì tôi đã hiểu. Không ai trả lời cho câu hỏi của tôi mà chính cuộc sống trả lời cho tôi. Cuộc sống hùng hồn hơn tiếng nói. Tôi đứng nhìn bà con trở về xóm vườn cũ mà không cầm được nước mắt. Phía bên kia, họ có tất cả, tiền bạc, nhà cửa, xe cộ... nhiều vô kể, nhưng không có được một cử chỉ nhỏ như các anh. Họ dùng bom pháo không chỉ để giết người mà bắn phá cả vườn tược cây cỏ, còn các anh thì đi lượm từng trái xoài rụng cho nhân dân. Bà chủ xuống cho tôi quá giang, bước vào nhà, thấy cô du kích chỉ cho những chỗ để xoài. Xoài giú trong lu vừa mới chín, xoài già còn đang giú dưới lớp lá chuối khô, xoài non được gom thành một đồng riêng, bà khóc - “Vậy mà có lúc tao quên tụi mày!”, cảnh tượng này trả lời cho câu hỏi của tôi. Xin cảm ơn. Cảm ơn.

Anh dừng lại, hớp một hợp nước, để cái chén xuống, nhìn xuống mặt nước dăm dăm. Lần này, anh nói mà không nhìn chúng tôi:

- Tôi với đại úy Long, hai người có hai cuộc đời khác nhau, nhưng vốn là bạn. Chánh kiến có thể khác nhau, nhưng tình bạn không bao giờ quay mặt. Sáng nay, trước khi đi vào đây, tôi có nói với đại úy Long, tôi có giao hẹn trước, khi tôi về thì anh ấy không được quyền hỏi tôi một câu nào về mấy anh... Tôi đi vì mục đích của tôi. Và tôi cũng đã hứa với đại úy Long, tôi sẽ không cung cấp cho các anh một điều gì có hại cho Long. Đó là chuyện của đôi bên. Còn tôi, tôi là nhân chứng. Tôi hỏi thẳng: “Mày bằng lòng như vậy

không?”. Long gật đầu, tôi mới đi. Bây giờ hai anh cho phép tôi được giữ lời hứa.

Nhà báo Trần Hoài Sơn vẫn nhận thẳng Long là bạn nhưng không ngẩng mặt nhìn chúng tôi, nói xong, anh vẫn cúi nhìn chén nước.

- Chúng tôi rất cần biết, nếu anh nói, chúng tôi rất muốn nghe. - Năm Bờ nói - Nhưng chúng tôi không ý định hỏi anh. Chúng tôi chỉ có ý định là tạo điều kiện thuận lợi cho anh thăm vùng giải phóng, không chỉ ở đây, kể cả những chỗ khác rộng lớn hơn, nếu anh muốn.

- Cảm ơn! Cảm ơn! - Nhà báo Trần Hoài Sơn gật gù, nhưng vẫn chưa ngẩng mặt nhìn chúng tôi. Đôi mắt vẫn nhìn đáy chén đăm đăm, anh nói:

- Tôi chưa dám nghĩ đến một chuyến đi xa. Xin hẹn vào một dịp khác. Lát nữa, xin hai anh cho phép tôi được theo xuống của đồng bào chở xoài để trở về. Và sáng mai tôi lên đường trở về Sài Gòn.

- Ở lại dùng cơm trưa với chúng tôi rồi hãy về. Còn sớm, từ đây tới chiều, vẫn còn xuống trở về. - Ông Hai mời ông nhà báo.

- Cháu xin nhận, cháu xin ăn một bữa cơm với bác, với hai anh, trong vùng giải phóng.

- Út a, Út! - Ông Hai bước xuống bộ ngựa, xoay mặt nhìn ra sau bếp gọi con.

- Dạ... ạ.

- Mày ra ao, xúc hai con cá vô, nghe hôn?

- Dạ... ạ.

Bên ngoài, một cơn gió thổi qua. Một trái xoài chín rụng đánh bẹp xuống sân. Ông Hai nhìn ra, nghĩ gì, ông cười lớn:

- Mấy hôm nay, tôi đi lo lượm xoài cho hàng xóm, không để ý tới cây xoài trước cửa nhà mình. Khi nó đã chín, không hái nó cũng rụng. Mấy cháu uống nước, bác chạy xuống bếp một chút.

- Thưa bác - Anh nhà báo Trần Hoài Sơn nói - Hai anh thì cháu

chưa dám, nhưng riêng phần bác, cháu muốn xin bác một tấm hình, kỷ niệm.

- Ô! Tưởng gì, cái đó thì được. Cháu xem, bác đứng chỗ nào coi cho được nà?

- Xin lỗi hai anh, mời bác ra sân, mời bác đứng trước cửa.

Ông Hai đứng trước cửa nhà, ngoài mái hiên, mặt hướng về ánh mặt trời, ông gài lại nút cổ, rồi đưa tay vuốt lại mái tóc. Nhà báo Trần Hoài Sơn mở máy, máy kê vào một bên mắt, cúi lom khom bước lên phía trước rồi lại lùi ra sau. Tách một cái.

- Xong! Xin bác cái nữa cho chắc. - Cái máy lại đánh tách một cái.

- Cám ơn bác!

Anh cười. Anh nhìn chúng tôi, không xa lạ nữa. Cả ba người đứng giữa sân. Đang lúc trò chuyện thoải mái về mùa màng, về cây cỏ, tôi vỗ vai anh:

- Hơ! Không nhận ra mình sao? - Lúc đó, tôi nghĩ gọi tên và xưng mình là tiện nhất.

Nghe gọi đúng tên cúng cơm, nhà báo Trần Hoài Sơn khẽ giật mình, hai con mắt ốc nhồi mở to, anh nhìn tôi, cái môi dưới trề ra, run run.

- Trời ơi! Thắng! Thắng phải không?

- Chú Năm có khỏe không? - Tôi hỏi lại.

- Đúng! Đúng rồi! Thắng. Con của chú Hai hót tóc. Có ngờ đâu, có ngờ đâu! - Hơ xúc động đến cuống lên - Bao nhiêu năm rồi? Bao nhiêu năm rồi?

- Hai mươi năm có hơn!

- Lúc tôi ở Sài Gòn về, tôi hỏi thì nghe Thắng đi Vệ quốc đoàn. Biền biệt! Mình có lỗi, nãy giờ không nhận ra. - Anh xoay qua Năm Bờ - Thưa anh, đây là bạn cùng phố, mà cũng là bạn học của tôi, trường quận.

- Bây giờ hai anh vào nhà nói chuyện chơi, còn tôi, tôi xin phép đi thăm bà con. - Ý của Năm Bờ muốn để tôi tiếp anh nhà báo. Anh đi rồi, hai

đưa tôi vào nhà. Tôi hỏi đùa nhà báo Trần Hoài Sơn:

- Hơn bây giờ làm nhà báo. Hơn vào đây để tìm hiểu. Còn tôi, nếu tôi cũng là nhà báo, và nếu tôi muốn ra ngoài đó cũng để tìm hiểu như Hơn, thì liệu tôi có được an toàn, được giúp đỡ không.

Nhà báo Trần Hoài Sơn cười:

- Minh hiểu câu hỏi của Thắng. Với tư cách cá nhân, tôi có thể giúp Thắng, nếu Thắng muốn. Chuyện đó không dễ, cũng không khó.

Trong lúc tôi với Hơn ngồi ôn lại chuyện cũ thời thơ ấu, thì bên ngoài, vì thương những đứa nhỏ trong ấp chiến lược mới trở về, trời nổi một cơn dông. Tôi và Hơn thời thơ ấu cũng như những đứa nhỏ ở đây, ở những làng xoài, hễ nghe ngọn gió của cơn dông lao xao thổi tới, dù có làm gì, cũng buông ra, đổ ra đường, kêu réo nhau chạy về các vườn xoài, giành nhau từng trái. Giành được một trái xoài trong tay - chẳng đáng giá là bao nhưng sướng vô cùng. Cầm trái xoài, quẹt vào ống quần cho sạch mủ đưa miệng cắn làm đôi, nhai rào rào, vừa nhai vừa nhắm mắt. “Độp” đâu đó một trái vừa rụng xuống, thế là cả lũ lại ủa tới chen lấn, đứa này chụp lên tay đứa kia, có đứa vừa nắm được, không kịp quẹt vào ống quần cho sạch mủ, cứ thế mà đưa lên nhai luôn. Dông không thổi tới thì mỗi

đứa một gốc, ngửa cổ lên nhìn, chu miệng huýt gió gọi cơn dông.

Mấy chị gái ở nhà chờ mấy thằng em đi lượm xoài trở về, làm sẵn một tô nước mắm đường. Xoài chấm nước mắm đường, vừa chua, vừa mặn, vừa ngọt là món các chị gái ưa nhất.

Nếu dông không thổi tan những đám mây đen ngệt thì trời đổ mưa. Thật sướng, lũ nhỏ của hai đứa tôi lúc đó, cũng như lũ nhỏ bây giờ; lấy lá chuối bó thành trái banh, đá dưới mưa. Mưa tạnh, lạnh run cầm cập, vẫn thấy chưa thỏa lại nhào xuống sông lặn hụp đuổi bắt nhau cho đến lúc có cha mẹ cầm một cây roi đứng trên bến hò hét mới chịu lên.

Bên ngoài trời đổ mưa. Chúng tôi trò chuyện và nghe tiếng reo của

lũ nhỏ.

- Ba tôi sau này bị sạt nghiệp - Hơn nhìn mưa nói - vì cái tính kiêu căng. Khoảng năm một nghìn chín trăm bốn mươi chín, ba tôi lại mở một lò thợ bạc. Làm thợ bạc dòm đâu cũng thấy vàng. Mỗi sáng quét nhà, rác cũng phải đổ vào một chỗ, để đó, trước sau gì cũng có người tới hỏi mua. Cái chậu nước rửa tay của thợ gọi là con heo, cũng bán được. Giấy nhám với giấy vải dùng để đánh bóng, cũng bán được. Ba tôi muốn làm giàu, nhưng lại không biết nghề. Ba tôi mới hùn với một ông thợ bạc già, mở lò, có hơn mười tay thợ. Đã làm chủ lò thì phải mua vàng. Anh biết, người mua vàng nào cũng vậy, trong tay phải có một cái chìa khóa. Trên đầu khóa có cục vàng nho nhỏ, từ vàng sáu vàng bảy cho đến vàng mười. Khi nhận hàng của khách đem bán, người mua phải cọ cái món hàng đó vào một cục đá xanh, rồi lại cọ vàng trên chìa khóa của mình, sau đó bôi axít lên. Hai thứ vàng cùng hiện lên, nhìn theo đó mà so sánh. Vàng giả đựng phải a xít, nó sôi lên ngả màu đen. Thông thường, người ta xem vàng, người ta chỉ nói vàng này là vàng tám, vàng chín hoặc vàng mười. Ít có ai dám nói vàng này là vàng tám rưỡi, hay chín rưỡi, lại càng không dám nói là vàng tám hai hay tám tư. Nhận ra được mặt vàng tinh vi như vậy, phải là tay sành lâu đời. Ba mình biết gì, thế mà, mỗi lần coi vàng là ông cứ oang oang nào là vàng tám ba, vàng tám rưỡi... Dân thợ họ ghét. Họ chơi xỏ. Họ đổi mất chai a xít đặt trên bàn cạnh bên cây cân tiểu ly. Thế là họ cho người của họ đem vàng giả đến, họ bán. Vàng giả gặp a xít giả nó không sôi màu đen. Họ bán rẻ. Ba mình ham, cứ đổ tiền ra mua. Đến lúc dồn lại đem đi nấu mới té ngựa ra! Mình phải thôi học. Nếu không, mình còn đi học xa. Tôi ít khi trở về làng cho nên không có dịp gặp chú Hai. Làng mình với tôi bây giờ buồn lắm. Nói cho cùng, trên trái đất, với tôi, chẳng có chỗ nào vui!

Tôi chớm hiểu anh qua câu cuối cùng ấy. Con người chưa tìm được lý tưởng, chưa thể tìm được niềm vui. Tôi thấy thương anh.

Bên ngoài mưa to. Trời đã vào mùa mưa rồi.

Giây phút im lặng, hai người nhìn bụi mưa bay mờ trắng.

Trên giữa mái hiên nhà ông Hai, có một cái đuôi lá buông thông dẫn theo một dòng mưa. Từng đợt động trên đuôi lá rơi xuống, đánh tách một cái, tự mình bắn tan ra. Hơn cúi nhìn những giọt mưa ấy, một vũng ướn nhỏ tròn tia nước - Từng giọt nối nhau, rơi xuống, tách... tách... đều đều..

CHƯƠNG 19

Cơm chiều của mọi người đã xong xuôi. Đến lúc trời tối hẳn, người đi trên đường sẽ dễ chạm sát với bọn thám báo, lính tuần hoặc bọn phòng vệ dân sự, phiền phức và tai vạ không biết đâu mà lường. Nhà chưa đổ đèn, trời đang chạng vạng, được một lúc thanh thoi, người ta đổ ra đường đi dọc theo bên sông, cho đỡ cuồn chân và gặp nhau. Hôm nay, người ra đường, ra bên sông đông hơn mọi hôm. Người ta muốn gặp người đã trở về thăm xóm vườn cũ hỏi han đôi câu. Gặp nhau giữa “thanh thiên bạch nhật” trước mặt mọi người, tiện hơn gặp nhau trong nhà, kẻ đi ngoài dòm thấy chẳng biết nói với nhau những gì.

Bà Chín chẳng đi đâu. Riêng bà, là mụ vườn lại biết dăm ba toa thuốc gia truyền, bà đến nhà ai, lúc nào mà chẳng được. Bà ngồi trước cửa, dưới hiên trên sàn nhà nhìn ra bãi sông giữa dòng sông, bồm bẻm nhai trầu.

Dưới bến, Mười phòng vệ dân sự đã tắm xong, còn đang ngồi vò quần áo. Hôm nay, Mười đi bắn ngoài bãi với bọn lính, về muộn. Cái bến tắm ấy cách nhà bà một cái sân, con đường đá và bãi đất bỏ hoang - vốn là dãy nhà bị đốt cháy từ lâu, những người chủ ấy đã bỏ đi, trẻ con hàng xóm lấy đó làm sân đá bóng.

Sự chạm mặt với Mười phòng vệ dân sự đêm ấy vẫn còn đeo đẳng trong ý nghĩ của bà, khiến bà cứ ngồi nhìn từ lúc cô bắt đầu tắm. Giặt giữ xong, tóc bới cao, Mười phòng vệ dân sự một tay cầm bộ quần áo ướt vắt cuộn lại, đi lên. Con đường dẫn cô về nhà vắt dài theo hàng rào bông bụt bên cạnh nhà. Qua khỏi đường đá, Mười lại không theo con đường cũ mà rẽ vào sân. Bà tưởng Mười sẽ đi tắt qua sân nhà của bà như một đôi lần. Bà không để ý. Nói là không để ý nhưng bà cứ nhìn theo.

Mười bước lên thang, rồi đứng sững trước mặt bà:

- Di Chín, di cho cháu nói chuyện với chị Sáu Linh.
- Con Sáu đang nằm trong buồng. Cháu vô đi!

Sau này kể lại, bà nói với chúng tôi, lúc đó đáng lẽ bà phải giật mình, phải hoảng hốt, ít nhút thì cũng lúng túng; thế mà bà đã trả lời như vậy, không hiểu vì sao! Cái gì phải đến thì nó đến - Đã mấy hôm, bà luôn nghĩ đến trăm ngàn cách để đối phó, thế mà lúc đó trong lòng bà không bợn một chút nghi ngờ! Sao vậy? Có lẽ bà đã kịp nhìn thấy đôi mắt đỏ hoe của Mười muốn khóc từ dưới bên nước kia, và đã nhìn thấy cái gì nữa, trước đây? Bà hiểu Mười qua cuộc đời của bà. Những ngày đen tối, bà cũng đã giả thành một người khác, khoác cho mình một cái vỏ để che mắt quân thù. Người trong làng, nhút là lúa tuổi mới lớn, lâu ngày không gặp, khi gặp lại thì nó đã khác xa: một đứa hư hỏng. Muốn trở thành một đứa hư hỏng đâu có khó nhưng cũng không phải vì dễ dàng mà ai cũng thôi cũng hư. Mười không thể hư đến nỗi như nó bày ra trước mắt mọi người. Cũng như bà trước đây và ngay cả bây giờ - bây giờ ngày nào mà bà không đến nhà thằng Long như người thân. Mười đang khoác cho mình một cái vỏ, ở cái dạng khác, trong con mắt bà thì chưa thật khéo. Cho nên, khi Mười đứng trước mặt bà, hỏi bà muốn gặp Sáu Linh thì bà đáp lại như vậy, tự nhiên như đã hẹn trước và tự này giờ bà ngồi đó để chờ.

Mười cũng tự nhiên như bà, cô bước thẳng vào:

- Chị Sáu!

Sáu đang nằm trong buồng, sát vách, giật mình choàng dậy, và ngay lúc giật mình, Sáu cũng nhận ra con người thật của Mười đang đứng trước mặt mình, cạnh bên giường của Sáu. Mười đứng lặng, nghẹn không nói được, hai hàng nước mắt cứ chảy tuôn xuống.

- Chị có nghe tin gì của anh Phải em không, chị Sáu?

Mỗi tình đầu không ai phản bội ai, gia đình không

ngăn trở, thì sao có thể quên nhau? Đêm ấy, đêm mùa nước, Mười chống xuống qua cánh đồng đưa Phải đi tòng quân. Đến lúc chia tay dưới bờ cây trâm bầu; Phải ôm choàng lấy cô. Cô rùng mình quay mặt đi. Sao lúc ấy mình lại quay mặt? Có ai đâu mà ngượng! Tại ông trăng sáng quá! Anh ấy không được hôn mình, cái hôn đầu, trước khi đi. Những lúc ngồi đứng một mình, tự nhiên cô quay mặt lại cho Phải. Giật mình, cô ngượng, má bên trái còn nóng ran cái hơi thở của người yêu, rồi thẫn thờ! Nếu anh ấy có bề gì... anh ấy cũng chưa kịp hôn mình. Ý nghĩ ấy như cái gai ần trong trái tim cô, lúc lúc lại nhói đau! Mười muốn nói với Sáu chuyện khác, cần kíp, nhưng câu hỏi ấy lại bật ra, không kìm được.

- Hơn nửa năm nay chị không gặp, em ngồi xuống đây, - Sáu nói với cái thể của một người chị và thành thật - nhưng chị vẫn nghe tin. Phải đang luyện quân.

- Chị có tin em không, chị Sáu?

Mười vẫn đứng bên mép giường, vẫn cầm bộ quần áo ướt vắt cuộn trên tay, đưa một cánh tay quệt nước mắt.

- Đêm gặp em, chị thấy em dòm vào mặt chị ba lần. Ba hôm nay chị vẫn ở đây, chị đang tìm cách gặp em, nhưng chưa biết làm cách nào. Em ngồi xuống đây.

- Em phải về. Em tìm chị để nói, ngày mai bọn nó sẽ mở một cuộc hành quân cảnh sát. Nhà nào cũng xét. Chị qua nhà em bảo đảm hơn. Còn chuyện của em dài lắm. Hôm nào em sẽ nói với chị. Bây giờ em phải về.

Tối hôm ấy, bà Chín đi trước, cô con gái đi sau, bà sang chơi nhà của Mười.

Đúng như Mười đã báo tin, sáng sớm hôm sau, có lệnh xét nhà, lệnh xuất phát từ sự nhận định của an ninh. Đã có một bàn tay nào đó trở về xốc dậy phong trào. Do đó mà xảy ra vụ đấu tranh - hàng trăm người tụ tập trước cửa nhà việc đòi trở về thăm xóm vườn cũ. Cánh cửa của ấp chiến lược

đã bị mở toang, không tránh khỏi sự đột nhập của đối phương.

Tờ mờ sáng, cảnh sát, lính, phòng vệ dân sự đã đứng giăng trên các ngã đường, trước sân của mỗi nhà. Nhà nào cũng bị lục xét, không loại trừ một nhà nào. Nhà đại úy Long, nhà đại diện Phiến, nhà cảnh sát Bá cũng phải mở toang cửa; có điều những nhà ấy bị xét một cách lịch sự hơn, và không bị mất đồ. Nhà của Mươi cũng được liệt vào loại nhà xét có lịch sự, qua loa.

Nhà của bà Chín, dù bà có tới lui nhà đại úy Long như người thân, dù được mọi người trọng nể, yêu mến, nhưng một cái lu - không thể chứa được một người cũng phải mở nắp ra cho bọn nó chúm mặt vào. Bọn nó xét kỹ đến nỗi, một cái lu, nhìn vào chẳng thấy gì, cũng vẫn chưa tin, nó thọc cả nòng súng vào, nguẩy đi nguẩy lại mấy vòng mới chịu thôi.

- Thấy con Mươi, một vai đeo súng, một tay nó giở mũ, ngay cái chỗ của con Sáu nằm, thương nó đứt ruột đứt gan - Bà kể lại như vậy.

Nhà của Mươi là nhà sàn, nhưng cái bếp là nhà đất. Mươi đào sẵn cái hầm bí mật ở cái chỗ bất ngờ, không ai để ý, nếu có lấy xông hồng mà xôm cũng không phát hiện được.

Đêm ấy, Mươi đưa Sáu vào buồng, hai chị em cùng một cái mền, thủ thủ với nhau... Mùa mưa năm sáu mươi tám, một đoàn binh định theo chân bọn sư đoàn thủy quân lục chiến về làng, chập xóm, chập nhà. Thằng chỉ huy binh định nói tiếng vùng ngoài trọ trọ, tuổi hơn bốn mươi, tóc hoa râm mũi gãy, nó có một điều đặc biệt mà Mươi không thể quên được. Hông của nó một bên đeo súng, còn một bên thì đeo một cái gì nữa, cũng giống giống như cây súng ngắn, nhưng cái nòng dài hơn, cái họng to hơn, được bao trong một lớp vải đen. Lúc đầu, Mươi tưởng đó là súng bắn hỏa châu. Đến lúc nó ngồi bệt xuống sàn, cầm lấy cây súng “bắn hỏa châu” ấy, trật cái bao vải ra, thì cô mới biết: cái điều cày! Đám cùng bọn gọi nó là thằng Zít cắn. Có một lần, cái điều cày ấy, nó bỏ lăn lóc. Nửa đêm có một con rít chui vào, con rít chui vào hay trẻ con của chủ ghét nó bỏ con rít vào đó chẳng ai biết. Sáng

sớm, mắt mở mắt nhắm, nó cầm lấy cái điều, tra thuốc, kê lên miệng, vừa châm lửa, mắt lim dim chưa kịp hút, nó té ngửa, liệng cái điều cày, la oai oái. Một con rít đang kẹp vào cái môi trên nó, nhùng nhằng trước cửa miệng. Nó vừa la vừa đưa hai tay phủi lia lịa. - “Giời ơi, con rít nó cắn tôi, tiên nhân cha nó”. Từ đó, nó được đặt cho cái tên là thằng Zít cắn, và cũng từ đó, nó lấy vải bọc cái điều cày, lúc nào cũng lủng lẳng bên hông.

Nghe cô cười, nhìn lại, nó không hỏi “sao cô cười” mà lại hỏi:

- Cô để tang cho ai đấy?
- Tía tôi.
- Ông cụ khuất núi vì cái gì ạ?
- Bị lạc đạn.
- Đạn của ai ạ?
- Tôi không biết.

Nó rót một chén trà đổ vào điều, châm lửa rít ro ro. Nó há mồm, nhả khói, hai con mắt lim dim, lèm nhèm:

- Đạn bắn từ phía nào ạ?
- Từ sau vườn.
- Thế mà cô không đoán đạn của ai kia à?

- Ở nhà thương người ta mổ ra, người ta đưa cho tôi một đầu đạn AK, cần gì phải đoán.

- Thật ư? - Nó mở tròn hai con mắt, nhìn Mười một hồi lâu: - Này, tôi bảo, cô có dám cầm súng trả thù cho ông cụ không?

- Tôi là đàn bà con gái!

- Cô đi đâu, đứng lại đây, tôi nói tiếp, tôi không bảo cô đi lính, tôi muốn khuyên cô cầm súng canh giữ xóm làng làm phòng vệ dân sự.

- Các ông giao thì tôi lãnh - Mười định nói cho qua chuyện. Không ngờ, qua mấy hôm sau, tên tuổi của Mười được ghi vào danh sách của phòng vệ dân sự. Thế là Mười bị gọi ra bãi, cùng một số dân xóm - những đứa con

traị được cha mẹ chạy tiền khỏi đi lính, tập một hai. Ngày lễ trao súng canh giữ xóm làng, bước ra khỏi hàng, nhìn cây súng nằm trên hai cánh tay mình, Mười thầm nghĩ: cũng hay! Cây súng này, mình sẽ canh gác cho các anh. Cô thề với cây súng, trước mắt bọn chúng nó. Khi cô ngược nhìn lên, cô thấy có một đôi mắt đang nhìn mình, nham hiểm, soi mói; đôi mắt của thằng Minh. Nó mặc bộ quần áo cảnh sát, ngồi trên hàng ghế của bọn đến dự lễ. Còn thằng Zít cắn, trước khi rời khỏi cái vùng bình định này, nó được thưởng một số tiền có thể mua một cái đồng hồ Titoni cho vợ vì đã có công “tuyên truyền giác ngộ một cô thôn nữ cầm súng đứng lên chống Việt cộng”. Nó nhìn cô, nó cười, nó gật đầu chào cảm ơn.

Sau đó, bọn nó mời từng người lên phòng cảnh sát, tiếp chuyện với bọn an ninh. Mỗi người lại nhận thêm một nhiệm vụ: kiểm soát lẫn nhau. Trước đó, Mười nghĩ,

đội phòng vệ dân sự vốn là bạn hàng xóm, có gì sẽ bảo nhau. Bây giờ, không ai biết ai là người của bọn an ninh, đứa này ngờ cho đứa kia. Tự nhiên có đứa bị tước súng, bị tổng giam vì tội “cầm súng quốc gia phụng thờ Cộng sản!”. Lại càng ngờ nhau. Cũng từ đó thằng Minh cứ lui tới nhà cô, nó ve vãn nhưng lại nhìn bằng con mắt soi mói, cái nhìn khiến cho cô chột dạ. Nhìn cái bộ mặt tai tái với đôi môi chì của nó, cô ốm quá. Cô chống chế lại nó bằng những cử chỉ lơ lửng như một cô gái đánh đá, bất cần. Nếu cần hút thuốc, cô cũng thở khói ra lỗ mũi như ai, lúc đầu bị sặc, sau rồi cũng quen, cần uống rượu, cô sẽ cạn một ly đầy, cho xem.

Gần hai năm - từ ngày cầm cây súng của phòng vệ dân sự, chưa giúp được gì cho anh em, cũng chưa làm gì được bọn nó, mà mình thì đã khác xa. Xa lạ với hàng xóm, xa lạ với cả người thân. Hay là mình đã hư hỏng rồi như người bị nhiễm độc mà mình chưa biết?

- Má ơi, làm sao bây giờ má? - Nhiều lúc Mười phải cầu cứu đến mẹ. Mười định phá cái lưới của nó, thế mà bây giờ cái lưới đã giăng ra, vây

chặt lấy cô. Không phá được nó, cô muốn chui ra thoát khỏi nó. Cô muốn ôm cây súng của nó, trôn vào trong, theo anh chị em du kích. Nhưng nghĩ đến mẹ, mấy đứa em còn ở lại sẽ liên lụy, cô không đành.

Được mẹ giúp sức, cô lại vững vàng. Cần phải có một người nữa hiểu cô: Phải! Nhưng biết làm cách nào nhắn với anh ấy một lời: “Viên đạn có thể bị lạc, còn em thì làm sao đi lạc được, hờ anh?” - Đêm nào cô cũng nói câu ấy với người yêu trong mơ.

- Cái đêm đi ngang qua mặt chị, em hơi ngờ. Em bỏ đi, em rình. Em thấy con Mực nhà chị Nở không sửa chị. Tự nhiên em tủi quá. Con Mực nó còn nhận ra chị, nó

không sửa, còn em... Em đi ngang qua chị lần thứ hai. Em mừng quá. Em muốn chạy lại chị ngay. Nhưng không biết làm cách nào. Nếu chị mà không tin em thì em chỉ còn có nước chết!

Đêm ấy, không phải cô đã cứu Sáu ra khỏi tay giặc mà chính cô, cô được Sáu kéo ra khỏi vòng vây. Mừng quá, vui quá, cô kể lại với Sáu tất cả, từng đoạn không đầu, không đuôi:

- Em không lường hết. Phức tạp quá! Em chưa đủ bản lĩnh. Em chưa bằng dì Chín. Bây giờ thì em không sợ gì nữa rồi... Chị chết em chết, chị sống em sống! Miễn sao anh Phải hiểu là được... Ồ, phải bình tĩnh. Chị nói đúng, làm quá nó cũng nghi. Có gì chị biểu em. Mọi lần, không biết hỏi ai, em chỉ biết hỏi má em... Mà làm sao được mà làm. Phải nhẫn nhục, trước sau gì mấy anh cũng trở về. Má em nói vậy mà đúng... Anh Năm về rồi hả chị. Chị với anh làm đám cưới đi. Nhưng mà khoan, chị làm bây giờ, em không dự được... Con Bé Ba, con Thanh, con Thơi, anh Út, anh Châu, chửi em dữ lắm phải không chị! Được, cứ chửi cho đã đi... Em hỏi má em, má cho con xin ba cây dừa bên vườn nghe má. Chi vậy? Con tập bắn. Mà làm sao được thì mà làm. Hôm nào thằng Minh với tụi nó tụ tập lại đây, em cũng bắn cho nó coi. Trái dừa là cái đầu, cuống dừa là cái cần cổ nhỏ xíu. Em đưa

súng lên, nè thằng Minh, “đùng”, đứt mất cái cuống, rơi một cái tùm. Nè thằng Bá, nè thằng Long, nè thằng Phiến, nè thằng Nitxon, nè thằng Thiệu... ba cây dừa, trái rụng hết trơn. Bắn cho nó biết mặt. Anh Phải ơi! Anh với em, coi ai bắn giỏi hơn ai! “Đùng”! Rơi cái tùm...

Cứ như vậy, chuyện này đến chuyện khác, bao nhiêu ngày, bao nhiêu tháng, không nói được với ai, đêm ấy, -Mười nói chuyện huyền thuyên, vui như đứa trẻ... Anh

Năm về đây được chớ chị. Cứ nói với anh, về đi. Em sẽ nhường cái giường này cho chị với anh, hai người... Ui, ui... - Mười bị Sáu véo một véo vào vế non, đau điếng.

CHƯƠNG 20

Chúng tôi choàng ni lông đứng bên bờ con rạch nhỏ chia hai vùng, nhìn vào bóng tối của đêm ngoài rặng cây - áp chiến lược, chờ một ánh đèn.

Bọn nó chẳng biết gì, cứ bắn pháo như mọi đêm.

Vẫn mưa - Mưa ngày mưa đêm. Xoài đâm lá non. Cây cỏ xanh tươi, mươn mướt màu xanh. Mưa đến thúì đất. Đã đến mùa lờ nước lờ khô. Đất dậy mùi bùn. Nước chưa lên đầy để đi xuống, đường sá thì lầy lội. Bộ binh với xe tăng không thể càn lên một bãi lầy. Ngày thì máy bay, đêm thì pháo. Trên các ngã đường chỉ còn có bước chân người du kích. Một bước đi qua, mưa lại xối xuống nhòe mất dấu. Út Đợi cùng với đội du kích - cánh con trai đã vượt qua con rạch từ lúc trời vừa sụp đổ mưa, đang dọn đường.

Bóng tối của chi khu như thon thót giật mình, chớp lóe, pháo lại hú qua đầu chúng tôi bay vào bên trong, nổ sau lưng chúng tôi hăng mấy cây số.

Mưa. Là giọt nước mà như những hột đậu bắn vào ni lông dầm dộp, giòn khô. Lạnh run, rãng đánh cảm cập, không ai nói với ai một lời.

- Có đèn rồi!

Sau cái đêm nằm chung giường với Mười, Sáu bị cảm lạnh vì suốt ngày phải ngồi dưới căn hầm ngập nước. Sáu phải trở về nghỉ ngơi lấy sức. Cô đã trở ra ngoài ấy ba hôm, vẫn theo con đường cũ, cái khăn trùm qua đầu kín mặt, đạp xe đèo bà Chín đi thăm thai bà con nghèo xóm nhà chị Bảy Thá. Và đêm nay, thì đến lượt của Năm Bờ.

Trước mắt chúng tôi, trong đêm tối, vừa bật lên một ánh đèn xanh.

- Mình đi nhá! - Năm Bờ bắt tay tôi.

- Tụi em đi nhá! - Tiếng của các cô gái, của Bé Ba, của Thon, Thả.

Họ đi. Họ vừa bước xuống ruộng, đã hòa trong bóng tối, chỉ còn

nghe tiếng dế, tiếng mưa như hạt đậu bắn vào ni lông choàng của mỗi người, đồm độp, giòn khô.

Tôi đứng lại một mình. Đêm mưa, trời đất một màu đen. Nhìn cái ánh đèn xanh ấy, tôi bỗng nhớ đến câu nói của Năm Bờ: “...Đàn bà con gái như sao trên trời. Đêm càng tối, sao càng sáng”. Đúng vậy! Và bầu trời không thể chỉ có một vì sao. Đã có Sáu Linh, có bà Chín, bây giờ lại có thêm Mười, và ai nữa? Trong cuộc đấu tranh, có những con người bật lên, sáng rực, không ai lường trước được. Nếu đêm nay là một đêm sao, sao có chi chít đầy trời, những con đường dưới mặt đất dù có được soi sáng, cũng không thể có được một chuyển đi như đêm nay. Chuyển đi này, đêm nay phải nhìn theo ngọn đèn xanh ấy, ngọn đèn của Mười, như con mắt thần. Chỗ đứng của cô, cái lưới kềm kẹp của quân thù đã bị phá vỡ, một mảng to.

Tiếng chân, tiếng mưa quất đồm độp lên ni lông choàng của Năm Bờ, của các cô du kích đã xa, chìm mất trong tiếng ầm ào của cơn mưa. Tôi chợt nhớ đến một trận đánh của một người chỉ huy trẻ, tôi có dịp làm quen. Anh là cán bộ trung đoàn, tuổi mới hơn ba mươi. Trong trận càn “Giôn-xơn Xy-ti” của quân Mỹ mùa khô năm sáu mươi bảy (1967) tăng của quân Mỹ không chạy băng qua rừng, mà theo dưới bụng chiếc trực thăng càn cẩu, đổ xuống. Một cụm tăng, một cánh quân Mỹ nằm trong vòng vây của đơn vị anh. Thế mà sáng sớm, rừng còn hơi sương, một chiếc Đakôta màu trắng bay ngang qua đầu anh, bay vòng theo cánh quân của anh, nó bắt loa, nó gọi đúng phiên hiệu của trung đoàn, gọi đúng cả tên anh, người chỉ huy. Nó nói rằng đơn vị của anh đang bị kẹt giữa vòng vây! Nó gọi đúng tên anh, và kêu gọi chiến sĩ của anh hãy buông súng. Chiếc Đakôta lại rè rè và từ trên không kêu vọng xuống: “...Chiêu hồi... hay... tử thần”. Mình đang vây nó mà nó bảo nó đang vây mình. Được! Một quyết định táo bạo, anh ra lệnh cho đơn vị cắt rừng, lạng lẽ chui vào ruột bọng nó. Tên chỉ huy ra lệnh cho tên chiêu hồi tiếp tục đòn tâm lý chiến, nhưng nó thì nó hiểu, nó đang nằm gọn trong vòng vây.

Theo lệnh nó, khi tăng bắt đầu chuyển xích, súng bắt đầu nổ, thì bắt thần, tiếng súng từ bên trong đánh thốc ra. Tăng không kịp quay đầu, lính không kịp trở tay. Nó như một cái vỏ bi nổ từ bên trong vỡ tan... Còn cái chiếc Đakôta “phao tin đồn nhảm” ấy, súng từ dưới đất bắn lên nó không phải là tiếng súng nhỏ của du kích. Cái lườn của nó hứng cả một loạt 13 ly 2, lãnh đủ, không chừa một viên. Tôi có dịp qua chiến trường ấy, một lần, còn thấy xác xe tăng. Nhìn kỹ, tôi thấy những cái xác tăng bị cháy bẹp từ phía sau... như con rùa sắt bị vạt đứt, quỳ hai chân sau, cái đầu ngóc lên, bất động.

Trận đánh táo bạo của người chỉ huy trẻ ấy với cuộc chiến đấu của Năm Bờ đêm nay, chẳng có gì giống nhau, khác xa. Không hiểu sao lúc đó tôi lại nhớ. Đêm nay, Năm Bờ sẽ vào áp chiến lược, sống lẫn lút, gây dựng lại từng cơ sở, chuẩn bị cho một ngày nổi dậy, người dân từ trong ấy sẽ phá ra... Không gọn, không nhanh như một trận đánh. Không phải đêm nay, không phải ngày mai, cũng không phải ngày kia; theo sự tính toán của anh, phải sau mùa nước và phải đến mùa gió chướng. Cái áp chiến lược này cũng sẽ như cái vỏ, bị nổ từ bên trong, sẽ vỡ tan.

Vẫn có cái gì giống nhau, chớ chẳng phải không. Tôi vẫn đứng đó, dầm mình trong cơn mưa, nhìn ngọn đèn xanh của Mười, nghĩ miên man. Đến lúc ngọn đèn ấy tắt, báo yên, tôi mới quay lại vụng gác, dưới lùm xoài. Tôi đốt ngọn đèn chai xem đồng hồ, đã gần một giờ khuya. Tôi nằm lắc võng hút thuốc, nghĩ lung. Mưa vẫn đồm độp trên mái tăng.

Tôi với Năm Bờ, hai anh em từ trên Rờ cùng về, đêm nay anh đã vào áp chiến lược, sẽ được việc chớ không đến nỗi, “không ra cơm cháo gì” như anh nói. Còn tôi, tôi vẫn nằm gi ở đây, chưa làm được việc gì, như người thừa. Ngủ không được, nằm không yên. Tôi bật dậy, đi nấu cháo. Mưa lạnh thế này, anh chị em trở về, có một nồi cháo cá bốc hơi, còn gì bằng.

Cái bếp dã chiến của Út Đợ nằm ngoài mưa, lạnh ngắt lạnh tanh. Tro chảy theo nước trôi mất, chỉ còn ba ông táo như ba con ếch bà ngồi tro

trơ. Nhưng có gì phải nản chí? Sao bằng con đường Trường Sơn?

- Miền Nam ơi miền Nam...

Tôi dờn ba ông táo vào trong tầng, cạnh bên vũng, vừa làm vừa hát. Đố ai tìm được câu hát ấy trong bài nào của ai? Tôi hát theo ngẫu hứng. Tính tôi như vậy, hễ hứng thì tôi hát, chẳng nghĩ ngợi gì, cứ bật ra, có lúc tôi hát cả một bài dài, lấy câu hát của bài này nối qua câu của bài khác, lại nhảy qua một câu của bài kia, có ra gì, nhưng là tiếng hát của mình.

“Miền Nam ơi! Miền Nam ơi!”...

Xong cái bếp, tôi rọi đèn quơ củi. Củi xoài ướm mềm. Chọn cành củi mập, tôi bóc cái vỏ ướm, rồi chẻ nhỏ để làm mồi. Tôi chui xuống hầm chống phi pháo, xúc gạo vào nồi, định đem xuống bến, vo gạo, lấy nước, bắc lên bếp rồi đi bắt cá. Vậy không tiện. Để cái bếp lửa đỏ mà đi bắt cá, máy bay nó ù tới, ai tắt cho. Phải bắt cá trước, rồi ngồi làm cá cạnh bên bếp, cạnh lửa. Ở chiến trường, những chuyện nhỏ nhỏ như vậy, cũng phải tính toán, nếu không thì sẽ “anh dũng hy sinh mà lớ ngớ”... Tôi để nồi gạo ngay giọt mưa dưới tầng, thổi tắt ngọn đèn chai, rọi đèn pin, quơ một sợi dây, ra mương. Lúc trời mưa sa, Út Đợ có đào mấy cái hầm dọc theo bờ giữa hai con mương. Mỗi cái hầm là một cái lu. Mưa này, cá từ dưới mương lóc lên, con nào lóc qua hầm thì rơi xuống, nằm đó. Đó là cách bắt cá của dân đồng bằng, mùa mưa sa. Tôi cứ ra những cái hầm ấy mà chọn. Cá trê, cá lóc, hầm nào cũng lóc nhóc. Cá mùa này ăn không hết. Nhưng chẳng ế đi đâu. Con nào chưa kịp ăn thì xẻ ra ướp muối, làm khô, làm mắm. Nghĩ thương bà con, cá nó ở đây mà người thì ngoài kia, phải ăn cá chợ!

Rọi đèn, tôi chọn hai con cá lóc bự bằng bắp chuối, lấy dây xỏ qua mang, xách vào.

Ngồi làm cá cạnh nồi cháo bên bếp lửa dưới mái tầng, tôi chợt nhớ tới nhà báo Trần Hoài Sơn, thằng Hòn. Buổi cơm sáng nhà ông Hai, nó bảo: trước khi đi, nó nghĩ nó sẽ bị bắt, bị trói, bị bịt mắt, bị tra hỏi, không ngờ lại

được gặp bạn cũ với bữa cơm ngon. Nó tẩm tặc cái món canh chua cá vồ, khứa cá cắt xiên, nước canh mỡ màng, ớt như những vòng hoa đỏ, hột ớt là nhụy trắng.

Chiều, trước khi nó theo xuống bà con để trở về, ông Hai lại đãi nó thêm một món lạ. Món gà hấp rượu. Phải cho chú nhà báo đó thấy đời sống của dân kháng chiến

mình. Món này tôi cũng thạo lắm, nhưng hôm ấy, tôi không muốn nhúng tay, để cho ông, người chủ. Ông bắt con gà mái giập trứng nặng hai cân.

Con gà làm xong, ông đem ướp tỏi, bột ngọt, một muống xì u cho có màu. Mâm chén dọn xong, một đĩa rau sống, bốn cái ly với một nhạo rượu. Ông sai thằng Út bung cả cái cà ràng dưới bếp đem lên, đặt dưới mái hiên, ra lệnh cho thằng Út nôi lửa. Con gà ông để trong xoong, ông cầm cái nhạo, rót một ly rượu trắng. Nhà báo Trần Hoài Sơn - thằng Hơ, nói theo từng cử chỉ của ông như người thuyết minh:

- Rượu chỉ cần độ năm xê xê, một ly nhỏ, cứ đổ vào con gà. Dưới xoong không cần có tẩm vị, nắp xoong đây thật kín, rồi bắc lên bếp, lửa cháy đều.

Cái đồng hồ reo để trên bàn thờ ông bà đang tích tắc, nhưng ông không xem, ông hỏi nhà báo Trần Hoài Sơn:

- Máy giờ rồi chú?

- Dạ bốn giờ năm.

- Đúng bốn giờ mười hai, chú nhắc tôi, bảy phút! Cơm nước xong, chú về thì vừa, tôi có dặn con Bảy Nở hàng xóm, chờ chú...

Chúng tôi lên ngồi quanh mâm, nhìn bếp lửa.

- Máy phút rồi cháu?

- Dạ hai phút.

- Còn năm phút nữa.

Hơi bốc lên và đã nghe mùi thơm.

- Còn một phút nữa thôi bác.

Ông Hai bước lại bếp, khum khum một bàn tay, quơ qua nắp xoong, hốt lấy hơi đưa lên mũi.

- Bảy phút chưa cháu.

- Dạ đúng bảy phút.

- Út nhắc xuống, con.

Thằng Út mười lăm tuổi, cầm hai miếng giẻ, bưng nồi đặt xuống rế,

- Giở nắp ra, con.

Hơi bốc lên, thơm phức cả nhà.

- Lấy chiếc đĩa, xăm nó, đặt lên đây. Còn nước hay khô, con?

- Dạ còn.

- Lấy chén chắt ra, đưa lên đây, con.

Con gà đặt lên đĩa, con gà mái vàng, căng da tươm mỡ, bốc hơi, thơm đến nỗi cái cánh mũi của nhà báo cứ phập phồng. Nước từ con gà rỏ xuống, đọng lại độ một chung mắt trâu. Ông đặt cái chén ấy trước mặt anh nhà báo:

- Phần này là của cháu. Cháu nếm thử.

Nhà báo Trần Hoài Sơn - thằng Hơ, húp một miếng, nó ngồi ngẩn ra, hai con mắt ốc nhồi nhìn lên, mở tròn.

- Sao, cháu?

- Ngon hơn nước trứng vịt lộn.

Món gà hấp rượu, ý của ông, như ông nói, là để đãi khách Sài thành một món ăn của bụng miền, cho lạ miệng, để nhớ lâu. Không ngờ, con gà hấp rượu ấy khiến cho anh nhà báo Trần Hoài Sơn lại nghĩ ra những điều khác; anh nói:

- Thừa bác, thừa hai anh, đây chính là văn hóa. Gà rô ti của Pháp, không thể so nổi con gà hấp rượu này. Món gà của Mỹ lại càng không thể

sánh. Món gà hấp rượu này của bác cho cháu hiểu thêm: Một dân tộc có những món ăn như vậy, chứng tỏ là một dân tộc có một nền văn hóa cao, dân tộc ấy nhứt định không thể bị tiêu diệt, dân tộc đó sẽ tồn tại mãi mãi. Cảm ơn! Cảm ơn! Lần này về Sài Gòn, cháu sẽ làm như bác trước mặt bạn bè, cháu sẽ kể lại với anh em. Thưa bác, bác có thể giúp cho cháu hiểu thêm là, món gà hấp rượu này xuất xứ từ đâu và lúc nào. Đây là lần đầu tiên cháu mới được nghe, được thưởng thức.

Ông Hai cầm nhạo, rót đầy cả bốn ly:

- Cháu uống đi. Nó xuất từ đây, xứ Tháp Mười này từ ngày đánh Mỹ. Mỹ nó có phản lực, nghe ù cái là tới, nhìn lên đã thấy nó xa lắc xa lơ. Làm gà mà lửa củi cứ cà rề cà rà, lửa khói lòi thôi, nó ào tới, gà chín mà mình chẳng được ăn. Để khói lửa cho nó liệng bom, mình chỉ được ăn gà cúng. Còn cái món này: đầu đó xong xuôi, đứng dòm bốn phía, không thấy nó nhấp nháy ở đâu, đổ một ly rượu vô đốt lửa lên. Nó có ào tới, mình cũng vừa xong. Nó nhanh thì mình gọn. Vậy đó, cháu!

- Dà... dà... cảm ơn, cảm ơn bác...

Anh nói, ở Sài Gòn mấy năm sau này, có thêm mấy cái quán, gọi là quán dừa. Những cái quán lá ngoài ngoài ô dưới bóng dừa, theo xa lộ. Vì bom đạn, hằng năm đến ngày hè, ngày tết, người Sài Gòn không mấy khi về quê, họ thường đổ ra quán dừa, ngồi nhìn rặng cây, nhìn cánh đồng, thở hít khí trời trong lành, cho đỡ nhớ quê. Quán dừa bán những món ăn đặc sắc của đồng quê: rùa, rắn, ếch, nhái, tôm. Tất cả đều còn sống, được động trong nước, khách có thể nhìn thấy, muốn ăn con nào, chỉ con nấy. Anh thích nhất cái món tôm nướng mía. Nhưng cái món ấy bây giờ đối với anh không thể so sánh với món gà hấp rượu. Anh nói, nghĩ cho cùng, món tôm nướng mía chẳng qua là một món lạ, dành cho kẻ ăn chơi. Còn món gà hấp rượu của ông Hai, anh đang thưởng thức, chính là món ăn thể hiện trình độ văn hóa và tinh thần chiến đấu của nhân dân. Chuyện của anh nói với chúng tôi, không ngờ,

chuyện món gà hấp rượu lại là chuyện dài nhất. Từ một món ăn mà phát lên những ý nghĩ như anh, tôi với Năm Bờ thấy có hơi quá, nhưng chúng tôi không muốn tranh cãi. Dù có hơi quá, nhưng đó là ý nghĩ tốt, ý nghĩ xúc động đầu tiên của anh.

Đêm nay, ở Sài Gòn, anh bạn cũ của tôi, thằng Hơ, đang làm một con gà hấp rượu khoe với bạn bè hay làm gì? Chia tay với tôi, Hơ nó hứa, sẽ trở lại làng này một lần nữa. “Xin tái ngộ, xin tái ngộ. Cám ơn! Cám ơn!”. Và Hơ cũng hứa, với riêng tôi, lần sau nếu tôi muốn, bằng cái thẻ căn cước sẵn có của tôi, Hơ sẽ tạo điều kiện giúp tôi ra ngoài ấy, có thể vào ở ngay trong nhà thằng đại úy Long với anh. Cán bộ nội thành sống và hoạt động như vậy là việc bình thường. Với tôi thì mạo hiểm, sau cái mạo hiểm là hấp dẫn, bao giờ cũng vậy. Mùa xuân Mậu Thân năm 68, cái thẻ căn cước mà tôi đang có, chính là để đi một chuyến như vậy, vào hẳn trong nội thành, như một người Sài Gòn, sống và hoạt động. Nhưng tôi chưa kịp đi thì phải nhận một công tác khác, trở về Rờ, cứ tiếc mãi.

Hai con cá làm xong, không cần phải xuống bên, tôi rửa ngay trong một cái nồi đã đầy nước, hứng dưới mái tãng. Trời vẫn mưa. Mưa cho thúí đất mà! Cháo nhừ, tôi thả hai con cá vào nồi. Tôi cời lửa, ngọn liu riu, lại chui xuống hầm.

Từ ngày bà con trở về thăm xóm vườn cũ, anh em du kích sống thật đầy đủ. Bà con mỗi người cho mỗi món, chẳng thiếu thứ gì! Nào tiêu, nào bột ngọt, nào hành, nào tỏi... trà đương, thuốc lá, cả cà phê!

Nồi cháo đã chín rồi mà anh em chưa về. Tôi dụi lửa, cời than.

- Hù!

Hai bàn tay chụp lấy vai tôi, lạnh ngắt. Tôi giật mình quay lại: Út Đợ!

- Làm mình hết hồn. Tưởng biệt kích chớ! Anh Năm đi lợt không?

- Hai ông bà gặp nhau ngoài đó rồi.

- Gặp nhau hả? - Tôi hỏi lại, ngây thơ.

- Nói giỡn với anh vậy thôi.

- Về đủ hết chưa, Út Đợ?

- Đủ, còn đang rửa chân rửa cẳng dưới bên. Bốn trai, ba gái, bảy người về đủ.

- Ngồi lại đây, ngồi xung quanh bếp lửa cho ấm! -Không ai nghĩ là tôi nấu cháo, sau khi mọi người ngồi quây tròn quanh bếp, ngọn lửa vừa bùng lên thì bất thành linh, tôi giở nắp vung ra, hơi bốc lên, thơm lòng.

- Cái gì vậy anh Thắng? - Máy cô hỏi.

- Cháo cá!

- Hoan hô anh Thắng!

- Tụi em vừa lạnh, lại vừa đói.

- Đứa nào cũng ước có cái gì ăn.

- Đốt đèn!

- Đốt liền hai ba cái cho nó sáng.

- Máy bay nó ướt cánh hết rồi, đốt đi.

Thêm bảy ngọn đèn chai, anh em ngồi túm tụm dưới mái tằng nôi, cô gái mặc áo bà ba đen, đầu đội nón lá trong cái chai đèn của Út Đợ, cũng cười.

- Ca của ai người ấy ăn. - Út Đợ bảo - Múc cháo đi.

Nồi cháo có ngon lành gì đâu, nhưng tôi lại sướng đến cuống lên. Nấu được nồi cháo đúng lúc cho anh em! Tôi chui xuống hầm, vội lộ đầu lên:

- Khoan, tôi chưa nêm bột ngọt!

CHƯƠNG 21

Cũng dưới cái mái tằng ni lông trong vọng gác vườn xoài, cũng ba cái võng, tôi với Út Đợ cũng lại nằm bìa nhưng người nằm giữa lần này không phải Năm Bờ mà là Châu. Thật ra, anh không nằm mà ngồi, đang cầm cúi viết cái gì đó. Út Đợ chợt hỏi:

- Mày làm gì mà con Bé Ba nó mặt lớn mặt nhỏ với mày vậy, Châu?

Châu đưa cái cán viết màu sữa chọc lên đầu.

- Làm gì đâu. Thanh niên sôi nổi mà không thông cảm cái gì ráo!

- Hai đứa mày cứ như vậy hoài. Nay giận mai hờn. Có gì mày nói thiệt cho tao nghe, tao giải quyết cho.

Châu ngồi xoay lưng lại phía tôi, tôi không thấy được mặt anh, chỉ thấy anh lại gãi đầu bằng cán viết:

- Có gì đâu... ừ... ừ... m...

- Mày bốc hốt chứ gì?

- Bốc hốt gì đâu, tôi mới... na... a... ắm tay thôi!

Người to lớn như anh mà cứ ừ à từng tiếng, tôi thấy khổ cho anh quá.

- Rồi sao nữa?

- Cỏ bảo tôi khinh cỏ, cỏ đòi cắt đứt.

- Lúc đó có ai thấy không? - Út Đợ hỏi như lấy cung.

- Dòm quanh quất, có thấy ai đâu. Vậy mà lúc đó, nghe cái rột, hai đứa quay lại thì con quý con Thon, không biết ở đâu, từ trên trời rơi xuống hay từ dưới đất chui lên, nó đứng bên kia mương nó cười.

- Hèn gì! Mày cứ sồn sác, không ngó trước ngó sau. Bây giờ mày

làm gì đó, viết thư xin lỗi hả? Rubi đây nè, hút một điếu đi cho ra ý. - Út Đợ móc bao thuốc lá, đưa

lên, dùng cái ngón trỏ búng banh bách; Châu rút lấy một điếu. Út Đợ lại tiếp: - Mà thôi, mày không nhớ chuyện con Thon sao mà thơ với từ? Nè anh Thắng! - Út Đợ ngoẹo đầu ra khỏi vồng, nhìn sang tôi:

- Năm kia có một anh cũng ở Rờ của anh về đây công tác. Nói cho ngay, ảnh thì không chề vào đâu được, mặt mày sáng láng, với bom đạn thì lì không ai bằng, chịu chơi lắm, ai cũng thích. Ảnh nói ảnh học xong lớp mười. Người như vậy ai mà không tin. Ảnh thương con Thon! Con Thon thấy vậy cũng vừa mắt. Cuối cùng chỉ vì một cái thơ mà tan cuộc. Hôm đó, ảnh hẹn đến thăm con Thon, nhưng bận họp. Con Thon giận. Ảnh mới viết thư xin lỗi. Thư nói: "...Hôm đó, anh hứa sang thăm em, tại gì anh bận họp" - Con Thon học hành chẳng tới đâu, nhưng cũng rành được chánh tả. Đọc lá thư, con Thon cứ lấy làm lạ, ảnh học tới lớp mười mà sao chữ vì lại viết là tại gì? Con Thon đâm nghi, từ đó nó bắt đầu điều tra. Té ra ảnh chỉ mới học có lớp hai. Con Thon nó thấy mình bị người ta gạt, nó tự ái.

- Cứu vãn được không? - Tôi hỏi.

- Tội nghiệp! Ảnh nói thiệt với tôi, mặt buồn hiu. Tôi thương ảnh quá, tích cực lại gan lì, nhưng tôi giận ảnh, tôi nói: "Sao lúc đầu cha nội không nói thiệt với nó. Mình là nông dân, đi đánh Mỹ từ nhỏ, không được học hành, thằng nào khinh thì cứ nói thẳng vô mặt nó, anh cầm súng đánh Mỹ cho tôi đi, rồi tôi sẽ học cho anh xem. Anh dốt, con Thon cũng không dám khinh anh. Người như cha nội vậy là ngon quá xá rồi, nói dóc thêm làm gì?". Đòi nó "khuất tạt" vậy đó anh! Vậy đó Châu, mày thấy chưa?

- Anh làm như tôi từ trên trời rơi xuống hay sao mà không thấy... Nhưng mà tôi có nói tôi học tới lớp mười lớp bảy gì đâu?

- Biết vậy, nhưng chữ nghĩa của mày như con cua bò. Mày đưa thơ cho anh Thắng xem, ảnh góp ý cho.

Châu cất hai chân, ngả lưng xuống võng, rồi ném hai chân sang cạnh bên võng tôi, đặt quyền vớ học trò vào bụng tôi, mồm ngậm điều thuốc méo một bên.

Từ ngày về làng, mỗi người mỗi việc, chỗ ở cũng là vị trí chiến đấu, xa cách nhau, thỉnh thoảng tôi mới gặp lại Bé Ba. Và cũng được biết cô với Châu, hai người đã đính hôn. Thật xứng đôi. Tình bạn đầu tiên của tôi đối với cô được hòa chung trong mọi người. Đôi lúc, tôi nghĩ buồn cười cho mình, những ngày đi đường ấy, sao cứ chú ý đến cái nốt ruồi son dưới cổ của cô.

Châu viết trên trang giấy giữa quyền vớ, chữ nguệch ngoạc ngả nghiêng nhưng rõ ràng, dễ đọc. Xem xong, tôi hỏi anh:

- Châu mới viết đây phải không?

- Thì từ nãy giờ đó.

- Bây giờ là buổi trưa, - Tôi nói - anh xem mưa tạnh, nắng ấm, xa xa thì có tiếng pháo tiếng bom, mà sao cậu viết là “Đêm nay, mưa đổ dầm dề, gió thổi lạnh lùng, mọi người đều an giấc, riêng anh, nhớ em, trần trọc suốt năm canh” là sao? - Mắc cỡ quá, Châu bụm mặt, cười lên hơ hớ. Út Đợ thấy vậy càng đắc chí, anh ngồi bật dậy:

- Thấy chưa? Trời đang nắng ấm mà nói đêm mưa, tao với anh Thắng nằm hai bên, đang thức mà dám nói là mọi người đang an giấc ngáy kho kho, là sao hả? Con Bé Ba nó điều tra ra nó biết, thì tao làm sao giải quyết cho mày hả?

Bị Út Đợ dòn vào thế bí, đỏ cả mặt, tía cả tai, không biết làm gì cho hết mắc cỡ, anh bật dậy, chụp lấy tay của Út Đợ, bẻ ngoặt ra sau.

Tôi được biết, anh là con của ông Sáu Nghệ, thầy võ nổi tiếng. Tiếng là thầy, nhưng chẳng thấy ông dạy ai. Ông bảo, dạy nghề phải coi mặt. Xóm làng thương ông ăn ở hiền lành. Người nào không biết ông, lỡ đụng chạm, ông nhin. Không nói, vì lỡ biết nghề nên ông không dám đụng ai.

Người ở xa đến tìm hỏi ông, người làng chỉ cần bảo, thấy ông già nào để đầu tóc, đó là ông. Cái búi tóc của ông sau ót, nhỏ như củ hành. Bao nhiêu chỗ đến đón, ông cứ một mực không đi. Mãi đến ngày kháng chiến, ông mới mở trường dạy cho trình sát đặc công.

Một buổi chiều cách đây đã năm năm, từ ngoài đồng trở về, ông lọt giữa một đám pháo bầy.

Đã lâu, hơn mười năm về trước, những đêm trăng, hàng xóm thường tụ tập trước sân đập lúa nhà ông, xem thằng Châu, sáu tuổi, con ông Sáu đi đường thảo... Với bàn tay khỏe và có võ nghệ ấy của Châu, cánh tay của Út Đợ bị bẻ ngoặt ra sau, ảnh ngoẹo đầu, méo mặt, kêu ai ái.

- Chừa chừa Đợ, hả? Chừa chừa?

- Ái, ái... chừa!... Ái...

Hai người đang giỡn thì Út Trầm từ ngoài đường chạy vào.

- Anh Út, anh Châu ơi ớ ời!

Châu buông tay Út Đợ, quay ra.

- Cái gì đó?

- Chị Mai về...

- Đi, đi về thăm chị một chút.

Châu xếp quyền vớ, Út Đợ thì cuốn võng. Tôi chưa quen với Mai, nhưng cũng quỳnh lên tôi nhảy xuống, giật dây võng. Lúc đó, Út Trầm đứng đó, mướt mồ hôi, nói liếng thoắng:

- Bữa nay trông chỉ khác lắm. Ông Hai biểu mấy anh về trông ăn cơm. Từ trông ra đây, em đi rồi em chạy, em chạy rồi em đi, mệt muốn đứt hơi.

Chúng tôi, ba đứa cuốn võng xong.

Đến lúc Út Trầm hỏi, chúng tôi mới té ra, phải có một người ở lại. Châu với Út Đợ nhìn nhau, không ai chịu nhường ai. Hai người lại nhìn tôi. Đúng là tôi phải ở lại rồi. Tôi có quen biết gì với cô ấy đâu mà đi thăm? Lúc

đó, nếu tôi nói một tiếng, hoặc có một cử chỉ gì tỏ ra chịu nhường thì hai người sẽ đồng ý ngay. Hai người đang đợi tôi chỉ có vậy. Tôi biết, và bụng tôi không muốn. Không một chút nhún nhường hay xã giao, tôi lờ đi, tránh cái nhìn của hai người; tôi cúi gằm, lúi húi buộc lại cái võng dù cái võng đã buộc gọn rồi, gọn rồi thì tháo ra, tôi buộc lại.

- Thôi hai anh đi đi - Châu giải thoát cho cả ba, vừa nói vừa xỏ cái võng ra - tôi ở lại, tối hai anh ra, tôi về. -Châu vừa nói dứt câu thì một đầu võng cũng vừa buộc xong.

- Vậy cũng được! - Tôi mừng lắm, nhưng vẫn cứ nói mại hơi, và Út Đợ thì vui ra mặt.

- Thôi, đi, anh Thắng. Lần này chỉ về, chắc là trên có kế hoạch lớn. Su... ớ... ng!

Đi được mấy bước, anh còn quay lại:

- Từ đây tới chiều cho mày mặc sức viết thơ.

Châu bật ngồi dậy dậm chân, dọa anh:

- Muốn chết hả?

Út Đợ vụt chạy, vừa chạy vừa la: “Thuốc tao để chỗ cũ nghe h... ô... ô... n!” Anh búng hai chân nhảy qua con mương...

*

* *

- Chị Mai mới về?

- Dạ, anh Út, khỏe không anh?

- Tôi thì trâu đập cũng không chết.

- Chào anh.

- Chào cô, cô mới về.

- Anh Thắng ở trên Rò.

- Dạ, tôi có nghe tía tôi nói, mời anh ngồi.

- Trên có kế hoạch gì lớn không chị? - Út Đợt hỏi.

- Tôi về chơi. Hai anh ngồi, tôi đang kể cho mấy cô đây nghe chuyện cắt tóc của đơn vị.

- Cô kể tiếp đi! - Tôi vừa nói, vừa nhắc cái ghế để tựa vào vách.

Trên bộ ngựa có Bé Ba, Thon, Thả, và Thiều, con của chị Nở. Thiều tên thật là Thiệu, vì có thằng Việt gian Thiệu nên em đổi tên. Thiều ở lại nhà ông Hai từ hôm theo má về hái xoài. Một em gái mười bốn mà đã bắt đầu nghĩ đến thân phận của một cô gái! Vì cuộc đời con gái của em, mà má em đành phải bỏ nhà ra áp chiến lược. Thằng lính cột trâm cháy ấy như một bóng ma, cứ hiện lên, dọa em. Khi thì nó hiện lên trong con người của thằng Bá, khi lại hiện lên trong dáng đi của thằng Minh, và bất cứ thằng lính nào qua lại cũng thấp thoáng cái bóng ma ấy, khiến em cứ rúm lại, không dám lớn. Bây giờ em ngồi đó, cây carbin bá xếp - chắc là của Mai, để qua đùi, em ngược nhìn Mai, mặt cứ ngẩn ra.

Không để cho tôi, một người lạ mới quen bị lạc lõng. Mai kể tiếp câu chuyện với các cô mà như kể riêng với tôi:

- Đơn vị của tụi em đều là chị em nông dân, anh à!

- Dà.

- Tóc cô nào cũng dài, cô thì bới, cô thì kẹp, cô nhỏ nhút thì để tóc thề. Đơn vị của tụi em là nữ nhưng có khác gì mấy anh đâu, cũng phải hành quân, lại là đơn vị pháo, phải mang vác, rồi cũng phải ém quân, phải ăn ở trong địa hình, phải chém về có khác gì mấy anh. Tụi em lại thêm cái rắc rối của giới nữ nữa, rồi lại tóc tai cứ lượt lượt, anh tưởng tượng xem - Mai vẫn như nói với tôi, khiến tôi thấy vui vui và mắt không nhìn lảng đi đâu được. Mai nói: - Trên đầu là trực thăng, dưới đất thì bọn thủy quân lục chiến, đưa thì vác nòng, đưa thì vác chân, đưa thì vác đạn, đang chạy dưới mưa đạn mà cái đầu tóc bị xô ra, anh nghĩ coi, có khổ không? Đúng không đúng được mà

chạy thì vương, lũng nhùng lảng nhảng vương lá vương cây. Rồi đến chuyện tắm gội nữa. Có được thanh thoi như ở nhà đâu. Gội xong thì được lệnh hành quân! Thiệt là bất tiện, làm thân con gái như tụi em khổ vậy!

Mai nói có vậy mà tôi xúc động. Thật lạ cho tôi! Giọng của cô lại trầm, dễ thương, cứ muốn nghe.

- Tụi em họp lại bàn, rồi quyết định cắt tóc cho gọn. Đứa nào cũng đồng ý. Nhưng có đơn giản đâu anh. Đến lúc kéo cái mái tóc ra, nhìn nó, đứa nào cũng thấy thương. Cuối cùng không đứa nào chịu cắt. Đứa nào cũng có lý do. Đứa thì sợ má nghe má rầy. Đứa thì sợ người của mình thắc mắc. Anh thấy có rắc rối không? Tụi em phải họp lại, đã thông, lần này thì em nói mạnh, cái đẹp mà đặt không đúng chỗ cũng thành xấu. Đẹp mà chết thì đẹp làm gì! Em xung phong cắt trước làm gương! Em cầm cái mái tóc của em, bảo cắt đi, cắt đi. Mấy đứa cứ bu lại xung quanh em. Nó cắt ở phía sau ót em, em có thấy đâu, mà em cứ nhắm mắt. Nghe tiếng kéo, em cứ nổi gai ốc. Sợ tóc cắt đi, không chảy máu mà đau!

Mấy cô ngồi nghe cứ tắc lưỡi.

- Vậy đó anh. Cắt cái mái tóc mà như bị mất cái đầu! Trên cổ mình, suốt mấy ngày cứ nhẹ tênh tênh, nhiều lúc cứ muốn lấy cái gì dằn lên cho nặng như cũ, nghĩ mà tức cười!

Mấy cô đang ngồi nghe, cười theo cô, một cô hỏi:

- Còn mấy chị kia?

- Lần lượt rồi cũng cắt hết, nhưng không phải cắt trong một ngày hay một buổi, mà phải đến cả tháng. Có đứa đồng ý cắt nhưng còn phải đợi thơ trả lời, đứa đợi thơ của má, đứa đợi thơ của người yêu.

Nghe Mai nói đến đó, tôi bỗng chợt nghĩ: còn cô, cô thì không còn ai để hỏi nữa! Một cảm giác xót xa cùng đến với ý nghĩ ấy của tôi! Và Mai vẫn như nói riêng với tôi:

- Cắt xong, nhìn nhau thấy lạ hoắc, cứ nhìn nhau cười hoài! - Cô

mỉm cười, còn các cô thì cười ra tiếng.

- Cắt tóc rồi, có phải là xong đâu. Phải cho chị em lần lượt về nghỉ phép để đem mái tóc về gửi cho gia đình, đến lượt em là người cuối cùng. Hôm nay em về, trước là để thăm anh Năm, thăm gia đình, sau nữa là gửi mái tóc lại nhà...

Nghe cô nói, tôi bỗng muốn được nhìn mái tóc của cô, nhưng hỏi sao tiện; may sao, Út Trầm như đoán hiểu được ý tôi, Trầm dang hai tay ra, nhìn tôi:

- Tóc của chị d... a... ài như vậy nè, đẹp lắm.

- Đâu mà dữ vậy, con nhỏ! - Mai phát vào cánh tay của Út Trầm, mặt đỏ bừng.

Tôi quay mặt lại.

- Bác Hai, tự này giờ bác đi đâu?

- Bác ở ngoài vườn, cháu với thằng Út tới lâu chưa?

- Dạ này giờ.

Ông nhìn lướt qua:

- Coi, con Mai, sao con không pha nước cho hai chú uống.

- Nước nôi làm gì, bác.

- Để em đi cho - Út Trầm nhẹn miệng và cũng nhanh chân chạy xuống bếp.

- A..! - Đến lượt Út Đợ cất tiếng - Hôm rồi, tụi tôi nghe trên khu có diễn vở tuồng của chị, chị có coi không?

Mai nhìn lảng đi chỗ khác:

- Tôi có xem một lần. Mấy ảnh thêm mắm giậm muối dữ lắm. Đến cái lớp cô ấy gặp anh cán bộ lãnh đạo, cô ấy ca sáu câu, tôi ngồi ở dưới, tôi khóc ròng.

Các cô gái lại hít hà tắc lưỡi.

- Hồi tôi gặp anh Năm, tôi có khóc như vậy đâu.

- Hừ!

Ông Hai ngồi xếp bằng trên bộ ngựa, hừ lên một tiếng, nhìn cô con gái, hỏi:

- Có ai đóng vai tao không?

- Dạ có.

- Tao có ca sáu câu không?

- Anh ấy đóng vai tía mà ca giọng trẻ khô hê!

- Vậy! Nếu đoàn đó về đây diễn, vai của tao để tao đóng.

Các cô gái đều quay lại ông, cười chúm chím. Thấy vậy, ông quơ tay cất giọng tuồng.

- Như ta đây... a là...

Các cô ngả vào nhau cười rộ lên. Tự nãy giờ, Bé Thiều cứ nhóc mỗ nhìn Mai như bị thôi miên, đến lúc đó, Thiều cũng phải quay mặt sang nhìn ông, cười lẫn ra...

Sau bữa cơm chiều nhà ông Hai, tôi với Út Đợ trở về vọng gác thay cho Châu. Hai người lại mắc võng, nằm ngược chiều để thấy mặt nhau. Sau những ngày đông mưa tầm tã, những chiếc lá già úa, những cành khô mục rơi rụng hết, khu vườn dờ âm u. Một ngày nắng ráo, đêm không mây. Chúng tôi cuộn tăng để ngửa mặt nhìn trời. Tôi lác võng, nhìn lên những vì sao qua kẽ lá. Út Đợ vẫn nhắc đến Mai:

- ... Anh có biết không? Hồi năm kia, sư đoàn Chín về đây, bị đội pháo của chỉ giã cho một trận ban ngày. Một thằng đại úy tức mình, nó chửi thề, nó nói: “Cái bộ đội đầu tóc đó, lâu lâu nó rình, nó ngất, nó véo mình một cái, chẳng chết ai, mà sao ghét quá!”. Chết mấy chục thằng mà nó biểu chẳng chết ai! Anh có nghe không anh Thắng! Làm gì mà lác võng dữ vậy?

- Sao lại không nghe. Sao nữa?

Quả là tôi không để ý nghe. Chuyện này tôi đã nghe rồi, một lần. Tâm hồn tôi đêm nay có một cái gì khác, vui mà xao xuyến.

- Nó tuyên bố, - Út Đợt tiếp - sẽ bắt sống đơn vị đội nón lá của chỉ đem về chia cho bọn sĩ quan làm vợ lẽ. Nó tung bọn thám báo ra đeo riết theo đơn vị của chỉ như đĩa doi. Đội pháo của chỉ vừa chuyển tới địa điểm đầu hôm thì sớm mai trực thăng nó bay tới, đổ quân. Lần nào, thằng đại úy đó cũng nói với bọn lính: “Tự do em nghe tụi bây!”. Nó đặt tên cho cuộc hành quân là “Hành quân đi tìm em”. Tụi nguy, tánh tình thằng nào cũng kỳ cục. Mới ba mươi tuổi đầu, mà để râu, râu mọc họng, hoe hoe như râu bắp, trện nào nó cũng giơ súng ngắn nhào lên trước. Đội pháo của chỉ phải mất hơn một tháng trời vất vả. Rồi đến một hôm, sáng sớm, trực thăng của chúng lại vây chặt cái cụm vườn mà đội pháo của chỉ mới tới từ khuya. Lần này cũng lại hụt, đội pháo của chỉ đã thoát khỏi vòng vây từ khi nó chưa đến. Phía bên kia vườn, cách một cánh đồng, pháo của chỉ nã qua, rớt ngay đội hình của chúng. Quay mặt nhìn qua, bọn chúng thấy những chiếc nón lá đang thấp thoáng sau hàng cây trâm bầu. Tiếng pháo thì phì phùm theo cái kiểu vừa đánh vừa rút. Thằng đại úy râu mọc họng liền đưa súng ngắn bắn chỉ thiên, dẫn cả một tiểu đoàn quần áo rằn ri, tụi nó như một bầy cọp lao tới. Rồi khỏi địa hình phơi mình ra đồng trống, hở sườn, hở lưng; đợi đến lúc đó, du kích của tụi tôi với đại đội địa phương tỉnh mới nổ súng, bắn xiên hông. Bọn nó ngã nhào coi thiệt đã, chạy tán loạn, tứ tung. Lúc đó, pháo của chỉ mới cấp tập nổ ton ton... trực thăng không kịp hốt xác thằng đại úy. Hôm sau, bọn đồng đội của chúng có thằng chơi cắc có, đi mua một con dê có một bộ râu xồm y như nó, quăng xuống huyết, lấp đất, rồi dựng lên một cái bia bằng giấy, để một hàng chữ “Đại úy Nguyễn Văn Lan, tử vì em”... tụi nguy nó chơi nhau như vậy, anh thấy có đã không?

- Ờ...

Tôi không chú ý nghe, không phải vì thờ ơ với câu chuyện của Mai, mà lúc đó, tôi đang nghĩ đến cô. Chúng ta, mọi người đều sẵn sàng hy sinh những gì quý báu nhất của đời mình cho độc lập tự do, nhưng sự hy sinh

không thể chia đều cho mọi người. Mai đã nhận phần nhiều về mình. Và từ đó, cô lớn lên - là người chỉ huy của một đội pháo, đồng thời cũng là chị của một đàn em. Vây quanh mình là các em du kích, Mai ngồi đó, bộ quần áo bà ba của pháo thủ, ngắn gọn, bạc màu, tóc cắt ngắn như cô công nhân trong xưởng máy, đậm đà với vẻ sâu xa, giọng thâm trầm chững chạc... Sự có mặt của Mai trong tâm hồn tôi đêm ấy, không chỉ là một nét, đôi mắt, hay nụ cười, mà cả hình dáng và cả cuộc đời của cô.

Út Đờ kể dứt chuyện. Có lẽ tôi làm anh mất hứng. Anh không nói gì nữa, anh nằm im, phì phèo với điếu thuốc.

Còn tôi? Trên trời có một vì sao. Nếu cái võng nằm im thì bị tàn xoài che khuất. Lắc cái võng, đưa mình qua dưới khoảng trông mới nhìn thấy: ngôi sao giữa khoảng trời. Cái võng đưa về phía bên này, thấy. Cái võng đưa về phía bên kia thì mất. Trong lòng tôi có cái gì đó rộn ràng không chịu yên, bắt cái võng cứ phải đưa vùn vụt, và khi Út Đờ nằm làm thỉnh, thì tôi muốn anh kể tiếp chuyện của Mai. Tôi gọi:

- Cô Mai về chơi mà không gặp anh Năm Bờ, tiếc quá!

CHƯƠNG 22

Đêm ấy, Năm Bờ gặp một chuyện bất ngờ. Mười ra tận mí vườn đón anh. Sau khi Út Đợ và các cô du kích quay trở về. Mười đi trước, anh đi sau, mò mẫm từng bước theo bờ nương. Mưa vẫn tầm tã, bỗng có một người lao tới, không rõ mặt.

- Ai? - Giọng súng đã gí vào bụng anh.

Nhanh tay, anh nắm chặt nòng súng, gạt qua, hỏi lại:

- Ai?

- Tôi.

- Mà tên gì?

- Sườn.

- Con anh Hai Mậu hả?

- Dạ phải. Còn ông?

- Mà không nhận ra chú sao? - Năm Bờ nắm cái vai áo của Sườn kéo gần lại, nói nhỏ vào lỗ tai nó từng tiếng một:

- Chú là Năm Bờ.

Cái tên của anh khiến cho chú phòng vệ dân sự giật mình.

- Trời đất ơi! Chú Năm đồng khởi!

Mười một năm về trước, Sườn mới chín tuổi, nhưng chú vẫn còn nhớ. Nhớ cái đêm đồng khởi dậy trời chuyển đất ấy. Cả xóm, cả làng đều nổi mõ, nổi chiêng. Súng nổ. Cả làng đều đổ ra đường, đuốc đỏ rực trời. Những đứa trẻ con hàng xóm như chú, có đứa chạy theo người lớn quơ được cái gì cầm cái ấy, đứa cầm dao, đứa cầm củi, còn chú thì chú vác cái thùng đặt ra giữa sân, đánh nghe phèn phèn, đánh đến móp xẹp một bên, phỏng cả tay. Chú nghe mấy anh, mấy cô, mấy dì kéo nhau theo bộ đội ông Năm Bờ chụp

bót. Không được đi, chú đứng ở giữa sân, cũng xung phong, cũng gào thét đến khản đặc cả tiếng. Đồn bót của bọn Diêm ở chợ Vàm bốc lửa, đỏ cả trời đêm! Sáng hôm sau, chú với bọn trẻ con hàng xóm chạy đua ra chợ để nhìn lá cờ xanh đỏ ngôi sao vàng, và tay chú cũng cầm một lá cờ, chú chạy đi coi bộ đội ông Năm Bờ. Ông Năm Bờ tưởng ai, hóa ra là một anh trai trẻ, người cùng xóm, gọi cha mình bằng anh. Chú với lũ trẻ con đứng thập thò ngoài cửa, rụt rè đưa bàn tay sờ lên cái bá súng - lòng bàn tay mát rượi! Và hạnh phúc thay! Chú được chú Năm Bờ chỉ huy nắm tay kéo vào lòng, lúc đó, được đứng dựa lưng vào người chỉ huy, nhìn những đứa bạn đứng chung quanh chú thấy mình thiệt ngon! Chú tiếc sao mình không phải là người lớn để được làm lính của chú. Mười một năm qua cái ngày ấy đối với chú không thể quên. Mấy năm sau này, trong câu chuyện với bà con hàng xóm, cha của chú hay nói: “Trước sau gì chú Năm Bờ cũng trở về. Đồng Khởi tới nơi!” - Và bây giờ, chú Năm Bờ đã trở về, đang đứng trước mặt chú. Đồng khởi đã tới nơi!

- Chú Năm ơi! Cháu bị bắt buộc! - Hai tay chú rụng rời. - Cháu xin nộp cây súng này cho chú!

- Cháu cứ giữ lấy cây súng này mà canh gác cho đảng mình.

- Dạ.

- Đêm khuya mưa gió như vậy, cháu đi canh đi gác với ai?

- Dạ, cháu đi chém cá.

- Ba cháu khỏe không?

- Dạ khỏe, ba cháu nhắc chú hoài.

Trời vẫn mưa, đêm trong khu vườn tối đen, không nhìn rõ mặt nhau.

- Cháu nhận ra ai đây không?

- Dạ... ạ... dạ...

- Tôi - Mười hạ nòng súng của mình xuống.

- Chị Mười hả?

- Ủ... à, tôi!

- Vậy mà chị không rủ tôi.

- Còn ai như cháu nữa không? - Năm Bờ hỏi.

- Còn chớ chú, nhưng mà... để cháu coi lại, còn bây giờ thì cháu biết chắc có một đứa.

- Ai?

- Thằng Bồn.

- Bồn con chú Tư Giàu?

- Dạ phải.

- Sao cháu biết?

- Dạ, có lần nó nói với cháu, nó muốn ôm súng chạy vô trong, đi tìm chú, nhưng nó sợ gia đình bị liên can.

- Nói là chú muốn gặp nó.

- Hay là để cháu chạy đi kêu nó. Hồi nãy cháu rủ nó đi chém cá, nó kêu lạnh, nó trùm mền nó ngủ.

- Được, cháu đi đi, chú đứng đây, chú đợi.

- Chú đứng đây mưa lạnh lắm. Chị Mười, chị đưa chú Năm vô cái chòi của em, chỗ đó kín. Cháu đi nghe chú Năm.

- Em tin thằng Sườn không? - Năm Bờ hỏi khi Sườn đã đi xa.

- Em tin!

- Thấy sao mà em tin?

- Em thấy nó ghét em.

- Còn thằng Bồn?

- Cũng vậy! Hai đứa nó chơi với nhau...

Sườn cầm cây súng, đứng trước cửa nhà thằng Bồn bên kia lộ.

- Thím Tư ơi! Thằng Bồn ngủ hay thức!

- Thức, đứa nào đó?

- Cháu, Sườn.
- Đi đâu mà mưa gió như vậy, vô đây.
- Dạ thôi! Bồn ơi!

Bồn, một thanh niên hai mươi tuổi, khỏe mạnh, nước da đen giòn, từ trong buồng nhảy ton ra.

- Bồn ơi, ra đây mau lên. - Bồn vồ lấy tấm ni lông choàng qua người, chụp cây súng dựng bên vách, nhảy ra cửa.

- Giờ này đi đâu mà súng ống hả? Rủ ren chuyện gì đó, Sườn? - Thím hỏi gắt.

- Dạ không đi đâu đâu thím.

Thím Tư ló ra cửa, nói với theo hai đứa:

- Đừng có làm gì bậy bạ đó, nghen!
- Dạ không có gì đâu.

Sườn kéo Bồn đứng dưới gốc xoài.

- Lạnh quá, chuyện gì vậy mày?
- Tao bữa nay mà làm biếng thì tụi mình dứt đầu cả đám.
- Sao? Mày nói sao?
- Lạnh quá, có thuốc cho tao một điếu. Thuốc tao ướm nhẹ hết rồi.
- Sao? Chuyện gì, nói đi!
- Xem có ai không mày?
- Không, chỉ có mưa, nói đi.
- Đồng khởi tới nơi rồi.
- Cái gì? Đồng khởi, hả?

Sườn nói gần từng tiếng một, như sau mỗi tiếng là một dấu phẩy vậy.

- Tao, nói, là, đồng, khởi, tới, nơi, rồi!
- Sao mày biết?
- Tao mới gặp chú Năm Bờ.

Đến phiên thằng Bồn giật mình khi nghe đến tên anh. Sườn lấy đó làm thú vị.

- Thiệt chơi mày?
- Tao nói dóc mày làm gì!
- Tụi mình có sao không?
- Có tao, mày vững bụng đi. Tao giới thiệu mày với chú rồi.
- Thiệt hông?
- Sao lại không thiệt.
- Sao mày được gặp chú?
- Tao đi đón chú chờ ai.
- Sao hồi nãy rủ tao đi chém cá?
- Tao nói giỡn với mày vậy thôi, chị Mười chỉ đón về.
- Cái bà nội đó, hèn chi. Nghe bà nói bà cầm súng trả thù cha là tao biết ngay, tao biết từ đầu mà. Vậy mà bà giấu tụi mình ha!
- Phải giữ bí mật chớ mày. Thôi đi đi!
- Nè Sườn, tao hỏi thiệt, gặp chú có làm sao không mậy?
- Tao đã nói với mày là tao giới thiệu mày với chú rồi mà! Tao bảo đảm. Đi.
- Ừ, đi, mày đi trước đi.

Cuộc gặp gỡ bất ngờ ấy, nếu anh không phải là Năm Bờ, nếu là một người khác, dù tài dũng có hơn mà không gọi đúng tên cha người lính phòng vệ dân sự ấy thì sẽ ra sao? Không thể nào lường trước được tồn thất hay hiểm nguy, và chắc chắn không thể có được cuộc họp trong chòi củi giữa khu vườn.

Trong chòi củi. Sườn, Bồn ngồi sát vào nhau. Cái chòi quá nhỏ, Mười phải ngồi ra ngoài, lấy ni lông trùm kín đầu. Năm Bờ được nhường cho một chỗ rộng giữa chòi, ngồi trên một gốc củi khô. Mưa như xối nước, đêm đen, không thấy rõ mặt nhau, nhưng sự có mặt của Năm Bờ đã cho họ thấy rõ

được bụng dạ của nhau.

- Đêm nay, tôi xin tuyên bố chánh thức ba đồng chí: Mười, Sườn, Bồn là đội du kích mật của Cách mạng. Ba đồng chí là một tổ. Ba đồng chí bầu lên một người chỉ huy.

- Dạ. Chị Mười đi trước, cháu xin bầu chị Mười.

- Dạ, cháu đồng ý.

- Bắt đầu từ giờ phút này nữ đồng chí Mười là tổ trưởng, hai đồng chí phải thi hành theo mạng lệnh của đồng chí Mười. Là chiến sĩ cách mạng, các đồng chí phải yêu thương nhau, đùm bọc nhau, chết sống có nhau.

- Dạ.

- Dạ.

- Các đồng chí có cảm tưởng gì, cứ phát biểu.

- Dạ, cháu xin hứa với chú Năm là cháu sẽ theo chú tới phút cuối.

- Cháu cũng vậy, chừng nào chết cháu mới thôi.

Cuộc họp đầu tiên của tổ du kích chỉ có vậy, trong chòi củi, dưới đêm mưa. Trời tối đen, nhưng trước mặt họ là con đường sáng, thiêng liêng.

Sườn trở về nhà, lòng rạo rực, quên cả con dao chém cá. Sườn vào buồng, nắm cái ngón chân cái của cha, lắc nhẹ - Ông già giật mình, mở mắt, lồm cồm ngồi dậy.

- Gì đó?

Sườn nói nhỏ vào tai cha:

- Chú Năm Bờ về.

- Mày nói gì, hả?

- Đồng khởi tới nơi rồi! Chú Năm về.

Ông già nháy mắt mấy cái.

- Mày nói sao? Ai về? Chú Năm Bờ hả?

- Con nói vậy mà cha không nghe à?

- Sao mày biết?

- Con đi đón.

Ông già lặng người nhìn lại đứa con. Nỗi lo cho đứa con khắc khoải trong lòng ông bấy nay, giờ tan đi hết.

- Thiết vậy hả con?

- Chú Năm chú gọi lời thăm cha.

- Sao từ trước tới giờ mày không nói với tao.

- Cha nói kỳ quá. Con phải bí mật chứ! Thôi cha ngủ đi. Con phải đi.

- Mày đi đâu nữa, giờ này, trời mưa gió?

- Công việc của con bây giờ nhi... ều lắm.

- Có hợp hành với chú Năm, nói tao gọi lời tạ ơn chú, nghe không? Sườn bỏ mừng, bước ra, rồi lại quay vào.

- Gì nữa đó?

- Hôm qua con nghe cha nói cha định dỡ cái chòi củi? Cha đừng dỡ.

- Sao vậy?

- Kỷ niệm của con đó!

Ông già chợt hiểu. Nãy giờ ông tưởng nó đi chém cá ở ngoài vườn. Hai giọt nước mắt rung rung!

CHƯƠNG 23

Ngay đêm ấy, Năm Bờ về ở nhà ông Sáu. Ông Sáu Dương người già nhất trong làng. Người trong làng bây giờ đều sanh ra từ năm một ngàn chín trăm (1900) trở về sau, là người sanh ra trong thế kỷ hai mươi; chỉ có ba người là sanh ra từ thế kỷ mười chín, ba ông lão sanh cùng năm: một ngàn tám trăm tám mươi sáu (1886). Người làng ví ba ông lão như ba cây cổ thụ sau đình. Khi lớn lên và bắt đầu biết thì người ta thấy ba cây đa ấy rồi. Ba cây đa đã mọc râu, từ trên cành trên nhánh buông thòng xuống bám lại đất, biến thành rễ, và râu của ba cây đa chắc đến nỗi trẻ con bám lấy, trèo lên tụt xuống vẫn không đứt. Nhờ ba cây đa mà đình làng thêm vẻ thiêng liêng. Ban ngày lúc nào cũng mát rượi, âm u. Đêm thì người trong xóm đếm theo tiếng tắc kè đoán chuyện rủi may. Ba cây đa vẫn còn đó, nhưng người thì còn có ông Sáu. Hai ông bạn già của ông vừa mới qua đời được hai năm, thọ tám mươi hai. Ông Sáu năm nay đã tám mươi tư. Trước, ông làm thợ mộc, chuyên nghề tủ. Ông rời khỏi tay bào tay đục từ năm sáu mươi, hai mươi năm nay ông sống bằng nghề đan rổ, đan thúng, đan mẹt, đan nia... Con cái cháu chắt tủa ra khắp mọi phương trời, lâu lâu mới có một đứa về thăm. Ông sống với thằng cháu ngoại, thằng thứ hai của đứa con gái thứ mười. Mắt ông lòa, không nhìn thấy gì nữa.

- Trời hôm nay sao con? - Muốn biết trời đất ra sao thì ông hỏi đứa cháu.

- Dạ, trời nắng - Thằng Hải mười hai tuổi nhìn trời đáp lại.

- Ừ nắng, nhưng nắng ra làm sao chứ?

- Nắng sáng lắm, ở trên trời không có mây.

- Ngoài sông thì sao?

- Nhìn ra sông chói mắt lắm. Có chiếc tàu mủ của Mỹ đang chạy, chạy như bay, sóng ở đằng trước tả ra, sóng ở đằng sau như cái đuôi, dài thòng. Thằng Mỹ ở trên, da nó đỏ như cái cổ của con gà nòi.

Mỗi lần nghe bọn lính tràn vào xóm trong, ông cũng ra mí vườn, ngồi xem:

- Trên trời có cái gì con? - Ông hỏi thằng cháu ngoại.

- Trên trời, để con đếm coi một hai... ba, có sáu chiếc trực thăng! Tổ cha nó, cái đầu của nó chúi chúi xuống như cái cán gáo... Một con đâm già đen bay tè tè, một chiếc chiều hồi bay u u ở trên, còn phần lực ba chiếc bay vòng ngoài. Đó nó bắn, tổ cha nó, nó xịt xuống một lần khói.

- Có nhà ai bị cháy không con?

- Dạ, có! Kia! Kho... ó... í!

- Khói ra làm sao?

- Khói ở dưới thì đen, ở trên thì trắng.

- Ở dưới có bắn lên không vậy con?

- Sao lại không có ngoại, dữ lắm, nhưng mà đạn nhỏ quá, con không thấy.

- Có chiếc nào cháy không con?

- Một chút nữa mới cháy... Kia, ngoại ơi cháy!

- Cái gì cháy.

- Trực thăng.

- Vậy hả con. Sao? Ngồi xuống nói cho ngoại nghe coi.

- Nó đang bay. Phụt một cái. Nó phụt khói, rồi phụt lửa, khói với lửa quay quay, quay tròn như bông vụ rồi nó đâm xuống ruộng. Bỏ mẹ chưa con. Còn mấy thằng kia hoảng hồn, dạt ra hết, cho mày làm phách!

Đã hai ba năm nay, với đôi mắt lòa của ông, ông nhìn cảnh trời qua đôi mắt trong trẻo của đứa cháu.

Đêm ấy, gặp lại Năm Bờ, ông nhận ra người thân bằng cảm giác

của hai bàn tay. Ông đưa tay sờ mặt, sờ vai, sờ đầu xuống hai tay anh.

- Đúng là mày. Năm! Mắt tao lòa rồi, nhưng đồ đũa gặt được tao đó! Hải đâu, con?

- Dạ! - Chú Hải nằm khoanh con tôm trên bộ ngựa sau lưng ông, nó lồm cồm ngồi dậy từ lúc có người lạ bước vào nhà.

- Con ra ngoài cửa!

- Dạ! - Nó nhảy xuống, nhưng vẫn còn quay lại nhìn người khách, để sau đó, tả lại cho ngoại nghe.

- Trời ra làm sao con?

- Dạ, mưa vừa dứt hột, tối đen.

- Tối đen thì ngoại lúc nào mà không tối đen. Tối làm sao nói cho kỹ.

- Dạ! Mưa ngớt hột mà trời ngay trên nóc nhà, mây... a... nhiều lắm.

- Không thấy cái gì hết sao?

- Dạ thấy, chơn trời ở bên kia sông thì trống rồi, có một ngôi sao.

- Sao nữa, ở ngoài sông?

- Có sóng bỏ vôi.

- Cây cối xung quanh?

- Dạ. Cây thì đen, đậm hơn... a... ban đêm. Cái nhà bè của bà Út Nhỏ dưới bến thấy một cục đen hù.

- Nếu có người đi qua đi lại thì con có thấy không?

- Dạ thấy chớ ngoại.

- Ồ, con đi rửa mặt đi, cho nó tỉnh, rồi ngồi ở ngoài đó.

- Chú Năm về, con không ngủ đâu - Nói rồi chú nhảy ra sân đi vòng quanh nhà.

Ông Sáu cầm lấy bàn tay của Năm Bờ.

- Năm, con ngồi xuống đây, ngồi xuống.

- Dạ, ông Sáu năm nay có được khỏe bằng mấy năm trước không?

- Già rồi nó vậy. Đất sanh cỏ, già sanh tật, tao bị đau lưng. Con ngồi xuống đây, ngồi xuống đây... - Năm Bờ đã ngồi lên bộ ngựa rồi, cạnh bên ông, ông xúc động đến nỗi chưa biết bắt đầu vào chuyện gì.

- Ồ, cái này phải dặn trước! Cái hầm ngay dưới nền nhà trong buồng. Có gì động tĩnh thì con xuống đó. Chà... ít hôm nữa, nước nổi rồi... hôm rồi, cuộc hành quân canh sát của bọn nó, nhà nào nó cũng xét, chỉ trừ có nhà tao. Không phải nó nề tao già mà nó tha đâu. Nó nghĩ tao già đã gần đất xa trời rồi, nó bỏ quên. Nó thì quên, nhưng tụi con thì nhớ. Vậy, đủ biết tụi nó thua rồi... À, con cơm nước gì chưa?

- Dạ, con không đói.

- Nhà còn một đòn bánh tét, tao mua từ chiều. Còn chuyện này, nhớ tới đâu nói tới đó, để rồi quên, Hải à!

- Dạ.

- Chú Quyện tới đây mua rổ hôm nào con.

- Dạ, sáng hôm kia.

- Ồ, sáng hôm kia. Con còn nhớ Tám Quyện không?

- Dạ nhớ.

- Ồ. Sáng hôm chú tới đây mua rổ. Chú ngồi chú than chú bị thất nghiệp, em út của chú cũng bị thất nghiệp. Thằng canh sát Bá tới dụ chú vì miếng cơm, chú chưa biết tính sao? Tao mới bảo chú. “Nghèo thì cạp đất ăn, Quyện! Đừng quên anh em hồi đó!”. Năm bốn mươi, con còn nhỏ, nó cũng là đứa gác đường cho anh em treo cờ đó.

Từ cái chuyện treo cờ năm bốn mươi, giọng phều phào, ông nhắc lại:

- Tao còn nhớ, lá cờ đỏ búa liềm năm bốn mươi đó! Cây sao nhìn trệt ót, cao lắm. Không ai leo lên được. Muốn leo lên, phải lên mấy cái cây thâm thấp mọc chung quanh rồi quăng dây lên nhánh leo chuyền qua. Cờ cắm

lên ngọn xong rồi tao với ngoại con với anh em thợ mộc đem cưa ra, cưa hết mấy cái cây thâm thấp đó, cưa tới sáng đêm. Cờ treo theo dây thép ở giữa sông, tụi Tây nó cho cắt dây thép, còn lá cờ trên ngọn sao thì bọn nó, không đưa nào leo nổi. Lá cờ trên ngọn sao! Cha ơi, cứ phát phới tới bảy tám ngày sau. Chẳng biết làm sao mà hạ xuống, cuối cùng nó phải bắt lính cưa đứt cây sao. Cây sao ngã xuống mặt sông, dùng một cái, như tiếng bom nổ. Cái gốc nằm trên bờ, cái ngọn ở tuốt ngoài kia. Cha ơi, nước ròng nước lớn, con nước nào cũng xoáy cũng vẩn theo tàn lá. Nước tràn qua thân cây, ầm ầm như thác đổ, suốt mấy năm trời. Con còn nhớ không?

- Dạ, con nhớ.

- Cây sao bốn mươi năm ngay cửa nhà này. Mất tao lò, tối đen. Nhưng hễ buồn là tao ngồi ngay cửa, nhìn xuống bếp. Ờ. Nói vòng vo tam quốc quá, tao lại nói chuyện Tám Quyện. Trong lúc trò chuyện Tám Quyện nó còn nhớ ba của con.

- Chú Quyện còn nhớ ba con?

- Muốn quên một người tốt đâu có dễ! - Đang câu chuyện chợt nhớ đến điều gì, ông lại gọi cháu.

- Hải à?

- Dạ.

- Trời đất ra làm sao rồi con?

Tiếng của thằng Hải ngoài sân nói vọng vào:

- Mây bay qua khỏi nóc nhà rồi.

- Ờ.

- Trên trời có sao. Cái gì con cũng thấy mờ mờ. Cái nhà bè thấy rõ rồi, nhô lên hụp xuống. Ngoài sông sóng bô vôi. Sóng đập lên bờ rồi. Ầm ầm, ngoại nghe không?

- Cái đó thì ngoại nghe.

- Hải ơi, cháu buồn ngủ chưa? Cháu!

Thằng Hải chạy vào, đứng ôm cột nhà, nhìn vào:

- Cháu tỉnh lắm, chú Năm. Chú Năm dầm mưa nãy giờ, lạnh, chú hút thuốc đi; ở ngoài nhìn vô thấy như con đom đóm, không sao đâu. Cháu ngồi gác. Chú nói chuyện với ngoại cháu nữa đi. - Nói rồi, không đợi Năm Bờ trả lời, chú lại nhảy qua sân, đi vòng quanh nhà, lần này chú tính một vòng rộng hơn.

- Chuyện chú Quyên sao nữa, ông Sáu? - Năm Bờ hỏi.

- Ồ. Nó cũng nhắc tới con. Nó nói với tao là nó nghe con bị thương.

- Chú biết con về chưa?

- Cái đó, nó không biết. Con làm sao cho người nhắn với nó một câu.

- Dạ.

- Tội nghiệp! Nghe nó nói vậy, tao cho nó hai cái rổ. Tao già cứ hay nghĩ lẫn thân. Người trong làng bây giờ chẳng khác mấy cái thanh tre, ngổn ngang, xếp lớp dưới nền nhà đó. Có cái đã vót thành nan rồi. Nan mà để ròi rạc thì chẳng làm được gì. Phải đan lại thì mới thành cái thúng cái mủng. Người cũng vậy. Người tốt có người xấu có. Người xấu thì lấy lời khuyên bảo họ. Tốt rồi mà ròi rạc, đèn nhà ai nấy tỏ thì cũng như không. Phải đan lại. Tao thì tao chỉ biết đan thúng đan rổ. Đan người lại với nhau là chuyện của người cách mạng của tụi con.

Rồi chợt nhớ điều gì, ông gọi cháu:

- Hải ạ!

- Dạ.

- Con đóm đâu?

- Nó nằm dưới bếp.

- Gọi nó ra đây cho ngoại biểu.

Thằng Hải bước vào tróc lười. Con đóm nằm dưới bếp, chạy xỏ

lên.

- Nó đây ngoại.

- Đóm lại đây con.

Con đóm đứng chồm lên, bỏ hai chân trước lên vế ông. Ông đưa tay vuốt đầu nó, rồi cầm hai chân nó đặt lên đùi Năm Bờ.

- Chú Năm của mày đây. Biết chưa? Năm, con nhỏ nước miếng vô miệng nó cho nó quen người quen hơi.

Con đóm thè lưỡi rồi liếm tay Năm Bờ, vẩy đuôi mừng rối rít.

- Thôi được rồi, con! Thăng Hải ở cửa trước, còn con thì ở cửa sau. Thấy ai lạ thì sửa nghe chưa? Hải a!

- Dạ.

- Cho con đóm ăn uống cho đầy đủ nghe con...

Lúc đầu, Năm Bờ định ghé thăm ông, nhân đó, tìm hiểu thêm bà con lối xóm. Nhưng qua câu chuyện với ông, anh quyết định: ở hẳn trong nhà ông. Nhà của Mười anh dành làm điểm dự bị cho Sáu Linh.

Nhà ông tách ra khỏi xóm nhà dài theo con lộ đá một bãi dâu. Trước nhà là bến sông. Quanh nhà không vườn tược, chỉ có vài ba bụi chuối lơ thơ. Nhà ông vừa chơi loi vừa trống trải. Nhà ông ở vào một vị trí bất lợi, khó thoát thân. Nhưng kinh nghiệm của anh, trong những ngày đen tối, khi sống trong vòng vây của kẻ thù, nếu tìm thấy được sơ hở của bọn chúng, thì đó chính là nơi an toàn; anh đã từng sống, hoạt động và tồn tại ở những nơi đó. Cũng có nơi tưởng là sơ hở, nhưng chính là cái bẫy của bọn chúng đã dọn cho ta đến. Ngôi nhà này, chính là sơ hở của bọn chúng, ngôi nhà nhỏ của một người già đã bị chúng bỏ quên. Đây chính là căn cứ vững chắc của anh. Và sự vững chắc ấy cũng chính là tấm lòng của ông.

Thế là trong đêm đầu vào áp chiến lược, anh đã tổ chức được một tổ du kích mật và đã tạo cho mình một căn cứ.

Đêm ấy, hai ông cháu ngủ cùng giường, buông trong. Chú Hải nằm

ngoài, nằm khoanh như một con tôm trên bộ ngựa trái chiều.

Sau những cơn sốt, người ê ẩm, sau một đêm lặn lội mệt nhọc, được nằm trong ngôi nhà yên ổn, anh tưởng ngả lưng xuống là ngủ ngon lành. Anh nhắm mắt, nằm im nhưng không tài nào ngủ được. Tiếng gió và tiếng sóng giữa bờ sông vừa ru cho anh, vừa làm xôn xao cả giấc ngủ của anh.

Nhà của ông Sáu với nhà của bà Chín - chỗ của Sáu Linh, cách nhau một tiếng hú. Đến gần sáng, anh mới thiếp đi.

Theo thói quen của người già, ông Sáu dậy sớm. Ông ngồi trên bộ ngựa, vót nan. Thăng Hải cũng dậy theo ông. Nó xuống bếp nấu nước, pha trà cho ông.

Thấy Năm Bờ ngủ ngon, hai ông cháu không nỡ gọi. Sáng sớm, theo sáng kiến của cháu, ông đem tất cả rổ rá ra sân, để người mua khỏi phải vào nhà. Còn Hải, chú không rời khỏi bộ ngựa. Chú nằm khoanh con tôm, cạnh bên vách buồng, mắt nhìn ra cửa, canh cho chú Năm ngủ. Chờ cho chú Năm dậy, bung cho chú một ly nước trà, đẩy hằm cho chú Năm xong, chú mới tot ra chợ.

Đêm sau, Năm Bờ đến thăm gia đình khác. Nhà còn hai ông cháu. Cũng như đêm qua, đêm kia, và những đêm khác, nhà không đốt đèn. Cái đèn để trên bàn thờ chỉ đốt khi có người đến chơi, hoặc cần tìm kiếm cái gì mà thăng Hải lục không ra. Ông thích ở thâm. Ông ngồi trên bộ ngựa vót nan. Thăng Hải nằm sau lưng, con đóm nằm sau bếp, giữ cửa sau. Ông vừa vót nan vừa hỏi:

- Con thấy chú Năm con làm sao?

Ông hỏi cháu không phải để biết hình dáng hay mặt mũi của Năm Bờ, mà để hiểu tình cảm của đứa cháu đối với anh. Qua câu trả lời của cháu, ông sẽ biết đứa cháu của mình thương ai ghét ai. Có hôm ông hỏi:

- Mặt mày ông canh sát Bá ra sao con?

- Mặt như cái giàn hành sập!

Mặt người mà ví như cái giàn hành bị sập thì thật khó hình dung, nhưng ông hiểu và ông cười.

- Còn mặt của ông đại diện Phiến?

- Mặt của ông đó, khi ông ngồi một mình thì chừ bự như cái bánh bao thiu tiệm chú Phôi. Cái gì cũng ăn, mặt có nọng như heo.

- Còn mặt của đại úy Long con bà Út Nhỏ.

- Như con gà vậy đó ngoại. Phùng xòe phách lắm. Cứ rướn cái cổ lên mà gáy o o. Nhưng là con gà rút, hễ đụng du kích thì vỗ hai cánh, rút vô bụi rậm.

- Còn thằng Minh?

- Thằng đó ưa bận cái quần màu cứt gà sập, thôi hoặc...

Hải đã quen câu hỏi như vậy của ông, chú lồm cồm ngồi dậy nhìn ra cửa.

- Tối hôm qua chú bận bà ba đen, hiền lắm.

-Ờ.

- Chú bị thương ngay con mắt. Chú có một con mắt giả, giống như con mắt thật.

- Phải hay trái?

- Trái.

- Sao nữa.

- Chân mày của chú đậm. Mũi của chú cao cao.

- Mũi vậy là mũi dọc dừa.

- Mũi dọc dừa. Tóc của chú chưa bạc. Nước da của chú bị nắng ăn, con hỏi sao chú ốm, chú nói là chú bị sốt rét rừng.

- Da chú Năm mày xấu lắm không?

- Xấu mà con thương.

- Mai, con coi nhà ai lấy thúng lấy rổ mà chưa trả tiền, con đi đòi,

rồi ra chợ mua hai con vịt xiêm già.

- Đãi chú sao ngoại đãi vịt xiêm già?

- Mua về nuôi. Mỗi ngày chích cái mồng nó, lấy máu pha rượu cho chú Năm mày uống.

- Chi vậy ngoại?

- Cho mau lại máu! Hồi trước mấy chú bị đày ở Côn Đảo về da người nào người nấy xám xịt như đất. Uống máu vịt xiêm như vậy chừng một tháng, người nào cũng hồng hào.

- Sáng mai con đi mua ngay. Tiền không đủ thì con đập con heo của con. Con heo của con bữa nay đầy nhóc.

- Nhưng phải kín, đừng cho chú Năm mày biết, chú có nói chuyện gì với con không?

- Chú hỏi con sao không bận áo mà ở trần trụi vậy. Con nói áo con có tới hai ba cái lận. Nhưng con bắt chước ngoại hồi nhỏ, ở trần cho nó quen, sống lâu, chú cười.

- Từ sáng tới giờ, mấy người tới nhà, có ai dòm ngó gì không?

- Dạ không. Nhưng mà mấy bà cứ luông tuông. Mai ngoại cũng đem rỏ đem thúng để ngoài hiên, đừng để người ta vô nhà.

- Đừng làm vậy, người ta để ý. Một bữa nay thôi, trước sao thì bây giờ vậy.

- Chú nằm dưới hầm, con thương quá. Để rỏ để thúng ngoài đó, người ta không vô nhà để chú lên giường chú nằm, con chơi ở ngoài con gác, hễ động tĩnh thì con tăng hăng, chú thụt xuống.

- Chú là người cách mạng đang ẩn náu trong nhà mình, chớ phải là khách đâu mà giường với chiếu. Nhưng để ngoại tính lại coi.

- Ngoại tính gấp đi. Nước bữa nay đầy bờ rồi. Ít hôm nữa, nước ngập, hầm nước không, chú làm sao nằm.

- Chuyện đó để cho ngoại lo. Con bước chân ra ngoài cho ngoại

cái.

Thằng Hải bước xuống đất. Ngày cũng như đêm, lúc nào cũng vậy, một cái quần đùi, lưng trụi trụi đen thui. Nó bước ra hiên.

- Đêm nay trời không mưa. Trời cao thiệt là cao, xanh thiệt là xanh, dòm đâu cũng thấy sao. Sao ngay trên nóc nhà một chòm dày đặc. Rặng cây bên kia con cũng thấy, xanh rì, giữa sông có ba chiếc ghe chèo. Sóng bò lên tới bờ rồi. Nó đập vô bờ đó, a... o... ào, a... o... ào.

Rồi chợt nhớ điều gì, nó chạy vào, kề miệng sát tai ông Sáu:

- Hồi nãy con quên, chú Năm có hai trái lựu đạn da lạng!

CHƯƠNG 24

Một buổi sáng của thằng Bá cảnh sát.

Trong phòng làm việc, một thiếu niên đứng trước mặt hắn. Hắn hỏi:

- Sao chưa đi quân dịch.
- Tui chưa tới tuổi.
- Bao nhiêu mà chưa tới? - Hắn quát, trợn mắt làm ra vẻ nổi giận.
- Qua Tết, tui mới mười sáu.
- Mười lăm mười sáu gì mà chổng ngồng vậy, hả?

Chú thiếu niên chẳng biết phải đáp lại thế nào câu hỏi đó của hắn.

Chú cúi mặt như muốn nhìn lại tầm vóc của mình.

- Sao làm thỉnh vậy vậy?
 - Dạ...ạ... ạ!
 - Nhà mày vừa rồi đem ra được bao nhiêu xoài, mấy xuồng.
 - Dạ, hai xuồng.
 - Hai chục hả?
 - Dạ, hai thôi.
 - Bao nhiêu tuổi? - Hắn lại hỏi.
 - Qua Tết tui mới mười sáu.
 - Mười lăm mười sáu gì mà chổng ngồng vậy hả?
- Lần này, chú thiếu niên không nhìn xuống nữa, chú đáp:
- Dòm mặt tôi mà ông không đoán được sao?
 - Mày là mặt dân vùng giải phóng, tao làm sao đoán được,

khai sinh cũng không có, tao làm sao biết.

Đang ngồi, bất thần hắn bật đứng dậy, lại trợn mắt nhìn thằng nhỏ:

- Cởi quần ra.

Chú thiếu niên nhìn lại hắn vừa ngó vừa ngo ngác.

- Tao biểu mày cởi quần ra. Dòm cái mặt dưới của mày thiệt hơn.

Cởi ra!

À! Té ra là vậy, tưởng gì chứ cái đó thì có khó gì, không một chút ngần ngại, chú cúi xuống, mở sợi dây lưng quần, tuột xuống, rồi hẩy cái đít lên.

- Thôi! Kéo lên. Ra! Đứa khác!

Nghe nó hét. Chú không kịp buộc lại dây lưng, hai tay xách lấy lưng quần, chạy ra. Một chú thiếu niên khác đang ngồi đợi ở ngoài quay lại hỏi.

- Nó bắt cởi quần cho nó coi.

- Thiệt sao?

- Thằng nào có thì nhô đi.

Có một chú nghe vậy, liền quay mặt vô vách, thọc tay vào túi quần, mặt nhăn nhăn.

Nhìn vào mặt dưới của năm chú thiếu niên, buổi sáng hôm ấy, cảnh sát Bá kết tội hai chú giấu tuổi trốn quân dịch. Mỗi chú bị phạt một trăm ngàn đồng (100000) giá có sẵn.

Người cùng cùng là chị Nở. Chợ đang nhóm, chị phải gởi thúng xoài cho một cô bạn, theo chân hai tên cảnh sát, bước vào nhà việc, đứng trước mặt hắn. Hắn hỏi:

- Sao?

- Sao là sao ông cảnh sát?

- Tôi giỡn với cô sao mà cô hỏi dân lân vậy?

Hắn thấy nực, hắn đưa tay cởi cúc áo, rồi hắn hỏi:

- Con nhỏ lớn của cô đâu?

Chị vẫn không nao núng, mặc dù cái mặt cọp trên bộ ngực của hắn

đang nhìn chị, nhe răng. Chị đáp:

- Tôi để nó ở lại coi vườn.

- Vườn tược gì mùa này?

- Vườn tược không coi thì sang năm lấy gì mà ăn, ông cảnh sát?

- Máy người định đấu lý với tôi sao chứ? - Hấn cầm cái vạt áo quạt lia lia, như muốn thúc cái mặt cọp nhảy xô ra.

- Chuyện có sao tôi nói vậy, tôi đấu đá gì đâu.

- Tôi không có thì giờ để cà kê dê ngỗng với mấy người. Nói trắng ra, để con gái ở lại trong đó là có tội. Một trăm!

Chị không ngờ hấn kết luận câu chuyện nhanh gọn đến như vậy. Một trăm mà hấn nói có nghĩa là một trăm ngàn đồng! Có mấy người để con lại trong ấy, mỗi người đã phải nộp cho hấn đúng một trăm ngàn đồng, sáng hôm qua. Không thể nào thoát được, nhưng chị vờ như không hiểu. Chị cúi xuống, móc túi. Hấn đưa mắt nhìn theo mấy ngón tay gầy xanh xao của chị. Chị rút tẩm giấy một trăm. Chị vừa đặt tờ giấy một trăm xuống bàn thì tay của hấn cũng vừa phúi tờ một trăm bay xuống cùng với cái đấm bàn và tiếng thét:

- Một trăm ngàn.

- Ông ăn gì mà sát đức bất nhơn, ông cảnh sát?

Hấn tức đến lồng lên, nhưng chẳng biết làm gì, hấn đứng bật dậy, cựa quậy hai cái vai, cái mặt cọp trên ngực hấn cử động, nhưng vẫn cứ dính sát vào da, hấn quay qua quay lại, rồi bước sang phòng bên, hấn gọi:

- Minh đâu?

- Dạ. - Thằng Minh cũng đang ngồi bàn giấy, nó bước tới...

- Mày qua nói chuyện với con mẹ Nở cho tao. Nói chuyện với nó tao nực lắm.

- Chuyện tới đâu mà anh nực?

- Giá có sẵn, nó biết mà nó dám trêu gan tao. Nó móc túi đưa tao

tám giấy “cent”, làm như tao dối, tao xin tiền ăn hủ tiếu vậy?

- Anh để đó cho em.

Thằng Minh là thằng chịu khó, biết ngọt ngào. Còn thằng Bá, vẫn còn cái thói quen của thằng đứng bến xe. Mở miệng là chửi thề, giữa câu chửi thề, và cuối câu cũng chửi thề. Đối với lính thì nạt nộ, bạt tai, tự xưng là đại ca. Trước đây, hồi thời Pháp, đối với dân trong vùng hấn chiếm đóng, hấn là hiện thân của quỷ sứ. Đánh dân bằng chày vồ hai màu, một đầu màu xanh một đầu màu đỏ. Tội đánh bằng đầu màu xanh là tội phải lo tiền. Tội đánh bằng đầu màu đỏ là tội chết. Người dân vùng đạo Hòa Hảo gọi đó là chày vồ đầu sinh đầu tử.

Cái thời ấy đi qua, nhưng hấn thì vẫn còn - Thời này cũng vậy, nhưng phải làm cách khác, hấn không quen. Theo hấn, nói trắng ra, hấn thường nói với bạn bè như vậy, thời trước thì làm Việt gian cho Tây, thời này thì làm Việt gian cho Mỹ, khác gì? Cộng hòa với cộng hòa, quốc gia với quốc gia, bày đặt. Được làm vua, thua làm giặc, ăn không được phá cho hôi, nói trắng ra, kẻ trên người dưới gì cũng vậy?

Công việc sáng nay không được trôi chảy, hấn đâm bực, bực lây với ông đại diện Phiến. Thời Tây, cái thời hấn làm trưởng, vùng nào hấn chiếm đóng, trên trời dưới đất đều thuộc vào hấn, một tay. Tề xã phải cúi đầu. Bây giờ quyền hành phải chia năm xẻ bảy. Dân lại cứng đầu, đầu tới, đầu lui. Trong việc phân chia, thằng đại diện Phiến đã giành lấy miếng ngon, còn hấn thì gặm xương. Một cái thằng trông lúc nào cũng bề vệ đứng đắn và đa mưu. Hấn đến chơi nhà này, rủ rủ vài câu, đến nhà khác, kê miệng vào tai người ta thủ thỉ vài điều, thế là thiên hạ hiềm khích nhau. Còn nó thì nó đứng ngoài. Lại nịnh nọt, được lòng cấp trên. Còn thằng Long thì lúc nào vỗ ngực chiến sĩ quốc gia, trống rỗng như một cái thùng không.

Bá bước ra khỏi nhà việc, trong lúc bực bội hấn đi thẳng xuống bến tàu.

Trong lúc đó, thằng Minh bước qua phòng.

- Chào chị Nở. Chị ngồi xuống - Hấn ngồi lại cái ghế của thằng Bá.

- Chị làm sao mà để ông nổi giận vậy chị? Chị ngồi đi, đứng lâu mỏi chân.

- Tôi đứng được rồi, chú nghĩ coi.

- Dà, chị cứ nói.

- Mùa xoài vừa rồi tôi được có mấy xuống đầu mà ông đòi ăn một trăm ngàn!

- Chị ngồi đi. Tôi nói vậy cho chị nghe. Trước sau rồi cũng vậy, nói tới nói lui làm chi cho mệt.

Chị Nở ngồi xuống ghế, nhưng chỉ ngồi một bên mép cho có chừng:

- Chánh phủ đang hô hào chống nạn tham nhũng, báo nào cũng đăng, đài Sài Gòn nào cũng nói mà ở đây thì hờ ra là tiền, ai chịu nổi.

Thằng Minh được cái là ai nói gì nó cũng gật đầu, nhưng mặt thì lạnh như tiền:

- Chị nói đúng. Nhưng xin chị hiểu cho là ở đây tiếng là chi khu, đêm thì có đèn điện, nhưng vẫn là nhà quê. Lý lẽ thì đúng nhưng ai nghe. Chị nghĩ kỹ coi, tôi nói có đúng không! Có phải như ở Sài Gòn đâu. Mà ở Sài Gòn thì cũng vậy thôi. Ở Sài Gòn người ta có cái cách của Sài Gòn, người ta ăn bạc triệu; ở nhà quê, người ta cách của nhà quê, ăn bạc ngàn!

- Nói như chú vậy có nghĩa là...

- Dạ phải! Chị là người vùng giải phóng, ở trong đó khác, ngoài này khác! Ở trong đó người ta nói lý nói lẽ, nói tình nói nghĩa, còn ở đây thì nói quyền với tiền. Nếu chị ở trong đó thì ai người ta dám vô đó tống tiền chị. Chị ra đây chị phải theo đây, con cá trong rọ, vùng vẫy chỉ làm cho mình trầy vi tróc vảy, ích gì.

- Nói như chú vậy....

- Chị để tôi nói hết - Nó cắt lời chị - nếu chị làm cho ông giận, ông

ra lệnh bắt giam chị, thì ai người ta dám vô đây binh chị? Ông buộc tội là chị cho con theo Việt cộng, chị cãi sao trôi? Chị ngồi trong tù, mấy đứa nhỏ ai lo? Muốn ra tù chị phải tốn tiền. Đến chừng đó, không phải một trăm mà là hai hoặc ba trăm. Tiền với con, cái nào quý hơn? Chị nghĩ kỹ đi. Ở trong tù nếu không bị đánh đập, nếu không ai đụng chạm gì tới chị, ra tù, người ngoài biết chị thế nào? Còn anh, anh ở trong kia...

- Thôi. Chú đừng nói nữa! - Chị không chịu nổi sự thật cay đắng qua lời lẽ của nó. Chị muốn đưa bàn tay vả vào cái miệng hôi thối của nó, chị nắm lấy vạt áo, giận run. Nó thấy chị giận đến tím môi, nhưng mặt nó vẫn lạnh, nó tiếp:

- Tôi biết, chị với bà con trong đó, không ưa tụi tôi. Trước sau gì dân chúng cũng nổi dậy, tụi tôi bị liệt vô loại ác ôn rồi, không được khoan hồng đâu. Ở trong làng những đứa như tụi tôi, có đứa nào sống đến hai thứ tóc đâu, có đứa ăn không được một mùa lúa, nhưng chừng nào tới đó rồi hăng hay, tụi tôi xin chịu đứt đầu. Còn bây giờ thì... chị nghĩ kỹ đi. Tôi không ép.

Nó nói rõ ràng và lạnh lùng đến vậy thì còn nói gì được nữa. Chị cứ nhìn thẳng vào mặt nó, cũng mặt người mà sao trở như đá.

- Nhưng tôi không có đủ một trăm ngàn thì làm sao?

Nhìn cái mặt của nó, tởm quá. Chị móc hết hai túi, hai tay cầm hai nắm bạc, đập xuống mặt bàn trước mặt nó, chị giận đến lạc tiếng, giọng the thé:

- Tôi có bấy nhiêu đó, lấy hết đi. Chê ít thì hốt cứt mà ăn. Muốn bắt thì bắt.

Chị đứng dậy, nghiêng người thách thức. Mặt nó vẫn trở như đá, lạnh như tiền.

- Bắt giam chị thì sướng ích gì tôi. Chị cứ để đó ông sẽ đếm. Thiếu đủ gì, tôi sẽ lựa lời nói lại với ông.

Chị bước nhanh ra để nước mắt đừng rơi trước mặt nó.

Trong lúc đó, thằng Bá đứng dưới bến sông, dòm ngó ba chiếc tàu dò của mình đang rộn ràng đưa đón khách. Một chiếc tách bến, rúc còi, chạy ra sông.

Hắn có thói quen, khi có điều gì bức bối là hắn xuống bến, nhìn những chiếc tàu - của cải của mình, lòng nó lại khuây khỏa. Nhìn theo chiếc tàu để lại phía sau một đường sóng, hắn thấy vui vui. Hắn trở lên, đi ngang chợ, thấy chị Nở đang ngồi sau thúng xoài, hắn biết là chuyện đã giải quyết xong. Hắn thầm khen thằng Minh. Thằng nhỏ mà khôn khéo. Như con nhện cái, nó có tài giăng lưới.

Trong công việc của hắn, gặp điều gì rắc rối khó khăn, hắn đều nhờ đến thằng Minh. Nhưng chỉ có thằng Minh, hắn thấy chưa đủ. Theo cái đầu óc dốt nát của hắn, hắn gọi thằng Minh là quan văn. Hắn cần thêm một quan võ nữa, quan võ theo cái nghĩa của hắn là dân anh chị, là người có bàn tay sắt, dùng để tra khảo tù nhân. Hắn nghĩ đến ông Tám Quyện, tay anh chị lâu đời ở trong làng, ai cũng biết. Lúc mới nhận chức cảnh sát trưởng, hắn đã nghĩ đến ông. Hắn mời ông ra cộng sự với hắn, nhưng chuyện không thành - Ông Tám Quyện một mực từ chối. Bây giờ, ông Tám Quyện đang thất nghiệp, lại phải đỡ đầu cho một đám em. Cách đây mấy hôm, hắn lại mời ông và lại bị ông từ chối. Nhưng lần này, ông từ chối không quyết liệt như lần trước. Ông không nhận, nhưng có bỏ thòng một câu: “Chú để cho tôi nghĩ lại”. Hắn đoán biết giờ này chắc ông hãy còn ngồi trong tiệm cà phê. Hắn rảo bước đi nhanh đi lại tiệm chú Phôi.

CHƯƠNG 25

Tiệm chú Phôi, một cái tiệm lâu đời ở chợ làng. Chú Phôi đã chết đi từ đời nào đời nào rồi, chẳng ai nhớ, cũng có người không biết ông chủ tiệm ấy ra sao, nhưng cái tiệm ở đầu phố ấy, vẫn còn mang tên của ông, tiệm chú Phôi. Tiệm bán đủ món ăn và thức uống: bánh bao, xí mại, giò cháo quẩy, bánh phình, hủ tiếu, cà phê sữa, nước đá. Tiệm chú Phôi đã vắng khách và chợ cũng đã tan rồi, nhưng ông Tám Quyện vẫn còn ngồi. Ông ngồi chồm hổm trên chiếc ghế đầu, một mình một bàn, trong một góc. Ông Tám Quyện, gần sáu mươi nhưng vẫn khỏe mạnh, gân guốc, nước da màu đồng điều, con người cao lớn, dềnh dàng, sần sùi góc cạnh như một bức tượng. Ông ăn mặc khác lạ hơn mọi người. Lúc nào ông cũng mặc quần đùi đen, áo xá xầu cũng đen, đầu cũng đội nón phớt đen. Không hề thấy ông mặc kiểu quần áo nào khác, ngoài cái kiểu: quần đùi với cái áo xá xầu ấy, dù ở bến xe, bến tàu, trong tiệm nước, hay ở bất kỳ đâu. Ông có thói quen, ngày nào cũng vào tiệm cà phê, một ngày ít nhất là ba bữa. Có tiền hay không có tiền, điều đó ông không nghĩ tới. Có tiền thì ông trả, không có tiền thì ông ngồi đó, trước sau rồi cũng có một thằng em, bước vào, trả cho ông.

Ở mỗi đường này, đường sông có ba hãng tàu, đường bộ có ba hãng xe. Đường xe, ông đứng bến cho hãng Ứng Hòa, bến tàu ông đứng bến cho hãng Vạn Ký. Sau lưng ông, ông có một đàn em. Nhưng mấy tháng nay, từ ngày đường tàu và đường xe quy về một mối, dưới bến là tàu của cảnh sát Bá, bến xe là xe lam của đại diện Phiến, hai người chủ mới này giành khách và giành bến với những chủ cũ không phải dựa vào dân anh chị mà bằng quyền lực và súng ống. Chủ cũ bị phá sản. Không ai giành khách, giành bến với ai, ông và cả đàn em của ông bị thất nghiệp. Túi không tiền, nhưng ông

không bỏ được thói quen vào tiệm cà phê.

Sáng nay, cũng như sáng hôm qua, hôm kia, sau khi uống xong, ông vẫn ngồi đó, ngồi chồm hồm trên chiếc ghế đầu, đợi một thằng em. Thấy mặt một thằng đàn em vào tiệm ông gọi cho nó một ly. Thằng em bắt chước ông, cũng ngồi chồm hồm. Nghe qua câu chuyện dài dòng của thằng em, ông biết thằng em cũng như ông, không một xu dính túi. Dù không một xu dính túi, ông vẫn giữ được cái tánh hào phóng của một đàn anh, ông bảo:

- Thôi, mày có việc mày cứ đi, để đây cho qua trả. - Thế là trên bàn của ông thêm một ly chưa trả tiền. Và ông lại ngồi đó chờ đĩa khác. Thấy một thằng đàn em bước vào, tưởng nó có tiền, ông vừa nhướn mày chào vừa gọi cho nó một ly. Người hủ ki thấy vậy, mừng cho ông, tiếng rao của anh ta cũng vui hơn “Dách cô fê nại xú xịa thòn lầy...”. Tiếng rao của người hủ ki trầm bổng, ngân nga; kéo dài như một câu hát. Rồi qua câu chuyện dài dòng của nó, ông biết nó muốn đùn ly cà phê cho ông, nhưng ông không để lộ ra điều gì cho thằng em thấy khó xử.

Ông bảo với thằng đàn em như những lần đã sẵn tiền.

- Thôi mày có việc mày cứ đi, để đây cho qua trả. - Sáng hôm qua, hôm kia, và những hôm trước, trên bàn của ông nào ly nào đĩa cứ chồng lên nhau trước mặt ông. Cuối cùng rồi cũng có một thằng đàn em bước vào, nón phớt đội lệch, mồm ngậm điếu thuốc, mặt hớn hở. Rồi sau khi uống xong, nó gọi hủ ki đưa tay đánh một vòng qua bàn, bảo với giọng kiêu hãnh:

- Thầy xu!

Đến lúc đó, ông mới rời khỏi ghế! Nhưng sáng nay xúi quẩy làm sao, ly tách trước mặt ông đã đầy bàn rồi, mà chưa thấy một thằng đàn em nào tới. Người chủ già hiểu được tình cảnh của ông, bằng thái độ của một ông chủ biết chiều khách, ông ta đến chào ông, tỏ ra sẵn sàng và hài lòng được để cho ông thiếu, chỉ xin ông cho phép hủ ki được dọn đĩa ly cho gọn, nhưng ông khoát tay.

- Để tôi trả! - Ông đáp lại với vẻ nhục nhã mà lạnh lùng. Nếu cái bàn được dọn đi thì ông ngồi lại đó với cái gì? Và ông vẫn cứ ngồi lại đó, ngồi chồm hổm lên ghế đầu.

Lúc đó, cảnh sát Bá bước vào tiệm. Nhìn lên cái bàn đầy ly đầy đĩa trước mặt ông, nó hiểu. Ra vẻ nhún nhường, nó khom mình:

- Chào đại ca.

Đứng về vai vế của làng anh chị, thằng Bá thuộc vào bậc đàn em của ông. Ngực nó xăm mặt con cọp, ngực ông thì xăm rồng, một con rồng đang lộn trong mây, nằm trọn trên bộ ngực to tướng của ông. cảnh sát Bá kéo ghế, ngồi cùng một bàn với ông:

- Đại ca uống thêm?

- Tôi uống rồi, đầy bàn đó, chú uống đi.

Thằng Bá gọi một ly cà phê. Nó vừa quây cà phê vừa nói chuyện với ông:

- Sao đại ca?

- Mày nghĩ tới tao, tao cảm ơn! Nhưng tao ngẫm. Cái làng dao búa của mình, mày biết, mỗi lần hành sự, mình phải đề phòng, không thì bị người ta lấy theo. Còn công việc của mày, tao ngẫm, mình đánh đập người ta mà người ta không dám đánh lại, coi sao được?

- Đánh người ta mà người ta không dám đánh lại, vậy mới sướng chứ, đại ca.

- Làm vậy sao gọi là anh hùng?

- Nói trắng ra thì cũng vì miếng cơm thôi, đại ca?

Ông Tám Quyện nghe nhói đến tận tim. Vì miếng cơm? Ông ngồi lặng thinh. Vì miếng cơm mà ông bước chân vào làng đao búa. Cái miếng cơm ấy bị cướp mất rồi. Bây giờ nó mang miếng cơm đến như cái miệng đói của ông.

Thằng Bá uống xong ly cà phê, nó gọi hủ ki, vẩy tay qua mặt:

- Tính hết!

Nó muốn làm nhục ông bằng miếng cơm, bây giờ nó muốn vung tiền ra trước mặt ông nữa. Là dân anh chị, nhưng ông là người trọng nghĩa khinh tài. Không nhịn được, ông chụp lấy bàn tay nó. Bàn tay nó nhỏ như con chim trong bàn tay ông, ông nhìn thẳng vào mặt nó:

- Phần của tao mày để tao.

Thằng Bá ngượng đến đỏ mặt, nhưng nó không dám giận, nó cười, cười giả lả cho qua. Cảnh sát Bá đi rồi, tức mình mà không biết làm gì, ông gọi thêm một ly nữa, uống cho đỡ ghét.

Chợt có một chú nhỏ không thuộc đàn em của ông bước vào, lễ phép cúi đầu chào:

- Thừa chú Tám!

Qua cái cung cách chào hỏi đó, đủ biết là ai rồi. Không phải những tay em của ông, nhưng chú lại kéo ghế ngồi cùng bàn với ông, gọi hủ ki:

- Cho tôi một ly cà phê.

Người hủ ki có đôi mắt quen nhìn khách, biết đây là một chú nhỏ mới tập tành, và cũng biết đây là ông khách đang có tiền, chú ta bèn cất tiếng bảo pha một ly cà phê để nhiều đường qua giọng hát trầm bổng và kéo dài.

- Dách cô phé nại tổ tổ thòn... a...

Chú nhỏ cầm cái muỗng, khuấy đường, rồi múc từng muỗng. Cái muỗng có đục ba cái lỗ nhỏ, nó vừa múc lên, chưa đưa đến miệng thì cà phê đã chảy xuống hết rồi. Đúng là một thằng nhỏ chưa biết uống cà phê.

- Cháu đổ vô đĩa cho nó nguội mà húp. - Ông bảo chú nhỏ, nhưng chú nhỏ không thiết uống cà phê, chú hỏi:

- Thừa chú Tám, lâu nay chú có khỏe không?

Ông không đáp mà hỏi lại:

- Cháu tên gì?

- Dạ, cháu tên Sườn.

- Cháu con ai?
- Dạ, cháu là con của Hai Mậu.
- Hai Mậu xóm nhà ông Sáu Dương phải không?
- Dạ thưa phải.
- Bữa nay cháu đi đâu mà ghé qua đây?
- Dạ, cũng có chuyện.
- Thôi, uống đi, nguội hết.

Thằng Sườn cầm ly, húp một cái rột, thấy vậy, ông bật cười. Uống xong, chú rụt rè:

- Thưa chú Tám. Bữa nay cháu có tiền, chú cho cháu trả hết cái phần của chú.

- Nếu cháu có lòng tốt! - Ông đoán chắc là một thằng nhỏ đang bước vào nghề, muốn kiếm ông làm đại ca.

Hủ ki tính tiền xong, cả thầy là bảy ly. Nếu là đàn em thì vậy là xong, ông sẽ bỏ chân xuống ghế, bước ra cửa. Nhưng đây là một đứa lạ, ông muốn nắn nã hỏi vài câu:

- Tiền đâu mà cháu trả cho chú?

- Dạ... ạ... dạ...

Thấy nó ngập ngừng, dăm nghi, ông nặng lời:

- Sao vậy?

- Dạ... ạ... tiền, không phải của cháu.

- Ủa.

Hai con mắt ông trợn ngược lên.

- Cảnh sát Bá giao tiền cho mày hả? - Giọng ông gầm gừ trong cuống họng và vừa nói vừa nghiêng.

- Dạ thưa không.

- Vậy chớ của ai?

- Dạ... ạ của một người quen với chú.

- Người quen của tao?

- Dạ.

- Mà nói sao mà tao nghe lạ vậy?

Tiệm về trưa, ít khách, Sườn kéo chiếc ghế ngồi xích lại ông, nói nhỏ:

- Dạ ... ạ, tiền của chú Năm.

- Chú Năm nào?

- Dạ... ạ, chú Năm cũng nghèo. Nhưng chú Năm biết tình cảnh chú, chú Năm đưa tiền cho cháu, biểu cháu ra đây, trả tiền cà phê cho chú!

- Chú Năm mà chú Năm nào? Mà nói tao nghe lạ quá. Mà không nói trôi thì đừng có trả.

- Dạ... ạ, chú bước ra ngoài, cháu mới nói được.

Ông thấy chú nhỏ ngồi trước mặt mình có vẻ lạ, rụt rè nhưng không sợ sệt.

- Mà ra trước đi!

Sườn ra trước, ông ra sau, hai người bước ra cửa tiệm.

- Chú Năm nào, cháu nói chú nghe coi.

- Dạ... ạ, chú Năm Bờ.

Ông giật mình quay lại, nhìn Sườn với vẻ lạ lùng:

- Sao? Cháu nói của ai?

- Dạ, của chú Năm Bờ.

- Của chú Năm Bờ? - Giọng ông lạc hẳn đi.

- Dạ phải, của chú Năm Bờ, chú không biết sao?

- Năm Bờ tức là Hai Dân, con của ông chủ tịch Việt Minh quận, sao tao lại không biết! Mà thiệt vậy sao! Trời đất!

Sườn thấy ông đã biến thành một người khác. Con người dữ dội và sắt đá của ông như mềm dịu lại qua giọng nói thều thào và nhỏ nhẹ của ông. Cũng con người cao lớn, gồ ghề và góc cạnh ấy, cũng cái vẻ ngang tàng ấy,

Suờn thấy ông sao hiền lành, dễ gần đến kỳ lạ! Lạ hơn nữa là đôi mắt ông đang mờ qua một làn nước!

Từ lâu, tuy là dân anh chị, nhưng ông vẫn nghĩ mình là “người của anh em”. Không phải mới đây mà từ lâu, từ cái thời trai tráng của ông, trong những ngày còn bóng tối. Ông là đứa trẻ mồ côi của xóm mộc, ông ở đợ nuôi thân. Khi đến tuổi thành người, ông học nghề cưa, ông đã cùng với bạn thợ, vác cưa đi cưa cây trong đêm treo cờ. Nam Kỳ năm 40 bị khủng bố, để thoát khỏi vòng vây của bọn giặc, ông làm bạn chèo cho một ghe cá lên Sài Gòn. Vì miếng ăn, ông bước vào làng anh chị, làm tay sai cho một người anh chị đứng bến xe. Trong một trận đánh, ông dùng cây sắt chọc lò nướng đỏ, xông vào trận, đánh quỵ hết đối phương. Cây sắt nung đỏ ấy được ghi lại hình ảnh con rồng lộn trong mây trên lồng ngực của ông. Từ đó cuộc đời của làng đao búa đưa ông đi mỗi ngày mỗi xa. Đôi lúc nhớ đến anh em, tự an ủi mình, ông nghĩ: “Thôi, ta đã lỡ nhúng chàm rồi!”. Bây giờ, khi ông lâm vào cảnh đói nghèo, thì cách mạng lại nhớ đến ông.

- Nè cháu, cháu về nói với chú Năm Bờ, chú cảm ơn. Nói với chú Năm Bờ, cuộc đời của chú đây chẳng khác gì dòng nước đỏ, đục ngầu, nhưng là dòng nước ngọt nghe cháu!

CHƯƠNG 26

Đoan bỗng con đứng tựa cửa nhìn ra. Đêm mưa, đường vắng. Ngoài sông, sóng đã chồm lên mặt bờ, đập ầm ì. Gió thổi lạnh. Đoan đặt thẳng con ngồi vào giữa chõng, bước vào, nói thỏ thẻ qua vách buồng:

- Trời đang mưa, Sáu dặn thẳng Tòng kỹ không?
- Kỹ.
- Tụi trời đánh, chắc thế nào tụi nó cũng tới. Thôi, nằm đó ghen.
- Tối rồi, sao chưa đốt nhang?
- Ủi mấy bữa nay mình quên.

Đoan trở ra, bỗng con, đốt một nắm nhang có gần một chục cây, cắm vào lư hương. Khói nhang ngùn ngụt như bếp hun muối.

Đoan là bạn cùng xóm với Sáu, lớn hơn Sáu ba tuổi, theo chồng ra bờ sông đã ba năm. Sau ngày sanh nở được ba tháng, hai vợ chồng ra riêng. Con chưa đầy năm, chồng bị bắt lính, bị đưa ra tận A Sầu, ngoài Huế. Tay nách con, không làm được gì, ruộng đất cũng không có. Đoan nhờ bên chồng, mỗi người một ít làm vốn mở tiệm “chập bờ” bán tương, đường, nước mắm, hành tỏi... với rượu. Từ A Sầu, chồng gửi về cho một lá thư, rồi biệt gần năm. Một hôm, thẳng đại diện Phiên cho người mang tới cái giấy báo tử. Sau đó có một anh hàng xóm, cùng một ngày lính, cùng đơn vị, thân tàn ma dại, bộ quần áo rằn ri, một ống quần lép kẹp, gió thổi phát phơ, chống cây nạng, trở về:

- Chị Đoan ơi! Chị nghe tin của anh chưa?
- Rồi! Anh có thấy xác ba nó không? Chào chú đi con. Hay là nhà tôi cũng như anh mà người ta báo lầm.
- Tôi rủi mà may. Chưa hành quân thì tôi bị một miếng pháo. Còn

ảnh, xác làm sao thấy được. Tôi nghe máy đĩa chạy về nói. Ảnh nằm ngay cái chỗ máy bay đồng mình rắc bom hủy diệt. Làm sao thấy xác được.

Vậy là chắc rồi. Cô mang tám ảnh ra chợ, mướn thợ vẽ, họa lại to ra, rồi lập bàn thờ, thờ chồng.

- Ngày ảnh đi, khóc - Ngày được thơ ảnh từ A Sầu gửi về, khóc - Ngày nhận được giấy báo tử, khóc, - Ngày anh bạn hàng xóm cho tin, khóc. Đoan khóc, khóc mãi mà không hết nước mắt. Đến ngày lập bàn thờ - không hy vọng gì nữa, nước mắt lại nhiều hơn!

Một hôm, bà Chín đi đâu đó, tạt qua chơi, thăm sức khỏe thằng nhỏ. Bà hỏi:

- Mày được tin gì chưa Đoan?
- Tin gì mà được, dì Chín?
- Thằng chồng mày còn sống.

Đoan mừng đến tái người, đứng sững người, nhìn bà một hồi, mới bật ra tiếng:

- Sao dì biết? Thiệt không dì Chín! Thiệt không dì Chín? - Cô mừng đến rồi ruột rồi gan.

- Mày ngồi xuống đi, bình tĩnh, tao nói đầu đuôi khúc ngọn cho mà nghe.

- Dạ, cháu ngồi. Con ngồi im, ngồi im nghe bà nói. -Cô vẫn chưa bình tĩnh, nói ngồi mà vẫn đứng, bỗng con trên tay mà bảo con ngồi im.

- Tối qua tao đi thăm vợ thằng Bảy Thá xóm trong, tao gặp con Sáu.

- Sáu nào dì Chín?
- Sáu Linh chứ Sáu nào nữa.

- Dì gặp được con Sáu? Nó khỏe mạnh. Xóm trong bây giờ làm sao mà dì gặp được con Sáu?

- Nửa mình, nửa nó.

- Rồi sao. Tin ba nó làm sao dì Chín?

- Con Sáu nó nhờ tao nhắn với mày là chồng mày còn sống. Chồng mày bị quân giải phóng bắt, có chết đâu!

- Thiệt vậy hả dì Chín? Rồi sao nữa, dì? Con Sáu nó gặp ba nó hay sao dì Chín?

- Chồng mày bị bắt ở ngoài kia, con Sáu làm sao gặp được. Con Sáu được tin là nhờ vậy. Trong chỗ con Sáu, xã đội của nó có một cái ra-đi-ô ghi âm. Con Sáu phân công cho con Thanh hàng ngày phải nghe đài theo dõi tin tức. Hôm đó con Thanh nghe chồng mày nhắn tin cho mẹ con mày...

- Anh nói trong máy hả dì, đúng tiếng của anh không gì? Con ơi, con có nghe bà nói gì không con?

- Tao có nghe đâu mà biết. Con Sáu sợ mày không tin, nó gọi luôn cái này cho mày.

- Cái gì vậy dì Chín?

Đoan nhìn theo bàn tay bà Chín đưa vào túi lấy ra cái gì đó gói trong chiếc khăn trầu sọc đỏ. Bà mở cái khăn ra.

- Cái băng ghi âm đây. Trong này có tiếng nói của chồng mày. - Bà Chín thấy Đoan đưa tay cầm cái băng ghi âm như đứa trẻ nhỏ đang đói đưa tay cầm lấy cái bánh.

Đoan để cái băng ghi âm tròn màu cánh gián trong lòng tay, nhìn không chớp mắt, ngực thở phập phồng. Nhìn một lúc lâu lại áp cái băng vào tai:

- Biết ai có ra-đi-ô mà nghe nhờ dì Chín?

- Mày nhớ xem, xóm mình ai có.

- Có thì thiếu gì người có, nhưng toàn là bọn nó.

- Hay là như vậy. Nếu không nhờ nhà ai được thì bằng con vô chơi nhà vợ chồng thằng Bảy Thá, nhắn với con Sáu nó đem máy ra.

- Được vậy thì tiện nhất. Dì làm ơn giúp cho cháu, nhắn với con Sáu giùm cho cháu một tiếng.

- Chuyện gì chứ chuyện đó thì tao giúp được. Mày tính xem ngày nào thì mày đi.

- Ngay tối nay được không dì, cháu sốt ruột quá! Dì làm ơn giúp cháu một phen.

- Để tao tính lại coi. Mà thôi, cũng được.

Ngay đêm đó, Đoan mượn chiếc xuồng gấn máy đuôi tôm, cùng với bà Chín vào nhà vợ chồng anh Bảy Thá, xóm trong.

Cái ra-đi-ô có băng ghi âm màu đen để trên bàn bên ngọn đèn. Đoan với con, với cả nhà anh Bảy Thá, bà Chín, Sáu Linh, Thon, Thả và người hàng xóm ngồi chật trên bộ ngựa. Đoan ôm con vào lòng, ngồi trước, sát bên ra-đi-ô. Thanh ấn nút. Tiếng máy chạy rè rè, cái băng màu cánh gián chạy tháo ra, bật lên tiếng nói:

- Tôi là Huỳnh Văn Sơn nhắn cho vợ là Lê Thị Đoan xã Mỹ Hương thuộc tỉnh Long Châu Sa. Em và con yêu quý. Trong trận càn vùng căn cứ rừng A Sầu, anh được quân Giải phóng bắt. Nhờ lượng khoan hồng của Mặt trận Dân tộc giải phóng và Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, anh được bình an, được đối xử tử tế, được ăn uống đầy đủ, được học tập để biết đường ngay lẽ phải. Hôm nay anh nhờ Đài phát thanh Giải phóng, nhắn tin này cho em, cho con, cho ba má, bà con họ hàng hai bên cùng bà con hàng xóm. Hôn em và hôn con! Huỳnh Văn Sơn...

Nước mắt Đoan chảy ròng ròng:

- Cho chị nghe lại một lần nữa Thanh!... - Cái băng ghi âm quay đi quay lại đến bảy lần cho Đoan nghe.

Về đến nhà, đã nửa đêm, không ngủ được. Đoan chạy đi tìm thằng Tòng. Tòng và Sơn - chồng cô, là hai anh em chú bác, nhưng thương nhau như anh em cùng một cha một mẹ. Cô báo tin mừng với em chồng! Sau đó mấy hôm cô đưa Tòng đến gặp Sáu, ngay trong nhà mình.

Đêm nay, Tòng hứa sẽ đưa hai thằng bạn phòng vệ dân sự đến gặp

Sáu.

Đốt xong nắm nhang lấy lệ, cô đặt con lên võng, ru nó, rồi bế vào buồng, gọi cho Sáu.

Cô trở ra, quét dọn lại cho gọn. Nhà cô, ngôi nhà nhỏ, nền đất, cạnh đường, ở giữa xóm. Nhà ngăn đôi: gian trong là buồng ngủ và nhà bếp; ngăn ngoài là tiệm, lổn ngạ lổn ngổn nào cần xé, nào hũ, nào khạp và chai.

Dài theo cửa sổ thì treo nào bánh tét, bánh dứa và vở học trò. Chật chội và xông lên đủ thứ mùi: nào tỏi, nào hành, tương, đường với nước mắm... nồng nặc. Nhưng là tiệm của cô vợ lính vắng chồng, lại là gái một con. Vì vậy mà ngày cũng như đêm, bọn con trai - nhất là bọn phòng vệ dân sự, đi đâu cũng tạt qua. Tiệm không bàn, không ghế, chỉ có cái chõng tre trước bàn thờ. Nhưng khách hàng có cần gì bàn với ghế, hai bàn chân chà vào nhau, vỗ bạch bạch mấy cái, rồi rút chân lên ngồi xếp bằng, làm một vài ly, vậy là được rồi. Có mấy đứa hư thân, lấy rượu làm nư, nhìn cô, cười liếc muốn bỏ mồi. Cô muốn tống nó ra cửa, nhưng chính những thằng đó nó mang tiền đến nộp cho tiệm của cô nhiều hơn cả! Hết tiền nó dẫn khách hàng đến cho cô. Đêm nào cũng ồn ào cho tới khuya! Có đêm cô phải đuổi khéo:

- Thôi mấy ông nội, rượu hết, để tối mai.
- Vậy thì tụi tôi ngủ ở đây, mai uống tiếp.
- Làm gì mà lườm đàn em dữ vậy a chị Hai?
- Thôi, về tụi bây. Khuya rồi.
- “Gút bay” bà chị.

Có đứa chụp lấy bàn tay của cô, đặt vào tay nó “bông sua”.

Nhục và mũi lòng! Nhưng biết làm cách nào? Từ ngày được Sáu cho nghe cái băng, cô trở nên cứng cỏi. Đối với bọn nó, cô là vợ của một người lính chết trận, cô chẳng sợ ai! Đối với anh em thì chồng cô và cô là người của anh em, cô vui thầm với con.

Cô quét nhà, giữ chiếu, nhìn ra cửa. Cô bước sát lại vách buồng.

- Sáu ơi, tụi nó tới.

Một đứa bước vào cửa, ni lông choàng qua vai, đầu súng chúc xuống đất, hỏi:

- Có gì vui không chị Hai?

- Máy đứa?

- Ba thôi.

- Vô đi.

Ba anh con trai phòng vệ dân sự, cởi ni lông choàng, vắt bừa lên thanh cửa, bước vô. Thằng Xẹ, rồi thằng Sanh, cuối cùng là Tòng, bộ ba đi đâu cũng có nhau.

- Vậy mà hồi chiều tụi nó nói rượu chị hết rồi, tối nay chị nghỉ.

- Người ta thì hết, nhưng mấy cậu thì còn.

Thằng Xẹ liếc thằng Sanh, vênh mặt nháy một con mắt.

- Mà cũng chỉ ba cậu thôi, ai hỏi thì nói là rượu mấy cậu đem lại nghe hôn! Đừng mời mọc thêm đứa nào, om sòm lắm! Đóng cửa lại, Tòng.

Ba đứa đặt lên chõng ba cái ra-đi-ô National Panasonic một cái màu đen của thằng Xẹ, hai cái màu đỏ của hai đứa kia.

Ba đứa leo lên chõng, mỗi đứa một góc.

Đoan lấy tờ nhựt trình trải lên chiếu, đưa ra một chai rượu, một đĩa tôm khô củ kiệu, ba cái ly.

- Còn khô sặc, đứa nào muốn thì nói tôi đi nướng.

Thằng Xẹ đưa tay bốc một con tôm, há họng, ngửa mặt, bỏ vào miệng, nhai.

- Kiểm sáu câu nghe mày Xẹ, trời mưa rả rích này.

- Ra-đi-ô nào? - Thằng Xẹ hỏi.

- Mày! - Thằng Sanh đáp.

Thằng Xẹ cười. Nó hỏi chơi vậy thôi, không mở ra-đi-ô của nó thì mở ra-đi-ô của ai nữa! Trong xóm bây giờ, bọn thanh niên gặp nhau là bày ra

đấu, không phải đấu đá hay đấu lý gì, mà đấu của, đấu đồng hồ với ra-đi-ô.

Đem ra-đi-ô của nhau ra so, xem của ai tốt. Tiêu chuẩn tốt xấu của ra-đi-ô không căn cứ vào máy móc, bởi vì có ai biết được máy móc đâu mà ra tiêu chuẩn? Những người có của đem ra đấu vừa đặt ra tiêu chuẩn vừa làm trọng tài. Ra-đi-ô đĩa nào kêu to nhất, ra-đi-ô của đĩa đó tốt, một tiêu chuẩn. Cần “ăng ten” ra-đi-ô nào nhiều mắt, cái đó tốt, tiêu chuẩn thứ hai. Bật qua, bật lại âm thanh trầm bổng của ra-đi-ô nào rõ nhất, cái đó tốt, tiêu chuẩn thứ ba. Còn đồng hồ, cái nào có đủ ba kim, có thứ, có ngày, có tháng cái đó nhất - về đồng hồ, tiêu chuẩn để so sánh ngày mỗi cao. Đồng hồ nào ngâm dưới nước vẫn chạy, đồng hồ đó tốt. Vài hôm sau, đồng hồ loại đó trở thành lạc hậu. Đồng hồ nào ném xuống mặt đường đá không bể mà vẫn chạy, đồng hồ đó mới đáng hạng nhất. Cao hơn thế nữa, đồng hồ nào ném vô lửa không cháy mà vẫn chạy, đồng hồ đó mới đáng “bạc anh hùng”.

Bộ ba này là bộ ba chơi ra-đi-ô. Trong cuộc đấu ra-đi-ô vừa rồi, ra-đi-ô của thằng Xệ đoạt giải nhất. Ra-đi-ô ba băng, mặt đen, cần “ăng-ten” tám nấc, trầm bổng rõ ràng, có máy đo điện, có cả đèn. Ra-đi-ô làm từ bên Nhật. Còn ra-đi-ô của thằng Sanh, thằng Tòng, của mấy đĩa khác là ra-đi-ô ráp ở Sài Gòn - thua xa.

Thằng Xệ đắc ý với cái ra-đi-ô của mình, nó ngồi xếp bằng, đặt ra-đi-ô lên đùi, vắn tới vắn lui. Cái ra-đi-ô kêu rồ rồ rẹt rẹt, chạy qua bao nhiêu làn sóng, làn sóng đài Hà Nội, đài Giải phóng, đài Sài Gòn, đài Quân đội. Nó vắn tới, vắn lui, vắn qua rồi vắn lại mãi mà không tìm được sáu câu vọng cổ. Thằng Sanh lấy đó làm thích, nó trề môi:

- Đêm mưa rúc rắc, ngồi uống rượu, ra-đi-ô số dách mà không mở được sáu câu! Tao mà như mày tao đá bỏ.

Thằng Xệ cười:

- Mày giỏi thì mở cái ra-đi-ô của mày đi!

- Nếu ra-đi-ô tao là ra-đi-ô số dách thì tao bật lúc nào nó “sáu câu”

lúc đó, không phải như mày.

- Đài nó không phát thì ra-đi-ô nào bắt được?

- Vậy mà có đó.

- Nói dóc.

- Rồi mày coi. Tết tao sẽ có một ra-đi-ô, mày muốn sáu câu giờ nào, tao cho mày nghe giờ đó! Nửa đêm giựt mình thức dậy, đài tắt hết, mà mày muốn nghe, nó sẽ ca cho mày nghe.

- Thôi đừng nói dóc, uống đi! - Thằng Xệ đặt cái ra-đi-ô cạnh bên đùi, cầm ly.

- Tao nói thiệt. Mày chưa thấy mày không biết.

- Tao mà chưa thấy?

- Mày thấy ở đâu?

- Ở Sài Gòn chứ đâu!

- Bao lớn?

- Bằng cái đình.

- Ôi trời đất mẹ ơi!

- Trong ra-đi-ô có một gánh hát.

Thằng Xệ biết thằng Sanh đang xỏ mình, nó cười nhạt!

- Mày dốt lắm! Ra-đi-ô đó là ra-đi-ô có băng ghi âm hiệu chưa?

- À... à... - Thằng Xệ cầm ly, gật gù - Tưởng gì chứ cái đó, sang năm tao cũng có! Tòng uống đi mày.

Tự nãy giờ, thằng Tòng ngồi làm thinh, nó đang nghĩ đến một chuyện khác! Cái bộ ba phòng vệ dân sự này, bao giờ cũng vậy, mở đầu bữa rượu là chuyện ra-đi-ô, - Nhóm khác thì chuyện đồng hồ, chuyện Honda.

Không được nghe vọng cổ, dẹp ra-đi-ô qua một bên, ba đứa bắt đầu uống.

Đoan ngồi ở mép chõng. Trước đây - chẳng mấy hôm, thấy bọn nó uống bao nhiêu thì Đoan vui bấy nhiêu. Bây giờ, ngồi nhìn bọn nó, Đoan thấy

thương thương! Thằng Xệ mới mười tám, thằng Sanh mười chín, thằng Tòng cũng mới mười chín, chưa có đứa nào đến tuổi hai mươi nhưng khi ngồi bên ly rượu, đứa nào trông cũng sành sỏi, bê tha! Thằng Xệ cầm ly rượu, cánh tay cong cong, ly rượu đưa vào môi đánh trót một cái, cạn nửa ly. Ba lần nâng ly, cạn hết nửa lít! Đứa nào trông cũng khác. Đoàn thuộc hết tính nết của khách hàng. Như thằng Xệ, trong suốt bữa rượu, tánh tình nó thay đổi đến ba lần, lúc bình thường, miệng mồm lách chách như con tép, uống rượu vào nó không nói, mặt tai tái, lằm lì. Đó là giai đoạn đầu. Đến giai đoạn thứ hai thì nó bắt đầu nói, nhưng lại nói rì vào tai người khác. Chẳng biết nó rù rì cái gì, bất thành linh nó bật lên một tiếng “nhưng”, lại rù rì lại “nhưng”. Đến giai đoạn thứ ba thì vừa nói vừa đập vai người bên cạnh; cuối cùng đầu nó gục xuống. Thằng Sanh bình thường ít nói hơn, nhưng rượu vào, thì cười ha hả, nói oang oang, chưởi thề không ngớt miệng. Còn thằng Tòng, đêm nay có ý, nó lặng lẽ, nghĩ suy.

Thằng Xệ lại cầm cái ra-đi-ô, vặn rọt rọt một lúc rồi đặt xuống.

- Cho em thêm một chai nữa, chị Hai!

- Hết.

Thằng Xệ, thằng Sanh mới đến giai đoạn thứ nhứt mà hết rượu, nó ngược nhìn chị như bị hẫng.

- Đừng giỡn chớ chị Hai!

- Thôi, uống vậy được rồi.

- Trời đất mẹ, uống chưa đã “ngừa” mà hết! Lấy cho tụi em thêm một chai nữa chị Hai. Trời đang mưa mà sáu câu thì chưa có, chị Hai!

Đoan cầm cái chai, vẫn ngồi bên mép chõng:

- Uống nhiều làm sao canh gác?

- Canh ai với gác ai, chị Hai?

- Canh gác Việt cộng chớ ai, làm phòng vệ dân sự mà hỏi sao nghe lạ vậy ha?

- Bình định rồi, Việt cộng đâu mà canh với gác chị Hai!

- Tôi sẽ đóng thêm một chai.

- Có vậy chớ! - Hai đưa lại hào hứng, nháy nhau, cười re re - Chị nường cho mấy em thêm vài con sặc nữa chị Hai.

Đoan nói vậy nhưng vẫn ngồi đó, bên mép chõng:

- Nhưng trước khi đóng chị hỏi mấy em một điều.

- Điều gì chị Hai cứ hỏi. - Thăng Sanh lẹ miệng.

- Đóng đi rồi hỏi chị Hai, em chưa miệng quá! Thăng Xẹ nói giục!

Đoan hỏi:

- Chị hỏi mấy em điều này.

- Điều gì, chị cứ hỏi, em trả lời một cái re.

- Chị hỏi, nếu mấy em gặp Việt cộng, mấy em có bắn không?

Cả hai đưa đều chưng hửng, không ngờ bị hỏi câu đó, cả hai như tỉnh rượu nhìn nhau.

- Nói trả lời một cái re mà sao ngồi làm thinh vậy, ba đứa?

Thăng Sanh hừ lên một tiếng:

- Người ta sao thì em vậy, chị Hai.

- Còn thăng Xẹ, em thì sao?

- Chị đóng đi rồi em nói.

Đoan vẫn ngồi ở mép chõng:

- Chị hỏi thêm câu nữa. Ví dụ như mấy em gặp Sáu Linh thì sao?

Thăng Sanh lẹ miệng:

- Tròi đất mẹ ơi, sao chị lại xúi tui em gặp, chị Hai?

Đoan cười:

- Chị ví dụ vậy mà mấy em không trả lời được, rồi nay mai, mấy em gặp, mấy em làm sao?

Thăng Xẹ sốt ruột:

- Chuyện tới đâu hay tới đó chị Hai, chị đóng cho tui em đi.

- Không! - Chừng nào mấy em trả lời một câu nghe dứt khoát, chị mới đồng.

Thằng Sanh nhìn lại thằng Tòng:

- Tòng! Đêm nay mà đờ lười sao mà nãy giờ, mà làm thình vậy. Mà trả lời một câu cho chỉ nghe được cái coi mà.

Thằng Xệ nhìn lên bàn thờ.

- Mà trả lời sao cho tao có rượu thì trả lời.

Thằng Tòng nhóm lưng ra:

- Tao hả! Tao mà gặp chỉ thì tao quỳ xuống tao lạy.

Thằng Sanh, thằng Xệ tưởng chị chủ quán sẽ giận vì cái bàn thờ chồng, khói còn nghi ngút đó, nhưng nó thấy chị cười, hai đứa bắt cười theo.

- Thằng Tòng thì vậy, còn hai em thì sao?

Hai đứa lại nhìn nhau, lại nhìn lên bàn thờ, thằng Sanh cũng lẹ miệng hơn:

- Thằng Tòng là em chú bác của anh. Còn tôi, tôi nói với chị là ai sao tôi vậy.

- Thiệt là quỳ xuống lạy phải không Tòng?

- Thiệt.

Đoan vẫn ngồi ở mép chõng, nhìn hết ba đứa, ngược mắt lên:

- Kìa, mấy em quay lưng lại, coi ai kìa?

Thằng Sanh nhìn qua, nó thấy trước. Một cô gái bất thần hiện ra, đứng bên mép chõng: Sáu Linh! Hết hồn hết vía, nó la hoảng:

- Trời ơi! Ma! Chị Sáu! - Chân tay nó chơi vơi. Thằng Xệ thấy Sáu, nó vừa lết vừa lui lại sau.

- Chị chớ ma đâu mà ma! Ba em ngồi lại đây, chị muốn nói chuyện với ba em.

Thằng Sanh, thằng Xệ, hai đứa hãy còn run. Đoan không nhin được cười, cô bùm miệng quay mặt, bảo Tòng:

- Tòng, em ra ngoài gác, còn thằng Sanh với thằng Xệ ở lại đây nói chuyện với chị Sáu.

- Dạ! - Thằng Tòng bước xuống chõng, cầm súng, mở cửa, rồi quay lại, dặn:

- Hai đứa bây ở lại với chị Sáu, tao đi gác cho.

Thằng Sanh nhìn thằng Tòng, trách móc:

- Mày! Vậy mà mày giấu tao.

Thằng Tòng khoác ni lông, cười, rồi nhảy ra ngoài mưa.

- Hai em ngồi lại đi, xích vô - Đoan vừa bảo vừa đưa tay đẩy lưng hai đứa.

Thằng Sanh vừa lết vào vừa nói:

- Nói cho có trời làm chứng, hồi nãy có chị Hai đây, em có nói là thằng Tòng làm sao thì em làm vậy!

Thằng Xệ đã tỉnh rượu, nhưng môi hầy còn run:

- Chị Sáu thương tội em! Tội em mà không vô phòng vệ dân sự thì tội em bị bắt lính, bị đưa đi ngoài A Sầu!

- Chuyện của mấy em chị biết! - Sáu nói.

- Dạ... - Hai đứa ngồi sát vào nhau, dựa lưng vào bàn thờ, mặt cúi gằm, đứa này nhìn qua vế của đứa kia.

Đoan chạy vào buồng thăm chừng giấc ngủ của con rồi trở ra, ngồi ở mép chõng, chỗ cũ lúc nãy. Sáu cũng ngồi ở mép chõng, đầu này. Sáu nói, giọng nho nhỏ, êm êm:

- Chị coi hai em như em của chị. Hai em cầm súng phòng vệ dân sự, chẳng qua là vì hoàn cảnh!

- Dạ... phải, thưa chị Sáu, - Thằng Xệ nói - ba má em phải chạy tiền nếu không thì...

Thằng Sanh đưa cùi chỏ thúc thằng Xệ, khiến nó nín bật.

- Chị biết, mấy em cầm súng của tội nó, nhưng lòng của mấy em

thì theo anh em, bà con với xóm làng.

- Dạ. Chị Sáu nói đúng ý em. Em cầm súng của tụi nó, nhưng đêm nào tụi em cũng mong anh em đăng mình...

Lần này, thằng Sanh không thúc cùi chỏ mà đưa tay véo thằng Xẹ, thằng Xẹ đau đến phải nhô lên.

- Để chị Sáu nói, ăn cơm hớt! - Thằng Xẹ cúi gầm mặt làm thinh.

- Chị gắp hai em đêm nay là muốn khuyên hai em mấy điều!

- Dạ tụi em có gì sai lầm, xin chị Sáu cứ giáo dục -Người lên tiếng cũng là thằng Xẹ.

- Chị khuyên hai em không nên rượu chè.

- Dạ, mấy em buồn uống chơi chơi không ghiền đâu chị Sáu!

- Biết là mấy em uống chơi, rồi dần dần sẽ quen, sẽ bê tha, bị bọn giặc lợi dụng mà không biết.

- Dạ.

- Chị khuyên hai em đừng chạy đua theo vật chất, không nên đầu ra-đi-ô với đồng hồ; chạy theo nó, không đủ tiền thì về moi của cha mẹ, cha mẹ không có thì làm sao? Có em vì đồng hồ, vì ra-đi-ô, vì một chiếc xe HON ĐA mà làm tay sai cho bọn nó! Một lần, hai lần, rồi thành tay sai thành ác ôn; trong làng có mấy đứa như vậy, hai em biết rồi. Đó là gương xấu, chị khuyên hai em nên tránh!

- Mấy thằng đó tụi em không ưa.

- Được vậy, chị mừng.

Và Sáu nói thêm với hai chú phòng vệ dân sự ấy về lý tưởng và nhiệm vụ của thanh niên. Những điều đó, thằng Sanh, thằng Xẹ đã có nghe rồi, nhưng hôm nay, cũng những lời đó, nhưng là lời của một người chị; một người mà nó đã thăm phục! Hai đứa ngồi im, nghe như mới nghe lần đầu.

- Những điều chị nói, hai em về suy nghĩ thêm.

- Dạ.

- Hồi nãy chị không đong thêm rượu cho tụi bây là vậy, đừng giận!
- Đoan nói - Bây giờ hai đứa bây, đứa nào muốn vô du kích của chị Sáu.
- Chuyện này, chị không ép, hai em suy nghĩ kỹ đi.
- Dạ, hồi nãy em có nói thằng Tòng sao thì em vậy.
- Còn thằng Xệ? - Đoan hỏi.
- Thằng Tòng, thằng Sanh không vô, em cũng vô! -Thằng Sanh lại đưa cùi chỏ thúc thằng Xệ. Đến lúc đó, hai đứa mới ngẩng lên nhìn. Thấy Sáu cười, hai đứa cúi xuống, thò tay quèo nhau, cười theo...

CHƯƠNG 27

Tháng bảy nước nhảy lên bờ. Năm nào cũng vậy, sau những ngày mưa dầm, đến con nước rong rã tháng bảy thì nước trên mặt sông Cửu Long dâng cao. Nước tràn qua bờ, chảy qua mặt đường, bò qua sà nhà. Nước sông hòa với nước trên cánh đồng. Mưa vẫn tầm tã. Mặt nước mỗi lúc mỗi dâng cao. Đến con nước rong rã tháng tám, nước lại cao vọt lên. Rồi đến con nước rong rã tháng chín, nước trên cánh đồng Tháp Mười lai láng, mênh mông. Đó là cuộc sống hằng năm của con sông và mưa gió của trời đất ở đây. Cá từ Biển Hồ xuôi theo nước, kéo về đồng. Cây lúa được tắm mát, phủ ngọn lên mặt nước, muốt muốt màu xanh. Diên điển trở bông, từng chòm, từng chòm rải rác trên cánh đồng, vàng rực như bông mai.

Những cái chòi hoang trên cánh đồng bị nước cuốn trôi. Hàm hồ bị ngập. Chúng tôi sống và chiến đấu trên mặt nước. Sáng nay, tôi được dự trận đánh đầu tiên trên cánh đồng nước.

Mặt trời vừa lên khỏi mặt nước, chúng tôi đã nghe tiếng động cơ.

Một đoàn tàu mủ của quân ngụy mười hai chiếc, mỗi chiếc hai thặng từ trong rừng cây ngoài sông, một bè ba chiếc, theo đội hình chữ V, nổ máy, như mười hai mũi tên băng thẳng vào cánh đồng. Tiếng máy “veo veo”, nước trước mặt tàu dựng ngược lên, lả ra, trắng xóa. Trên trời, một chiếc đầm già bay tè tè, đi trước, tắt máy, cắm đầu, sút hỏa tiễn vào khu vườn.

Trong khu vườn, năm chiếc xuồng của đội du kích dàn ra, mỗi chiếc cách nhau hàng hai ba trăm mét, mặt trận dài độ một cây số.

Tàu mủ của bọn ngụy, vừa chạy, vừa bắn. Lúc đầu, chỉ nghe tiếng máy, với nước dựng ngược lên sủi tó, không mấy chốc mà đã thấy rõ mặt nó.

- Bắn chưa Út Đợ?

Tôi ngồi trước mũi xuồng, cầm cây AK của Năm Bờ để lại, nép mình sau cây xoài, chong về phía nó hỏi.

- Chờ một chút nữa, đừng nóng!

Thật ra thì tôi có nóng nẩy gì đâu. Chẳng qua là tôi chưa quen. Những người chưa quen, thường như vậy, cứ muồn nổ súng ngay. Cái phút chờ đợi thật hồi hộp. Đây là trận đánh trên mặt nước lần đầu đối với tôi.

Với cái đà ấy, tưởng chừng bọn chúng, mười hai chiếc sẽ lao thẳng vào khu vườn. Không ngờ, chiếc chạy đầu vấp phải sợi dây thép căng ngầm dưới mặt nước, nó nhào lộn. Hai thằng lớp ngóp! Tôi chưa kịp bắn. Chiếc xuồng của Châu gần đó, Châu đã nổ trước tôi. Hai chiếc sau vấp theo, nhưng không lộn nhào, cũng không thể dừng lại, với cái trớn đang lao tới, cả hai chiếc đều rẽ theo đường dây thép đâm thẳng vào khu vườn! Lựu đạn gài đã sẵn ở đó, treo trên cành cây, là đà dưới mặt nước. Lựu đạn nổ nghe thật sừng sại! Còn mấy chiếc kia, tưởng sao, nó quay đầu, nổ máy to hơn, lao nhanh, ào ào, một bãi sóng đuổi theo và trong nháy mắt, nó khuất mất trong rặng cây. Mặt trận trên đồng nước chỉ còn một con đằm già, đạn hỏa tiễn cũng hết, nó tè tè, ngo ngác.

Một hồi sau, ba chiếc trực thăng bay tới, bắn như rải đá xuống mặt nước. Nó bắn thì chúng tôi lặn. Lặn hết hơi, lại trôi lên, lấy hơi, lặn xuống. Nó bắn khu vườn đến tả tơi, nhưng mặt nước thì vẫn y nguyên. Nước vẫn đầy. Nó bắn dai như trâu đá, bắn đến mấy tiếng mới chịu đi.

Nó đi rồi, năm chiếc xuồng của du kích lại đậu mũi dưới cây xoài nhà ông Hai. Châu với Thon một chiếc xuồng ba lá, dài như con thoi. Chiếc xuồng động cơ, phóng như mũi lao. Lâm, Thanh với Tuyết đi trên chiếc xuồng cui, lừ lừ như tàu chiến. Dũng với Thả đi trên chiếc xuồng Cần Thơ, người bơi mũi, người bơi lái trông thật thông dong. Bé Ba, Quyền với Út Trầm đi trên chiếc tam bản nhỏ, ba người ba mái chèo.

Kiểm điểm, rút kinh nghiệm xong, lại tản ra mỗi chiếc về một nơi.

Tôi với Út Đợ cho xuống vào tận cửa nhà ông Hai, thay quần áo, mỗi đứa uống một hớp rượu. Hai đứa lại bơi về vọng gác. Xuồng của chúng tôi cũng xuống cui, xuống đi sông lớn, mũi quớt cao. Cũng như xuồng của cả đội du kích, xuống có đủ thứ cho đời sống. Trước mũi là công sự bằng cây chuối, bên ngoài tô một lớp đất, có thể tránh được đạn, mảnh pháo với bom bi. Mỗi người một cây dầm và mỗi người một cây sào dài. Trong xuồng có bếp có củi, chén đĩa, gạo, thức ăn, quần áo, tăng, và hai cái cần câu, như một gia đình, hơn cả gia đình là mỗi người một cây súng và một giỏ lựu đạn.

Chúng tôi bơi trên con đường đất cập bờ kinh. Chông gậy dầm xuống, nước trên mặt đường cao hơn một thước. Nước ngầu đỏ phù sa. Út Đợ bơi lái, tôi bơi mũi. Còn khoái với trận đánh, anh kêu tôi:

- Nè, anh Thắng! Ba cái máy đó phải có ai sửa, mình gắn sau đít xuồng, mình chạy tóe nước chơi, há!

Nghe anh nói, tôi hỏi:

- Máy đó chắc mạnh hơn máy đuôi tôm?

- Mạnh hơn nhiều chớ anh. Lúc nó quay đầu nó chạy nó bay trên mặt nước anh không thấy sao?

- Thấy!

Tôi cũng đang còn khoái với trận đánh, nhưng tôi lại nghĩ đến một điều khác, những sợi dây thép. Dây to bằng ngón tay, mỗi cuộn dài hơn nghìn mét. Mỗi cuộn không biết nặng đến bao nhiêu, chỉ biết là nặng đến khảm xuống. Dây để trên xuồng, còn người thì lội dưới nước, đeo theo bè đẩy đi. Hôm ấy nhằm con nước ròng rằm tháng tám. Ông Hai Cò, cô bé Thiều cũng chông xuồng tiếp tay du kích. Dây buộc vào gốc cây giữa đồng, căng thẳng đến tận vườn. Mỗi một đầu dây là một bãi lựu đạn gài. Hi hục từ sáng cho đến tối mịt mới căng xong. Người nào người nấy lạnh đến móp cả đầu ngón tay. Người cực khổ nhứt là Châu. Chỉ có bàn tay khỏe mạnh của anh mới ghệt chặt được mỗi dây. Sáu sợi căng dọc căng ngang như bàn cờ.

Tôi không hình dung được những sợi dây ấy sẽ đánh giặc ra sao? Thì sáng nay, tôi đã thấy rõ. Chỉ vì vấp phải những sợi dây căng ngầm dưới mặt nước mà chúng phải quay đầu tháo chạy!

Trận đánh diễn ra trước mắt tôi như một giấc mơ. Tôi chưa kịp bắn, chưa kịp có cái cảm giác của người dự trận đánh thì bọn nó, chín chiếc còn lại, đã “cao chạy xa bay rồi!”. Có gì đâu, chỉ vì những sợi dây căng ngầm dưới mặt nước!

- Ai là người đầu tiên nghĩ ra trận đánh này vậy Út?

- Anh Côi bí thư của tụi tôi, anh chưa được gặp ảnh, tiếc quá, song toàn!

- Bắt đầu từ cái gì mà ảnh nghĩ ra?

- Anh có cái tật, đã hỏi thì hỏi đến tận gốc. Chuyện như vậy nè. - Út Đợ vừa bơi vừa nói, tôi cũng vừa bơi vừa nghe. Anh tiếp:

- Hồi Mậu Thân năm sáu mươi tám, chủ lực đi ngang qua đây. Xứ của mình, qua rạch qua kinh thì đi cầu khỉ. Chủ lực tới chủ lực của mình không phải là người sanh đẻ ở đây, có người từ nhỏ tới lớn chưa biết cái cầu khỉ ra làm sao. Ấu ơ ví dầu cầu ván đóng đinh, cầu tre lắc lẻo gập ghềnh khó đi! Mà! Mấy ảnh, bước lên cây cầu, hai cái chân cứ lắc lia lắc lịa, hai tay chơi với chơi vơi như hát xiệc đi dây, rồi té xuống một cái đùng, ba lô quần áo, súng ống, đạn dược, ướt hết. Lại không biết lội. Một trung đoàn qua cái cầu khỉ, thì tới bao giờ? Sáng đêm cũng chưa qua được, làm sao đến điểm X đúng giờ G mà chiến đấu! Ai dè! Nếu có dè thì cũng không thể bắc cầu cho đường hoàng được. Cây gỗ thiếu gì. Hô một tiếng, xong. Nhưng bắc một cây cầu vừa đi nện gót được thì tụi nó thấy, nó biết. Anh biết sao không?

- Sao?

- Xã đội mới đem xuống lại. Nhưng xuống chớ cũng không kịp. Do đó, tụi tôi mới nghĩ ra cách, giăng dây ngang qua kinh. Xuống để súng ống, đạn dược, với ba lô đồ đạc, còn người thì cứ đeo theo dây mà lội qua.

Nhờ vậy mà cánh quân mới kịp giờ chiến đấu.

- Nhưng bắt đầu từ cái gì mà anh Cối nghĩ ra cách đánh bằng dây?

- Nghe anh nói dài dòng, tôi sợ anh lạc đề, tôi sốt ruột nhắc lại câu hỏi.

- Biết rồi! Nói phải có đầu có đuôi chứ anh. Sau đó, tôi với anh Cối lái chiếc xuồng đuôi tôm, từ trong ngọn chạy ra, chạy ban ngày. Tôi với anh chạy ra xóm ngoài, vận động bà con đi tải đạn. Một ngày đó, chuyện này hết chuyện khác, dồn dập. Thả hết tốc lực, xuồng đang cất mũi chạy ào ào, chạy như tụi nó hồi sáng vậy, chiếc xuồng vấp phải sợi dây, hai đứa tôi lộn nhào xuống nước. Lúc đó mới biết sợi dây thép căng qua sông, quên cuốn. Hai đứa lóp ngóp. Tôi lặn xuống, trèo lên. Thấy anh ngồi buồn hiu, tôi hỏi: “Anh có bị gì không anh Cối?”. Anh nhìn tôi: “Hay lắm!” - “Lộn cổ xuống nước mà hay?” - “Mở máy chạy đi, tối tôi nói cho nghe!” - Tôi lại nổ máy, thả hết tốc lực. Xuồng đang chạy băng băng, thì ào một cái, ầm một cái, mũi xuồng đâm vô bờ, hai đứa lật ngang! Mũi xuồng bẻ nát như bánh tráng nướng, chìm luôn. Tôi với anh lại lóp ngóp leo lên bờ. Ướt như chuột. Lại dựng cái sợi dây căng ngằm dưới mặt nước! Anh đứng chấp tay sau đít, anh nhìn xuống: “Hay, hay, hay!” - “Ba cái hay! Chìm xuống mà hay, hay cái con khỉ gì mà hay, anh?” - Tôi nói với anh! Anh nhìn lại tôi, anh cười: “Chạy đi mượn chiếc xuồng khác đi, tối tôi nói cho nghe”. Bắt đầu từ như vậy đó?

Tôi gật gù. Đúng là đồng chí bí thư.

- Anh đánh được mấy trận như vậy?

- Anh chưa kịp đánh thì anh hy sinh.

- Phải chi anh còn sống, anh thấy cho anh đã con mắt!

Mái chèo sau lái trong tay anh quật mạnh.

- Như có tiếng đầm già đó, móc vô!

Tôi đưa dầm qua bên trái, móc cái mũi quay vào khu vườn. Xuồng chúng tôi bỏ con đường nước trên mặt đường, bơi len len theo cụm vườn.

Con đầm già lại tè tè bay qua, hướng ra cánh đồng, chỗ đánh buổi

sáng. Nó vẫn xoáy người đó, rồi đánh một vòng rộng, vây tròn cả cụm vườn.

- Nó gọi pháo đó anh Thắng! Thằng này hay bắn bậy lắm. Đi - Út Đợ gác mái dầm, cầm lấy cây sào, đứng dậy, chống xuống đi. Anh chống, tôi bơi, xuống lao nhanh.

Xuồng đi trên mặt nước trong khu vườn, phải lách qua cây, phải tránh những cành lá là đà dưới mặt nước. Út Đợ với cây sào dài, tay lái anh thật vững vàng. Đường xuồng lượn như con rắn... ào... à... òa... òa... o. Không mấy chốc mà xuồng vượt ra khỏi tầm bay của đầm già.

Đi trong khu vườn, không thể thấy được nó, nhưng nghe tiếng bay, chúng tôi biết. Nó đang xiết vòng bay, mỗi lúc mỗi nhỏ lại, rồi bung ra xa. Pháo nổ.

- Hụp! - Nó “đề ba” đó, Út Đợ bảo tôi, coi chừng! Tiếng pháo hú qua đầu chúng tôi. Ùng!

- Hụp. Ùng! Hụp. Ùng...

Pháo nổ liền ba trái. Ngung. Con đầm già bung ra ngoài xa, lại tè tè bay vào, xoáy thêm một điểm mới. Nó bung ra xa. Pháo nổ.

- Hụp. Ùng! Hụp. Ùng! Hụp. Ùng!

Lại ngung. Con đầm già từ ngoài xa lại tè tè bay vào, xoay trên mặt điểm ba bốn vòng, lại bung ra. Pháo nổ.

- Hụp. Ùng! Hụp. Ùng! Hụp. Ùng!

Tiếng pháo nổ trên đồng nước, nghe to, nghe rền hơn tiếng pháo nổ trên mặt đất. Gió động lá rụng, mặt nước gợn rung rinh. Tiếng pháo vang dài, vang xa, rất xa. Pháo nổ trên cánh đồng nước nghe như nổ trên mặt biển to rền, nhưng nghe nó lạc lõng làm sao.

- Nó bắn chỗ hồi sáng?

- Thì đó chớ đâu anh.

- Nhắm xem dây của mình có bị đứt không Út?

- Một trái pháo của nó mắc tiền hơn sợi dây của mình. Pháo nó nổ

rồi, nó không hốt lại được, còn dây của mình đứt mình nối lại, không lo gì!

Út Đợ gác sào lên xuống, cầm lấy cây dầm bơi nhón nhơ. Pháo vẫn nổ. Biết mình đã ra khỏi tầm pháo không lo gì nữa, hai đứa vừa bơi vừa nói chuyện.

- Đánh thằng Mỹ với thằng nguy, hai thằng, thằng nào khó hơn, Út Đợ?

Câu này tôi đã hỏi Năm Bờ, anh còn dè dặt chưa trả lời. Còn Út Đợ, anh đáp ngay:

- Thằng nào cũng khó, thằng nào cũng dễ.

- Hai thằng có khác nhau lắm không? - Tôi lại hỏi.

Út Đợ cũng đáp ngay, không một phút chần chờ.

- Sao lại không khác, anh này hỏi lạ! Nghe anh hỏi mà tôi phát thèm thuốc! Làm một điều đi.

Hai đứa móc thuốc, Út Đợ ngậm điều thuốc, bật lửa nhưng chưa đốt, anh nhìn tôi:

- Đi với anh có cái sướng là có chuyện nói tối ngày, đỡ buồn ngủ. Nhưng có cái cực...

- Cực gì?

- Anh có cái tật, hỏi như nhận người ta xuống nước vậy, thở không ra hơi.

- Tật tôi vậy, khác nhau làm sao?

Út Đợ hít mấy hơi liền, cầm cây dầm bơi mạnh, trong lúc đó pháo vẫn nổ, anh hăng lên:

- Khác nhau... ví dụ như trận đánh hồi sáng này. Nếu là bọn Mỹ thì nó không đánh như vậy đâu. Thằng nguy tụi nó quay đầu chạy như vậy là vì tụi nó thấy không êm, nó chạy. Thấy thằng này chạy được thì thằng kia chạy theo, rồi chạy hết cả đám. Thằng chỉ huy ở sau, thấy vậy cũng chạy luôn, cho xong. Còn Mỹ thì khác. Trước khi nó tới thì bom pháo nó tới trước rồi. Nếu

ba chiếc đi đầu mà bị vấp, bị nhào, bị tạt vô bãi lựu đạn, mấy chiếc sau, theo lệnh trên, nó vẫn cứ tiến tới, chừng nào chết hẵng hay! Khác là vậy.

- Chỉ khác có như vậy thôi à?

- Còn nữa chứ anh, để tôi kể cho anh nghe! Thằng Mỹ này kỳ cục lắm. Lúc nó mới tới, không hiểu nó ra làm sao cả. Nó khôn hay nó ngu chẳng biết. Đi hành quân, nó đi một đường, thẳng băng. Đi ngay cái đĩa. Nếu là thằng ngụy thì nó vòng theo cái bờ nó đi. Thằng Mỹ thì không. Cứ con đường thẳng, nó đi. Thằng đi trước bước xuống một cái đũng, thằng theo sau cũng bước xuống một cái đũng. Nếu đĩa cạn thì nó đi, đĩa sâu thì nó lội. Thằng này nói thằng kia một hàng dọc, lội lồm chồm như chó! Hành quân sau hè nhà người ta, đặng cái chuồng heo thì vòng qua một cái, có mấy bước đầu, nó cũng không thềm. Nó đá cái chuồng heo của người ta, nó đi. Thằng sau cũng vậy, cứ theo cái dấu chân của thằng trước, đập bừa lên cứt heo! Lúc đầu bọn tôi tưởng bọn nó là bọn khùng! Quánh nhau rồi mới biết! Nó hành quân theo kiểu của một đội quân cơ giới, rất máy móc. Trên bản đồ, thằng chỉ huy vạch ra: đường nào hành quân thì hành quân, đường nào của máy bay thì bay, đường của pháo thì pháo cứ theo đó mà nã tới. Thủy lực không quân với cơ giới, nó phối hợp với nhau, chặt chẽ máy móc, khít riêm. Chệch đường chết chịu. Nó đo đạc thế nào mà nó bắn sát nút anh? Mấy lần chụp bót, tôi biết. Lúc đầu tui tôi tưởng, nếu mình áp sát vào hàng rào hoặc áp sát vào công sự của nó thì sẽ tránh được pháo. Không phải như vậy đâu! Trước khi đóng bót, nó đo đạc hết rồi. Hễ nghe bót kêu pháo thì nó coi theo bản đồ nó bắn. Mảnh pháo tạt vô công sự cứ chan chát vậy. Nếu mình “alaxô” chiếm bót, nó biết không thể cứu vãn được, cho pháo nổ thẳng vô, nổ tới tấp, hủy diệt cả hai bên! Thằng Mỹ nó khác với thằng ngụy là như vậy. Cơ giới, máy móc, khít riêm. Vậy đó!

Lúc nói, anh gác dầm qua đui, nói xong, anh thọc dầm quạt mạnh.

- Chỉ khác có vậy thôi sao?

- Còn nữa chứ. - Anh lại gác dầm qua đui.

- Quánh với nó trận đầu, tôi thấy nó quánh sao mà kỳ cục! Trận đầu tôi đụng với nó, anh Cối bắn trung liên, tôi bắn AK, thằng Châu bắn CKC. Từ ngoài đồng, nó dầm thẳng vô, thằng nào thằng nấy cao lêu nghêu, mập thù lù như con trâu, bắn nó nghe bình bịch thiệt đã! Để nó vô gần, ba đưa tôi mới hè nhau nổ. Nó ngã thoi liệt địa! Nếu thằng Tây hay thằng nguỵ thì nó quay đầu nó chạy mất mẹ nó rồi. Không chạy thì cũng tháo trở ra, thay lại chiến thuật, tung ra nhiều mũi, mũi đánh vô sườn, mũi vòng ra sau lưng, mới phải. Còn thằng Mỹ! Trận đó, cũng như những trận mà tôi quánh nó, nó không làm vậy. Tốp trước chết, tốp sau bò lên kéo xác, tưởng lấy xác rồi chạy, không, nó lại tiến lên, lù lù ngay họng súng. Anh biết nó làm sao không?

- Làm sao?

- Nó châu Diêm vương chứ làm sao nữa! Mình đồng da sắt gì mà chịu nổi đạn của tụi tôi, anh! Tốp sau lại bò lên, kéo xác, ngồi bệt ở ngoài kia, trong đám lúa, khóc hu hu. Nó khóc như bò rống! Lúc mới nghe, tụi tôi có biết đâu. Đã khóc rồi thì đánh đám gì nữa, vậy mà cũng chưa chạy, khóc đã rồi lại cầm súng, lớp ngóp tiến lên, đưa ngực ngay họng súng! Cứ như vậy hoài, từ sáng cho đến trưa. Cuối cùng anh biết sao không?

- Sao?

- Tụi tôi hết đạn, tụi tôi phải rút.

- Rút!

- Chớ sao anh! Quánh du kích, quánh vậy chứ sao nữa!

- Rồi sao?

- Nó tiến lên nó chiếm lấy cái mô đất của tụi tôi. Nó coi là nó chiếm được trận địa của đối phương, theo nó, vậy là nó thắng! Lúc đầu tôi tưởng bọn nó ngu. Sau này

tôi mới được biết là trong sách vở của nó dạy, dạy như vậy: Không phân

tán lực lượng thành từng mảng, mà tập trung toàn lực vào một mũi, mà khoan vào trận địa của đối phương. Với sức mạnh tuyệt đối của mũi nhọn, trận địa của đối phương trước sau gì cũng bị khoan thủng. Nó làm y như vậy, cuối cùng, tụi tôi hết đạn phải rút... Nó chiếm đến chiều, nó lại rút. Tụi tôi lại trở ra chơi. Cái đó sách vở có dạy không, tôi không biết, khi nào anh gặp được nó thì anh hỏi.

Tấm ảnh của cô gái mặc áo bà ba đầu đội nón lá trong cái đèn chai của anh lại cười, cười với cái duyên kể chuyện của anh.

- Còn thằng nguy thì khác - Anh tiếp - như hồi sáng, anh thấy rồi đó. Hễ mình thổi nó một loạt, thằng nào chết thì nằm lại, thằng nào bị thương thì bò lóp ngóp, còn mấy thằng còn sống, chạy tứ tung. Thằng nấp dưới bờ mẩu, thằng nhảy xuống đìa, thằng lặn xuống ruộng, thằng lủi vô lúa, trốn mất... Vậy đó!

Anh ném cái tàn thuốc đánh xèo một tiếng trên mặt nước, rồi cầm cây dầm, quạt mạnh.

- Chỉ khác có mấy cái vậy thôi sao?

- Còn, còn nhiều, kể tới mai cũng không hết.

- Ví dụ như cái gì?

Út Đợ gác dầm qua đui:

- Ví dụ... Thằng Mỹ bay trên trời, ném bom từ trên trời ném xuống, thằng Mỹ giết cò pháo, thằng Mỹ lái xe tăng, cho tới thằng thủy quân lục chiến cầm súng đi càn, mình không hề biết tên biết tuổi nó, cũng không biết nó con ai, ở xóm nào, làng nào, quận nào, tỉnh nào ở nước Mỹ; nó có tên đó, nhưng cái tên của nó muốn nói, như tôi đã có lần nói với anh, nói tên nó thì vắn miệng bẻ mồm như đờ lưỡi, cho nên dân mình cứ gọi chung là thằng Mỹ, thằng nào cũng Mỹ, Mỹ tuốt! Ngược lại, dân mình, tụi lính đó, nó cũng chẳng biết tên ai! Người bị nó giết bằng bom từ trên trời liệng xuống, người bị nó giết bằng pháo từ xa bắn tới, người bị nó giết bằng súng bộ binh, người bị nó

giết bằng mìn, người bị nó xẻo lỗ tai, nó cũng chẳng biết người đó tên gì, con ai, người nào bị nó giết, nó coi Vi Ci tuốt! Vi Ci là người như thế nào, nó cũng không hiểu! Trước đó, nó ở tận bên kia, xa lơ xa lắc, hai bên, chẳng người nào quen với người nào! Vậy mà từ bên đó, nó kéo qua đây, nó bắn, nó giết mình. Nó xâm lăng! Đánh cái thằng xâm lăng ngoại quốc thật sướng tay. Mày ỷ mày giàu, mày ỷ mày mạnh, mày ỷ mày có nhiều vũ khí tối tân, tao đánh cho mày chết, đánh cho mày chừa. Còn thằng ngụy, cũng là da vàng mũi tẹt, xa đến mấy cũng là người một nước, gần hơn là người một tỉnh, gần hơn nữa là người ở một làng, gần nữa là người một nhà cùng một mẹ một cha! Ở ngoài áp chiến lược giờ, có gia đình, trên một bàn thờ có hai tấm hình của hai đứa con, đứa thì hy sinh vì Tổ quốc, đứa thì bị đèn tội vì tội Việt gian; ngay trên bàn thờ nhỏ xíu mà đã như vậy đó! Mình với nó lạ gì nhau? Hai bên không chỉ biết tên, biết tuổi mà còn biết cả đời cha, đời ông nội, ông cố, ông sở ông sơ nhau nữa. Ví dụ như ở cái làng này. Như tôi chẳng hạn. Chị tôi hồi trước ở đợ cho thằng Phiến. Cha tôi ngày trước ở đợ cho nhà thằng Long. Trong làng trong xóm, nó biết chị nào, cô nào có chồng đi kháng chiến. Không làm gì được anh em mình, nó lại đánh cách khác, cho lính ve vãn o bế, làm cho gia đình anh em mình nghi ngờ ly tán. Có đứa thật là đáng đánh; có đứa mình không muốn đánh mà cũng phải đánh! Trận càn năm ngoái, tụi tôi bắt được bảy đứa của đoàn Chín. Mới mười sáu mười bảy tuổi, không có tiền lo lót, bị bắt đi quân dịch, nó kêu tụi tôi bằng anh, bằng chú. Có một thằng bị thương gãy chân, nó vừa khóc vừa nói: "... Cháu định bụng hễ đụng trận, thì cháu đưa tay cháu đầu hàng ngay, nhưng cháu chưa kịp đưa tay thì cháu té sụm xuống rồi, ối đau quá má ơi". Nghe nó nói mà rơi nước mắt. Đánh với thằng Mỹ thằng ngụy khác nhau như vậy đó! Tôi biết anh hỏi làm gì mà! Thấy sao tôi nói vậy, còn tổng kết để rút ra rút vô cái gì đó là chuyện của mấy anh. Đánh với Mỹ là đánh với đám giặc ở ngoài, đánh dữ dội; đánh với thằng ngụy là đánh với người trong nước, trong làng, trong xóm, trong

nhà, nó khuấy tạp... (Út Đợ thường hay dùng hai tiếng khuấy tạp thay cho hai tiếng phức tạp. Lần nào cũng vậy, khi anh nói đến tiếng khuấy tạp thì đôi mày rậm anh lại chau lại, miệng lại chu nhọn, thấy khó khăn, trắc tréo, nó phức, nó tạp hơn cả cái nghĩa phức tạp mà anh muốn nói). Như vậy được chưa cha!

Ý kiến của anh Út Đợ lẽ mẽ rời rạc, nhưng đó là ý nghĩ của một người thực sự cảm sùng đánh với kẻ thù, gọi cho tôi nhiều điều hay hay.

- Được. - Tôi cười.

- Được rồi thì bơi đi, bơi nhanh về, tới giờ rồi.

Anh cầm dầm, tôi cũng cầm dầm, hai đứa khom lưng quạt mạnh.

Tự nãy giờ tiếng pháo vẫn nổ, một chùm ba trái.

- Hụp. Ùng.... Hụp... Ùng... Hụp... Ùng...

Hai đứa bơi về phía vọng gác vườn xoài. Chiếc xuồng đậu ngay cái chỗ trước chỗ căng võng dưới mái tầng. Tôi lấy dây buộc vào nhánh xoài.

Pháo thôi bắn... đám già cũng bay đi tè tè ngang qua đầu chúng tôi, bay thẳng ra sông lớn, về sân...

Trời trưa nắng nhưng trong khu vườn vẫn râm mát. Mặt nước im phẳng phắc. Thỉnh thoảng, một vài con rắn mồi từ trên cây rơi xuống, lồm tồm lội đi. Con cá nghe mồi, quẫy đuôi, tớp ùm ùm. Sóng xôn xao gợn thành những khoanh sóng tròn, lan rộng ra, lặn dần.

Tôi buộc võng lên hai cành cây là là trên mặt nước, Út Đợ lui cui chẻ củi, nấu nước pha trà. Sau khi uống một tuần trà hiệu “Củ măng”, Út Đợ dòn đồ đặc ra sau lái, trải đệm lên giữa khoang, lấy vở lấy bút ra, bảo:

- Bữa nay viết chánh tả chớ anh?

- Ờ, chính tả.

Tôi dạy Út Đợ được hơn tháng, ngày nào anh cũng thu xếp thời giờ để học, lúc buổi trưa, lúc buổi chiều, lúc buổi sáng.

Trên xuồng không thể kê bàn, anh đặt quyển vở xuống đệm, quỳ hai gối xuống để viết:

- Rồi! Anh đọc đi.

- Chờ tôi một chút. - Tôi lấy cần câu, móc, cầm lấy cái dũa đứng trướng kiến, leo lên vông. Tôi để cái dũa mồi vào chẳng ba, móc mồi. Tôi gác cần lên một cái cây gần vông, buông nhợ xuống gần gốc xoài chỗ im bóng, xong, tôi ngồi xếp bằng trên vông, nhìn xuống quyền vở học trò giấy kẻ ô vuông, đọc:

- Nói lối, gạch đít, hai chấm xuống hàng. - Dạy cho Út Đợ học, tôi không dạy theo sách giáo khoa, cũng không dạy theo chương trình được soạn sẵn của nhà trường. Vì tôi không phải là nhà giáo, cũng không phải là cán bộ giáo dục, tài liệu giáo dục không có, nên đành phải dạy theo ý riêng, về toán, trừ cộng nhân chia, anh đã qua. Tôi bắt đầu dạy phép nhân, chia có số lẻ. Về văn, theo yêu cầu của anh thì đọc bài ca cho anh viết. Mấy hôm trước, nhân một cuộc họp xã đội, anh em có đề nghị tôi viết sáu câu vọng cổ về cuộc đời của anh Cỏi, vừa là đồng chí bí thư, vừa là xã đội trưởng, và cũng là người

yêu quý của anh chị em. Viết sáu câu vọng cổ, với tôi không khó, nhưng viết có văn học là một việc tôi không làm nổi. Nhưng với anh chị em, tôi không nề hà. Tôi viết xong, và hôm nay tôi lấy đó làm bài viết chánh tả cho anh.

- Nói lối, gạch đít, hai chấm, xuống hàng, xong!

Tôi đọc tiếp:

- Hò... ơ... Tháp Mười đất nước mênh mông.

Út Đợ vẫn quỳ như vậy, vừa đọc lại lời bằng giọng hò nho nhỏ, vừa cầm bút viết. Viết xong, như vừa qua một việc nặng nhọc, anh ngẩng lên, thở phào, nhìn tôi, cười. Tôi vừa đọc tiếp thì anh kêu:

- Giựt, giựt!

Tôi quay lại, giựt cái cần câu lên, nặng trĩu. Một con cá rô bằng bàn tay. Tôi hất con cá vào xuống, nhảy xuống, gỡ cá bỏ vào khoang; lại leo lên vông, móc mồi, gác cần câu vào chỗ cũ, rồi đọc tiếp...

Đọc cho anh viết xong ba câu thì được năm con cá đủ bữa cơm chiều. Tôi cầm lại quyển vở soát lỗi. Chữ anh tròn như trứng gà, không lỗi, vở viết sạch sẽ, đáng mười điểm. Tôi vừa cầm cây bút cho anh điểm thì anh kêu tôi:

- Khoan, anh!

Tôi dừng lại, nhìn anh:

- Sao?

- Anh có ruột bíc màu đỏ không?

- Có. Chỉ vậy.

- Cho “bon” phải cho điểm màu đỏ chứ anh!

- Tôi để trong ba lô ấy, lấy mất công lắm.

- Được, anh để tôi lấy cho. Tôi viết mực xanh, cho “bon” anh cũng cho mực xanh, trùng màu, tôi chán quá!

Anh mở ba lô tôi, lấy cái ruột màu đỏ đưa cho tôi. Tôi tra vào viết, chấm mười trên mười; tôi viết bên lề, số thật to và hơi nghiêng - theo kiểu thầy giáo, rồi đưa lại cho anh.

Anh cầm quyển vở. Gương mặt của anh góc cạnh, mày rậm, vẻ dày dặn của một chiến sĩ trải nhiều trận mạc, nhưng mắt anh khi nhìn cái điểm mười trên mười viết bằng mực đỏ, mắt anh sáng trong như mắt học trò. Thương anh quá!

CHƯƠNG 28

Mùa nước rồi lại mùa khô. Không ai nghiêng nổi cánh đồng, cũng không ai tát, nhưng mỗi năm sau cơn nước ròng rã tháng chín thì nước trên cánh đồng cứ một chiều đổ ra sông, sông đổ ra biển.

Nằm trên võng treo lắt lẻo trên cành cây, ngủ đêm sáng dậy, nhìn xuống thấy mặt nước đã giập xa còn để lại quanh thân cây cái chón nước đêm qua, nhìn ra đồng đã thấy gò đất trồi lên mặt nước, đây đó lô nhô cái thấp cái cao.

Bờ ruộng, mặt đường rồi sà nhà, nước cạn dần...

Vọng gác của chúng tôi, mặt đất trong khu vườn đã cạn nước, nhưng hãy còn lầy lội, lớp lá mục nát nhão ra như bùn.

Tôi với Út Đợ mỗi đứa một cái leng, vét lại hầm. Trời đổi gió đã mấy hôm - Gió sáng nay, mát lạnh miên man, gió thổi lan tràn qua khắp cả cánh đồng, thổi vào khu vườn, lá trong khu vườn xao động, ngửa nghiêng.

- Gió chương non thổi về rồi đó anh Thắng!

- Ồ! - Tôi đứng yên lắng nghe ngọn gió rồi xắn cái lưỡi beng xuống đất - ngọt xót! - Lúc nước về nước đỏ ngầu! Lúc nước đi, nước trong veo, nước để lại trên mặt

đất một lớp phù sa. Hạt phù sa đọng lại trong hầm chúng tôi đầy dâng lên, hầm cạn nhách, không thể nào chui được. Lật cái beng lên, màu đất trông thật ngon mắt tươi đỏ như thịt non. Đất của mùa dưa hấu và mùa đậu dầy. Nhưng sáng nay thì chúng tôi đưa lớp đất ngọt ngào này đắp lại nắp hầm, che chở cho mình. Trong lúc này cũng như chúng tôi, cũng như những người du kích ở trong làng, làng ở cạnh bên và xa hơn, những người dân hai bên bờ sông Cửu Long, mọi người đều đang đào đất. Người vét hầm, người đào hầm, đắp

hầm, người thì dọn rẫy trồng đậu trồng lúa.

Hai đứa tôi vừa làm vừa trò chuyện.

- Ai làm gì ỉ ạch trong vườn đó?

Có ai đó đang hỏi, chưa trông thấy người, nhưng Út Đợ nhận ra tiếng.

- Ai như tiếng chị Bảy, phải hôn?

- Chú Út đó hả?

Chị Bảy Thá từ ngoài đường bước vào. Chị đã sanh rồi, đứa con gái, người chị trở nên dong dãi, xanh xao và thướt tha.

- Cháu khỏe không chị?

- Nó sắp lật rồi.

- Chị đi đâu qua đây giờ này vậy chị Bảy?

- Thì cũng có chuyện mới đi chứ.

Chị vừa đi vừa đáp lại, chị đứng lại bên chiếc võng của tôi:

- Chị qua bên này cho hai em biết, có một ông ở Sài Gòn mới xuống, ở ngoài ấp vô đây, ghé qua nhà tôi, nói là muốn qua bên này, kiếm chú Năm Bờ với chú Thắng. Chú nhờ tôi qua đây hỏi giùm.

- Người đó ra sao? - Út Đợ hỏi.

- Tôi nhớ, hôm mùa khô rồi, chú đó có quá giang xuống bà con mình, vô trông một lần. Nghe chú nói là chú có ăn gà hấp rượu ở nhà ông Hai Cò.

- Thôi tôi biết rồi, - Tôi nói - cao nhòng, ốm nhách, móm xòm, phải không chị Bảy?

- Đúng vậy, có đeo cái máy chụp hình nữa.

- Anh có hẹn với tụi tôi, chị dẫn anh qua đây giùm tụi tôi.

Chị Bảy Thá đi rồi, Út Đợ hỏi:

- Ông nhà báo hả anh Thắng?

- Phải.

- Thôi anh đi rửa tay, mặc quần dài mặc áo vô đi.

Tôi với Út Đợ đang ở trần, mặc quần đùi, chân tay bùn đất lấm lem. Tôi với anh chạy ra đường, xuống kinh, rửa tay chân.

Hai đứa tôi vừa mặc xong quần áo thì nhà báo Trần Hoài Sơn cũng vừa tới. Nhà báo Trần Hoài Sơn vẫn thế, quần xám, áo sơ mi trắng, khoác bên ngoài chiếc áo bludông Mỹ, vai đeo máy ảnh. Nhưng thái độ của anh hôm nay khác hơn. Như một người đi xa mới về và gặp lại bạn cũ, qua đến vùng du kích, bước chân anh không rụt rè, hướng về phía chúng tôi, anh bước nhanh, mặt hớn hờ. Anh không bắt tay tôi mà ôm chầm lấy vai tôi:

- May quá! Còn gặp được Thắng ở đây, may cho tôi quá!

Sau lúc mừng nhau, tôi giới thiệu anh với nhà báo Trần Hoài Sơn. Lần này, trông anh cởi mở và gần gũi hơn. Tôi với Út Đợ nhường riêng cho anh cái võng ni lông, còn tôi với Út Đợ cùng ngồi trên chiếc võng ka ki. Có lẽ lần đầu ngồi trên chiếc võng kháng chiến, anh nhún thử mấy cái, ra vẻ thích thú, rồi đưa tay vo vo mấy sợi dây dù, hỏi cách buộc võng. Út Đợ thích vẻ tò mò ngây ngô của anh. Út Đợ bảo tôi đứng dậy, rồi anh giắt dây võng, buộc lại cho anh xem. Út Đợ làm đi làm lại đến ba lần, cuối cùng Trần Hoài Sơn cầm dây, vòng qua cây, nắm lấy một mối, kéo lên, ghệt xuống. Rồi anh lại ngồi thử:

- Tôi phải tập lần cho quen! Trước sau gì tôi cũng nằm võng như mấy anh. - Đang vui, anh bỗng ngồi im, nhìn xuống. Tôi biết anh đang lựa lời để mở đầu cho câu chuyện mà anh vào gặp chúng tôi lần này. Anh ngẩng lên, trang trọng và giọng cũng khác hẳn:

- Hai anh! Lần này tôi trở lại đây với mục đích khác hẳn lần trước. Tôi đã quyết định, quyết định rồi. Trước khi nói về quyết định của tôi, tôi muốn đưa anh Thắng một lá thư của người bạn.

Anh móc túi áo trên, trao cho tôi lá thư giấy mỏng xếp làm tư.

- Anh Thắng với anh Út xem đi, rồi tôi sẽ nói sau.

Tôi giờ lá thư ra. Thư viết chữ nhỏ hơi nghiêng.

Son thân mến!

Thế là đã ba năm, chúng ta xa nhau. Ngày ra đi tôi đến nhà Son, gõ cửa, nhưng Son đã đi vắng. Nhiều lúc tôi nghĩ, nếu lúc đó Son có nhà thì biết đâu giờ này chúng mình cùng một nhà. Nằm trên võng lắc qua lắc lại và ôn lại chuyện Sài Gòn, tôi tin như vậy, có thể lắm, nhưng tiếc là Son đã đi vắng. Và tôi, không thể chờ được và cũng chẳng kịp từ giã ai, kể cả cha mẹ của tôi. Bây giờ đã ba năm, càng ngày tôi càng khẳng định: mình làm đúng, đi đúng. Đúng với lòng “trời” và đúng với lòng mình! Bao nhiêu năm lận đận đến cay đắng chỉ vì một chỗ đứng! Mặt đất rộng mênh mông đứng đâu mà chả được, nhưng cái chỗ đứng đúng với vị trí của mình thì tìm mãi, chọn mãi, đầu đến hai thứ tóc rồi mới nhận thấy! Chỗ đứng mà tôi chọn - đúng với vị trí của mình: hẳn không phải là

cái bên kia thói nát, nhưng cũng không hẳn là phía “bên này”, chỗ đứng của mình là điểm giữa, trung dung; như bao nhiêu bạn bè ra đi sau Mậu Thân 68, tôi vào mặt trận thứ ba. Mặt trận Liên minh. Đúng là những mặt trận của những con người như chúng ta. Yêu nước và cứu nước.

Son! Chần chờ gì nữa! Bạn bè đang đợi Son. Mỗi lần nhắc đến Son, anh em cứ tiếc - Nếu trong anh em, một người nào đó được sự hiểu biết của Son thì đó là một cống hiến to lớn - Chỉ cần một quyển sách ghi lại sự thật của nhà tù mà Son từng chứng kiến, cũng đủ rồi. Son suy nghĩ và quyết định đi. Chỗ đứng của Son không phải là ở ngoài kia, mà chỗ này, chỗ của chúng ta.

Tôi viết thư này, cũng vừa thay mặt cho một số bạn bè, gửi đến Son lời tâm huyết.

Mong đợi Son.

Ký tên...

T.B: Tôi không ngờ đã được gặp lại cô đào Mỹ Thanh. Bây giờ cô là diễn viên đoàn văn công Giải phóng. Mỹ Thanh có già dặn hơn, nhưng thanh sắc vẫn như xưa. Chúng tôi nói ở ngoài ấy, những đêm buồn, Sơn thường mở băng ghi âm nghe lại tiếng hát của Mỹ Thanh, Mỹ Thanh cảm động lắm...

Xem xong, tôi xếp thư trao lại cho Sơn.

- Đây là thư của một giáo sư, vốn là bạn của tôi. Anh đi sau ngày Mậu Thân 68. Anh nói đúng. Nếu cái hôm anh đến gõ cửa nhà tôi trước khi đi, nếu tôi không đi vắng thì chắc bây giờ tôi đã khác rồi. Từ đó đến nay, mùa xuân sáu mươi tám đã trôi qua. Người Sài Gòn không còn nhìn thấy chiến sĩ giải phóng trên đường phố nữa, nhưng hình ảnh dũng cảm của các anh còn in đậm trong tâm trí của mọi người. Tiếng súng không còn, nhưng trong lòng người Sài Gòn, trong lòng tôi, tiếng nổ vẫn chưa dứt! Tiếng nổ đã phá vỡ những bức tường đã ngăn cách chúng ta. Bức tường của chính kiến, của những sự dị biệt bị phá vỡ. Đầu óc của con người đã trở nên quang đãng. Từ đó mà tôi hiểu. Từ đó mà tôi đi. Tôi đi đến đây. Tình cờ mà may mắn, tôi được gặp bác Hai, được nghe câu chuyện của một gia đình chống xâm lăng cứu nước. Rồi tôi trở lại Sài Gòn, trở lại đường phố và căn phòng. Những nơi đầy kỷ niệm, với tôi đã trở thành xa lạ. Tôi lại nhận được lá thư của người bạn từ Mặt trận Liên minh gửi về, lá thư mà hai anh vừa đọc đó. Tôi nghĩ, phải! Trong cuộc đấu tranh sống còn của dân tộc, là một đứa con, ta không thể chỉ là một nhân chứng! Mà phải dấn thân, phải dấn thân!

Anh gật đầu và gật đầu, hai lần. Có thêm được một người bạn chiến đấu, đáng lẽ chúng tôi phải tỏ ra mừng rỡ đối với anh. Nhưng lúc đó, sau khi anh nói xong thì cả ba đều im lặng. Lúc ấy, cũng như sau này, mỗi khi nghĩ lại, tôi không cắt nghĩa được tại sao tôi với Út Đợi không reo không mừng, không vỗ vập lấy anh? Có thể đó là phút im lặng trước bước thay đổi

của con người? Hay là quyết định dần thân của anh quá đột ngột đối với chúng tôi? Hay là giọng nói trang nghiêm vừa nhỏ nhẹ vừa buồn buồn như hối lỗi của anh?

- Tôi vào đây để nhờ các anh giúp cho tôi tìm đến cơ quan của Mặt trận Liên minh.

- Sơn định bao giờ thì đi? - Tôi hỏi Sơn.

- Tôi đã quyết định dần thân rồi, quyết định ấy không có gì thay đổi, nhưng tôi chưa muốn đi ngay. Tôi đang tìm một nơi yên tĩnh để viết một quyển sách nói về những sự thật tàn bạo trong cái nhà tù mà tôi có dịp chứng kiến. So với anh em bạn bè, tôi là người đi sau, tôi không muốn gặp lại bạn bè với hai bàn tay trắng. Tôi đang mượn cái nhà bè của bà Út Nhỏ để ngồi viết. Tôi vào đây để xin phép các anh được ở đó trong thời gian ngồi viết.

Tôi muốn khuyên anh nên đi sớm, càng sớm càng tốt, rồi sau đó sẽ viết cũng không muộn. Nhưng tôi kịp nghĩ, lời khuyên của tôi sẽ không có kết quả và chỉ làm cho anh khó xử.

- Bắt đầu từ giờ phút này, xin các anh coi tôi là người của lực lượng thứ ba.

Tôi chưa chọn được câu trả lời thế nào cho hợp với câu chuyện. Tôi mới khẽ gạt đầu, thì một chiếc đầm già bay thấp ào tới. Qua kẽ hở của khu vườn, chúng tôi thấy hai cái cánh của nó giăng ra, lướt qua ngọn xoài, đen sì, và nó quay trở lại, xoáy tròn qua khu vườn chỗ của chúng tôi.

Trong vòng bay của con đầm già lần này, tôi thấy Trần Hoài Sơn tỏ ra khác hơn lần trước. Lần trước - ở nhà ông Hai Cò, khi con đầm già xoáy tròn trên cụm vườn, anh không tỏ ra sợ sệt, cũng không phải bình tĩnh mà dửng dưng. Anh dửng dưng vì trong ý nghĩ của anh, nó với anh chưa phải là kẻ thù. Còn lần này, nằm trong tầm bay của nó, anh theo dõi đường bay của nó trong tư thế tự vệ. Trong ý nghĩ của anh, trong lòng anh, anh là kẻ thù của nó. Chưa quen với bom đạn, anh không được bình tĩnh như chúng tôi, anh rời

khỏi võng và đón dác.

Cái hầm mà tôi với Út Đợ vét từ sáng đến giờ không đủ chỗ cho ba người. Hai người thì chật, một người thì hơi rộng.

Con đầm già nghiêng cánh, cái độ nghiêng của nó như dựng lên, xoay theo vòng khu ốc, mỗi lúc một siết chặt.

Út Đợ nhanh tay giựt lấy đầu dây võng, cuốn tròn lại một phía:

- Anh Thắng! Đưa anh Sơn xuống hầm! - Xuống hầm thì cần gì phải đưa đón?

- Xuống hầm đi anh Sơn! - Tôi bảo Sơn lúc Sơn đã ngồi sẵn dưới hầm rồi!

- Hầm của mấy anh đâu? - Sơn hỏi chúng tôi.

- Tụi tôi núp dưới gốc xoài được rồi!

Con đầm già vừa bay ra thì pháo vọt tới. Tôi với Út Đợ không núp theo gốc xoài mà nhào xuống nương vườn. Một chùm pháo ba trái, nổ trong khu vườn của chúng tôi.

Một chùm pháo nổ xong, nó nghiêng cánh nhìn xuống rồi lảng ra tè tè đi tìm một điểm khác. Chúng tôi trèo lên nương, quần áo ướt mềm. Cành, lá tả toỉ khắp cả khu vườn.

- Anh Sơn ơi! Hết rồi, lên!

Sơn bước lên hầm, phủi áo, phủi quần, nhưng chưa thật yên tâm. Anh cứ ngược nhìn theo hướng bay của con đầm già.

- Nó đi rồi! Ngồi võng đi anh Sơn! - Út Đợ vừa bảo vừa buộc lại dây võng, quần áo anh bùn đất lấm lem. Trần Hoài Sơn trở lại bình tĩnh qua từng cử chỉ của Út Đợ. Sau trái pháo ấy, chúng tôi lại gần nhau hơn, vui hơn. Để Trần Hoài Sơn ngồi lại trên võng, hai đứa tôi chạy ào xuống kinh tắm rửa lặn hụp, thay quần áo.

Hai đứa tôi trở lên, thấy Trần Hoài Sơn đang đưa máy ảnh chụp lấy cái hầm anh vừa nấp.

- Cho tôi một tấm ảnh kỷ niệm, anh Sơn!

- Anh vô đứng đây, đứng đây!

Út Đờ chạy lại, đứng bên nắp hầm nhưng Trần Hoài Sơn vừa đưa máy lên, nghĩ thế nào, anh xòe tay đưa lên:

- Khoan! Chụp vậy không hay!

Bộ quân phục có cầu vai anh đang mặc, vừa gọn vừa chỉnh tề, anh không muốn. Anh cởi áo, cởi cả quần dài, mặc cái quần cụt đen, cầm cái leng.

- Anh cho tôi xin một “pô” đào hầm hay hơn!

Một cái chớp lóe lên.

Sau khi Út Đờ mặc lại quần áo, cùng với tôi ngồi trên chiếc võng ka ki, đối diện với Trần Hoài Sơn thì tôi bắt chuyện:

- Trong lá thư Sơn cho mình đọc, thấy có nhắc đến cô Mỹ Thanh, cô ấy mình biết.

- Vậy sao? - Cặp mắt ốc nhồi của Trần Hoài Sơn mở to ra, và vẻ mặt anh rạng lên.

- Thắng cũng biết? Thắng gặp hồi nào?

- Cơ quan của tôi cách Đoàn văn công của cô Mỹ Thanh một khu rừng.

- Thắng có hiểu gì về cuộc đời của cô Mỹ Thanh không?

Tôi biết, biết quá rõ, nhưng vì tò mò muốn hiểu anh với Mỹ Thanh quen biết nhau ra sao, hỏi cô còn ở Sài Gòn, tôi lắc đầu:

- Tôi không được rõ lắm!

- Bây giờ nhắc lại, thật đau lòng! - Anh nhìn xuống gật đầu mấy lần, rồi mới nói: - Mỹ Thanh là một cô gái mồ côi, sống với người ghì ghẻ. Dì chiêm chuối, cô bung đi bán. Cô mê gánh hát. Ngày nào cô cũng bung cái xè bánh chuối chiêm đến bán cho đào kép của một gánh hát. Thấy cô là một cô gái nhỏ đẹp, duyên dáng, ai cũng thương! Mỗi lần cô bung bánh đến, cả gánh

chia nhau ăn. Hết bánh, cô không về. Cô ngồi bệt dưới thềm, nghe đờn ca. Đào kép tập tuồng. Cô vừa ngồi xem vừa lép nhép ca theo. Suốt mấy năm trời như vậy, từ năm lên tám đến năm mười sáu, tám năm bán chuối chiên cho đào kép của một gánh hát, chưa lên sân khấu, nhưng cô đã trở thành một diễn viên, cô thuộc hết bài bản! Một hôm, trong gánh hát có một cô đào bị bệnh bất ngờ, cô bị đau bụng đang lúc tập tuồng, phải đưa đi nhà thương. Không biết thay ai, đang lúc rối rắm đó thì thầy tuồng thấy cô bung chuối chiên tới. “Con nhỏ chuối chiên, để cái xè chuối đó, lên đây, lên đây cháu!”. Cô tập thử vai ấy. Rồi sao? Đêm biểu diễn ấy, khán giả không ngờ, cả đào kép trong gánh không ngờ, mà cả ông thầy tuồng cũng không ngờ! Dưới ánh đèn trên sân khấu, cô lộng lẫy như tiên, khiến cho khán giả mê hồn. Đêm đó tình cờ tôi cũng đi xem. Tôi chưa bao giờ nghe ai có một giọng ca kỳ lạ như vậy, giọng thô và hơi rè. Khi cô cất tiếng thì cả rạp như nín thở. Sáng hôm sau, báo chí Sài Gòn rộ lên hình ảnh của cô. Tuổi mười sáu, cô bước lên sân khấu như một ngôi sao!

Nhà báo Trần Hoài Sơn kể lại cuộc đời của cô đào Mỹ Thanh với vẻ sôi nổi đam mê. Rồi bỗng dưng anh dừng lại, hạ thấp giọng:

- Nhưng Nguyễn Du đã nói chữ tài liền với chữ tai một vần! Như một biến thiên của vũ trụ, ngôi sao ấy vụt tắt thật bất ngờ. Hai năm, đến cái tuổi mười tám của cô, có một tên nhà báo nào đó muốn chiếm cô, bị cô từ chối, nó trả thù! Một chuyện không ai lường được. Một hôm, trên một tờ báo ở Sài Gòn có một hàng tit đậm đen “Đĩ Mỹ Thanh”, và phía dưới là những câu chuyện tục tĩu của cô với bọn đàn ông. Tờ báo làm xôn xao cả giới mộ điệu của Sài Gòn. Chuyện gì đã xảy ra sau khi tờ báo ấy được rao bán khắp nơi? Mỹ Thanh đến tòa báo, hai tay cầm chiếc guốc, cô định đập vỡ mặt kẻ vu cáo đã phỉ báng cô.

- Cô có đập đầu thằng đó không anh? - Út Đợ hỏi.

- Cô chẳng tìm được ai! Sau đó, người ta thấy cô cạo đầu. Rồi

không ai biết cô đi đâu nữa!

- Cô Mỹ Thanh bây giờ ra sao anh Thắng? - Người hỏi tôi câu này, không phải của Trần Hoài Sơn mà của Út Đợ.

Tôi chưa kịp kể lại với Út Đợ và Trần Hoài Sơn về cuộc sống của cô và Đoàn văn công Giải phóng thì tiếng con đầm già đã vẳng tới! Con đầm già bay thấp, vừa nghe tiếng, đã thấy hai cánh của nó sà lướt qua ngọn cây.

Ba đưa chúng tôi rời khỏi vũng, đứng với tư thế sẵn sàng. Nhưng con đầm già chỉ nghiêng cánh liếc qua khu vườn của chúng tôi một vòng, rồi tè tè bay theo lòng kinh, bay thẳng ra chi khu.

- Tôi vào đây để báo và xin phép với hai anh, bây giờ tôi xin phép hai anh cho tôi trở ra ngoài. - Nhà báo Trần Hoài Sơn không ngồi lại vũng, nhìn theo hướng bay của con đầm già, anh nói với chúng tôi.

Con đường đưa anh về đến cơ quan của Mặt trận Liên minh, nếu suôn sẻ, cũng phải mất hơn mười ngày, nghĩ đến chuyến đi của anh, tôi hỏi:

- Sơn định ngồi viết đến bao giờ thì lên đường? - Tôi gọi tên cũ của anh để dễ trao đổi với anh.

- Tôi sẽ viết đêm ngày, độ hai tháng, có gì tôi sẽ trở vào, tìm lại các anh. - Nói xong, anh lấy gói ảnh để sẵn trong túi, trao cho tôi, nhờ tôi gửi đến tận tay ông Hai, và nhắc lại lời anh đã hứa: Nếu tôi muốn ra ngoài áp chiến lược bằng con đường “hợp pháp” anh sẽ tạo điều kiện giúp tôi.

Sau khi đưa Trần Hoài Sơn qua khỏi cây cầu khi bắc qua con rạch chia hai vùng, trở lại vũng gác, tôi với Út Đợ cởi áo, cởi quần dài, cầm leng, tiếp tục vét hầm. Hai đứa vừa làm vừa nói chuyện:

- Anh nhà báo đó chắc mê cô Mỹ Thanh, phải không anh?

- Chắc vậy.

- Nếu anh về cơ quan của Mặt trận Liên minh thì liệu anh có gặp lại cô Mỹ Thanh không anh?

- Gặp!

- Lần này gặp nhau chắc dính quá?
- Cô Mỹ Thanh đã hứa hôn rồi.
- Ai vậy anh?
- Hứa với một đồng chí quay phim.
- Người đóng tuồng, người quay phim, ngon quá ha!

Hai đứa không nói gì nữa, anh vét hăm, tôi xúc đất đắp lại nắp. Mồ hôi trên lưng tôi đổ lấm tẩm. Út Đợ vét mỗi lúc mỗi sâu vào bên trong. Anh từ dưới hăm chui lên, đứng sổng lưng, dựng cái leng trước mặt, đốt thuốc, nghĩ gì anh kêu tôi:

- Anh Thắng ơi!
- Oi!
- Anh biết ai viết cái bài báo nói xấu cô Mỹ Thanh không?
- Nó giấu mặt, cô ấy không biết được!

Anh “hùm” lên một tiếng rồi cầm cái leng, giơ cao, xấn mạnh xuống.

- Khốn nạn quá!

Cái leng xấn ngấp xuống đất đánh “ụp” một cái, bùn nước trào ngược lên, ngấp cả leng.

CHƯƠNG 29

Út Đợ được đề bạt làm xã đội trưởng. Châu thay anh làm xã đội phó. Sáu Linh giữ chức bí thư chi bộ, lo gây dựng cơ sở ở vùng ngoài. Vọng gác dưới lùm xoài, Út Đợ giao lại cho Châu với Lâm và Dũng. Ra vọng gác, ngày trước, ngày sau, Châu đã dọn xong bãi tập, vừa để tập quân sự, vừa để dạy võ cho anh em.

Út Đợ trở về văn phòng xã đội. Tôi cũng theo anh trở lại cái sân nhà nhỏ trong vườn xoài, gần nhà ông Hai Cờ.

Với nhiệm vụ xã đội trưởng, Út Đợ bắt đầu làm quen với giấy tờ, tôi thấy anh lóng ngóng đến tội nghiệp! Mỗi khi nghiên cứu một chỉ thị hay viết một bản báo cáo, thì giấy tờ để ngập cả bàn. Tôi để ý thấy, trước khi bày giấy tờ, lần nào anh cũng cởi tấm vải dù bông quấn cô trải lên bàn. Tôi tưởng anh bắt đầu nhiễm lấy cái bệnh thích bàn giấy. Một lần, sau khi trải tấm vải dù lên bàn xong, quay lại thấy tôi nhìn, anh hỏi:

- Sao anh cười?

Tôi cười chứ không trả lời.

- Anh tưởng tôi làm điệu chắc. Tôi làm vậy là tôi bắt chước anh Năm Bờ với anh Côi bí thư! Làm vậy, nếu tụi trực thăng nó tới đổ quân thì túm lại cho gọn. Mùa này là mùa chúng càn mà!

Ở làng này, năm nào cũng vậy, khi nước rút, mặt đất bắt đầu khô ráo, đã lâu, người ta không gọi mùa khô hay mùa gió chướng nữa, mà gọi là mùa chống càn! Ngày nào cũng phải chuẩn bị chống càn. Mọi người, ngày cũng như đêm, luôn luôn với tư thế sẵn sàng. Khuya dậy nấu cơm ăn sớm. Vong không nằm không giảng, phải cuốn gọn và lúc nào cũng đeo sát bên hông. Sợi dây nịt thắt ngang lưng phải có đủ thứ cần thiết cho cuộc sống.

Võng, ni lông, đèn, bình toong nước, hộp lương khô, hoặc muối sả, hoặc đường, hoặc thịt hay cá chà bông, đèn; đèn thì chai đèn dầu và đèn pin. Súng đạn sát bên mình, cả lúc ngủ cũng phải nai nịt sẵn sàng! Và bắt đầu vào mùa khô thì du kích lo nạo vét hầm cũ, đào thêm hầm bí mật, xây đắp lại công sự chiến đấu, dọn thêm bãi lựu đạn gài.

Buổi trưa, sau khi cơm nước xong, không ai nghỉ. Đội nữ du kích của Bé Ba kéo nhau ra mí vườn, dọn bãi lựu đạn. Hai cái hầm trong sân nhà bị sạt lở. Tôi vét hầm, Út Đợt ra vườn chặt cây mù u. Hai đứa đang lui cui lấy nắp hầm thì có tiếng hỏi:

- Ai làm gì lạch cạch ở trong nhà đó?

Tôi nhận ra tiếng ông Hai Cờ, nhưng Út Đợt đã lên tiếng trước:

- Bác Hai đi đâu đó?

Ông Hai Cờ bước vào, quần ông thấp ông cao, áo bà ba màu cháo lòng, đầu bịt khăn khố, vai vác cuốc:

- Tao đi rẫy mà con đầm già mắc dịch đó nó cứ liếc tao.

Con đầm già đang quần đảo ngoài cánh đồng, chắc là đang nhìn vào những cái chòi hoang mới mọc lên, tiếng bay của nó dội lại lúc gần lúc xa.

Ông Hai Cờ để cuốc xuống sân nhà, lấy cán cuốc làm ghế ngồi, quần thuốc hút. Tôi với Út Đợt nghỉ tay, ngồi trên cái lạng.

Ông Hai Cờ phà một hơi khói.

- Nói vậy là chú nhà báo đó chịu theo mình? - Ông hỏi tôi.

Tôi chưa nói thì Út Đợt nói trước:

- Theo mình, nhưng đứng trong mặt trận thứ ba.

- Thứ ba, thứ tư hay thứ năm gì cũng được, miễn là cùng với mình đánh Mỹ là được rồi. Vậy là mừng cho chú rồi! Còn chuyện này, bác muốn hỏi thằng Út.

- Dà!

- Hôm rồi chú Năm Bờ với con Sáu đi họp ở quận về, tao thấy mặt mày của nó, tao biết trước sau gì cũng có chuyện, tao hỏi nó nhưng nó giấu tao. Nó chỉ bảo tao đào thêm hầm hố. Hầm hố thì mùa chống càn nào mà tao không đào. Út, mày làm xã đội, có gì mày nói tao nghe coi!

Út Đợ liền nhìn tôi, tôi tảng lờ như không thấy, muốn để anh nói.

- Anh Năm Bờ với chị Sáu cũng nói với xã đội như nói với bác, chớ có nói cái gì đâu!

- Dóc! Mày giấu tao. Tao đoán là trên đang rục rịch, phải không chú Thắng?

- Dà!...

Thực ra, tôi cũng không hiểu gì hơn ông. Cách đây mấy hôm, trên cho liên lạc hỏa tốc về gọi Năm Bờ và Sáu Linh đi họp. Hai người không lên quận như ông biết, mà đi thẳng về tỉnh cùng với đồng chí bí thư quận ủy và đồng chí quận đội trưởng, đến ngày trở về, tôi thấy hai người phấn khởi ra mặt. Tôi cũng đoán là có chuyện gì sắp xảy ra, nhưng không biết được cụ thể. Sau cuộc họp của Năm Bờ, Sáu Linh với ban chỉ huy xã đội (Út Đợ và Châu) thì qua ngày hôm sau, không khí của xã đội đã thấy khác. Mọi việc như đào hầm bí mật, nạo vét hầm cũ, đào xây thêm hầm mới... mọi việc đều khẩn trương hơn! Ngoài những công việc thông thường của xã đội, còn có một vài việc khác như: đốn cây chặt lá cất kho, đào những cái hầm rộng có thể kê giường, kê bàn để làm việc, xuống úp dưới sàn nhà được lệnh kéo ra, trét lại và mua sắm thêm xuống mới. Công việc chuẩn bị cho chiến trường đang bắt đầu. Tôi tò mò muốn hiểu, Năm Bờ chỉ hờ cho tôi có một câu “Mình đang chuẩn bị”... Năm Bờ với Sáu Linh từ cuộc họp ở tỉnh trở về làng, hai người chỉ ghé qua một đêm, ở chơi một ngày, qua hôm sau, hai người lại trở ra ngoài ấp, tôi không có dịp tìm hiểu thêm.

Đêm cùng nằm dưới sàn nhà - có hai anh em, tôi hỏi Út Đợ, anh nói úp mở.

- Anh nhớ cái đêm, tôi, anh với anh Năm Bờ nằm ở vọng gác không?

- Nhớ!

- Tôi hỏi anh cái gì, anh nhớ không?

Tôi nhớ, nhưng tôi làm bộ quên:

- Nhiều chuyện quá tôi nhớ sao nổi!

- Tôi hỏi anh chừng nào thì anh nói chắc phải tới mùa gió chướng, bây giờ gió chướng rồi đó, còn gì nữa! Kế hoạch quân sự của cấp trên thì ai mà biết được! - Tôi đoán, chắc anh cũng hiểu chung chung vậy thôi.

Ông Hai Cờ chắc cũng đang thấy những việc khác thường của xã đội, ông dò hỏi hai đứa tôi. Hỏi Út Đợ không được. Nhưng ông không bực tôi mà bực với Út Đợ. Lần đầu tôi thấy ông tỏ ra bực bội. Điều thuốc đang hút, ông cắn đứt cái đầu, phun nó đánh “phệp” xuống đất.

- Mày giấu tao, nay mai có chuyện chi thì đừng có... -Ông không nói hết câu, ông lột khăn, quơ ra sau, đập xuống lưng như đập muỗi.

- Hai đứa bây không nói, nhưng tao xem qua cái binh tình của thằng địch, tao cũng biết rồi. Con đầm già - Sự bực bội của ông, ông đổ lên con đầm già - con đầm già mắc dịch đó, mấy hôm nay nó không nghỉ trưa. Trưa nào nó cũng “tì tì”. Tội nó cũng “tì tì”...

Vừa lúc đó, có tiếng của bé Thiều từ ngoài đường gọi vọng vào:

- Anh Út ơi, anh Út!

Bé Thiều đã thay cho Út Trâm, làm nhiệm vụ giao liên cho xã đội.

- Oi!

Thiều bước vào sàl nhà thờ hỗn hên:

- Chú Thắng có khách.

- Chú hả? - Tôi hỏi lại.

- Dạ.

Tôi ngạc nhiên, tôi làm gì có khách ở đây?

- Hay là anh nhà báo ảnh vô nữa đó anh Thắng? Ông khách đó ra làm sao? Cao, ồm, miệng móm phải không? -Út Đợ hỏi.

- Dạ không, ông này lớn - Bé Thiều dang hai tay ra -mập lắm!

- Ai vậy cà?

- Sao không đưa ông vô? - Ông Hai hỏi.

- Dạ, cháu sợ chú Út với chú Thắng không có ở nhà. Ông này, lúc đầu ông hỏi chú Năm Bờ, cháu nói chú Năm đi vắng, thì ông hỏi chú Thắng.

- Thôi! - Ông Hai vẫy cái khăn - Ra đón người ta vào để người ta chờ.

Bé Thiều chạy vụt ra. Tôi chưa đoán được là ai thì Bé Thiều dẫn ông khách vào.

Tôi sững người! Ông khách to lớn đứng trước mặt chúng tôi là ông Chín Nghè, ông bác sĩ “Qui bông nông”.

Tôi đứng phất dậy kêu to và lao đến anh.

- Anh Chín!

- Quì.

Bác sĩ Chín dang hai tay, ôm chầm lấy tôi.

- Vào đây, vào đây anh Chín.

Bác sĩ Chín bước vào nhà, khệ nệ mà lạnh lẽ, anh bắt tay ông Hai, bắt tay Út Đợ.

Ông Hai, Út Đợ đều có vẻ lạ trước dáng dấp của ông, một con người to lớn, tuổi chưa già, nhưng tóc đã bạc trắng, lại cắt ngắn, trong như cái bông gáo, quần ka ki ống rộng, áo bludông màu cỏ chết, nhìn đến dáng dấp của ông, đã thấy vui vui.

- Ngọn gió nào đưa anh đến đây vậy anh Chín? - Tôi ngược nhìn anh, và hỏi.

- Có ngọn gió nào khác hơn ngọn gió hôm nay đâu! -Ông đứng cao hơn tất cả chúng tôi, gần sát cái sàn nhà, giọng to và sôi nổi, tôi biết là ông

đang bắt đầu, ông xoay qua nhìn ông Hai:

- Thừa anh với hai chú! Hồi ngày xưa, không phải năm năm hay mười năm, mà hơn ba mươi năm trước, khi tôi còn đi học ở trường làng. Tôi nhớ mỗi năm, hễ đến mùa này, mùa gió chướng thổi về thì ở Côn Đảo anh em tù chánh trị xuống bè, nương theo ngọn gió mà trở về đất liền. Ghe bầu ngoài miền Trung căng buồm vượt qua biển, chạy trên con sông trước cửa nhà tôi. Bây giờ, tôi cũng nương gió này mà trở về đây. Tôi không đi bè cũng không đi ghe bầu. Cánh buồm của tôi là cái ba lô mang trên lưng, tôi vượt qua đồng chó ngáp.

- Nói vậy là chú ở xa mới về? - Ông Hai Cờ hỏi và phải ngược nhìn lên ông.

- Quì. Thừa anh, chỗ tôi ở, ca nông của Mỹ ba cây chập làm một bản cũng không tới. Máy bay của nó, bay tới, liệng một vài trái bom rồi phải về ngay, ở lâu thì hết xăng...

Nghe cái giọng sôi nổi và hài hước của ông, ông Hai với Út Đợ cứ phải nhìn lên, miệng mở ra tròn như chữ O.

- Anh Chín đây là bác sĩ...

Tôi mới vừa giới thiệu ông đến đó, ông đưa một ngón tay lên miệng, suýt một hơi gió.

- Pác đông. Xin lỗi! Tôi quên nói trước với ông. Ở đây chỉ có ba người. Xin anh với hai chú không nên giới, thiệu với ai tôi là bác sĩ giải phẫu. Vì cái nghề của tôi, tôi đi đến đâu là có chuyện đến đó.

Thế là điều tôi dự đoán, điều mà ông Hai sốt ruột muốn hiểu, sự có mặt của ông đã rõ.

Tôi nói thêm cho ông yên tâm:

- Không sao anh Chín! Anh Út Đợ đây là xã đội trưởng, còn bác Hai đây là ủy viên Mặt trận xã, trước sau gì anh cũng làm việc với bác, với anh Út.

Ông lại đưa tay bắt tay ông Hai, bắt tay với Út Đờ.

- Bông. Bông. Được vậy, tôi xin nói thêm, tôi về đây là để bắt thằng Nixon phải ký... - Ông vừa nói, một tay thì đưa quả đấm, một tay thì xòe ra, dứt câu ông đánh bốp xuống một cái.

Bé Thiều chạy ra vườn báo với các cô.

Nghe có khách lạ, các cô du kích đang đào hầm, đang dọn bãi lựu đạn, kéo nhau vào. Tôi giới thiệu với bác sĩ Chín:

- Đây là cô Bé Ba, đây là cô Thon, cô Thả, cô Thanh, Út Trâm... là nữ du kích của xã.

Giới thiệu đến tên cô nào bác sĩ Chín cũng bông; sau khi bắt tay từng cô, ông lại chấp hai tay đưa lên trán xá từng cô, khiến các cô đỏ cả mặt. Bé Ba lanh lẹ, chạy lên nhà, mang xuống một cái ghế cho ông. Ông ngồi, còn chúng tôi thì đứng xung quanh, nhờ đó mà mọi người đỡ phải ngược cổ nhìn lên.

- Sao anh biết tôi với anh Năm Bờ ở đây, anh Chín?

Bác sĩ Chín ngồi xuống ghế, hai chân dặng ra, hai tay để lên đầu gối, xòe ra đủ năm ngón như ngồi trước máy ảnh.

- Chuyện biết được hai anh, tôi suýt trả bằng máu!

Các cô nhìn nhau cười chúm chím trước giọng đùa duyên dáng của ông.

- Vượt qua đồng chó ngáp. Sau đó một hai hôm, giao liên đưa chúng tôi đến một rừng tràm thưa. Chúng tôi đến trạm vào lúc nửa đêm, chẳng ai hay. Vào chòi, chúng tôi ngủ như bị chụp thuốc mê. Nửa đêm thì pháo nổ. Pháo nổ đầu này, pháo nổ đầu kia, pháo nổ trước mặt, pháo nổ sau lưng, pháo nổ bên trái, pháo nổ bên phải, đâu đâu cũng nổ, nhưng có điều là trên đầu trên lưng, và ngay cái chòi của mình thì pháo không nổ. Đầu hôm sớm mai về tới đồng bằng, mình đã rơi ngay giữa bãi pháo tụi nó rồi! Hầm hố không có, nhìn ra chòi, tối mù tối mịt, chỉ thấy có ánh chớp, thôi, đành phải

thí thân mọo dậu vậy, cứ nằm dấn xuống mặt đất! Sau đợt pháo thì giao liên cầm loa: “A lô..! Các đồng chí nằm đâu nằm đó, đừng lộn xộn. Đây là pháo thực tập của đội pháo binh”. Hú hồn, hú vía! Sáng hôm sau tôi ra chòi, đi tìm đội pháo. Tôi toàn gặp các cô gái, tóc cắt ngắn, đẹp như các cô tiên.

- Đội pháo của chị Mai - Út Trầm nghe sướng quá, reo lên.

- Pháo của cô Mai. Quì. Đúng là pháo của cô Mai. Tôi đến thăm đội pháo, dò la thăm hỏi phải qua hàng trăm câu chuyện, tôi mới được biết, chính cô là người ở làng này, cô biết Năm Bờ, biết cả ông Thắng.

- Bác Hai đây là thân sinh của cô Mai.

Ông Chín bác sĩ ngược nhìn lại ông Hai, ồ lên một tiếng, bật đứng dậy rồi lại chìa tay ra bắt tay ông, lần này là lần thứ ba.

- Thiệt may mắn! Hôm tôi đi, cô ấy có nhờ tôi ghé thăm ông già. Bây giờ lại gặp anh ở đây, ngay phút đầu, đó là một điềm lành. Bông.

Thấy ông nhún người bắt tay ông Hai, vẻ kính cẩn, các cô lại gục đầu vào vai nhau cười rúc rích!

Cử chỉ bình thường của ông khiến cho mọi người vui thích, câu chuyện của ông khiến cho mọi người phải cười đến hả hê. Con người có một sức hấp dẫn không ai bằng.

Bắt tay ông Hai xong, ông nhìn quay lượt qua mọi người, rồi đưa tay xem đồng hồ:

- Ồ! Đã mười giờ. Xin lỗi các đồng chí! Tôi đến đây không phải chỉ có một mình, mà tôi đến với một đạo quân dao kéo hơn hai mươi người.

- Bây giờ các anh chị đang ở đâu? - Nhiều người cùng hỏi.

- Trạm giao liên phân cho chúng tôi ở mấy ngôi nhà trong ngọn. Anh chị em đang còn mệt. Còn tôi, một mình một ngựa đến đây để...

Bé Ba cắt lời:

- Chú với các anh com nước gì chưa?

Ông bác sĩ già vui tính lại mọp đầu:

- Dạ rất tiếc là chưa!

Bây giờ ông Hai mới lên tiếng:

- Con Ba với mấy đứa bây chạy lo cơm nước cho anh em đi. Còn bác sĩ, rảnh thì xin về qua nhà tôi.

- Xin đa tạ. Bông.

Các cô lại cười rộ lên, rồi chạy túa đi...

Đêm ấy, Út Đờ họp du kích, bàn việc chuẩn bị chỗ ăn chỗ ở cho đội tiền trạm của trạm quân y dã chiến - còn tôi với ông bác sĩ già, mắc võng nằm dưới sàn nhà của xã đội.

- Chỗ của anh nằm là chỗ của Năm Bờ hồi chúng tôi mới về. - Tôi nói với ông.

- Từ sáng đến giờ, tôi chưa có dịp hỏi. Có đúng như tôi đoán là chú Năm có phiăngxê ở xã này phải không?

- Dạ đúng.

- Viên đạn ấy, đường đi của nó ra sao? Có phá vỡ nỗi hạnh phúc của luy không?

Tôi vừa đưa võng vừa đáp:

- Khi tôi nghe anh nói, tôi luôn để ý.

- Quì.

- Trên đường đi, tôi đã biết. Người yêu của anh ở xã này.

- Quì.

- Tôi dự đoán bao nhiêu tình huống sẽ xảy ra: hoặc sẽ tan vỡ, hoặc sẽ giận hờn.

- Quì.

- Nhưng đến nơi khi hai người gặp nhau, thì mọi việc đều khác với dự kiến của tôi. Ở những chỗ khác, chỗ riêng của hai người thế nào tôi không rõ, nhưng trước mắt tôi thì không có gì phải tan vỡ, cũng không tỏ ra hờn giận! Tôi thấy có vẻ mạn mà nhưng cũng bình thường, như một điều hết sức

dĩ nhiên là họ sẽ gặp lại nhau, không có gì khác! Cách đây mấy hôm, hai người cùng trở về, cùng đi lên tỉnh, rồi cùng trở ra ngoài ấy, tôi thấy, hai người vừa là đồng chí, vừa là người yêu. Tôi nghe nói, sau chuyến này, hai người sẽ tính.

- Bông. Còn ông?

Tôi hiểu câu hỏi của ông, tôi muốn hỏi đến Mai, nhưng tôi ghìm lại.

- Về đây, tôi cũng làm được một ít việc, đã thật sự là người ở đây. Còn ở trên Rờ, anh em mình ra sao, anh? -Tôi cố ý hỏi lại ông để lái câu chuyện sang hướng khác.

- Rờ vừa chật lại vừa thưa! Quân ta từ ngoài kéo về, trùng trùng điệp điệp. Một buổi trưa sau một ca mổ, đầu óc căng thẳng, tôi bước ra trắng. Nhìn cái trắng, tôi thấy lạ. Mới có mấy hôm mà cây cỏ đã khác rồi. Tôi thò tay vào túi, lấy kính đeo lên. Nhìn kỹ, tôi mới rõ, té ra là ngoài trắng, quân ta áo quần màu cây cỏ, trên mình đầy lá nguyệt trang, nhìn kỹ nữa thì biết quân ta đang luyện quân. Đêm thì xe pháo chạy ì ầm. Xe chở gạo, xe chở đạn, xe chở quân... Còn dân ở Rờ mình thì lần lượt hạ phóng xuống chiến trường. Người già như tôi, đáng lẽ phải thủ trại. Nhưng anh em, người này, rồi người nọ cứ đến chia tay với tôi. Tôi ngồi không yên nữa. Tôi xin đi “Tuổi già không mệt mỏi” - Ông nhắc lại một câu trong bài hát dành cho các chiến sĩ già. - A lê hấp, ba lô lên vai... - Giọng ông bác sĩ già đang sôi nổi bỗng trầm xuống.

- Nè ông Thắng! Hỏi tôi ở Pháp. Một buổi trưa nắng ấm, tôi nằm bên bờ sông Xen - Tôi ngủ. Có một con ngựa gặm cỏ gần đó, thè cái lưỡi liếm qua má tôi. Tôi mơ màng, tưởng như bàn tay vuốt ve của mẹ tôi. Tôi giật mình. Từ đó, tôi cứ nghĩ đến quê hương, vậy mà bao nhiêu năm tôi chưa được trở về với con sông; lần này, tôi quyết sẽ ra đứng bên bờ sông, vốc lấy một ngụm nước sông Cửu Long mà uống.

Nghe ông nói, cái giọng trầm ít có của ông, lòng tôi bỗng xao

xuyên! Giữa ông và tôi, hai lứa tuổi khác nhau, hai cuộc đời cũng khác nhau, nhưng cùng một nỗi nhớ! Tôi ngồi dậy, đốt một điếu thuốc. Tôi nghĩ chuyện tâm sự của hai người sẽ kéo dài, và sẽ đến khuya, sẽ đến sáng. Nhưng con người sôi nổi yêu đời đang nằm bên tôi sau bao nhiêu ngày đường mệt mỏi và mất ngủ, vừa mới đó mà đã thiếp đi rồi! Ông ngủ quên cả bỏ mùng!

CHƯƠNG 30

Phải, chiến sĩ trinh sát của đơn vị đặc công lại trở về. Tên anh, tôi được nghe một lần trong tâm sự của Mười - phòng vệ dân sự, qua lời kể của Sáu Linh. Bây giờ, một buổi sáng nắng đầy vườn, anh đứng trước mặt tôi, trình giấy cho xã đội. Người tiếp anh phải là anh xã đội trưởng. Nhưng suốt mấy ngày hôm nay, Út Đợ cứ vất vả ngược xuôi. Là xã đội trưởng của một xã đang chuẩn bị chiến trường, công việc cứ dồn tới, từ cái nhỏ đến cái lớn. Hàm hỏ, com gạo, cầu đường... tất tất, việc gì anh cũng phải lo. Đội du kích của anh cũng phân ra, mỗi người một việc. Bé Ba, Thanh lo chỗ ở, hàm hỏ cho trạm quân y dã chiến, cho những đơn vị và khách từ trên xuống. Thon, Thả hai chị em một chiếc xuồng lo tải gạo, cá mắm đưa vào kho, xây cát bảo quản kho. Tuyết đen cùng đi với trinh sát của đội nữ pháo binh. Bé Thiều con chị Nở được chuyển ra nhà vợ chồng anh Bảy Thá, làm trạm chuyển tin từ trong ra ngoài, từ ngoài vào trong, Út Trâm chuyển về làm giao liên cho xã đội.

Anh xã đội phó Châu, Dũng, Lâm và một số thanh niên làng - ngoài áp chiến lược trở về, thì lo canh gác, cầu đường, hàm hỏ chiến đấu. Bấy nhiêu người với bấy nhiêu việc, rộn rịp, tất bật mà âm thầm! Út Đợ có mặt ở khắp nơi, khi thì gặp anh đang ngâm mình dưới nước, xốc lại cây nọc cầu, khi lại gặp anh cầm leng xúc đất đắp lên công sự, lúc lại thấy anh ngồi trên xuồng chở gạo... Anh đi, hai bàn chân không nghỉ, khuya lơ khuya lắc mới trở về, gặp đâu ăn đó.

Còn tôi, tôi được phân công giữ nhà, thu xếp và giải quyết giúp anh một số việc. Đọc qua giấy giới thiệu của Phải, Đặng Ngọc Phải, trình cho xã đội, tôi đoán hiểu được mũi quân nào về đây. Tôi gọi Trâm, bảo em đi tìm

Út Đờ. Tôi giăng võng, mời anh ngồi đợi, rồi đi nấu nước.

Cái bàn trà tôi đặt giữa hai cái võng, anh ngồi bên kia, tôi ngồi bên này. Tôi xúc ấm bằng nước sôi, rửa chung cũng bằng nước sôi; hai cái chung rửa xong, tôi lật úp cả hai cái xuống đĩa, rồi đổ nước sôi lên đít chung, đúng kiểu cách của dân sành trà. Tôi làm cái việc đó trước mắt anh, để tỏ thiện cảm với anh, và cũng muốn chứng tỏ, dù con đằm già đang rà soát qua khu vườn, rặng cây bên kia làng, đang có tiếng pháo gầm rít, tiếng bom nổ, và ngoài xa trên cánh đồng đang có tiếng trực thăng, tôi vẫn ung dung tiếp anh. Ngược lại, anh cũng để ý quan sát từng cử chỉ nhỏ của tôi. Tôi pha một ấm trà, loại ngon của Năm Bờ gởi cho, nước trong xanh phảng phất mùi sen. Qua một vài chung trà, một vài câu chuyện, ngắm nhìn anh, tôi thầm nghĩ, cấp trên đưa anh vào đơn vị đặc công thật là khéo chọn. Một binh chủng thần kỳ đặc biệt Việt Nam. Khi phải leo tường, anh chiến sĩ đặc công sẽ bám sát người vào bức tường dựng đứng, bò dần lên, bám chắc và nhanh như con thằn lằn. Lội dưới nước thì êm như cá. Ra vào đồn bót giặc như chỗ không người! Nếu cần, anh sẽ có một món gì đó - cái gạt tàn thuốc để trên bàn làm việc của bọn nó chẳng hạn, mang ra làm chứng. Những con chó Béc giê, nuôi từ bên Mỹ đưa sang, không thể phát hiện được hình bóng, mùi vị, hoặc dấu vết của anh. Lúc đặc công thực tập, ta cầm cây đèn dài loại năm pin, sáng như pha, ta đứng trong một cái chòi, như cái lô cốt của giặc, quanh ta là bãi trống. Một anh đặc công đứng ngoài kia, báo cho ta biết là anh sẽ vào. Với cây đèn rực sáng ấy, cầm trong tay ta cứ rà, cứ rọi, cứ soi đi! Rồi bất thần anh chiến sĩ đặc công đứng cạnh bên ta, ta cũng không hề hay biết, đến lúc có một bàn tay khỏe mạnh, chộp lấy gáy ta, ta mới giật mình... Và còn bao nhiêu câu chuyện nữa của đặc công, tôi đã được nghe. Bây giờ con người của những câu chuyện như thần thoại ấy đang ngồi uống trà với tôi, dưới sàn nhà. Một người trai tuổi độ hăm lăm, hăm sáu, không to lớn, nhưng liền lạc gọn gàng, không gân guốc mà mềm mại, sự mềm mại của con người khỏe mạnh. Cái áo sơ mi

trắng bằng vải phin trắng, hàng nút như nút ra vì lồng ngực căng đầy của anh, vẻ mặt sáng láng với đôi mắt sắc và vàng trán thanh thanh.

- Công tác của anh gian khổ nhưng chắc là thú vị lắm?

Tôi bắt đầu gọi chuyện. Anh cười:

- Cũng bình thường như những công việc khác thôi. Nhưng bình chủng nào cũng có cái riêng của nó.

- Trong đời hoạt động của anh, có lần nào anh gặp những tình huống gay go, đáng nhớ?

Ấy, cái tật của tôi là vậy, tôi đang bắt đầu và đã hồi dòn đến tận nơi! Với lại, muốn gặp và nghe chuyện một chiến sĩ đặc công đâu phải dễ. Bằng mọi giá, tôi sẽ bám lấy chuyện của anh. Bởi vì tôi biết, một chút nữa, Út Đợt sẽ trở về. Anh sẽ bắt tay vào công việc, rồi dù có hẹn, thì sau đó mỗi người sẽ mỗi nơi, rất khó gặp lại nhau.

- Nhiều lắm! Lần nào tôi cũng thấy gay go.

Tôi hứng thú với câu mở đầu của anh. Nhưng tôi bị con đầm già phá đám. Đang quần đảo u u, nó tắt máy.

- ... C... ả... o... X... ù... y...

Nó cào một phát hỏa tiễn. Tiếng hỏa tiễn rít xiên ngang mái nhà trên đầu chúng tôi, dùng một tiếng cách chúng tôi - trong cụm vườn, chừng năm bảy mươi thước. Hai chúng tôi phải rời vồng đứng bật dậy, bước ra khỏi sân nhà, nhìn theo nó. Đó là phát hỏa tiễn cuối cùng, nó trút xuống trước khi về, chẳng cần đến mục tiêu.

Con đầm già mắc dịch đó bắn xong, nó cất cánh, tè tè bay thẳng ra sông lớn.

Khu vườn lại yên tĩnh, sự yên tĩnh sau tiếng nổ thật kỳ lạ! Tiếng động trong khu vườn nổi lên rõ hơn. Lá lao xao, và tôi nghe rõ tiếng lá rơi vài cuộn tròn chạy theo gió.

Chuyện giữa tôi với Phải bị dứt đi xa, khó bề xoay lại được. Anh chưa trở

lại chỗ ngồi. Nếu vì nể tôi mà anh phải trở lại câu chuyện, chuyện sẽ gương và tôi sẽ trở nên vô duyên. Đành phải để dịp khác vậy, “sự vô duyên” đó để cho con đầm già nó nhận. Nó hẳn thật vô duyên! Tôi để cho Phải được đứng yên, được nhìn khu vườn. Anh nghĩ gì mà tư lự? Tôi không thể hiểu, nhưng qua cái nhìn sâu và lặng lẽ của anh, khiến tôi nghĩ đến Mười, cô gái đã mấy năm vò võ đợi anh, và mong cùng sống với anh. Tôi không muốn tỏ cho anh biết là tôi hiểu được chuyện riêng của anh. Tôi không muốn khuấy động đến sự im lặng của anh!

Trước đây, khi tôi nghe chuyện của Mười, tôi tưởng tượng và hình dung hình dáng của cô. Bây giờ đứng trước người con trai mà cô yêu, trong sự tưởng tượng của tôi, hình dáng của cô khác đi, xứng với anh hơn. Phải đứng đó, đang nghĩ đến ngày gặp lại người yêu của mình chẳng?

Trước mắt tôi, và trước mắt anh, vườn xoài đang bắt đầu trang điểm với những nụ hoa đầu mùa, trắng li ti như rắc phấn. Những chùm hoa nhỏ không chịu yên, lay động ngả nghiêng cười đùa với nắng. Và thỉnh thoảng buông xuống vài nụ, rắc lên mặt vườn những cánh hoa nhỏ, trắng li ti...

- Ai như thằng Phải đó phải không?

Út Đợ về. Từ ngoài vườn anh vừa đi vừa chạy, đeo trên vai một cuộn dây luộc.

Trông hai người bạn cũ gặp nhau kia, thấy mà vui lây, mà thêm cái tình bạn của họ. Hai người chạy lại nhau, không bắt tay, mà vừa ôm vừa đâm vào lưng nhau, nhìn kỹ, mắt của họ đỏ hoe.

- Trận này mày mà không về, tao giết.

- Mày đi đâu từ sáng tới giờ hả? Tao chờ muốn chết.

- Thôi vô đây, vô đây uống nước. Uống nước, rồi mai chiều tao nói cho mà nghe.

Út Đợ nắm lấy tay của Phải kéo vào sàn nhà:

- Anh Thắng, đây là Phải, bạn hàng xóm của tôi. Hồi nhỏ, hai đứa chia thành phe, làm Tây với Việt Minh đánh nhau tối ngày... Còn đây là anh Thắng, cán bộ ở Rờ hạ phóng, bạn của anh Năm.

Giữa hai người thì Út Đợ sôi nổi hơn. Anh đặt hai tay lên vai Phải ấn Phải ngồi xuống võng:

- Ngồi xuống đây uống nước.

Tôi lại pha thêm ấm trà mới.

- Trầm đâu rồi Út? - Tôi hỏi.

- Gặp tôi rồi nó ghé nhà ông Hai.

Út Đợ xách ghế, đặt trước đầu bàn, giữa hai cái võng, ngồi dạng chân, mừng bạn, miệng anh tía lia.

- Thăng Châu nó nghe mầy về nó mừng hết lớn! Nó cứ nói với tao, là nó muốn theo mầy làm đặc công.

- Tao định rút nó lên để nó dạy võ cho anh em.

- Tao giết mầy.

- Mày đi đâu mà dây luộc lên vai? Định trói tao sao chớ?

- Ờ quên. - Út Đợ cởi sợi dây luộc ném xuống đất - Chạy đi lo cho tụi bây chớ làm gì nữa. Muốn đứt hơi!

Tôi rót trà, mời một tiếng gọn:

- Uống!

- Uống đi mầy, Phải, rồi tao nói cho mà nghe. Đi từ sáng tới giờ, mới được một cuộn dây luộc đó. Tao kinh nghiệm rồi. Hồi năm sáu mươi tám, cứ để mấy cái cầu khỉ đó, mấy cha chủ lực mình qua cầu như hề hát xiếc đi dây. Tao định buộc lại cầu, nhưng mấy hôm nay, máy bay đêm nào cũng chụp hình. Trời, chớp linh phình sáng đêm! Nó chụp đường chụp cầu, hai ba bốn cái, nó đem so lại thấy khác, nó biết, cho nên tao nghĩ là phải làm cầu nổi, bằng tre, để sẵn trong vườn, chừng nào mấy cha tới, thì tao thả xuống cho mấy chả đi. Mấy chả đi xong thì tao kéo lên, để trong vườn. Mệt muốn

đứt hơi!

Út Đơ cầm chung nước, ực một cái rồi tiếp:

- Bây giờ cái gì cũng sắp xong, chỉ còn cái bầy vịt ngoài ấp nữa thôi.

- Bầy vịt gì? - Phải hỏi.

- Cái bầy vịt đó, - Anh chửi thề một tiếng - nó phá đám tao một lần, muốn chết! Mày nghĩ (Anh nhìn sang tôi) như vậy anh Thắng. Mậu Thân năm 68. Trong những ngày chuẩn bị để bảo đảm bí mật, mấy cái thằng thám báo ở trong xóm, tụi tôi triệt hết. Đến lúc chủ lực về, không ai báo cho nó, êm ru. Khi tôi dẫn bộ đội tắt qua đường đồng để hợp điểm, đi cách bót nó độ năm trăm thước, nó không biết gì hết. Êm re! Nhưng tôi không lường trước được. Tôi dẫn quân đi ngang qua một bầy vịt tàu, một bầy cả ngàn con. Nghe động, nó vỗ cánh nó kêu, nó chạy. Một ngàn con vịt tàu nó cạp lên. Thiệt thâu trời, ai mà bùm miệng nó được? Thiệt quá cha thám báo! Trong bót nó nghe, nó nã cối ra - Tôi bị mấy cha chủ lực chửi cho một trận. Biết mình sơ suất tôi làm thỉnh! Mấy hôm nay, thằng Châu dẫn qua xóm anh Bảy Thá rồi. Ngũ da ngũ diếc, thằng nào cũng bị nó cảnh cáo! Bàn tay thằng Châu mà thộp ngực đứa nào thì đứa đó hồn vía bay mất, hai cái chân sụp xuống, hai cái đầu gối đánh nhau lộ cộp, run như thần lẩn đứt đuôi. Việc đó, coi như xong! Cuối cùng, chỉ còn cái bầy vịt!

- Bây giờ Út định giải quyết bầy vịt đó thế nào? - Tôi hỏi. Út Đơ đưa tay phạt ngang.

- Đánh tiết canh ăn ráo. - Rồi anh ngã ra cười. - nói vậy, biết làm sao được. Lúc đầu tôi định nói với chủ nó, điều nó đi. Nhưng tai vách mạch rừng. Thôi thì, biết nó phải tránh nó vậy. Còn mày sao Phải?

- Sao là sao?

- Về một mình hay về với ai.

- Một tiểu đội nữa. Tao đi trước, còn anh em thì vài hôm nữa mới

tới.

- Ngon! - Anh quay sang tôi. - Ồ, bị thằng Phải mà nãy giờ tôi quên. - Anh móc túi đưa cho tôi một lá thư.

- Thư của chị Sáu gửi cho anh.

- Út gặp cô Sáu, hôm nào? - Tôi và Phải cùng hỏi.

- Gặp được đâu! Chỉ vô nhà anh Bảy Thá, biểu con Thiều đem qua vọng gác.

Tôi cầm thư, ngồi lại vờng, mở xem. Thư của Sáu viết:

Anh Thắng thân mến.

Tôi với anh Năm có bàn với nhau, và hôm lên tỉnh báo cáo các đồng chí trên cũng đồng ý cho anh đi hợp pháp. Máy hôm nay, tình hình này, chúng tôi thấy rất cần. Chúng tôi hoạt động bất hợp pháp có nhiều điều bị hạn chế. Có được một người được đi lại hợp pháp như anh thì tình hình mới nắm được toàn diện. Nếu anh đồng ý thì anh biểu em Thon đo cho anh hai bộ quần áo, gửi nì tắc cho tôi, tôi sẽ may gửi cho anh. Anh cần liên lạc với anh nhà báo để bàn bạc. Tôi cũng đã viết thư cho anh Út Đợ. Anh bàn thêm với anh. Chúc anh mạnh khỏe.

Tôi xếp thư, nhìn lên thì thấy Út Đợ đang nhìn tôi, anh cười:

- Lần này thì anh ngon rồi đó, anh Thắng!

Tôi nhướn mày. Tôi lại nhìn Phải. Nay mai, tôi sẽ gặp người yêu của anh. Tôi nghĩ mà không nói.

- Bây giờ thì sao Phải?

- Tao muốn đi ra ngoài thằng Châu.

- Thì đi, tao cũng cần gặp nó.

Út Đợ đứng dậy, cuộn dây lược mang lên vai:

- Tôi đi! Anh Thắng ở nhà, tối tôi về.

Tôi đưa hai người ra đến tận đường. Đưa Phải đi, tôi thấy mình bị mất những câu chuyện hay của anh chiến sĩ đặc công. Tại con đầm già. Bây

giờ thì tại Út Đợ. Nhưng Út Đợ bù lại cho tôi.

Tối, Út Đợ trở về. Bước vào nhà sàn, anh ngã ngay xuống võng, ngả lưng, thở phào.

- Phải đâu không thấy về?

- Nó đi ra ngoài con Mươi rồi!

- Vậy à? Làm sao gặp được?

- Thằng đó, - Anh gọi Phải bằng thằng đó với giọng thân yêu - đâu mà nó không tới được anh.

Bao nhiêu ngày vất vả, biết anh mệt, tôi không muốn gọi chuyện. Và tôi cũng đang lo nghĩ, bận rộn đến chuyện đi, qua lá thư của Sáu Linh. Nhưng Út Đợ đã ngồi dậy, bật lửa đốt ngọn đèn chai đặt lên bàn, và lại hăng hái:

- Anh xem, nó tài như vậy, thì đâu mà nó chẳng tới! Có lần, nó kể với tôi. Nó vào nhà của một tên ác ôn. Nó vào lúc trời vừa chạng vạng tối. Vào nhà, nó ngồi dưới một cái chõng, ngồi rúc trong bóng tối. Thường đêm, mười hai giờ thằng ác ôn mới về nhà. Nó ngồi đó nó chờ. Đến tối bà già thằng ác ôn, ngồi trên chõng gọt cau. Cây đèn dầu trứng vịt để trên ghé, bên thành chõng. Nó ngồi nghe rõ tiếng dao cắt khoanh theo trái cau, nghe cả tiếng lầy từ cái vú cau tách ra. Chẳng hiểu làm sao một trái cau tuột khỏi tay, rơi xuống. Lộ hay không lộ, sống hay chết là lúc đó! Rót trái cau, tất nhiên bà phải tìm. Khi bà đã tìm, mắt già yếu, bà phải bước xuống đất, phải cầm cây đèn soi tới soi lui, trước sau gì bà cũng phát hiện ra; nó có thể thoát, nhưng công việc sẽ bị hỏng. Trở lại lần thứ hai, sẽ khó gấp trăm lần! Nếu như anh, đứng trong trường hợp như vậy, anh xử trí bằng cách nào. - Út Đợ hỏi tôi.

Tôi ngửa cổ ra cười, và hỏi lại anh:

- Cách nào?

- Lúc đó nó tính, phải làm cách nào để bà ấy không bước chân xuống đất, cũng không cầm cây đèn. Có như vậy mới không phát hiện ra nó,

phải không anh?

- Phải, nhưng mà làm sao?

- Bả bước xuống, cầm cây đèn soi tới soi lui là cốt để tìm trái cau. Nó nghĩ phải cho bả lượm trái cau mà chân không cần bước xuống đất, làm được vậy, coi như xong! Nói thì dài nhưng làm thì nhanh. Nếu nó tính mà chậm như tôi nói với anh tự nãy giờ thì nó bị lộ rồi; nó nói đôi lúc nhớ lại, hình như lúc đó nó chẳng tính chẳng nghĩ gì bao nhiêu. Nghe tiếng trái cau rơi xuống trước mặt nó, nó chộp lấy rồi đặt ngay trên chiếc dép bên phải của bà, dưới đất - Bởi vì một người già như bà, muốn tìm lại trái cau, trước nhất, cái chân bên phải phải thò xuống quơ qua quơ lại tìm chiếc dép, chân phải xỏ vô dép rồi mới tới chân trái. Đằng này, chân vừa quơ được dép thì cũng vừa đụng trái cau. Đụng được trái cau rơi rồi bả cần gì phải xuống đất, cầm đèn soi tới soi lui làm gì nữa? Chân của bả đụng trái cau, bả giựt mình giựt cái chân lên! Nó tưởng bà sẽ khom xuống lượm nhưng bả không thềm khom xuống nữa mà dùng mấy ngón chân quặp lấy trái cau đưa lên! Bả lại ngồi chề cau, còn nó thì cũng ngồi yên ở đó. Anh thấy nó tài chưa? Chuyện thứ hai. Có một lần cấp trên giao cho nó phải lấy một tài liệu mật của một tên - thằng này giữ tài liệu ở một nơi rất kỳ lạ. Không để trong cặp, không để trong tủ, cũng không để trong túi, mà lại dặt sau sống lưng y như nông dân đi làm dặt cái mo trâu mo thuốc sau sống lưng vậy! Đêm ngủ thằng ác ôn cũng giắt tài liệu như vậy! Lấy làm sao được? Nhưng phải lấy cho được! Nó vào nhà đứng cạnh bên giường ngủ của thằng ác ôn. Đứng chờ thằng ác ôn trở mình mà ba đêm không lấy được. Đến đêm thứ tư thằng Phải mới có cách. Thằng ác ôn ngủ mê, thằng Phải mới kê miệng sát vào tai nó, kêu nho nhỏ: “Bớ làng xóm ơi, nhà cháy! Bớ làng xóm ơi, nhà cháy!”. Thằng ác ôn trở mình, nhưng chưa tỉnh ngủ. Nó lại kêu nho nhỏ: “Bớ làng xóm ơi, - nhà cháy! Bớ làng xóm ơi, nhà cháy!”. Trong lúc mê mê tỉnh tỉnh ấy, thằng ác ôn tưởng như tiếng kêu của hàng xóm từ xa vẳng lại. Nó chồm dậy thì thằng Phải cũng vừa thò tay,

gấp lấy. Nó khoát mừng, chạy ra mở cửa. Nó vừa mở cửa thì thằng Phải cũng vừa ra khỏi nhà!

Câu chuyện của Út Đợ kể, tôi biết đó mới là chuyện râu ria của một anh đặc công thôi. Nhưng dưới sàn nhà trong một khu vườn, nghe anh kể cũng vui tai.

- Còn chuyện gì nữa không?

- Còn, còn nhiều! Có một lần, nó vào đồn. Nó vào mới độ năm phút thì bọn địch báo động. Địch báo động giả hay phát hiện được dấu vết của nó, nó chẳng biết. Bọn lính đang còn nghe ngửi ngoài sân, ngoài rào, chen lấn la hét, chửi bới, xô nhau chạy vào chộp súng ra công sự. Đèn pha của bọn chỉ huy năm sáu cái, rà quét tứ tung. Nó thấy thằng chỉ huy đồn trưởng từ trong buồng tông cửa chạy ra. Cánh cửa thằng chỉ huy chưa kịp đóng. Thế là nó mở cửa nó bước vào. Nó phát hiện đó là buồng riêng của gia đình tên chỉ huy. Lúc đó chẳng có ai. Nó lại thu mình trong một chỗ kín. Nghe tiếng động bên ngoài, nó biết bọn địch đang lùng sục. Nó đoán biết là bọn địch đã phát hiện được dấu vết của nó. Bọn địch lùng sục đến cả giờ, không thấy gì lại thôi. Sanh hoạt đêm của đồn bớt lần lần được trở lại bình thường. Chỗ mở đài nghe nhạc, chỗ nhậu, chỗ đánh bài. Nó chưa kịp trở ra thì vợ thằng chỉ huy trở về. Hai vợ chồng một đứa con cùng ngủ trên giường. Con của vợ chồng thằng chỉ huy độ hai tuổi; vợ chồng con cái nó ngủ trong ánh đèn màu tím. Không thể ngồi trong buồng ngủ của vợ chồng nó đến sáng, đến mai được. Phải ra! Nhưng cửa khóa rồi làm cách nào ra?

Phải mở cửa! Nhìn cái ổ khóa của bọn nó, thằng Phải thấy là một cái ổ khóa lạ, nó chưa từng gặp. Nếu không biết cách mà đụng đến cái ổ khóa sẽ báo động! Đây là một cái đồn lớn, trang bị của nó là trang bị của Mỹ, tôi tân. Mình không nắm được cách mở, thì phải làm cho nó mở. Làm sao bây giờ? Thằng Phải nghĩ ra được một kế. Xin lỗi anh, thằng Phải kể với tôi là nó ngồi nó rặn, cuối cùng nó rặn được một tí! Thằng Phải lấy cái tí đó nhét dưới

đáy quần của thằng nhỏ, rồi chọc cho nó khóc. Hai vợ chồng thằng chỉ huy giật mình choàng dậy. “Sao con? Sao con? Con nằm chiêm bao hả con? Ai đánh con?” Vợ thằng chỉ huy sờ xuống quần thằng nhỏ, nó kêu “Không phải mình ơi, thằng nhỏ nó ỉa. Đúng rồi nó ỉa. Con đi mẹ mày. Mở cửa ra đi mình”! Thằng chồng nhảy xuống giường. Thằng Phải để ý thấy đúng là cái ổ khóa đặc biệt. Trước khi găm cái chìa vào ổ khóa, thằng chỉ huy nó bấm một cái nút. Cửa mở. Vợ chồng thằng chỉ huy vừa bế con ra thì thằng Phải cũng theo ra! Anh thấy nó tài không? Đêm nay nó không gặp con Mươi sao được anh?

- Phải biết chuyện cô Mươi chưa? - Tôi hỏi.

- Chuyện người yêu của người ta, người ta không biết sao được. Anh này hỏi lạ! Tôi mà như thằng Phải, tôi sẽ trở nóc nhà tôi xuống, tôi hù cho cô ta giật mình chơi.

Tôi không thể hiểu đêm nay, Phải và Mươi hai người sẽ gặp nhau ra sao? Mươi sẽ giật mình trước sự xuất hiện bất ngờ của Phải, hay là hai người đã hẹn với nhau! Mươi sẽ cười hay khóc! Ai biết được! Tôi chỉ biết là bây giờ, dưới cái sân nhà của xã đội, qua các chuyện của Út Đợ, cô gái mặc áo bà ba đen đầu đội nón lá trong cái đèn chai đang cháy, cô gái ấy bao giờ cũng cười với anh. Nụ cười không bao giờ tắt.

CHƯƠNG 31

Thế là tôi ở dưới nhà bè cùng với Trần Hoài Sơn với tư cách là bạn của anh. Có lẽ tôi đóng vai ấy không đến nỗi tồi, không có một tên cảnh sát nào đến tra hỏi giấy tờ, khiến cho Trần Hoài Sơn và cả tôi, hai đứa đều vững bụng. Cái nhà bè bập bênh dưới sông, cách xa mọi người, nhờ đó mà chúng tôi sống thoải mái, nói năng cũng không phải dè dặt. Tôi ở buồng bên trái, anh ở buồng bên phải, phòng giữa là phòng chung của hai người. Cơm mỗi ngày hai bữa do một cô gái mười bốn mười lăm tuổi - đứa ở của bà Út Nhỏ từ trên nhà bung xuống.

Đứng dưới nhà bè, qua cửa sổ vách sau của căn buồng, tôi có thể nhìn thấy cả xóm đình. Nhà ông Sáu Đương nằm khuất trong vườn chuối, ngôi nhà sàn nhỏ của bà Chín dưới bóng cây xoài bên kia đường, nhà sàn lớn của thằng Long với hàng rào lá lổi cọp, con đường trải đá chạy qua làng với những chiếc xe qua lại, dãy nhà chen chúc hai bên đường và cây lá trong vườn cây ăn trái.

Mỗi ngày ba lần, buổi sáng, buổi trưa và buổi tối, tôi nhờ Trần Hoài Sơn đưa tôi qua các con đường vòng theo chi khu bằng xe Hon đa. Tôi có nhiệm vụ điều tra cách bố phòng của quân địch! Tôi nhìn bằng con mắt của người dân “hợp pháp”. Còn Phải, anh nhìn cách bố phòng của quân địch bằng con mắt của một chiến sĩ đặc công.

Đến chuyến đi lần thứ chín của ngày thứ ba - và qua sự dò hỏi, tôi đã khẳng định được tình hình bố phòng của quân địch.

Vào giữa trưa, lúc vắng người, tôi đến nhà ông Sáu Đương, liên lạc với Năm Bờ.

Ông Sáu Đương một ông lão hơn tám mươi, đôi mắt đã lòa nhưng

vẫn cường tráng. Ông chỉ mặc một cái quần đùi, người ông trông dẻo dai như sợi mây già. Ông ngồi trên bộ ngựa, vót nan. Nghe tôi hỏi, ông ngược đôi mắt lòa nhìn tôi, sau khi nhận ra ám hiệu, ông bảo thằng Hải đi chơi. Chú bé Hải cũng như ông lão, mình trần, chỉ mặc một cái quần đùi ngả màu cháo lòng. Trước khi bước ra cửa nó tròn mắt nhìn tôi một hồi lâu. Có lẽ nó đã nhận ra tôi, người ở dưới nhà bè, và cũng có thể là thói quen, nó cần nhìn tôi cho kỹ để tả lại hình dạng một người lạ cho ông ngoại nghe. Chẳng hiểu nó nghĩ gì mà nó quay lại nhìn tôi toét miệng cười.

Năm Bờ đang nằm trong buồng cách tôi một tấm vách chằm bằng lá, mới nhìn qua, tấm vách như đã nát nhưng không thấy một kẽ hở nào.

Nghe tiếng động bên trong, tôi biết anh đang cựa mình ngồi dậy.

- Sao ông Thắng? - Giọng của anh vừa mừng rỡ vừa sốt ruột.

- Tôi hoàn toàn đồng ý với nhận xét của Phải. Bộ phòng của nó là bộ phòng cố định. Bọn nó không sửa sang cũng không tu bổ gì thêm. Nó chỉ thay hình đổi dạng bằng ánh sáng. Ánh sáng mỗi đêm mỗi khác.

- Chắc không ông Thắng?

- Chắc! - Tôi đáp lại dứt khoát và tự tin.

- Chùng nào anh Năm? - Tôi hỏi lại anh.

- Chắc là nay mai, tôi đoán không thể lâu được nữa. Tìm cách đưa anh Sơn ra vùng mình càng sớm càng tốt. Phải bảo vệ anh. Hễ thấy thằng Long về nhà, Thắng báo ngay với Sáu Linh giùm tôi. Nếu không gặp tôi ở đây, ông liên lạc với cơ sở hai.

- Dạ...

Báo cáo xong, tôi chào ông Sáu, chào thằng Hải đi trở xuống nhà bè.

Trần Hoài Sơn ngồi xếp bằng trên chiếu bông trải ra ở phòng giữa trước chõng bần thảo, đợi tôi.

- Bữa nay anh thấy hứng không? - Anh hỏi tôi.

- Để làm gì?

- Tôi muốn đọc cho anh nghe một vài chương.

Ba hôm cùng sống với anh, vì tâm trí đang đổ dồn vào công tác, tôi không có thời giờ tìm hiểu thêm cuộc đời của anh. Nhờ sống chung một nhà - cách biệt với mọi người, tôi có dịp hiểu rõ anh hơn, đôi điều về cách sống và cách làm việc của anh. Chiều nào anh cũng ra chợ mua báo - báo hàng ngày của Sài Gòn. Báo để trên bàn làm việc, báo để trên giường ngủ, báo để rải rác khắp cả nhà, chỗ nào cũng thấy báo - Báo Điện tín, Sóng thần, Tiền tuyến, Chính luận, Tin sáng, Dân chủ mới, Trắng đen... báo nào cũng có... Là người làm báo tôi tưởng anh cần những tờ báo ấy như cơm ăn nước uống, không có nó anh không thể sống nổi, nhưng anh chỉ cần mua, cần thấy mặt chó chẳng bao giờ đọc - Có thể nói như vậy! Tôi chưa hề thấy anh đọc một bài nào từ đầu cho đến cuối. Cầm tờ báo lên, anh lướt qua các đầu đề rồi ném đi một cách giận dữ, khi ném ngang, khi ném xuống, rồi chộp lấy tờ khác lại ném đi. Rồi cũng không buồn xếp dọn cho gọn. Có tờ vô phúc bị chà đạp dưới bước đi của anh. Theo anh những cơ quan ngôn luận ấy là những cái miệng, những cái miệng nói dối. Anh ví ngòi bút của họ là cái lưỡi, cái lưỡi của một tâm hồn vẩn đục, cái lưỡi không xương nhiều đường lắt léo. Tôi thấy anh phủ nhận những tờ báo ấy có phần quá đáng! Trong trăm ngàn những tờ báo dối trá ấy, ta có thể lọc ra những lời chân thật của một tâm hồn trong sáng. Tôi nghĩ, nhưng chưa đến lúc tranh cãi với anh. Anh phủ nhận tất cả. Qua đó tôi hiểu anh hơn. Tôi nhớ, hôm tôi với anh Năm Bờ được tin anh vào vùng giải phóng, Năm Bờ tưởng sẽ nổ ra một cuộc tranh luận gay gắt về những quan điểm khác nhau. Anh cứ bần khoản, không hiểu Trần Hoài Sơn sẽ đặt ra những vấn đề gì và sẽ đối đáp ra sao? Đến lúc gặp nhau thì khác hẳn. Theo cách nói của Trần Hoài Sơn, những cuộc tranh luận ấy đã xảy ra từ lâu ngay trong bản thân anh. Sau những cuộc tranh luận dai dẳng tự thân đã ngã ngũ rồi, anh mới tìm đến chúng tôi. Anh vào vùng giải phóng là nhờ sự thật để

chứng minh! Và sự thực: du kích đi hái xoài cho dân, chuyện gia đình ông Hai Cò, sự tiếp xúc giản dị và chân thật của chúng tôi, và những sự thật mà anh hiểu đã chứng minh cho anh. Từ đó theo cách nói của anh, anh quyết định: dần thân!

Anh thêm khát được nói sự thật của cuộc sống mà mình lăn lộn đến đắng cay! Từ ngày tách mình ra khỏi nó, quay mặt nhìn lại nó, như anh nói, anh thấy bộ mặt thật của nó rõ hơn. Anh bực bội, anh tự trách mình đã bị nó ràng buộc đến hơn nửa cuộc đời! Bây giờ, anh thấy mình được tự do, được nói. Và anh đang nói, anh đang nói bằng ngòi bút của mình - anh viết say mê! Khi cần phải đưa tôi đi, anh mới rời khỏi bàn viết, nhưng đầu óc anh vẫn để lại trên trang giấy. Trở về nhà, anh bước vào bàn viết một cách vội vã. Đêm, anh ngồi viết đến hai ba giờ sáng, có đêm anh ngồi viết đến sáng trắng. Anh làm

việc đến phờ phạc, nhưng đôi mắt lúc nào cũng tỉnh táo, và cái môi dưới của anh lúc nào cũng run run như sắp sửa nói một điều gì.

- Tôi đang viết một chương khó như vượt núi! - Đầu hôm anh nói với tôi như vậy. Trước khi vào bàn, anh chuẩn bị nào cà phê, nào thuốc, một vài món ăn đêm. Và anh đã “đánh vật” với nó suốt cả đêm.

Bây giờ, anh muốn đọc cho tôi nghe như con gà đẻ xong cần phải cục tác! Tôi hiểu và thông cảm công việc của anh nhưng không đủ tâm trí để nghe. Lòng dạ tôi đang để vào trận đánh sắp xảy ra, tôi chờ đợi đến bồn chồn! Nhưng tôi không muốn làm cho anh mất hứng.

- Đi tắm cho mát mẻ rồi hãy đọc - Tôi rủ anh.

Suốt ba hôm ở chung với anh, anh chưa tắm lần nào. Có lẽ anh mê viết. Nghe tôi rủ, anh đồng ý ngay. Anh cởi cái máy ảnh dính cả trên vai anh lúc ngồi viết, dần lên chồng bản thảo.

- Phải, tắm cho tỉnh táo cái đã.

Anh cởi áo, thay đồ tắm. Anh quơ tay, quơ chân, ra vẻ hăm hở,

nhưng lại sợ nước như người bị sốt rét.

Anh ngồi trên bậc cầu thang, vỗ vào cái ngực gầy hai ba cái rồi mới dám hụp xuống. Kỳ cộ sơ sịa, chưa đâu vào đâu, anh đã nhảy lên, choàng lấy khăn. Còn tôi, tôi lặn ngụp như con rái. Tôi biết rằng, không còn mấy hôm nữa, không biết ngày nào, có thể đêm nay, cũng có thể là đêm mai, đêm mốt hay đêm kia, sau trận đánh, tôi sẽ đi. Cũng dòng sông này, hơn hai mươi năm trước, trong thời thơ ấu, mỗi ngày hai lần, cùng với lũ nhỏ hàng xóm chúng tôi lặn hụp, đùa giỡn đến tái cả môi. Ngày ấy lũ nhỏ chúng tôi chưa biết mắc cỡ, tắm hầy còn ở trường, bây giờ tóc trên đầu đã có vài sợi bạc. Suốt hơn hai mươi năm, tôi có dịp đi qua nhiều con sông trên khắp mọi miền đất nước, tôi chưa thấy đâu đó có con sông mệnh mông mà hiền hòa như con sông này. Sông Cửu Long! Tên sông gọi cho người đi xa một nỗi thương day dứt! Nước sông ngọt ngào. Nước sông tưới mát cho cánh đồng và vườn tược hai bên bờ. Nước sông như dòng sữa mẹ của cỏ cây và con người. Trong lúc tôi lặn sâu xuống đáy nước mát lạnh, tôi chợt nhớ đến ông bạn bác sĩ già. Ông đang ao ước được uống lại một ngụm nước của con sông!

Tôi trôi lên, thấy Trần Hoài Sơn đang đứng tựa lan can gọi tôi. Tôi lấy hơi, lặn xuống một lần nữa, lặn thật sâu, áp mình xuống mặt cát lạnh...

Tắm xong, cả hai đều sáng khoái! Tôi ngồi ngửa người, hai tay ra sau, nhìn ra cảnh mệnh mông của con sông, sẵn sàng nghe anh đọc.

- Tàn bạo thay! Là nhân chứng của lịch sử, tôi đã chứng kiến cái chết của một nữ tù nhân, tuổi mới vừa tròn hai mươi! - Tôi ngạc nhiên vì âm thanh phát ra từ trong giọng đọc khác thường của anh. Giọng anh hơi run run, nghe nghẹn ngào, nhưng rõ từng lời, trầm hẳn xuống, âm áp vừa gọi lại vừa xa... Niềm xúc động đang hiện lên đôi mắt vẻ mặt và đôi môi run run của anh.

- Chị bị bắt vì tội gì, không ai hiểu vì chính bản thân chị, chị cũng không hiểu nổi! Những đòn tra tấn cực kỳ dã man và cảnh sống cay nghiệt

của nhà tù đã làm tổn thương trái tim non trẻ của chị. Chị thường bị ngất khi bị kích động - trái tim tổn thương của chị không thể tiếp nhận một tin buồn hay một tin vui. Nhưng cảnh ngộ của chị thật éo le! Bọn giặc bắt cả người yêu của chị. Chúng tra khảo một người mà thành hai. Chúng tra khảo chàng trai ấy trước mặt chị! Chị bị chết ngất vì nỗi đau của người yêu. Nhưng chị là một người can trường, là dòng dõi của Trưng Nhị. Khi tỉnh dậy, chị vẫn không hé một

lời khai. Thâm độc hơn, chúng hành hạ chị bằng một tin vui! Một hôm chúng gọi chị và người yêu của chị lên phòng tra. Tên đao phủ tuyên bố: "... Hôm nay, hai anh chị được tự do, được trở về làm đám cưới". Đột ngột đón nhận lấy tin mừng, chị té xỉu! Và lần này chị không dậy được nữa! Chị chết vì một niềm vui giả dối...

Trần Hoài Sơn hai tay cầm tập bản thảo đưa lên, xúc động và trang trọng!

Tôi chưa nghe anh đọc, chỉ mới nghe anh nói để mở đầu, chưa hiểu văn chương anh ra sao, nhưng trước mắt tôi và cả anh, đó là tấm gương sáng. Chính những con người ấy đã giúp cho anh nhìn thấy cuộc sống, dẫn dắt và đang thôi thúc bước chân anh! Tôi thấy anh gần gũi với tôi hơn. Và anh lại nói trước khi đọc.

- Đây mới là phác thảo đầu tiên. Sau này nếu có thời giờ, tôi sẽ viết lại thành một câu chuyện dài với nhiều tình tiết. - Anh cầm bản thảo đưa lên mắt, say sưa đọc thì có tiếng động. Có bước chân của ai đang nhún nhảy trên thanh ván mỏng bắc từ trên bờ xuống nhà bè.

Trần Hoài Sơn vội xếp bản thảo để vào cái bìa cứng màu xanh, có đề một dòng lớn mực đen: "Bằng chứng của người làm báo".

Người xuống nhà bè là vợ của đại úy Long. Một người phụ nữ trẻ, một con, dáng mảnh khảnh trong bộ bà ba, quần đen áo phin trắng nỡn, nước da trắng xanh với đôi mắt buồn xa lạ và ngơ ngác. Cái mũi của cô không

xúng với gương mặt nhỏ và đôi môi mỏng lúc nào cũng chúm chím muốn cười. Cái mũi hơi to và đẹp.

Chúng tôi chào và mời cô ta ngồi. Trần Hoài Sơn tiếp cô với vẻ niềm nở.

- Anh có thư của nhà tôi! - Cô ngồi xuống bên mép chiếu, vẽ e dè, nói và trao thư cho Trần Hoài Sơn.

- Cô bỗng cháu lên thăm anh mới về?

Buổi trưa dưới nhà bè vắng lặng, chỉ có tiếng sóng vỗ quanh bè và tiếng gió thổi ù ù.

- Dạ không! - Cô ta đáp - Bữa nay tôi không đi, thằng nhỏ tôi bị sốt! Tôi phải trông nó trên tay từ đêm tới giờ này, hai tay tôi rụng rời hết.

- Cháu đau làm sao vậy cô? - Trần Hoài Sơn hỏi.

- Bà Chín nói là cháu bị sốt mọc răng. Đầu răng sốt, cuối răng cũng sốt! - Cô nói giọng mệt mỏi.

- Cháu đã đỡ chưa.

- Cháu đang ngủ. Tôi gọi cháu cho cô Út con bà Chín. Tội nghiệp cô ấy, đẹp lại hiền, vậy mà bị điếc.

- Không mang cháu lên cho anh, chắc anh sốt ruột lắm!

- Kệ anh, biết làm thế nào được, anh không về thì thôi, ai hơi sức đâu mà trông con vô đôn vô bót cho anh hoài vậy!

Trần Hoài Sơn cầm lá thư của đại úy Long trong tay nhưng chưa vội xem. Thư gửi cho anh, nhưng người sốt ruột, muốn biết nội dung ấy có lẽ là tôi. Qua lá thư tôi có thể đoán hiểu thêm một vài điều.

- Hai anh chừng nào về Sài Gòn? - Cô ta hỏi. Tôi nhường lời cho Trần Hoài Sơn.

- Có lẽ không lâu. - Trần Hoài Sơn đáp.

- Còn anh? - Cô hướng sang tôi.

- Tôi cùng về với anh Sơn.

Cô tắc lưỡi:

- Mấy hôm nay tôi muốn đưa con về Sài Gòn cho yên nhưng ảnh không cho. Hôm qua, hai người mới cãi nhau.

- Sao lại cãi nhau? - Trần Hoài Sơn hỏi, vẻ ngạc nhiên.

- Tôi một mực đòi bằng con về Sài Gòn. Ảnh lại không cho. Ảnh nổi quạu, ảnh bảo tôi, tôi muốn về thì cứ về một mình, còn con thì để lại cho ảnh. Tôi thì tôi cứ nói với ảnh, tôi là mẹ, tôi đẻ ra nó, tôi có thể xa anh chứ không thể xa con tôi được đâu! Tôi nghĩ, đưa con như cái cầu bắc qua sông vậy anh, chính nó đã nối liền sự ngăn cách của đôi bờ! Sao anh cười? Chừng anh có vợ, có con, rồi anh sẽ biết!

Nói đến đó, cô xếp chân, ngồi bó gối, nhìn ra sông. Dòng sông mênh mông nhưng vắng lặng, không có một cánh buồm, cũng không có một con thuyền.

- Nghĩ về hạnh phúc lứa đôi của con người thật kỳ lạ. - Cô nói với giọng xa xôi, như không phải nói với chúng tôi, mà nói với những ngọn sóng bạc đầu ngoài xa khơi kia trên giữa dòng sông.

- Tôi có bao giờ ngờ là cuộc đời lại bị bó chân ở đây. Trước khi tôi lấy ảnh, tôi có biết ảnh là ai đâu! Trong thời học sinh của tôi, tôi có yêu một người cùng trường, học trên tôi hai lớp. Hai người yêu nhau nhưng chưa bao giờ nói. Yêu mà nói, tình yêu ấy không sâu bằng tình im lặng! Một ngày không thể vắng nhau được. Một ngày mà không nghe được tiếng nói của nhau, người cứ thần thờ như mất hồn. Chúng tôi hiểu và yêu nhau đến hai năm! Rồi một hôm ảnh đến chia tay với tôi. Ảnh đi! Ảnh đi vào vùng giải phóng...

Tưởng câu chuyện sẽ còn dài, nhưng nói đến đó, cô bỗng đứng phắt dậy:

- Ngồi đây tôi sẽ làm nhảm như con điên! Thôi tôi về.

- Cô ngồi chơi, về làm gì vội! - Tôi nài cô ngồi nán lại, muốn hiểu

rõ cô hơn. Cô đứng trù trù, muốn ngồi xuống rồi vội quay đi.

- Thôi tôi về, hai anh ngồi chơi...

Trần Hoài Sơn đưa cô ra đến thanh ván bắc lên bờ. Nghe qua tiếng động của thanh ván, tôi biết cô đã lên bờ. Trần Hoài Sơn trở lại và kể tiếp cho tôi nghe câu chuyện dở dang của cô:

- Sau đó một năm, người yêu đầu tiên của cô ấy bị hy sinh. Ở đây, không có người để trò chuyện, cô ấy thường hay tâm sự với tôi. Cô lấy thằng Long ít nhiều cũng có tình yêu. Người anh thứ hai của cô ta cũng là sĩ quan của lính dù, cũng bị thất thế bị ra rìa. Cô ta yêu thằng Long qua lời kể của ông anh về một người bạn nông cuồng. Khi thằng Long từ Bảy Núi về Sài Gòn, hai người bất ngờ được gặp nhau...

Chuyện đời của cô ta, Trần Hoài Sơn nghe chắc đã nhàm tai, cô không có gì hứng thú đối với anh nữa, anh vừa nói vừa đọc thư của Long. Đọc xong, anh trao lá thư ấy cho tôi, rồi ngả lưng, nằm xuống chiếu. Thư của thằng Long viết, chữ nghiêng, viết bằng mực màu tím.

Cher ami!

Hơn một tuần nay, chúng ta không gặp nhau. Máy lần, mình định viết thư khuyên Sơn nên trở về Sài Gòn, nhưng mình nghĩ lại. Sơn có mặt ở đây, một vùng bình định ở bên bờ sông Cửu Long trong dịp này kể cũng lý thú. Sơn sẽ có dịp chứng kiến một cuộc tranh chấp của đôi bên. Nhưng rất tiếc, điều ấy lại không xảy ra ở đây, trước mắt Sơn. Phải nói là những cuộc hành quân nghi binh của đôi phương đã lừa được tôi, đã giam tôi trong công sự chỉ huy, hơn tuần nay, tôi không thể bước chân ra khỏi công sự chỉ huy này. Tình hình như một quả bóng căng thẳng, chẳng biết lúc nào thì nổ. Họ tiến quân về phía của tôi, nhưng chiến sự lại nổ ở một nơi khác, cũng trên bờ sông này, cách đây gần năm mươi cây số, ở một chi khu nằm trong địa giới tỉnh Định Tường. Họ như những làn sóng. Nhưng tiếc thay những làn sóng ấy lại đập vào một quả núi. Sóng đập mạnh bao nhiêu thì tan ra thành bọt bầy

nhieu. Tiếc là chiến sự không xảy ra ở đây trước đôi mắt của một nhân chứng lịch sử.

Cho đến hôm nay mình mới thở được, một hơi thở dài khoan khoái. Cho đến bây giờ mình mới có thời giờ nghĩ đến vợ con và bạn bè. Thôi vài lời vắn tắt. Tôi sợ Sơn chán cái cảnh sống ở đây và bỏ đi! Sẽ gặp lại nhau.

Đọc qua lá thư, tôi không thể bắn khoả. Đúng là chiến sự đã xảy ra, và sự chuẩn bị của chúng tôi ở đây là động tác nghi binh?

Xuất phát từ nhận định ấy mà tình hình từ sáng đến giờ đã dịu hẳn đi? Pháo không nghe bắn. Hoạt động của máy bay phản lực cũng như trực thăng giảm sút đến mức im lặng. Hoạt động của quân địch đã chuyển về một hướng khác, tiếng bom pháo từ xa vắng lại rền như tiếng sấm.

Tôi đọc lại lá thư, cảm thấy bức bối vì những lời kêu căng của hắn.

Tôi trao lá thư lại cho Trần Hoài Sơn và dò xét thái độ của anh. Trần Hoài Sơn tỏ ra hững hờ với lá thư. Anh nằm, cầm lá thư bằng hai ngón tay, khép lại, đút vào túi. Ba hôm nay, tôi thấy, anh không để tâm đến một cái gì ngoài tập bản thảo của anh. Lá thư rơi ra ngoài túi, anh cũng không hay biết. Tay cầm cây bút mực đỏ, tập bản thảo không rời khỏi mắt anh. Anh bôi, anh xóa, anh ngược đầu lên, viết thêm một vài chữ. Vào những lúc khác, tôi để yên cho anh làm việc, nhưng lúc này, lá thư của thằng Long bắt tôi phải dò hỏi:

- Như vậy là đại úy Long có thể về nhà?

- Tối nay. - Anh đáp nhưng vẫn đọc bình thản.

Cái tin ấy khiến cho tôi phấn chấn đến kỳ lạ.

- Sao anh biết? - Tôi hỏi.

- Hồi nãy, lúc tôi đưa ra cầu, cô ấy nói với tôi. Cô ấy hỏi tôi với anh muốn ăn món gì, để tối nay cô ấy lo.

- Vậy! Anh nói sao?

- Ăn gì mà chẳng được! Gặp nó, anh thấy có ngại gì không? - Mãi đến lúc ấy, tập bản thảo mới rời khỏi mắt anh. Anh để tập bản thảo xuống chiếu, xoay người ngồi dậy.

- Cũng bình thường - Tôi đáp- Tôi sẽ cố gắng tự nhiên.

- Cuộc gặp gỡ đêm nay, tôi, anh và nó - Anh cố nhấn mạnh tiếng tôi, anh, và nó - ba người trên những trận tuyến khác nhau, ngồi cùng một bàn, một mâm, sau này nhớ lại kể cũng thú vị hay hay.

Tôi không nghĩ đến sự thú vị của cuộc gặp gỡ mà phải báo ngay cho Sáu Linh.

- Có lúc nào, đại úy Long dao động đến mức muốn đầu hàng chúng ta không? - Tôi nhấn mạnh hai tiếng chúng ta để giữa tôi với anh không có sự cách biệt. Tôi muốn anh đứng hẳn về phía chúng ta, ít nhất là trong câu chuyện anh sắp nói.

- Có.

- Lần nào?

- Có một lần, lúc nguy khốn nhất của anh ta. Hồi tôi mới về đây chơi lần đầu, hàng chục năm hai đứa mới gặp lại nhau. Có một đêm, không biết làm gì hai đứa ngồi uống rượu suông, nhân kể lại những kỷ niệm cũ, anh ta có kể lại với tôi. - Qua giọng nói của Trần Hoài Sơn, tôi hiểu, tâm trí anh đã thực sự dứt khỏi tập bản thảo của anh, anh kể với giọng chưa thật say mê nhưng không đến nỗi hững hờ, anh gọi Long là anh ta không có vẻ ác ý, anh nói:

- ...Từ Phú Quốc, anh ta bị chuyển về Bảy Núi với chức trung úy đồn trưởng của một cái đồn, dưới tay có hơn bốn mươi tên lính. Theo anh ta nói thì đó là một xứ khỉ ho cò gáy. Dân chúng là những người thuộc đạo Hiếu Nghĩa. Đàn ông không được cạo râu, để tóc như đàn bà. Họ nói với nhau bằng một thứ ngôn ngữ riêng. Có nhiều tiếng phải kiêng. Ví như đường thì phải nói là nẻo, đường để ăn phải nói là ngọt, đèn phải nói là dầu, nếp phải

nói là dỏ. Bàn theo kinh sấm, họ nói gần nói xa, bọn lính của anh ta là quỷ dương. Họ sống âm thầm, xa lánh. Người cùng một dải núi mà như người của hai thế giới khác nhau! Anh ta kể, có một lần, súng cối trong đồn bắn vào xóm, giết chết một người đàn bà. Họ không chống lại bằng những cuộc biểu tình, mà chống lại bằng im lặng. Họ khiêng quan tài qua cửa đồn, hàng trăm người chít khăn tang, họ đi, mắt đỏ ngầu, nhưng lặng lẽ, không hề gây ra một tiếng động. Bước chân của họ êm như bước chân một con hổ đang bước nhẹ đến con mồi! Rồi suốt trong ba ngày, chợ không nhóm, đường không người qua lại. Người không nói không cười, không khóc. Không có một tiếng búa đốn cây, không có một tiếng dao động thớt. Chỉ thấy khói nhang trước bàn thờ thông thiên của mỗi nhà nghi ngút suốt ngày đêm! Cái đồn của anh ta và bản thân anh ta bị bao vây trong sự im lặng rùng rợn. Anh ta thú thật với tôi, lần đầu tiên trong đời, anh ta hoảng sợ trước đối phương!

Cái đồn của anh ta đóng giữa một cái vùng núi mà mỗi nhà là một một chùa. Nhà nào cũng có chuông có mõ. Chiều, khi hoàng hôn đỏ dài xuống chân núi thì nhà nhà đều gõ mõ gõ chuông. Rồi nửa đêm, đêm hoang vắng của một vùng heo hút, tiếng chuông lại rền qua vách núi. Tiếng chuông khuya như xóc dậy trong lòng anh ta một nỗi ê chề.

Du kích sông lắt lút trong lòng núi. Súng thường nổ bất thần, nghe đó, thấy đó, rồi cũng mất đó! Anh ta nghĩ, cuộc đời mình đang bị chôn sống ở đây, cái chết đang day dứt rủa rới cuộc đời mình. Cái thói chơi ngông để giải sầu không có đất sống. Anh ta đâm liều, anh ta muốn nhận một viên đạn của du kích! Bọn lính của anh ta tiêu phí thời gian, tiêu phí tâm lực và cuộc đời bằng rượu và con bạc đỏ đen... Lúc nghe anh ta kể, tôi nghĩ, người lính con cưng của một chế độ bị đày đọa đến thế là cùng! Hoàn cảnh như tôi, hay bất cứ ai, cũng phải tìm một lối thoát. Chết là một lối thoát cuối cùng! Mỗi ngày, sau khi uống một vài chén rượu, anh ta thoát ra khỏi cửa đồn, đến với dân xóm. Theo anh ta kể, anh ta đi không có bảo vệ, cũng không mang súng. Bị

bắn cũng được, bị bắt làm tù binh của đối phương, đối với anh ta, đó cũng là một lối thoát. Gặp anh ta, người ta không hỏi, cũng không chào. Anh ta cảm thấy mình xa lạ với con người đến nỗi có lúc phải tự nghĩ: mình là quỷ dương thật chẳng? Nhưng may. Có một cô gái! Một cô gái dong dài, cũng âm thầm như những người khác, vẻ xanh xao với đôi mắt mở to. Đôi mắt ấy nhìn anh ta đăm đăm, nhìn với vẻ xót thương. Giọng thỏ thẻ thì thầm như giọng nói trong một giấc mơ, cô ấy hỏi thăm quê quán và cuộc đời lính của anh ta. Gần một năm trời ngoài những tiếng thô lỗ cộc cằn của bọn lính, lần đầu tiên anh ta mới nghe lại tiếng nói của con người, tiếng nói của một người con gái! Đêm trong đồn, trong tiếng gió núi thổi hun hút, đôi mắt mở to ấy lại hiện ra và tiếng nói thỏ thẻ thì thầm ấy lại vẳng đến tai anh ta, khiến anh ta trần trở, không yên! Từ đó, anh ta không thể vẳng được vẻ mặt xanh xao với đôi mắt mở to ấy.

Ngày nào anh ta cũng lần xuống xóm. Theo anh ta, anh ta tự ví mình như một kẻ lạc đường trong đêm tối đang lần về một tia sáng. Dù là một tia sáng nhỏ lập lờ, nhưng đó là tia sáng trong đêm tối. Anh ta cảm thấy mình có gượng sống được là nhờ tia sáng ấy.

Anh ta gửi cho cô gái một lá thư, than thở về cuộc đời lính của mình. Buổi chiều sau đó mấy hôm, sau khi chia tay với cô gái dưới sườn núi, cô gái đặt vào tay anh ta một phong thư.

Về đồn, ngồi một mình, anh ta thận trọng như lần đầu nhận được thư của người con gái, anh ta xúc động, anh ta hồi hộp. Phong thư mở ra, và anh ta sửng người. Trong phong thư, không phải là thư phúc đáp lời tỏ tình của anh ta, phong thư là một lá truyền đơn bằng ba ngón tay in hai hàng chữ đậm: “Hỡi anh em binh sĩ nguy quyền! Hãy trở về với nhân dân! Hãy trở về với Tổ quốc!”.

Anh ta tưởng, sau khi trao lá truyền đơn ấy, cô gái sẽ lánh mặt. Anh ta sợ mất tia sáng nhỏ trong cuộc đời tăm tối của mình. Không nghĩ gì,

cũng không sợ gì nữa, anh ta đâm đầu trở lại xóm. Cô gái vẫn còn đó, vẫn ngồi trên cái chõng như mỗi khi anh ta đến chơi. Và vẫn đôi mắt mở to ấy nhìn anh ta, nồng cháy hơn, vẫn cái giọng thủ thỉ ấy lại nhỏ nhẹ, êm ái hơn và cứng rắn hơn. Rồi sau đó hai hôm, bất thành linh anh được lệnh chuyển về Sài Gòn. Theo lời nhờ gởi của anh ta trước đó, một số bạn bè còn ít nhiều vai vế trong bộ tham mưu vận động cho anh ta. Anh ta chuyển đi trong cái lúc mà anh không ngờ tới.

- Sau khi biết cô gái ấy là người của Giải phóng thì tâm trạng của anh ta thế nào? - Tôi hỏi.

- Trong lúc kể, anh ta tránh nói đến tâm trạng của mình. Mà tôi cũng không hỏi, nhưng tôi hiểu, rõ ràng là anh ta đã yêu cô gái ấy. Anh ta kể, ngồi trên trục thẳng, nhìn lại cái xóm nhỏ dưới chân núi, anh ta vẫn còn thấy lại vẻ mặt xanh xao với đôi mắt mở to ấy. Theo anh ta nói, anh ta vừa đau khổ, vừa mừng rỡ vì đã thoát khỏi cái ánh sáng chập chờn trong vòng vây của đêm tối! Theo như anh nói, phải lấy đàn bà trị cái bệnh đàn bà! Về đến Sài Gòn, anh ta đi lấy vợ, vợ của anh ta bây giờ đó. Nhờ bạn bè giúp đỡ, và nhân chuyện “Việt Nam hóa chiến tranh”, anh ta được cất nhắc lên chức đại úy.

- Và bây giờ anh ta muốn lập công? - Tôi hỏi.

- Đúng vậy! Theo anh ta nói, anh ta đang muốn lập lại cuộc đời.

Anh ta đã phản bội lại người con gái đã dang tay cứu lấy cuộc đời của anh ta, và bây giờ anh ta đang lập lại cuộc đời bằng con đường gây tội ác. Nhưng anh ta đã lầm! Lầm! Tôi lại chợt nhớ đến nội dung lá thư của anh ta gởi cho Sơn. Ngay trong lá thư ấy, anh ta cũng lầm, đang lầm! Chiến sự xảy ra đêm qua ở một chi khu thuộc tỉnh Định Tường nhất định không phải là mặt trận chính, đây, tại làng Mỹ Hương này. Hôm tôi đi, bộ đội đã lần lượt kéo về, đang ém quân - Và đội nữ pháo thủ của Mai cũng về rồi! Nơi nào có pháo, nơi đó là mặt trận chính! Tôi nghĩ, mọi sự chuẩn bị của chúng tôi, đây mới là mặt trận chính. Còn đó chỉ là một trận đánh nghi binh mà thôi! Tôi

quật ngược lại nhận định của anh ta.

Ý nghĩ ấy như đốt cháy trong người. Tôi ngồi trước ngọn gió mát của con sông mà người lại nóng ran như ngồi bên bếp lửa.

CHƯƠNG 32

Buổi chiều trong công sự chỉ huy, qua tin tức của con đầm già rề rề lượn đi lượn lại trên cánh đồng, qua những cuộc hành quân thăm dò, qua tin tức của đơn vị thám báo, qua tình hình chiến sự đã xảy ra, đại úy Long khẳng định: mặt trận ở đây là mặt trận nghi binh của đối phương. Theo cách nói của hấn, khi hấn nói với kẻ chung quanh: “Ở đây, họ định thừa nước đục thả câu, chẳng có gì!”. Tin vào sự nhận định của mình, hấn ngả người ra ghế, thờ khoan khoái. Sau khi cạo râu xong, hấn cởi bộ đồ da cộp, gói cuộn lại, ném cho tên lính bảo vệ ra lệnh một tiếng gọn lỏn:

- Giặt!

Thay bộ quần áo dân sự, quần xám áo sơ mi trắng, bước ra khỏi công sự, hấn khoát tay:

- Tự do!

Bọn lính đứng chung quanh hấn, có đứa nhảy cẫng lên. Bằng cử chỉ ấy của hấn, binh sĩ được lệnh trở lại sinh hoạt bình thường. Các quán rượu trong chợ lại đầy lính. Sòng bạc với những con bài kéo bọn lính bu lại từng nhóm, vòng ngoài vòng trong.

Còn hấn, hấn trở về nhà với vợ con. Trước khi bước chân lên xe, hấn ra lệnh bắn một chùm pháo vào xóm trong cho vui tai!

Hấn trở về đúng hẹn! Sau này, theo cách nói của nhà báo Trần Hoài Sơn, đó là sự sai lầm may mắn của hấn. Xe đỗ vào sân, hai ngọn đèn rực lóa lên trong tiếng máy rú to trước khi tắt.

Trước đó không mấy phút, thằng Minh đã bị bắt! Sau một tuần bị chôn chân trong đồn bót, nó tắm rửa, chải đầu bằng sáp thơm, bôi nước hoa lên cổ áo, cổ tay, quẹt nước hoa lên lông mày; như ngựa quen đường cũ, nó

lên xe chạy thẳng đến xóm Đình. Không như người ta, đi vào xóm nó không xuống xe, vẫn ngồi trên xe, mở đèn nổ máy nhỏ chạy trên con đường nhỏ hẹp theo hàng rào bông bụt, vào cổng, chạy qua sân nhà của Mười. Nó cố ý cho bánh xe đung vào chân bàn đặt dưới cây vú sữa trước khi tắt máy.

Cũng như mọi người, mọi đêm nó đến chơi, Mười với Sườn và Bồn ra tiếp đón và quây quần xung quanh nó. Nhưng đêm ấy, trong con mắt của thằng Minh, Mười có vẻ khác.

Với Mười không phải lúc nào cô cũng được gặp người yêu, nhưng từ cái đêm gặp lại Phải, lúc nào cô cũng chải chuốt, lúc nào cũng làm đẹp để đợi anh! Cô mặc chiếc áo bà ba vải nin phờ răng trắng có viền đăng ten, cổ đeo sợi dây chuyền vàng, mặt dây chuyền hình trái tim nhỏ, cấn hạt đá, treo tong teng trên giữa ngực. Cô không đánh phấn nhưng đôi má lúc nào cũng ửng hồng.

Thằng Minh đặt chai rượu xuống bàn, qua ánh sáng của ngọn đèn dầu, hắn nhìn cô không chớp mắt. Lòng hắn thấy nôn nao thêm khát. Hắn thổi tắt ngọn đèn:

- Đêm nay có trăng, đèn đuốc làm gì!

Hắn đưa tay vòng qua phía dưới bàn, bấm vào vú thằng Sườn, ý muốn bảo Sườn và Bồn nên kiếm cơ lẻ đi. Cái bấm ấy khẽ thôi, nhưng Sườn lại nhồm lên. Hắn rót rượu ra bốn ly. Nhưng hắn chưa kịp uống thì Châu đã đứng sát bên lưng hắn. Nghe có hơi thở của người đứng sau lưng mình, hắn vừa quay lại thì bàn tay của Châu đã siết lấy cổ hắn. Hắn giãy nhưng hai tay đã bị bẻ ngoặt ra sau. Và cái mồm hôi thối chứa những lời trơ trẽn của hắn bị đầy giẻ. Hắn bị lôi ra vườn.

Từ trong bóng cây vú sữa, tổ du kích của Châu và tổ du kích mật của Mười tiến lại nhà thằng Long. Trận đánh đang bắt đầu, nhưng trong con mắt của thằng Long, vùng bình định và xóm Đình của hắn vẫn yên tĩnh. Đêm ấy, đêm trăng non thượng tuần tháng cuối năm. Một đêm mờ ảo, đầy gió và

dòng sông găm thét.

Trong xóm Đình, có người lặn cỏi ra sân, và trai gái thi nhau giã bánh phồng. Thằng Long bước xuống xe trong tiếng chày gỗ nhịp một cách yên bình đang chuyển đi khắp xóm.

Theo sau hắn là hai tên lính bảo vệ, cứng đờ trong bộ quân phục màu da cạp bó sát người, đầu đội mũ sắt, mặt lầm lì, hai họng súng chĩa về phía trước. Hai tên lính dừng lại dưới chân cầu thang, như hai con cạp đứng thẳng lưng.

Còn hắn, hắn bước lên cầu thang.

- Con đâu? - Đó là câu hắn hỏi vợ. Vợ hắn, người đàn bà nhỏ nhắn trong bộ quần áo lụa mỏng màu hột gà đang đứng trực trên sàn nhà, đáp lại:

- Con đang nằm trong buồng, con đang sốt!

- Má em đâu?

- Má em đi chơi ở nhà bà Chín.

Tầm thước và gọn gàng, hắn tỏ ra là người đang mãn nguyện vừa làm xong nhiệm vụ.

- Cho đến hôm nay tôi mới thở được! - Giọng kiêu căng, hắn vừa nói vừa đưa tay, bước đến nhà báo Trần Hoài Sơn. Hắn bắt tay, lắc mạnh và nhìn khách lạ với vẻ mặt niềm nở.

- Đây là bạn đồng nghiệp của tôi, tôi rủ về chơi!

- Hân hạnh!

Hắn tiếp khách lạ trong thái độ của người chủ đang sung sướng. Hắn nhìn lên bàn ăn đã dọn sẵn:

- Hai bạn đợi tôi có lâu không?

Hắn hỏi mà không đợi trả lời. Hắn đưa một bàn tay hạ xuống, bảo khách ngồi:

- Xin lỗi, chờ tôi một chút!

Hắn bước vào gian nhà trong, vợ hắn bước theo sau. Hắn trở ra với

đưa con bế trên tay. Bé Giang con của hấn đã gần một tuổi. Một đứa bé khỏe mạnh kháu khỉnh và hiếu động. Mới chập chững và bập bẹ được tiếng bà với tiếng ba. Nó không bao giờ chịu ngồi yên. Nhưng đêm nay, đầu răng bị sốt, nó nằm thiêm thiếp. Long cúi nhìn con - lòng của một người cha của đứa con trai đầu, không thể không bối rối. Hấn bế con trên hai tay, vè vụng vè, đứng giữa nhà... ru con, hấn hát:

*- Đại bác đêm đêm dội về thành phố[2]
Người phu quét đường dừng chổi đứng nghe.*

...

*Hàng vạn tấn bom trút xuống ruộng đồng
Hàng vạn tấn bom trút xuống đầu làng...*

Giọng hấn trầm nghe như lời kể lẽ...

Bữa ăn tối của ba người ở ba vị trí khác nhau, theo Trần Hoài Sơn là một bữa ăn lý thú không kịp xảy ra, và bài hát mà hấn đang hát để ru con chưa dứt thì tổ phòng vệ dân sự của Mười đã bước vào sân. Theo sau tổ phòng vệ dân sự là cô gái trong dáng dấp Út Sương, chiếc khăn rằn che kín mặt. Mười với chiếc áo bà ba nin phờ rảnh trắng viền đăng ten, súng khoác vai. Sườn với Bồn đi hai bên, dưới ánh trăng non, cô đi thẳng đến cầu thang.

- Ai như cô Mười vậy? - Một tên lính hỏi, giọng lẳng lơ.

- Trời sáng trăng vậy mà không nhận ra sao? - Giọng của cô gái đáp lại vừa nhão vừa kéo dài.

Tổ phòng vệ dân sự bước dần tới, và phía sau, dưới sàn nhà, tổ du kích của Châu có Lâm với Dũng tràn tới.

Nghe có tiếng ịch đui dưới cầu thang. Long dừng tiếng hát, hỏi vọng xuống:

- Cái gì đó?

Dưới sàn nhà, không có tiếng trả lời. Nhưng có linh cảm, hấn quay mắt vào trong, muốn trao con lại cho vợ, không tìm thấy vợ, hấn nhìn đảo dác! Vừa lúc đó, Sáu Linh trong dáng dấp của Út Sương, áo bà ba màu hột é, chiếc khăn rằn choàng kín mặt, vượt lên cầu thang.

- Cô Út đi đâu đó? - Hấn hỏi với giọng bức bối không bình tĩnh.

Cô Út mà hấn hỏi, tràn tới như một ngọn gió! Cô đứng trước mặt hấn, đưa tay kéo chiếc khăn trượt xuống ót. Mặt đối mặt với kẻ thù. Chợt nhìn thấy họng súng chĩa về phía mình, hấn “a” lên một tiếng, miệng há hốc!

- Đứng im!

Không thể hiểu nổi giây phút đó, hấn nghĩ gì. Chỉ thấy hấn ôm đứa con sát vào người, khiến đứa bé giật mình, thét lên. Có lẽ tiếng thét của đứa con càng khiến cho con hấn thêm bối rối.

- Long! Đêm nay là đêm đèn tội của mày! - Lòng căm thù của dân làng dồn nén trong giọng nói của Sáu. Tôi tưởng họng súng trong tay Sáu sẽ nổ, và tên ác ôn sẽ gục xuống mà tay vẫn còn ôm con. Nhưng việc lại xảy ra khác với ý nghĩ của tôi.

Cùng trong lúc ấy, tổ du kích của Mười từ dưới cầu thang tràn lên. Mười, Sườn với Bốn, ba họng súng dài như ba ngọn gươm đưa sát vào người hấn. Có lẽ, đến lúc đó, hấn mới hiểu ra. Ánh sáng của ngọn đèn nê ông (riêng nhà của hấn mới có) mặt hấn tái nhợt với vẻ sẵn sàng nhận lấy cái chết! Vì đứa con đang bế trên tay, hấn không thể chống trả nhưng cũng không tỏ ra hèn hạ đến run rẩy hay cuống cuồng! Hấn bế con dựng lên, áp mặt con sát vào mặt mình.

- Cô Sáu! - Hấn đã nhận ra người con gái đang đứng trước mặt mình là Sáu Linh - Tôi hiểu rồi! Cô cho tôi xin một điều. Trừ tội, tôi xin cô đưa tôi ra sau vườn. Con tôi đang bệnh. Xin cô đừng nổ súng trước mặt con tôi.

Trước lời van xin ấy, họng súng trong tay Sáu Linh hạ xuống:

- Tao tha chết cho mày, nhưng mày phải chuộc tội.

Đứa bé trên tay hắn giãy giụa, thét to. Hắn ôm con vụng về bối rối, loay hoay.

Mười xuống đạn, khoác súng qua vai, bế lấy đứa bé trên tay hắn. Mười trao đứa bé cho vợ hắn đang đứng chết đĩnh ở cửa buồng.

Sau đó một việc xảy ra, hầu như không có ý nghĩa gì, nhưng tôi vẫn cứ nhớ mãi. Sáu Linh và đội du kích mật của cô đưa thằng Long xuống nhà, dẫn ra sau vườn rồi, mà nhà báo Trần Hoài Sơn vẫn còn bàng hoàng trong tư thế đứng nghiêm như một người lính. Ngơ ngác với gian nhà trống lạnh dưới ánh sáng trắng của ánh đèn, anh hỏi tôi:

- Chuyện gì vậy, anh Thắng?

- Thằng Long bị du kích bắt đi rồi.

- Vậy sao?

Anh vẫn chưa tin.

- Cô kia là phòng vệ dân sự!

- Du kích của mình.

- Vậy sao? Tôi tưởng là vùng hẻo lánh này đang có một cuộc đảo chánh.

Việc trừng trị bọn ác ôn ngay trong vùng chiếm đóng xảy ra như vậy là một chuyện thường. Nhưng đây là lần đầu, anh chứng kiến. Nghe tôi nói, anh thở phào như vừa tỉnh dậy sau một giấc mơ.

Từ vọng gác dưới lùm cây xoài, Năm Bờ nhận ra ánh đèn đỏ từ cây đèn năm pin trong tay của Sáu Linh phát ra. Anh ra lệnh tiến quân. Và anh ra lệnh theo cách của anh - người chỉ huy du kích, anh kêu to:

- Đợ ơi! Mai ơi! Các đồng chí ơi! Nó chết rồi. Mau lên đi.

Những người mà anh kêu đều đứng bên cạnh anh, chẳng đâu xa.

Một trận đánh như một cuộc chiến tranh được thu nhỏ lại. Người chỉ huy dù là một thiên tài cũng không thể lường hết mọi tình huống, thuận

lợi hay khó khăn sẽ xảy ra. Trận đánh chiếm lại làng lần này đã được chuẩn bị xong, nhưng phải chờ lệnh nổ súng, vì còn phải đợi một đơn vị chủ công. Và đơn vị ấy đang trên đường hành quân. Nhưng một tình huống đang xảy tới. Khi được tin thằng Long có thể trở về, anh rời khỏi nhà ông Sáu Dương từ lúc trời vừa nhọ mặt người. Anh gặp Sáu Linh ngay trong khu vườn sau hè nhà của Mười. Mười và tổ du kích mật của cô canh gác cho cuộc họp ngắn ngủi giữa hai người. Sau đó, một mình anh, anh tắt qua cánh đồng về vọng gác dưới lùm xoài, triệu tập hội nghị đề ra phương án tác chiến, chờ đợi và nắm lấy thời cơ. Thời cơ ấy đã được báo hiệu bằng ánh đỏ của Sáu Linh.

Đội pháo của Mai đã ngồi sẵn dưới đoàn xuồng chờ lệnh. Xuồng đi đầu gắn chiếc máy đuôi tôm, vòng theo bốn chiếc. Xuồng đi đầu nổ máy.

Chiến sĩ và du kích như dậy lên từ dưới mặt đất.

Tổ du kích mật của Mười, của Đoàn cô chủ tiệm, bắt đầu xuất phát từ xóm Đình. Theo lệnh của Sáu Linh, vì cần phải bảo vệ nhà báo Trần Hoài Sơn nên tôi với anh đi ngược lại con đường tiến quân.

Tôi với anh dừng lại trước một cây cầu khi đợi để một đoàn quân tiến ra.

- Út Trâm đâu?

- Dạ, em đây!

- Cứ dẫn mấy anh đi thẳng qua bầy vịt, nó kêu kẹ nó! Tôi nhận ra tiếng Út Đợ. Bầy vịt đối với anh không còn một trở ngại nữa. Dưới ánh trăng non, tôi nhận ra anh đang đứng trước đầu cầu đưa tay đỡ lấy từng chiến sĩ.

- Khỏi! - Tiếng của một chiến sĩ đã quen đi cầu khi nói với anh. Rảnh tay, nhìn lại, anh nhận ra tôi:

- Anh Thắng hả?

- Tôi!

Anh xô tới, ôm chầm lấy tôi, miệng anh kề sát vào tai tôi:

- Trận này anh có công lớn lắm!
- Công gì?
- Anh báo tin thằng Long thật kịp thời, nhưng anh giấu tôi.
- Giấu gì đâu?
- Anh gặp chị Mai chưa?
- Làm sao gặp được?
- Tụi tôi biết hết rồi.
- Biết gì?
- Cái bông của anh gởi lại, bị một mảnh pháo, văng ra quyển nhật ký, con Bé Ba nó đọc.

- Thiệt sao?

Quyển nhật ký của tôi có nhiều trang, nhiều đoạn, nhiều ngày ghi lại tình cảm của tôi đối với Mai! Mỗi tình âm thầm vừa chớm nở, chưa thổ lộ với ai! Tôi giật mình hỏi lại. Anh nói:

- Con Bé Ba đưa chị Mai, chỉ đọc hết rồi!

- Trời đất!

- Tôi gặp chỉ, chỉ hỏi thăm gia đình anh, tôi kể cho chỉ nghe chuyện anh đi móc ông già.

- Thiệt hay chơi vậy Út Đợ?

- Thiệt!

- Cô có nói gì tôi không?

- Chỉ nói: tội nghiệp!

Nói vậy rồi anh quay lại cây cầu:

- Hết chưa các đồng chí?

- Hết! - Anh chiến sĩ cuối cùng qua khỏi cầu vừa đáp vừa xóc lại súng.

Út Đợ chụp lấy hai vai tôi, bóp mạnh:

- Tôi đi nhen! - Anh vụt chạy đi.

Chuyện mà Út Đợ nói với tôi lúc đó không có ý nghĩa gì đối với trận đánh và đang trên đường tiến quân, chuyện anh nói tưởng như lạc lõng nhưng tôi lại nhớ đến một lời: Khi người ta yêu nhau người ta thường hay hỏi nhau: “Sao em yêu anh”, “Sao anh yêu em” hay là “Anh yêu em từ lúc nào”... Mùa gió chướng năm sau trước khi tôi trở về Rờ, Mai tiễn tôi đến trạm giao liên. Đó là cái chòi hoang trên cánh đồng Tháp Mười. Một cái chòi nhỏ với hai cái mái bên bằng bên cong đã ngả màu như màu nắng. Nền chòi không đắp cao, cũng không đào sâu, bằng phẳng như mặt đất, được rải lên một lớp cỏ khô. Mái chòi được ngọn đưng ngả theo chiều gió phủ qua. Vách chòi là cọng rau muống bò theo mặt nước đã khô đi, rủ xuống lua tua. Trước cửa chòi là bãi rau muống đồng. Rau muống đồng đã quá mùa, nhưng lác đác hãy còn hoa. Ngồi trong chòi nhìn ra, chúng tôi như đang ngắm nhìn một vườn hoa tím. Đó là nơi chia tay của chúng tôi. Trong cái chòi hoang vắng ấy, trong câu chuyện giữa hai người, Mai hỏi tôi:

- Anh yêu em từ lúc nào?
- Từ lúc mới gặp.
- Sao vội vậy!?
- Còn em, sao em yêu anh?
- Nghe anh Út Đợ kể anh đi đón cha, em tội nghiệp!

... Nhưng lúc đó, tôi đâu có ngờ. Niềm vui chỉ rộn lên trong giây phút khi tôi nhìn theo bóng anh Út Đợ chạy vụt đi dưới ánh trăng.

Tôi cầm tay Trần Hoài Sơn dẫn qua cầu. Châu và tổ du kích của anh giải đại úy Long về vọng gác trước chúng tôi.

Tôi muốn chứng kiến cảnh thằng Long đứng trước mặt Năm Bờ, và cuộc đối thoại giữa hai người. Nhưng không kịp! Tôi với Trần Hoài Sơn vừa qua khỏi cầu thì gặp Lâm và Dũng chạy ngược lại. Tôi hỏi:

- Anh Năm đâu? Thằng Long đâu?
- Đang đi xuống bên.

- Lâm với Dũng bây giờ đi đâu?

- Anh Năm lệnh cho tụi tôi trở ra rước vợ con nó, đưa vô bệnh xá, cho nó yên tâm.

Lâm, Dũng bước lên cầu, chạy qua, cây cầu khỉ lắc rung lên. Lâm quay lại:

- Anh Thắng ơi!

- Oì!

- Anh Năm dặn tụi tôi, gặp anh, nói với anh đưa ông nhà báo vô chỗ ông bác sĩ.

- Chạy xuống bến đi Sơn! - Tôi nắm tay Sơn, kéo anh chạy theo.

Tôi với Trần Hoài Sơn xuống đến bến thì xuống đã nổ máy ra xa rồi. Tôi nhận ra Năm Bờ với bộ bà ba đen ngồi trước mũi, Long ngồi giữa, Châu ngồi sau. Người lái máy là ông Hai Cò. Dòng kinh trải dài dưới ánh trăng. Sóng ọc ạch vỗ vào bờ.

Trần Hoài Sơn không quên đi giày trên đường ruộng, anh mở giày, buộc lại, treo lên cổ. Cái máy ảnh đeo xệ một bên vai. Tay ôm chồng bản thảo. Hai chiếc giày nằm xuôi theo hai bên ngực. Anh nhìn theo chiếc xuống đang lao đi, anh tắc lưỡi:

- Tiếc quá... Không được gặp nó để nói với nó một câu!

- Nếu gặp nó thì Sơn nói với nó câu gì?

- Nếu gặp nó, chắc nó sẽ ngậy ra không nói được một lời. Qua sự im lặng kinh ngạc ấy, tôi hiểu nó muốn hỏi tôi: “Mày đó hả Sơn!”. Tôi sẽ nói với nó: “Long! Có gì lạ! Cuốn cùng rồi chỉ trừ một vài thằng, còn tất cả sẽ như tao với mày. Hoặc dân thân, hoặc đầu hàng!”.

Qua đêm sau, đài phương Tây loan tin: “Một vùng bình định kiểu mẫu thuộc vùng đồng bằng sông Cửu Long bị Việt cộng đánh úp”. Đài phương Tây mô tả: “Một nhân viên tình báo của Việt cộng đóng vai ký giả đã bắt cóc viên đại úy chỉ huy chi khu - Đại úy chỉ huy chi khu đã phát loa kêu

gọi binh sĩ buông súng đầu hàng trước khi nổ súng. Như rắn bị mất đầu, chi khu bị thất thủ nhanh chóng”.

Tin của đài phương Tây không có gì phải bình luận thêm.

Tôi, người ghi lại vài câu chuyện về một bên bờ sông Cửu Long qua một chuyến đi, trước khi kết thúc, tôi xin phép bạn đọc được nói thêm một điều cuối cùng.

Sáng hôm sau, vui với niềm vui làng được giải phóng, người ta tìm nhau để hỏi nhau việc làm của mình. Qua chuyện của nhau, ai thấy mình cũng có công. Có người chỉ cầm cái cây củi đánh cái thùng thiếc, kể lại cho người khác nghe, cũng thấy sướng. Công ấy tuy nhỏ nhưng không thể thiếu. Có một người hỏi bà Chín:

- Chị Chín ơi! Đêm qua chị làm gì ở đâu?

Bà Chín đáp:

- Tôi nghe súng tôi sợ quá! Tôi lôi con Út xuống nương, lạnh muốn chết.

- Chị nhát quá!

Người ta chê bà với tấm lòng rộng lượng, đang vui. Một cái công nhỏ nhất là đánh thùng thiếc để hỗ trợ cho anh em bà cũng không làm nổi!

Ba hôm sau, quân địch trở lại với một sư đoàn thủy quân lục chiến, một bầy trực thăng, năm chiếc tàu chiến với nhiều khẩu pháo. Chúng đóng lại bót. Tên chỉ huy chi khu là một tên cấp tá. Thay cho thằng cảnh sát Bá là tên an ninh tỉnh, gốc là dân di cư. Thay cho thằng đại diện Phiến là một tên chiêu hồi rút ra từ một đoàn “bình định” gốc là người làng. Trong con mắt của bọn đó, trong con mắt của dân xóm, dân làng, bà vẫn là bà mụ vườn. Bà vẫn đi đỡ đẻ. Bà đi đỡ đẻ cho người ở xóm ngoài, đi đỡ đẻ cho người ở xóm trong.

Bà đi trước, đưa con gái út của bà đi theo sau. Và Út Sương vẫn là Út điếc với chiếc khăn rằn trùm kín mặt...

20-4-1975

NGUYỄN QUANG SÁNG - MẤY NÉT TIỂU SỬ VÀ TÁC PHẨM

Nguyễn Quang Sáng có bút danh Nguyễn Sáng, ông sinh ngày 12-1-1932, nguyên quán tại xã Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang; hiện đang sinh sống và làm việc tại thành phố Hồ Chí Minh.

Tháng 4 năm 1946, Nguyễn Quang Sáng xung phong đi bộ đội làm liên lạc viên cho đơn vị Liên Chi 2. Năm 1948, ông được đơn vị cho đi học thêm văn hóa ở trường trung học kháng chiến Nguyễn Văn Tố. Năm 1950, ông về công tác tại phòng chính trị Bộ Tư lệnh phân khu miền Tây Nam Bộ. Rồi làm cán bộ chuyên nghiên cứu tôn giáo, chủ yếu là Phật giáo và Hòa Hảo.

Năm 1955, Nguyễn Quang Sáng theo đơn vị tập kết ra Bắc, rồi chuyển ngành về làm cán bộ phòng Văn nghệ Đài phát thanh Tiếng nói Việt Nam. Năm 1957, ông trở thành Hội viên Hội Nhà văn Việt Nam và cho ra đời truyện ngắn *Con chim vàng*. Từ năm 1958, ông về công tác ở Hội Nhà văn Việt Nam, làm biên tập viên Tuần báo *Văn nghệ*, biên tập nhà xuất bản, cán bộ sáng tác; và cho ra đời truyện ngắn *Người quê hương*. Ông nhận Giải thưởng văn học trong cuộc thi viết truyện ngắn báo *Thống nhất* cho tác phẩm *Ông Năm Hạng*, nhận Giải thưởng cuộc thi truyện ngắn tạp chí Văn nghệ Quân đội cho tác phẩm *Tư Quấn* vào năm 1959. Năm 1962, ông xuất bản tiểu thuyết *Người ở lại*; và năm 1963: tiểu thuyết *Đất lửa*. Năm 1966, ông vào chiến trường miền Nam, làm cán bộ sáng tác của Hội Văn nghệ Giải phóng và cho xuất bản truyện vừa *Câu chuyện bên trận địa pháo*. Năm 1968, ông cho xuất bản truyện ngắn *Chiếc lược ngà*; năm 1969 cho xuất bản truyện ngắn *Bông cẩm thạch*. Năm 1972, Nguyễn Quang Sáng ra Hà Nội và tiếp tục

công tác ở Hội Nhà văn. Năm 1975, ông cho xuất bản truyện vừa *Cái áo trắng hình rom*, tiểu thuyết *Mùa gió chướng*.

Sau ngày giải phóng miền Nam, Nguyễn Quang Sáng trở lại thành phố Hồ Chí Minh, giữ chức vụ Tổng thư ký Hội Nhà văn thành phố Hồ Chí Minh các khóa 1, 2, 3. Ông cho xuất bản truyện ngắn *Người con đi xa*, kịch bản phim *Mùa gió chướng* vào năm 1977 - được nhận Huy chương bạc Liên hoan phim toàn quốc năm 1980; kịch bản phim *Cánh đồng hoang* vào năm 1978 - được nhận Huy chương vàng Liên hoan phim toàn quốc năm 1980; Huy chương vàng Liên hoan phim Matxcova năm 1981; truyện ngắn *Bàn thờ tổ của một cô đào*, tiểu thuyết *Dòng sông thơ ấu* vào năm 1985 và cùng năm, được nhận giải thưởng Hội đồng văn học thiếu nhi Hội Nhà văn cho tiểu thuyết này; kịch bản phim *Mùa nước nổi* vào năm 1986; truyện ngắn *Tôi thích làm vua*, kịch bản phim *Dòng sông hát*, *Câu nói đầu tiên* vào năm 1988; 25 truyện ngắn vào năm 1990; truyện ngắn *Con mèo Fujita* vào năm 1991 - nhận giải thưởng Hội Nhà văn Việt Nam năm 1993; kịch bản phim *Thời thơ ấu*, *Giữa dòng*, *Như một huyền thoại* vào năm 1995. Năm 1996, ông cho xuất bản tập I, II và năm 2000 tập III “Tuyển tập Nguyễn Quang Sáng”.

Năm 2000, ông được tặng Giải thưởng Hồ Chí Minh về Văn học Nghệ thuật cho các tác phẩm: *Cánh đồng hoang*, *Mùa gió chướng*, *Chiếc lược ngà*, *Đất lửa*.

TÁC PHẨM CHÍNH

- *Con chim vàng* (NXB. Kim Đồng, 1957);
- *Người quê hương* (NXB. Văn học, 1960);
- *Đất lửa* (NXB. Văn học, 1963);
- *Câu chuyện bên trận địa pháo* (NXB. Văn học, 1966);
- *Người con đi xa* (NXB. Tác phẩm mới, 1977);

- *Cánh đồng hoang* (Kịch bản phim, NXB. Văn nghệ TP Hồ Chí Minh, 1981);
- *Chiếc lược ngà* (NXB. Văn học, 1962);
- *Dòng sông thơ ấu* (NXB. Kim Đồng, 1985);
- *Mùa nước nổi* (Truyện phim, Sở VHTT Đồng Tháp, 1985);
- *Truyện ngắn chọn lọc* (NXB. Hội Nhà văn, 1996);
- *Tuyển tập Nguyễn Quang Sáng, tập I, II* (NXB. Văn học, 1996);
- *Con mèo Fujita* (NXB. Hội Nhà văn, 1990),
- *Mùa gió chướng* (NXB. Văn nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, 1999);
- *Tuyển tập Nguyễn Quang Sáng, tập III* (NXB. Văn học, 2000);
- *Nó và tôi* (NXB. Kim Đồng, 2002),
- *Tạo hóa dưới trần gian* (NXB. Trẻ, 2003).

Chia sẻ ebook : <http://downloadsach.com/>

Follow us on Facebook : <https://www.facebook.com/caphebuoitoi>

[1] *Qui* (Tiếng Pháp): Ừ, *Bon* (Tiếng Pháp): Tốt, *Non* (Tiếng Pháp): Không.

[2] Bài hát “Đại bác ru đêm” của Trịnh Công Sơn.